

TRƯỜNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC

NHỮNG LỜI GỐC
PHẬT DẠY

TẬP IV



*Mọi người đều sống êm ái, an vui, hạnh phúc
vì biết thương yêu và tha thứ!*



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Trường Lão
Thích Thông Lạc

NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY - TẬP IV

2011

VĂN HÓA PHẬT GIÁO
NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY
★★★★

Sách này chỉ kính biếu, không bán!

Quý phật tử hay bạn đọc nào có nhu cầu thỉnh sách, xin vui lòng liên hệ ban kinh sách của TU VIỆN CHƠN NHƯ:

ĐT: 066.3892911 (Tu viện Chơn Như)

0988094445 (Hà Nội)

Email: chonnhu.info@gmail.com

TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC



NHỮNG LỜI GỐC
PHẬT DẠY

TẬP IV

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TƯỢNG PHẬT THÍCH CA MÂU NI



Tượng đồng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang tọa thiền xả tâm, xin các bạn lưu ý hai cánh tay đang thực hiện pháp Thân Hành Niệm một cách tuyệt vời.

Lời nói đầu

Bộ sách “Văn Hóa Phật Giáo Những Lời Phật Dạy” từ tập 1, 2, 3 đã tạm đủ các pháp hành từ thấp đến cao, nhưng khi tu tập mỗi pháp còn tùy theo đặc tướng của các bạn, nếu đặc tướng của các bạn hợp với pháp nào thì ôm ngay pháp đó mà tu tập cho đến khi giải thoát hoàn toàn.

Hôm nay “Lời Phật Dạy” tập 4 ra đời là để cùng các bạn hiểu biết rõ ràng

những danh từ, những ý nghĩa trong những bài kinh Phật thuyết thuộc kinh Nguyên thủy mà những người tu tập chưa chứng đạo, cứ dựa vào tưởng giải của mình, của những học giả xưa, rồi luận ra lý này lẽ kia, thành hiểu sai ý Phật, biến giáo pháp chân chánh của Phật thành giáo pháp ảo tưởng của ngoại đạo Bà La Môn, khiến cho người đời sau tu hành chẳng lý dục lý ác pháp, nên giới luật đức hạnh của bậc chân tu không còn nữa.

Trong tập 4 này chúng tôi chọn một số các bài kinh mà đức Phật đã chỉ dạy như: kinh Tam minh, kinh Niết bàn, kinh Tiểu không, kinh Đại không, kinh Canki v.v.. mà một số hệ phái đã hiểu sai nghĩa. Nên buộc lòng chúng tôi phải chú giải một cách tường tận làm sáng nghĩa giáo pháp thực hành và

đạo đức của Phật giáo để các nhà học giả không còn tưởng giải sai lệch khiến cho giáo pháp của đức Phật mâu thuẫn lại lời dạy của đức Phật.

Sự hiểu lầm Chánh pháp của Phật đã có hơn 2000 năm từ khi đức Phật nhập Niết Bàn. Những sự hiểu lầm này khiến cho con đường chánh pháp của đạo Phật nhiều lúc bị lu mờ.

Do sự tu hành của các tu sĩ đời sau không đúng Chánh Pháp, chưa đạt kết quả đến nơi đến chốn, cho nên cứ dựa trên chữ nghĩa mà giải bằng tưởng trí thì làm sao hiểu đúng nghĩa chánh pháp để hành trì cho được! Phải không các bạn? Phật pháp không khó hiểu nhưng vì không có người tu hành chứng đạo khai thị nên người ta hiểu

sai nghĩa. Hiểu sai nghĩa nên rất khó tu. Vì hiểu sai nghĩa nên người ta nghĩ rằng Phật giáo là tôn giáo có thần thông pháp thuật cao siêu, chứ người ta đâu biết rằng Phật giáo chỉ ở chỗ tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ; Phật giáo chỉ ở chỗ sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai; Phật giáo chỉ ở chỗ thiện pháp, vô lậu tâm thanh thân, an lạc và vô sự. Những trạng thái tâm này là tâm buông xả ly dục ly ác pháp, là tâm không phóng dật.

Người tu hành chỉ có nhất tâm quyết buông xả tất cả các ác pháp thì các bạn đã thành tựu viên mãn ngay liền tức khắc, chứ đâu phải tu tập khó khăn mệt nhọc.

Có người bảo rằng: tu tập phải có đạo lực để làm chủ sanh tử và chấm dứt luân hồi. Phải nhập được Bốn thiên, phải có Tam Minh, phải có Niết bàn, phải có cõi Cực Lạc, phải có Phật tánh, phải biết ngày giờ chết, sống chết phải tự tại v.v.. Nghĩ như vậy các bạn đã đi lạc đề, đối với Phật giáo các bạn không nên nghĩ như vậy.

Nghĩ như vậy vô tình các bạn biến Phật giáo thành một tôn giáo thần thông; nghĩ như vậy vô tình các bạn biến Phật giáo thành một tôn giáo để làm gạch nối giữa con người và thế giới siêu hình; nghĩ như vậy vô tình các bạn biến Phật giáo thành một bản thể thường hằng vĩ đại của vạn hữu; nghĩ như vậy nên vô tình các bạn đưa ra những lý luận, những triết lý cao siêu tuyệt đỉnh của trí tuệ như trí tuệ Bát Nhã

(Tánh không); nghĩ như vậy vỡ tình các bạn biến Phật giáo thành một tôn giáo mê tín v.v.. Do những sự nghĩ sai lệch ấy, biến Phật giáo thành một triết học vi diệu cao siêu để tranh luận hơn thua với các hệ phái khác, tôn giáo khác và cũng chính để lý luận đánh lừa mình và mọi người.

Kính thưa các bạn! Phật giáo không phải là tôn giáo; không phải là đảng phái chánh trị; không phải một đế quốc lợi dụng thần quyền cai trị thế giới. Phật giáo chỉ là một nền đạo đức nhân bản - nhân quả của loài người. Lời Phật dạy là những ngôn ngữ bình dân, giản dị, Phật chỉ có nhắc lại những gì của con người đã có sẵn, chứ không sáng tạo ra cái gì mới cả và cũng không bịa đặt, thêu dệt những chuyện ảo tưởng, hư cấu, và cũng không sử dụng quyền năng siêu việt

của bản thân mình để lừa đảo mọi người theo mình. Nếu hiểu Phật giáo theo cách cao siêu ảo tưởng thì sẽ sai nghĩa.

Khi tu tập ly dục ly ác pháp, tâm trở thành bất động trước các ác pháp và các cảm thọ thì tâm thanh tịnh hoàn toàn. Tâm thanh tịnh hoàn toàn thì tự có bảy năng lực Giác Chi xuất hiện. Bảy năng lực Giác Chi xuất hiện tức là Tứ Thần Túc. Khi có Tứ Thần Túc bấy giờ các bạn muốn sử dụng như thế nào tùy ý.

Kính thưa các bạn! Người tu sĩ Phật giáo không bao giờ thị hiện thần thông, chỉ thị hiện một đời sống đức hạnh giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà thôi.

Tập 4 Những Lời Phật Dạy chúng tôi cố gắng giải thích để các bạn hiểu đúng nghĩa của Lời Phật Dạy.

Trong khi chú giải nghĩa lý này chúng tôi đứng trên cương vị một người đã từng tu tập những lời Phật dạy đã làm chủ được 4 sự đau khổ: sanh, già, bệnh, chết mà chú thích chú không bị ảnh hưởng những kinh sách tương giải của các hệ phái khác.

Nếu ai bảo rằng chúng tôi chú thích sai thì hãy tu tập làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi thì mới luận bàn, còn nếu chưa làm chủ được T H Ầ N - T Ầ M - C Ầ N H còn bị trôi lăn trong lục đạo thì xin quý vị hãy nên lắng nghe để suy ngẫm.

Tóm lại, đạo Phật chỉ khơi lại nền đạo đức của loài người bằng chương trình giáo dục đào tạo ba cấp Giới, Định, Tuệ và tám lớp học Bát Chánh Đạo.

Tám lớp học này để đào tạo thành những người có đủ đức hạnh: Sống không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh. Tức là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ hay nói cách khác là “Tâm thanh tịnh, an lạc và vô sự”.

Cho nên, mục đích của Phật giáo là đạo đức nhân bản – nhân quả; là tâm bất động, chứ không phải đào tạo thành ông Thánh, ông Thần nào mà chỉ đào tạo con người thực là con người có đạo đức sống trong cảnh thế gian nhưng luôn được an lạc

hạnh phúc, chứ chẳng phải tu hành để cầu mong khi chết được sanh lên cõi Cực lạc hay Thiên đàng gì cả.

Kính thưa các bạn! Tập sách nhỏ này ra đời nhằm chỉnh đốn những điều xưa nay hiểu sai lầm về những lời dạy của Phật, để mọi người hiểu cho đúng nghĩa của Phật giáo mà không bị ảnh hưởng sai lệch làm mất đi ý nghĩa những lời nguyện thủy của đức Phật đã dạy.

Sau cùng, với tập sách nhỏ này chúng tôi ước mong nó sẽ mang lại sự lợi ích lớn cho quý vị trong cuộc sống hiện tại.

*Kính ghi
Thích Thông Lạc*

CHÁNH ĐẠO, TÀ ĐẠO

LỜI PHÁT DẠY

“Lành thay, Vàsettha những Bà La Môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú Phạm Thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm Thiên cho những ai thực hành theo. Thật không có sự kiện ấy”.

(Kinh Trường Bộ tập I, kinh Tevija trang 414)

CHÚ GIẢI:

Sự lầm lạc rất lớn trong tư tưởng của những kinh sách phát triển sau này là các học giả thường cho rằng tất cả các pháp môn đều là những phương tiện di chuyển, điều này rất sai. Trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: *“Những Ba La Môn đều chấp nhận giáo pháp của mình: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú*

với Phạm Thiên cho những ai thực hành theo". Hiện giờ, các nhà học giả tưởng giải cũng giống như các Bà La Môn ngày xưa, tin tưởng một cách mù quáng nơi pháp môn tu học của mình, trong khi họ chưa chọn được cho mình một vị Thầy chứng đạt chân lý, cứ dựa vào những kinh sách phát triển sau thời đức Phật, những kinh đó chỉ dạy sao thì họ tin như vậy, không chịu suy tư quán xét coi có đúng như thật hay không? Trong khi đức Phật dạy: **"Chớ có tin vào kinh tạng"**. Trước khi tin vào một pháp môn nào thì phải chọn cho mình một vị Thầy chứng đạt chân lý, nhờ vị thầy ấy khai thị cho mình giác ngộ chân lý. Giác ngộ được chân lý thì lòng tin của các bạn không còn mù quáng. Nếu các bạn chưa giác ngộ chân lý mà chỉ dựa vào những lời trong kinh sách phát triển sau này rồi dán nhãn mác của đức Phật lên các bạn tin tưởng, thì lòng tin của các bạn không phải là chánh tín. Trong khi đó đức Phật thường nhắc nhở các bạn: **"Chớ có tin vào kinh tạng"**.

Cho nên, các bạn muốn tu hành thì hãy cẩn thận tìm một vị Thầy sống đúng giới luật, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào trong giới luật, luôn thân cận tìm hiểu một vị Thầy

tâm đã diệt trừ tham pháp, sân pháp, si pháp. Chọn được một vị Thầy như vậy giúp đỡ các bạn sẽ giác ngộ được chân lí không có khó khăn, không có mệt nhọc. Giác ngộ được chân lí thì lòng tin của các bạn bấy giờ không còn là lòng tin mù quáng nữa các bạn ạ! Khi giác ngộ được chân lí là nhờ một vị Thầy đã chứng đạt chân lí khai thị, từ đó các bạn có thể mạnh dạn bảo rằng: **“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”**. Còn khi các bạn chưa tìm được một vị Thầy chứng đạt chân lí chỉ dạy thì các bạn đừng dựa vào kinh sách suông mà nói lời trên, đó là các bạn sai. Bởi vì các bạn chưa giác ngộ chân lí. Các bạn có nhớ mười điều không nên tin mà đức Phật đã nhắc nhở mọi người không? Khi đức Phật dạy: **“Chớ có tin vào kinh tạng”**. Vì tin vào kinh tạng là tin mù quáng các bạn ạ! Do tin mù quáng, nên mới bảo rằng: **“Các pháp môn là phương tiện di chuyển để đi đến một địa điểm cứu cánh nhất định”**.

Thưa các bạn! Chúng ta sinh ra từ nhân quả, cho nên con người của chúng ta là *con người của nhân quả*, con người của nhân quả là con người của tham, sân, si. Con người tham, sân, si là con người đau khổ. Vậy muốn thoát

ra mọi sự đau khổ này thì phải có phương pháp giáo dục đào tạo và uốn nắn làm cho con người nhân quả thiện, ác trở thành con người toàn thiện. Cho nên pháp của Phật dạy: **“Ngãn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp”**. Khi diệt hết ác pháp thì con người nhân quả thiện ác đã chuyển biến trở thành con người toàn thiện.

Kính thưa các bạn! Sự hiểu biết về những pháp môn giáo dục đào tạo con người của Phật giáo sống có đạo đức không làm khổ mình, khổ người mà các nhà học giả hiểu nó như là một *phương tiện để di chuyển* thì các bạn nghĩ sao? Có đúng không các bạn? Thật là một sự hiểu biết không đúng nghĩa, hiểu biết như vậy thật là quá sai lầm. Kinh sách Phật là một chân lí của loài người thì không thể nào là một *phương tiện di chuyển* được. Cho nên, các kinh sách phát triển sau này xác định những pháp môn tu tập và rèn luyện của Phật giáo như là *phương tiện di chuyển* như một *cỗ xe* thì điều đó chúng tôi không chấp nhận, đây là một sự sai lầm quá lớn trong giáo lý của Phật giáo phát triển (Bắc Tông).

Kính thưa các bạn! Giáo pháp tu hành của Phật giáo là giáo pháp dạy đạo đức làm Người,

làm Thánh, thì làm sao gọi là *phương tiện di chuyển như một chiếc xe* được. Phải không các bạn? Giáo pháp dạy những hành động đạo đức về thân, về khẩu, về ý, để làm người có đạo đức, để làm Thánh thoát khỏi kiếp luân hồi sanh tử. Giáo pháp ấy là những bài kinh giảng dạy học tập để cho mọi người thông hiểu những hành động đức hạnh (Giới hành, Giới hạnh, Giới đức) cao thượng và làm lợi ích rất lớn cho kiếp sống của loài người. Giáo pháp của Phật là một chân lí chân thật không có mơ hồ, hư ảo. Chân lí chân thật ấy là một sự thật của con người thì làm sao gọi giáo pháp đó là *phương tiện di chuyển* được!?

Nếu các bạn có hiểu biết đúng như vậy thì hằng ngày các bạn mới rèn luyện tu sửa những hành động thân, khẩu, ý sai quấy của mình để trở thành những hành động có đạo đức, nhờ hằng ngày tu sửa mới thấm nhuần để trở thành những thói quen đạo đức sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Bởi vì chúng ta là những con người còn đang sống trong vô minh, màn vô minh đã che phủ dày đặc, khiến cho sự hiểu biết của chúng ta rất mù mờ, không rõ ràng, thường lấy giả làm thật, lấy sai làm đúng, lấy khổ làm vui...

nên hằng ngày sống chung với mọi người thường có những hành động vô tình đã làm khổ người, khổ mình và khổ tất cả chúng sanh. Đó là những hành động thiếu đạo đức nhân bản – nhân quả. Cho nên, thường sống trong ác pháp, vì thế, phải chịu khổ vô cùng vô tận, từ đời này sang đời khác.

Vốn loài người chưa rõ đạo đức nhân bản – nhân quả, nhờ đức Phật tu hành chứng đạo, thấu rõ lí nhân quả, nên Ngài chỉ dạy đạo đức này cho con người, để họ tự chuyển hoá ác thành thiện, khổ thành vui.

Bài pháp đầu tiên của đức Phật, Ngài đã đưa ra bốn chân lí của loài người để xác định nhân quả ác pháp và thiện pháp. Xác định nhân quả ác pháp và thiện pháp tức là xác định sự thọ khổ và thọ vui của con người. Ngài còn chỉ rõ cho chúng ta biết: Con người sinh ra vốn là đau khổ, nên chân lí đầu tiên của Ngài chỉ thẳng cho loài người biết con người là một khối khổ (**Khổ Đế**). Nhưng cái khối khổ đó phải từ nguyên nhân nào sinh ra?

Cho nên, tiếp đến chân lí thứ hai đức Phật đã xác định và chỉ thẳng rõ ràng nguyên nhân sinh ra đau khổ là lòng ham muốn của mọi người (**Tập Đế**). Lòng ham muốn của mọi

người (**Tập Đé**) là nơi tập họp mọi sự đau khổ. Đó là một điều chắc chắn không còn ai phủ nhận được. Vì thế, nó mới được gọi là chân lí thứ hai của Phật giáo.

Tại sao chúng tôi thường hay nhắc đến bốn chân lí này rất nhiều lần?

Kính thưa các bạn! Chúng tôi nhắc đi nhắc lại nhiều lần những chân lí này là vì muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của nó mà những đệ tử của Phật không thể lằm lạc được. Bốn chân lí này rất quan trọng cho đời sống tu hành của các bạn. Cho nên, càng nhắc nhở nhiều thì các bạn càng lưu ý bốn chân lí này nhiều hơn. Nếu giáo pháp nào không có bốn chân lí này thì các bạn đừng tin, vì nó không phải là pháp môn cứu cánh giải quyết mọi sự khổ đau của các bạn.

Nguyên nhân sinh ra đau khổ chính là lòng dục, dục là gốc của các ác pháp, mà mỗi người ai ai cũng không thoát ra khỏi sự trói buộc của vòng tay nó. Nó thực hiện theo qui luật nhân quả, có thể nói con người là “*Thừa tự của nhân quả*” sinh ra từ nhân quả, ngoài nhân quả ra không có con người. Vì thế, thân tâm của con người thường hành động theo nhân quả. Như vậy, các bạn đã biết rõ thân tâm con

người vốn là gốc dục. Mà dục là nguyên nhân sinh ra muôn ngàn ác pháp và khổ đau.

Đức Phật biết rất rõ điều này, nên khi thuyết giảng bài pháp đầu tiên như trên đã nói, Ngài đã nói bốn chân lí của loài người "**Khổ, Tập, Diệt, Đạo**". Muốn cho loài người thoát kiếp khổ đau thì giáo pháp của đạo Phật phải là đạo đức nhân bản - nhân quả như trên đã nói, để hướng dẫn và giáo dục cho mỗi người sống không làm khổ mình, khổ người. Vì thế, mới có tám lớp (**Bát Chánh Đạo**) tu học đạo đức nhân bản - nhân quả ra đời. Trong tám lớp này được chia làm ba cấp (**Giới, Định, Tuệ**).

Nhờ có đạo đức nhân bản - nhân quả mới diệt hết lòng dục. Diệt hết lòng dục thì con người mới hết khổ. Cho nên, diệt dục tức là diệt mọi sự khổ đau. Diệt hết mọi sự đau khổ của con người tức là sống không làm khổ mình, khổ người. Sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, đó là một trạng thái giải thoát; là bất động tâm; là tâm không còn tham, sân, si; là tâm không phóng dật... Cho nên, **Diệt Đế** là một trạng thái của thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Trạng thái ấy là một sự thật của mọi người, nếu ai chịu khó ngồi lại lắng tâm nghe

trạng thái ấy thì thấy ngay liền, nhưng nếu chỉ còn có một niệm tham, sân, si, mạn, nghi khởi lên thì ngay tức khắc trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự đó liền mất.

Bởi vậy ba cấp và tám lớp tu học của Phật giáo giúp cho mọi người ly dục, từ bỏ ác pháp, diệt tâm tham, sân, si, mạn, nghi để dẫn đến trạng thái **Diệt Đế** như trên đã nói.

Kính thưa các bạn! Ba cấp tám lớp tu học của Phật giáo là chân lý thứ tư (**Đạo Đế**), là con đường dẫn đến cứu cánh giải thoát khỏi mọi sự đau khổ của kiếp làm người, là con đường dẫn đến Phạm thiên mà các vị Bà La Môn từng mơ ước. Và chỉ có duy nhất đây là con đường độc lộ, không còn một con đường nào khác hơn dẫn đến sự giải thoát hoàn toàn, dẫn đến sự làm chủ bốn sự đau khổ: sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi tái sanh.

Đạo Đế là một chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả, giúp cho con người vượt ra khỏi qui luật nhân quả (Vô Lộ) và làm chủ kiếp sống của chính mình. Ở đây các bạn phải hiểu: *“Chỉ đây là con đường duy nhất, vì nó là chân lý của loài người”*. Cho nên, tất cả các tôn giáo khác đều không có chân lý này. Nhưng vì vô minh từ các hệ phái Thầy Tổ

xa xưa truyền thừa cho đến Thầy Tổ hôm nay đều tưởng rằng: Chỉ có giáo pháp của họ là trực đạo, là chánh đạo hướng đến mục đích cứu cánh Niết Bàn, Cực Lạc và Thiên Đàng.

Đây, các bạn hãy lắng nghe hai vị Bà La Môn Bà Tất Sá (Vasettha) và Bà La Môn Bạc La Đà Phạn Xà (Baharadvaya) đều nói: ***“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”***. Đó là con đường do Bà La Môn Pokkharasàti giảng dạy. Còn thanh niên Bà La Môn Bạc La Đà Phạn Xà nói: ***“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”***, đó là con đường do Bà La Môn Tarukkha giảng dạy”.

Hai vị Bà La Môn này đều cho giáo pháp của Thầy mình là chánh đạo dẫn đến cứu cánh.

Cuộc tranh luận bất phân thắng bại này đã dẫn đến đức Phật giải quyết. Đức Phật bảo: ***“Này Vasettha, người nói như vậy phải không? Đây là chánh đạo, đây là trực đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”***, đó là

con đường do Bà La Môn pokkharasàđi giảng dạy. Còn thanh niên Bà La Môn Bharadvàja nói như vậy có phải không? “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”, đó là con đường do Bà La Môn Tàrukka giảng dạy. Nay Vāsettha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì? Luận chấp vấn đề gì? Và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?

– Kính thưa Tôn giả Gotama, về chánh đạo và tà đạo. Trong đó có Tôn giả Gotama và nhiều Bà La Môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà La Môn Addhariya, các vị Bà La Môn Tittiriya, các vị Bà La Môn Chandokà, các vị Bà La Môn Chanda và các vị Bà La Môn Brāhmacariya đều cho rằng tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

– Kính thưa Tôn giả Gotama, như ở gần làng hay ở gần thị trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng, cũng vậy, pháp môn

của Tôn giả Gotama, của nhiều Bà La Môn, tất cả pháp môn này sai khác nhưng đều dẫn đến, hướng đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

Nghe xong đức Phật hỏi: “Này Vasettha, có phải người nói chúng dẫn đến?”.

– “Thưa Tôn giả Gotama! Vậy con nói chúng dẫn đến”.

– Đức Phật lập lại một lần nữa, và cho đến đúng ba lần một câu hỏi này. “Này Vasettha, có phải Người nói chúng dẫn đến không?”.

– “Kính thưa Tôn giả Gotama! Vậy con nói chúng dẫn đến”.

Kính thưa các bạn! Tại sao đức Phật gặng hỏi ba lần như vậy, các bạn có biết không? Đức Phật gặng hỏi cặn kẽ kỹ lưỡng như vậy để làm gì? Đó là một nguyên nhân mà các bạn cần nên lưu ý.

Các bạn có thấy không? Hiện giờ các tông phái của Phật giáo đều cho rằng “*tất cả pháp môn đều hướng đến và dẫn đến một mục đích giải thoát như nhau*”. Những tư tưởng này ngày nay đã lập lại đúng những tư tưởng của Bà La

Môn ngày xưa. Nếu xét kỹ các bạn sẽ thấy không sai khác chút nào cả.

Vấn đề này rất quan trọng, và những tông phái này đều dùng những lý luận này rồi gán lên là kinh của đức Phật nói, các bạn có thấy không? May mắn trong đời chúng ta còn có những bài kinh của đức Phật đã xác định và quét sạch những tư tưởng cho rằng giáo pháp của Phật là chiếc bè sang sông; là ngón tay chỉ mặt trăng; là mọi ngã đường đều dẫn đến về một mục đích giải thoát; là những phương tiện di chuyển để đến nơi cứu cánh Niết Bàn.

Sau khi gặng hỏi Bà La Môn Vàsettha ba lần như vậy để đưa Bà La Môn Vàsettha vào thế không còn chối cãi được nữa. Bấy giờ đức Phật đưa ra những câu hỏi để quét sạch những tư tưởng tà giáo này. Các bạn hãy lắng lòng nghe kỹ:

“Thế nào Vàsettha? Có Bà La Môn trong những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà tận mắt đã thấy Phạm thiên chưa?”

Bà La Môn Vàsettha trả lời:

- Thưa Tôn giả Gotama, không có vị nào”.

Đọc đoạn kinh này các bạn nghĩ gì về các tông phái Phật giáo phát triển sau thời đức Phật cho đến hiện giờ? Đã biết bao cao Tăng hiền đức có những học vị bằng cấp cao đã làm Pháp sư, giảng sư tại các trường Phật học nổi tiếng trên thế giới, nhưng có vị nào biết được cõi Cực Lạc chưa? Biết được cảnh giới Niết Bàn chưa? Và đã có vị nào làm chủ được sanh, già, bệnh, chết chưa? Khi chết biết có mình đi về nơi nào chưa ???

Như vậy Thiên Đàng, Địa ngục, Cảnh giới Niết Bàn, cõi Cực Lạc Tây Phương v.v.. đều là cõi tưởng. Phải không các bạn?

Vậy các bạn hãy nghe tiếp lời đức Phật dạy năm xưa mà ngày nay các bạn thấy nó không xa lạ với chúng ta chút nào:

“Thế nào, Vàsettha? Có tôn sư nào của các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên chưa?

Bà La Môn Vàsettha trả lời:

- Thưa Tôn giả Gotama, không có vị nào”.

Đây là câu hỏi lần thứ hai về các bậc thầy của Bà La Môn. Vậy chúng tôi sẽ hỏi các bạn.

Các bạn vui lòng hãy trả lời cho chúng tôi biết nhé:

Các bậc danh Tăng thạc đức thông suốt tam tạng trước tác kinh luận để lại chỉ dẫn đòi sau tu tập tới cảnh giới Cực Lạc, Thiên Đàng. Nhưng thử hỏi đã có vị nào biết cõi Cực Lạc, Thiên Đàng chưa? biết cõi Niết Bàn chưa? Và đã biết được phương pháp nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết chưa? Có biết khi chết đi về đâu chưa?

Chắc chắn điều này các bậc tôn túc hữu học ấy chưa bao giờ biết. Phải không các bạn?

Các bạn hãy lắng nghe đức Phật hỏi một lần nữa: ***“Thế nào, này Vasettha, có Bà La Môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên chưa?”***

Bà La Môn Vasettha trả lời:

- Thưa tôn giả Gotama, không có vị nào”.

Thưa các bạn! Các bạn có nghe lời đức Phật dạy không? Đức Phật đã xác định dù cho các vị Tổ đã viết ra kinh sách Vệ Đà cũng vẫn

chưa biết Phạm thiên. Đó là điều thiết thực, cụ thể các bạn ạ!

Như vậy, những vị nào soạn thảo biên tập những kinh sách ảo tưởng mê tín, tụng niệm, chú thuật, dạy thiên ảo giác để kiến tánh thành Phật, cúng sao, giải hạn, tế lễ cầu phước, cầu tự, cầu an, cầu siêu, trai đàn chẩn tế, cúng vong, tiền linh, đốt tiền vàng mã v.v.. từ xưa đến nay, những việc làm này của Phật giáo có phải là mê tín ảo tưởng không? Cho nên, từ xưa tới nay chưa có người nào tu hành làm chủ được sinh, già, bệnh, chết, và chấm dứt luân hồi tái sanh, thì làm sao gọi là 84 ngàn pháp môn là chánh đạo, trực đạo hướng dẫn đi đến cứu cánh được?

Tại sao chúng ta biết được các vị đó chưa đi đến cứu cánh giải thoát?

Chúng ta biết được như vậy là nhờ căn cứ vào những kinh sách do các Ngài biên soạn mà không có pháp tu làm chủ sự sống chết thực tế, cụ thể, thường các pháp tu tập mơ hồ, không rõ ràng, phần nhiều dạy tu tập ức chế tâm, pháp hành không nhất quán, lúc niệm tụng, cầu khẩn; lúc cúng tế sám hối; lúc thì ảo huyền, mơ mộng trong cảnh giới tưởng Cực Lạc, Thiên Đàng, Niết Bàn, Phật tánh, Bản thể Chân

không diệu hữu, Bát Nhã Chân Không v.v.. đều là những cảnh giới tướng tri ảo ảnh, mơ hồ không thật.

Đó là lối lí luận tướng tri trong kinh sách của các Ngài biên soạn, nhưng xét lại những Phạm hạnh giới luật để liơ dục, li ác pháp, để sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì chẳng bao giờ nói đến. Như vậy, rõ ràng những pháp môn tướng giải từ các vị đầu tiên cũng chưa biết được con đường giải thoát và giải thoát như thế nào? Mà vẫn kéo dài tồn tại cho đến ngày nay cũng chưa biết được con đường giải thoát và trạng thái giải thoát như thế nào? Nhờ xét qua kinh sách của các Ngài, mà chúng ta biết chắc rằng các Ngài chưa cộng trú với trạng thái giải thoát như đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta rất rõ ràng và cụ thể.

Đây, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật hỏi Bà La Môn Vasettha: ***“Thế nào, này Vasettha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà La***

Môn tinh thông ba tập Vệ Đà cũng hát lên, cũng trì tụng và ngâm giảng như các vị Atthaka (A sá ca), Vàmaka, Bàma, Vàmadeva, Bà Ma Đề Bà, Anginasa, Ương Kỳ La, Bhagu, Bà Cữu, những vị này có nói chúng tôi biết, chúng tôi có thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?

- Thưa Tôn giả Gotama, không có vị nào”.

Các bạn có nghe đoạn kinh này không? Câu hỏi của đức Phật rất cụ thể và thực tế để xác định một sự lợi ích lớn cho loài người. Bởi vì con người đang bị những tôn giáo dùng những pháp môn ảo tưởng, trừu tượng, mê tín đang bành trướng lừa đảo, lường gạt mọi người bằng một lối lý luận xa lìa thực tế, rất mơ hồ, thường tạo ra bằng những năng lực thần huyền do tưởng uẩn lưu xuất, nhờ những năng lực đó lại dễ bề lường gạt người nhiều hơn. Chỉ vì ý thức hiểu biết của con người còn đang bị hạn chế trong không gian và thời gian. Vì thế, họ không làm sao hiểu rõ những năng lực kỳ lạ ấy của tưởng uẩn, nên họ dễ bị lường gạt.

Họ cho “các tôn giáo và các pháp môn đều có thể đưa con người đến một mục đích giải

thoát như nhau”, nếu con người chịu tu tập theo pháp môn đó. Họ khéo thiện xảo dùng những danh từ rất kêu: *“Tất cả các tôn giáo cũng như tất cả các pháp môn đều trở về quy nguyên một chỗ”*. Lời nói lừa đảo này đã có từ xưa rồi, các nhà học giả sau này vẫn bắt chước mà thôi. Đến nay chưa có ai dám lộ mặt nạ của họ.

Xưa đức Phật đã lộ mặt nạ tà giáo ngoại đạo Bà La Môn. Đến khi đức Phật nhập diệt thì các học giả không tu chứng lại lạc vào ảo giác tưởng tri của Bà La Môn lại bắt chước lối lý luận này, đã lường gạt mọi người từ hơn 2000 năm. Đến nay chúng tôi quyết định dựng lại Phật giáo, vạch trần sự giả dối của đa thần giáo Bà La Môn mê tín dán vào *“Nhãn mác Đạo Phật”* để các bạn thấu rõ âm mưu của tà giáo ngoại đạo lúc nào cũng tìm cách đìm Phật giáo.

Xin các bạn nghe tiếp đoạn kinh này thì sẽ rõ: ***“Này Vasettha như vậy người nói không có một Bà La Môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một tôn sư nào của Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một***

đại tôn sư nào của các Bà La môn tinh thông ba tập Vệ Đà tận mắt thấy Phạm thiên, không có một Bà La Môn nào cho đến 7 đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên trong những tu sĩ thời cổ... Như vậy các Bà La Môn tinh thông ba tập kinh Vệ Đà đã nói, chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên. Nhưng chúng tôi thuyết dạy cho mọi người con đường ấy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”.

- Này Vasettha, Người nghĩ thế nào, sự kiện và như vậy thời có phải lời nói của những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà là không chính xác hợp lý?

-Thưa tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thì lời nói của những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà là không chính xác, hợp lý”.

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy có sự xấp xệ cho thuận lý, hợp lẽ, nghe xuôi tai, chứ

thực tế không phải vậy. Bà La Môn là những tu sĩ không phải vừa.

Tuy rằng, họ không biết Phạm thiên thật sự, nhưng họ vẫn có những lý luận chống trái lại câu hỏi của Phật, chứ không phải họ chịu thua và tôn kính Phật như ở đoạn kinh này.

Ở đây, chúng ta phải thành thật công nhận một sự thật là chưa có một người nào đến cõi Trời Phạm thiên, cõi Cực Lạc, cõi Niết Bàn v.v., và cũng chưa có ai thấy được các vị Phật quá khứ hình dáng ra sao? như Phật Tỳ Lô Giá Na cho đến Phật Cổ Nhiên Đăng cũng chẳng mấy ai thấy biết hình dáng mặt mày của những vị Phật này, thậm chí như đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng chưa ai thấy mặt mày hình dáng ra sao? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là con người thật trên hành tinh có lịch sử hẳn hoi thế mà hiện giờ có ai gặp và thấy Phật Thích Ca Mâu Ni chưa? Cho đến những giáo pháp duy nhất của Ngài dẫn đến cứu cánh giải thoát thực tế, cụ thể như vậy. Ngoài pháp này ra không còn một pháp môn nào nữa. Thế mà hiện giờ có một số người bắt chước nhai lại bã mía của tướng tri Đa Thần giáo cho nên mới bảo rằng: *“pháp môn nào cũng dẫn đến cứu cánh như nhau”*. Lối xác định như vậy thật là

vô lí, nó không chính xác và không hợp lí. Có đúng như vậy không các bạn?

Kính thưa các bạn! Hiện giờ nhiều tu sĩ của nhiều hệ phái Phật giáo trên thế giới họ sinh sống cũng giống như tu sĩ Bà La Môn trong thời đức Phật còn tại thế. Họ đã học và lập lại lý luận của Bà La Môn: **“đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chôn cất luân hồi cho những ai thực hành theo”**. Nhưng với những pháp môn tu học của họ không chính xác, không hợp lý toàn là pháp môn ảo tưởng.

Đây các bạn hãy nghe tiếp đức Phật kết luận bài kinh này: **“- Nay Vasettha, những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”. Thật không thể có sự kiện ấy. Nay Vasettha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cũng không thấy, như vậy, nay Vasettha, lời nói của những Bà La Môn**

ting thông ba tập Vệ Đà người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cũng không thấy giống như lời nói mù quáng. Lời nói của Bà La Môn ting thông ba tập Vệ Đà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng...”. Dem so sánh đoạn kinh này với kinh sách tướng giải thì không có khác điều chi cả. Phải không các bạn?

Lời nói trong kinh sách phát triển tướng giải là lời nói đáng chê trách, là lời nói suông, là lời nói ảo tưởng, là lời nói trống rỗng, nói trong sự hư ảo, tướng giải, thiếu thực tế, không cụ thể v.v..

Trong Phật giáo có đường lối tu tập rõ ràng và cụ thể. Đường lối tu tập đó đã xác định bằng bốn chân lí của loài người: **KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO**. Khổ, tập, diệt, đạo là một cái nhà lầu có bốn tầng, và như vậy chúng ta có thể làm một cây thang cao 4 tầng để bắc lên cái nhà lầu 4 tầng, như vậy mới chính xác và hợp lý. Phải không các bạn?

Bởi vì bốn tầng lầu này ai cũng nhận biết một cách rõ ràng:

- Tầng thứ nhất là **Khổ Đế**, vậy làm người có ai không biết cái khổ này không?

- Tầng thứ hai là **Tập Đế**, đó là nguyên nhân sinh ra muôn thứ đau khổ. Điều này không ai dám chối cãi và phủ định được, nó thực tế, không mơ hồ trừu tượng mà mọi người khi nghe nói đến nguyên nhân sinh ra đau khổ là do lòng tham dục thì ai cũng biết rõ và chấp nhận (**Tập Đế**) là đúng như thật, đúng 100% phải không các bạn?

- Tầng thứ ba là **Diệt Đế**, diệt đế là một trạng thái ly dục, ly ác pháp; là một trạng thái tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ; là một trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Trạng thái tâm này ai ai cũng biết, dù là người chưa có tu tập một ngày nào, họ cũng nhận ra được, chứ không phải đợi tu tập rồi mới biết. Cho nên, khi có ai nói đến tâm thanh thản, an lạc và vô sự thì mọi người nhận ngay liền là một trạng thái giải thoát. Dù bất cứ một người nào cũng vẫn nhận ra được nó một cách rõ ràng và cụ thể, chứ không mơ hồ trừu tượng như cõi Thiên đàng, Cực lạc, Niết bàn, Phật tánh, Bản lai diện mục, Chân không diệu hữu, Tánh thấy, Tánh nghe, Tánh biết, Tánh không

và Trí Tuệ Bát Nhã... của các học giả tưởng tri đã nói.

Toàn bộ những cảnh giới và trạng thái trong các kinh sách tưởng tri đều là ảo tưởng không thật có. Cho nên, việc tu hành của họ không thực tế, cụ thể chỉ toàn là mục đích ảo tưởng, trừu tượng, ảo giác. Nên chưa có ai thực hiện giải thoát được như đức Phật đã dạy ở đoạn kinh trên. Vì thế, khi thực hành không mang lại kết quả diệt trừ tâm tham, sân, si mà tâm tham, sân, si lại còn to lớn hơn.

Phật giáo Nguyên Thủy lại khác. Ngay trên tâm tham, sân, si dùng mọi pháp diệt trừ nó để bảo vệ chân lý thứ ba. Vì thế chân lý thứ tư là **“Đạo Đế”** ra đời. Đạo đế là một chương trình giáo dục đào tạo những bậc Thánh A La Hán vô lậu gồm có tám lớp:

- 1- **Lớp Chánh kiến**
- 2- **Lớp Chánh tư duy**
- 3- **Lớp Chánh ngữ**
- 4- **Lớp Chánh nghiệp**
- 5- **Lớp Chánh mạng**
- 6- **Lớp Chánh tinh tấn**
- 7- **Lớp Chánh niệm**

8- Lớp Chánh định

Tám lớp này được chia ra làm ba cấp. Trong ba cấp này gồm có:

1- Cấp GIỚI

2- Cấp ĐỊNH

3- Cấp TUỆ

Bởi vậy đạo Phật có chương trình giáo dục, đào tạo hẵn hoi, có bài vở tu học theo thứ lớp từ lớp thấp đến lớp cao hơn. Mỗi bài vở học và tu tập được trau dồi và rèn luyện thân tâm một cách cụ thể, rõ ràng. Vì nó là những bài học rèn luyện và tu tập cụ thể để đối trị tâm tham, sân, si. Cho nên, bốn chân lí như cái nhà có bốn tầng lầu. Còn **Đạo Đế** như cây thang để leo lên bốn tầng của ngôi nhà lầu.

Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy:
“Này Vasettha, như có một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên một ngôi nhà lầu, nhưng có người hỏi: “Này bạn, ông muốn xây một cái thang để leo lên một ngôi nhà lầu, vậy ông có biết ngôi nhà lầu ấy ở về hướng Đông hay ở về hướng Tây, hay ở về hướng Bắc hay ở về hướng Nam, ngôi nhà lầu ấy cao hay thấp

hay trung bình? Được hỏi như vậy người ấy trả lời không biết”.

“Lại có người hỏi: “Này bạn, như vậy có phải ông xây một cái thang để leo lên một ngôi nhà lầu mà ông không biết, không thấy? Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia không chính xác, hợp lí?”.

“- Vâng phải, kính bạch Thế Tôn sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chính xác, hợp lý?”.

Ở đây, đức Phật đã cho một ví dụ cho các bạn dễ hiểu, dễ nhận ra cái sai của các pháp môn tưởng giải: Cây thang và ngôi nhà lầu.

Cây thang dụ cho pháp, ngôi nhà lầu, dụ cho mục đích giải thoát. Mục đích giải thoát mà biết không rõ, không thấy rõ thì giáo pháp tu tập làm sao có kết quả thực tế được. Phải không các bạn?

Thế mà các nhà học giả tưởng ra cây thang, thì làm sao để leo lên được ngôi nhà lầu. Cây thang tưởng đó không dùng được và như vậy giáo pháp đó không thể đưa đến cứu cánh,

cho nên kinh sách của các học giả biên soạn là kinh sách tưởng, không phải Phật thuyết.

Diệt Đế là chân lí của đạo Phật rất cụ thể, rõ ràng, không mơ hồ, trừu tượng. Một trạng thái giải thoát thật sự mà mọi người ai cũng nhận ra được bằng ý thức của mình.

Kính thưa các bạn! Chân lí của Phật giáo đã xác định rõ ràng điều này. **Khổ Đế** và **Tập Đế** là hai chân lí đầu tiên đã chỉ rõ đời sống thế gian là một đời sống đầy đầy sự khổ đau vô cùng tận. Những chân lí này đã xác định như vậy thì không còn ai phủ nhận được. Còn chân lí thứ ba là **Diệt Đế**. Diệt đế là chỉ cho tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ; là một đời sống bình an và hạnh phúc không còn khổ đau nữa. Đó chính là mục đích giải thoát của Phật giáo rõ ràng và cụ thể, nên không ai có thể cho nó mơ hồ ảo tưởng được.

Chân lí thứ tư như các bạn đã biết nó là chương trình giáo dục đào tạo bằng những giáo pháp tu tập rèn luyện đưa đến không còn khổ đau nữa tức là đạt đến mục đích giải thoát hoàn toàn mà trong kinh đức Phật đã cho ví dụ như một cây thang bắc lên ngôi nhà lầu.

Đọc trong bài kinh này chúng ta thấy tất cả các vị Bà La Môn từ đại tôn sư biên soạn viết ra kinh sách Vệ Đà cho đến các vị Bà La Môn hiện nay đang hành trì theo giáo pháp này. Người nào cũng không xác định được cảnh giới giải thoát cụ thể rõ ràng. Phần nhiều các vị Bà La Môn chỉ nói hay lý luận trong mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng v.v.. Điều đó cho biết các Bà La Môn này chắc chắn là không biết, không thấy. Vậy mà họ bảo rằng: ***“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên, nếu ai tu theo nó”***. Lời dạy này không chính xác và không hợp lý, xin các bạn lưu ý: Những loại kinh sách tưởng giải này trong Đạo Phật ở thời đại chúng ta vẫn phát triển nhiều lắm.

Ví dụ ngôi nhà lâu và cây thang là ý đức Phật không chấp nhận những cảnh giới siêu hình, những loại thiên tượng, ức chế tâm sinh ra những trạng thái mơ hồ, trừu tượng...

Mục đích cứu cánh giải thoát là phải cụ thể rõ ràng, mọi người đều nhận ra bằng ý thức một cách dễ dàng, có đúng như vậy mới tin còn không đúng như vậy mà tin là tin mù quáng.

Giáo pháp tu tập của Phật giáo là đức hạnh sống của con người, vì thế chúng đạt được

mục đích không có khó khăn. Giáo pháp của Phật không phải là thứ giáo pháp mơ hồ, trừu tượng như kiểu kinh sách tưởng giải: Kiến tánh thành Phật, Chẳng niệm thiện niệm ác là bản lai diện mục hiện tiền hay Tham thoại đầu, Khán công án, hay Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm hoặc Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách... rồi thông tay vào chợ, tự tại vào chốn thanh lâu tiêu điểm, vô ngại ăn thịt chớ uống rượu để độ sanh, hoặc còn Chăn trâu, Giữ ông chủ hay biết vọng liền buông, hay đói ăn khác uống mệt đi ngủ v.v..

Kính thưa các bạn! Cách thức tu tập như vậy không có thực tế, còn nô lệ cho lòng dục của mình rồi biện minh đủ điều, không đoạn diệt tâm tham, sân, si...

Đây các bạn hãy nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Này Vasettha, như sông Aciravati này đầy tràn đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: “Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại đây!”. Này Vasettha người nghĩ thế nào? Có phải***

vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?”.

Đức Phật cho một ví dụ điển hình cho chúng ta thấy pháp môn Tịnh Độ, pháp môn Pháp Hoa là những pháp môn cầu khẩn, cúng bái, sám hối v.v.. mà từ bấy lâu nay đã truyền thừa bao thế hệ với những điều mê tín bằng sự cầu khẩn, tán thán, hy vọng hay sám hối, cầu an để được tiêu tai giải trừ nghiệp ác. Những hành động tu tập của những giáo pháp này cũng giống như người đứng ở bờ bên này mà gọi bờ bên kia để bờ bên này sang sông. Một việc làm mơ mộng không thực tế chút nào, một sự tu hành như vậy không thể có sự giải thoát được.

Đây là một bài kinh mà đức Phật đã làm sáng tỏ cái sai của kinh sách nương vào tha lực ảo tưởng. Nhờ bài kinh này mà chúng ta thấy những kinh sách ảo tưởng là sau này biên soạn chứ không phải giáo pháp của đức Phật thuyết.

Sự cầu khẩn, sự cúng tế, sự lễ lạy sám hối, sự niệm hồng danh chư Phật, sự niệm Phật cầu vãng sanh Cực lạc Tây phương cũng giống như người đứng ở bờ sông bên này mà kêu gọi bờ

sông bên kia **“Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại đây!”**. Những việc làm vô vọng, những sự tu hành như vậy thật là hoài công, vô ích, chỉ uống cho một đời tu tập.

Bài kinh trên đây đã xác định cho các bạn thấy rằng: chỉ có một con đường duy nhất đưa đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, đó là **Đạo Đế**. Đạo đế là một chương trình giáo dục và đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người, có tám lớp và ba cấp như đã nói ở trên. Cho nên, người mới vào tu tập là phải vào cấp một, tức là cấp giới luật. Sau khi tốt nghiệp cấp giới luật xong mới lên cấp hai, cấp hai là cấp tu tập thiền định. Sau khi tốt nghiệp cấp thiền định xong, thì mới lên cấp ba là cấp tuệ. Sau khi tốt nghiệp xong cấp tuệ là đã học xong chương trình đào tạo đức hạnh làm Người, làm Thánh. Ngoài Đạo Đế này ra thì không có pháp môn nào hướng đến, dẫn đến cứu cánh giải thoát được. Cho nên, các bạn có nhớ lời Phật dạy không? Phật dạy: **Đừng có tin! Đừng có tin!!!**

1. **“Chớ có tin vì nghe truyền thuyết.**
2. **Chớ có tin vì nghe truyền thông.**

3. Chớ có tin vì nghe nhiều người nói đến.

4. Chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng.

5. Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình.

6. Chớ có tin vì đúng theo một lập trường.

7. Chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dự kiện.

8. Chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình.

9. Chớ có tin nơi xuất phát có uy quyền.

10. Chớ có tin vì bậc Sa Môn là Đạo sư của mình v.v..”.

Có 10 điều đức Phật đã dặn bảo mọi người đừng có tin những điều giáo pháp dạy không thực tế, không cụ thể, không rõ ràng, đối với sự cứu cánh giải thoát.

Kinh sách tưởng giải đã không xác định mục đích giải thoát cụ thể rõ ràng như chân lý **Diệt Đế** của Phật Giáo Nguyên Thủy. Mà chỉ dùng những từ mơ hồ, trừu tượng, hư tưởng,

không cụ thể, không thực tế như: Phật Tánh, Tánh Giác, Tánh Thấy, Tánh Nghe, Tánh Biết v.v..

Con người khổ là vì năm pháp dục tăng thịnh lây lừng; vì năm triền cái được gọi là chướng ngại pháp; và vì thập thất kiết sử v.v.. Sự kiến tánh thành Phật; sự niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương; sự niệm chú có thần thông của Mật Tông thì đâu có đối trị và đoạn diệt được năm dục tăng trưởng, thập thất kiết sử và năm triền cái. Cho nên, tu theo ảo tưởng sẽ dẫn đến một hướng khác, hướng ảo tưởng. Vì thế, đối với năm dục trưởng dưỡng và năm triền cái càng tăng trưởng mạnh mẽ hơn, nên cuộc sống của họ tiện nghi đầy đủ, chùa to Phật lớn chứng minh cho các bạn biết những tu sĩ này đang chạy theo dục lạc thế gian danh lợi, ăn ngủ phi thời, họ sống chẳng khác như người thế tục, chỉ có y áo và chiếc đầu cạo trọc.

Vậy các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này Vasettha, có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh, năm pháp này được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt thấy cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với***

dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận..., những vị do lưỡi cảm nhận..., những xúc do thân cảm nhận, khả ái mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái dục. Nay Vasettha. Năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh. Nay Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy. Các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà vẫn chấp trước mê đắm bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy”.

Đọc đoạn kinh này các bạn nên đem các tu sĩ hiện giờ ra so sánh với các tu sĩ Bà La Môn trong thời đức Phật thì các bạn thấy rất rõ những tu sĩ hiện giờ đâu có khác gì những tu sĩ Bà La Môn, mặc dù trong số họ có nhiều người đạt học vị cao, thông tam tạng kinh điển, nhưng họ đều bị năm dục trưởng dưỡng tăng thịnh đã xỏ mũi. Vì thế, họ chạy theo danh lợi, dục lạc, luôn luôn bị năm triền cái tác động làm chướng ngại pháp, khiến cho họ khổ sở vô cùng, vô tận, không bao giờ dứt như đoạn kinh trên đã dạy.

Đây, các bạn hãy lắng nghe đức Phật quả trách các vị Bà La Môn trong thời ấy: ***“Này Vasettha, những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà loại bỏ những pháp tác thành người Bà La Môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà La Môn, chấp trước mê đắm, bị trói buộc không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy”***.

Kính thưa các bạn! Đọc đến đoạn kinh này các bạn thấy rất rõ những tu sĩ hiện giờ không khác gì những tu sĩ Bà La Môn. Họ đã ném bỏ giáo pháp của đức Phật, để rồi kiến giải Phật pháp theo kiểu học giả, và chấp nhận giáo pháp của ngoại đạo, còn gọi giáo pháp đó là pháp môn Tối thượng thừa. Do đó, các bạn thấy chùa to Phật lớn mọc lên như nấm khắp nơi, làm hao tổn tiền của Phật tử biết bao nhiêu, kể sao cho hết. Họ sống chạy theo danh lợi, dục lạc thế gian, ăn ngủ phi thời. Họ là những tu sĩ phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới. Sau khi thân hoại mạng chung họ thọ lấy sự

khổ đau vô cùng, vô tận, vì thế họ làm sao cộng trú với trạng thái giải thoát cho được.

Đó là một sự lầm lạc rất lớn của tu sĩ Phật giáo hiện nay, không khác gì sự lầm lạc của Bà La Môn trong thời đức Phật ngày xưa. Cho nên, bài kinh này đã xác định và vạch ra một sự thật để làm sáng tỏ sự sai lầm của một số kinh sách tưởng giải ngày nay, để nhắc nhở Tăng sĩ và mọi người cần phải cảnh giác khi bước vào đường tu. Vì nhân tu sai một ly thì đạo quả sẽ xa đi ngàn dặm!!!

Cho nên, các bạn lưu ý: Đừng nghe những gì họ nói mà hãy thấy những gì của họ đã làm.

Đây, các bạn hãy nghe tiếp đức Phật dạy: ***“Này Vasettha có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Dục ái, sân ái, hôn trầm, thù miên ái, trạo hối ái, nghi ái. Này Vasettha, các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy v.v.. Bị trói buộc bởi năm triền cái này, sau khi thân hoại***

mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không thể có sự kiện ấy xảy ra!”.

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rất rõ đa số các vị tu sĩ thời nay đang bị trói buộc bởi năm triền cái này, vì vậy con đường tu hành giải thoát của họ làm sao có được. Phải không các bạn?

Bài kinh này đã xác định rõ ràng không thể ai phủ nhận được cái sai của họ. Bởi vì một sự thật hiển nhiên đang bày ra trước mắt mọi người. Cho nên, ai cũng chứng kiến thấy rõ ràng tu sĩ hiện giờ đang chạy theo dục lạc và hưởng thụ danh lợi thế tục.

Các bạn hãy nghe tiếp đoạn kinh này: ***“Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Người có nghe những Bà La Môn niên cao lập trường, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không? Phạm thiên có ái dục hay không ái dục?***

- Thưa Tôn giả Gotama, không có ái dục.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

-Thưa Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

- Có sân tâm hay không sân tâm?

- *Thưa Tôn giả Gotama, không có sân tâm.*

- *Có nhiễm tâm hay không nhiễm tâm?*

- *Thưa Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.*

- *Có tự tại hay không có tự tại?*

- *Thưa Tôn giả Gotama, có tự tại.*

- *Này Vasettha Người nghĩ thế nào các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà có ái dục hay không ái dục?”.*

Đọc đoạn kinh trên các bạn thấy rất rõ ràng đức Phật đã nêu lên mục đích giải thoát cụ thể không có mơ hồ không có trừu tượng, không có ảo giác. Đó là **“tâm không ái dục”**. Như vậy ái dục là chân lý thứ hai của đạo Phật để xác định nguyên nhân sinh ra muôn sự đau khổ của chúng sanh nên gọi là **“Tập Đế”**. Tập đế là nơi tập hợp mọi sự khổ đau.

Đoạn kinh này cũng xác định rõ ràng đức Phật đã hết ái dục. Bà La Môn còn ái dục. Như vậy tu sĩ nào còn ái dục và sống phi Phạm hạnh, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống như vậy thì làm sao cộng trú với Phạm Thiên, với sự giải thoát được. Phải không các bạn?

Cho nên, nói tất cả pháp đều dẫn về một mục đích giải thoát thì không thể có được, như trong bài kinh này đức Phật đã xác định, sống không đúng giới luật thì không bao giờ có sự giải thoát chân thật.

Muốn thấu rõ sự đúng sai của tu sĩ thời nay chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Này Vasettha, ở đời các Bà La Môn có tinh thông ba tập Vệ Đà, khi các vị ngồi (với sự tự tin) thật sự là đang chìm trong bùn lầy và khi đang chìm trong bùn lầy, phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn. Do vậy đối những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà, sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông cũng được gọi là sự bất hạnh”.*

Kính thưa các bạn! Đọc đoạn kinh trên đây, nó đã xác định cho chúng ta biết rằng: Các học giả thông suốt tam tạng kinh điển, thuyết giảng như gió thổi, mây bay, nhưng sự tinh thông ấy được gọi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh. Bởi vậy, kinh sách tưởng giải mà các

vị ấy biên soạn ra là một thứ bánh vẽ, bánh giấy. Không giúp ích cho con người lợi lạc mà còn dẫn dắt con người vào thế giới ảo tưởng, sống mê tín lạc hậu. Có đúng như vậy không các bạn?

Tóm lại, trong thời đức Phật đã có những Bà La Môn cho tất cả pháp môn là mọi con đường đều dẫn đến một địa điểm cứu cánh, tư tưởng ấy đã được truyền thừa đến ngày nay và đang phát triển mạnh. Đó là kinh sách phát triển sau thời đức Phật (84.000 pháp môn của các hệ phái tưởng tri biên soạn...).

Ngày xưa, đức Phật đã dẹp bỏ những tư tưởng sai lầm này. Ngài đã vạch ra rất rõ ràng, nhưng từ khi Ngài mất các Tổ Bà La Môn đã khéo dìm mất những lời dạy này của Ngài rồi biến dần thành giáo pháp của Bà La Môn đa thần ảo tưởng.

Hôm nay đủ duyên chúng tôi dựng lại những gì của đức Phật đã dạy, để cho mọi người đến với đạo Phật mà không còn bị tà giáo ảo tưởng đa thần lừa đảo. Những tư tưởng ảo giác đều cho rằng *tất cả giáo pháp tu hành là những chiếc bè sang sông, là phương tiện di chuyển, là mọi con đường dẫn đến một địa*

điểm, là ngón tay chỉ mặt trăng v.v.. thật là một sự hiểu biết lầm lạc rất đáng thương!!!

Chúng tôi tin rằng khi các bạn đọc xong lời chú giải này thì đối với những loại kinh sách tưởng tri như thế sẽ không còn có thể lừa đảo các bạn được nữa. Thân thương chào các bạn.

Kính ghi
Thích Thông Lạc

TỪ BỎ TÂM THAM

LỜI PHẬT DẠY

“Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A La Hán nói đến, và tôi đã được nghe: “Này các Tỳ kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Người không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Tham, này các Tỳ kheo! Là một pháp các Người hãy từ bỏ, Ta bảo đảm cho các Người không đi tái sanh”.

(Kinh Thuyết Như Vậy,
trang 413, Chương I, Tập Một Pháp)

CHÚ GIẢI:

Kính thưa các bạn! Đọc qua lời Phật dạy trên đây chúng ta có đặt trọn lòng tin nơi lời dạy này hay không?

Riêng chúng tôi khi tu tập Thiền Đông Độ bị bế tắc, không biết đường tiến tới nữa, nên đọc được lời dạy này chúng tôi nỗ lực hằng

ngày tu tập với câu tác ý: **“*Tâm như đất ly tham, sân, si cho thật sạch, vì tâm tham, sân, si là ác pháp, là đau khổ*”**. Khi tác ý mỗi lần như vậy nếu có điều gì khiến tâm khởi lên tham, sân, si là chúng tôi quyết định dừng lại một cách kiên cường dững mãnh, không để một phút giây tham, sân, si trong tâm mình tác động. Do đặt trọn niềm tin nơi những lời Phật dạy, vì thế, chúng tôi nhiếp phục tâm mình một cách dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức.

Trong lời dạy này chỉ cần có **“*từ bỏ tâm tham*”** là chấm dứt tái sanh luân hồi. Nhớ lời dạy lời dạy ấy nhất là có sự quả quyết của đức Phật: **“*Ta bảo đảm cho các Ngươi*”**. Vì thế, sáu tháng trời chúng tôi chuyên cần tu tập từ bỏ tâm tham, sân, si, đúng pháp như lý tác ý, thế là chúng tôi đã thành tựu đạo giải thoát, làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi như lời đức Phật đã bảo đảm.

Bởi vậy bài kinh này lấy tên là ***Tập Một Pháp*** trong Tập Kinh Phật Thuyết Như Vậy. Để bảo đảm lời dạy này, đức Phật đã đọc một bài kệ ngắn gọn:

“*Với tham bị tham đắm*”

Chúng sanh đi ác thú (tái sanh)

Bậc thiên quán chánh trí

Từ bỏ tham ái ấy

Từ bỏ không bao giờ

Trở lại đời này nữa”

Kính thưa các bạn! Vậy tâm tham ái là gì?

Tham là sự tham lam, ham muốn, thường con người ai cũng có tâm tham lam và ham muốn: nhưng có người tham muốn nhiều, lại có người tham muốn ít. Muốn từ bỏ tâm tham muốn là các bạn nên lưu ý từng hành động nhỏ nhặt của các bạn như: ăn, uống, ngủ nghỉ, vui chơi, giao tiếp với bạn bè v.v.. khi muốn từ bỏ tâm tham muốn các bạn phải xem xét kỹ lưỡng từ cái ăn, cái mặc, cái vui chơi xem coi nó còn tham ăn, tham ngủ, tham nói chuyện không?

Ăn ngủ và nói chuyện là tướng tham sẽ hiện nơi đó. Khi tướng tham còn hiện nơi đó là tâm các bạn chưa thanh tịnh, tâm chưa thanh tịnh dù các bạn có muốn tu pháp nào đi nữa thì các bạn cũng đều là tu sai pháp, tu lạc đường cả. Do đó, sự tu tập của các bạn chỉ uống công mà thôi.

Bởi vậy, khi tu tập từ bỏ tâm tham thì các bạn nên xem mình ưa thích ăn cái này, cái kia không? Nếu còn thích ăn cái này, cái kia thì tâm các bạn còn tham ái. Biết tâm còn tham ái thì các bạn phải cố gắng nhiếp phục tâm mình để từ bỏ tâm tham ăn, tham uống, tham ngủ nghỉ phi thời. Khi từ bỏ được tâm tham ăn là các bạn không ăn uống phi thời, không ăn uống lật vật, đúng giờ thì ăn, không đúng giờ thì không ăn. Và không bao giờ thèm ăn cái này hay thèm ăn cái kia. Như vậy các bạn đã lìa hay từ bỏ tâm tham ăn.

Trong giới luật Phật có giới cấm không ăn phi thời. Không ăn phi thời là đức hạnh ly tâm tham của một vị tu sĩ. Thế mà giới này các tu sĩ Phật giáo ngày nay đều vi phạm ăn uống phi thời, các thầy còn tâm tham ăn chưa từ bỏ. Chưa từ bỏ tâm tham ăn mà muốn kiến tánh thành Phật, thì Phật đó là Phật còn tham ăn ư! Vậy mà muốn sau khi chết được trực vãng Tây Phương Cực Lạc. Chả lẽ cõi Cực Lạc đó lại dung chứa những tâm tham dục ăn uống phi thời ấy sao? Những pháp môn này tu hành mong cầu tha lực ảo tưởng như vậy thì không bao giờ có giải thoát thật sự, phải không các bạn?

Bài kinh ***Tập Một Pháp*** đã xác định rõ ràng như vậy, không còn có một giáo pháp nào lừa đảo chúng ta được nữa. Không lìa tâm tham mà muốn chứng quả A La Hán, muốn kiến tánh thành Phật và muốn trực vãng Tây Phương Cực Lạc, thì đó là giấc mộng các bạn ạ!

Đây là con đường từ bỏ tâm tham đưa đến làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi mà đức Phật đã thường nhắc nhở chúng ta: ***“Này Vasettha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện là bậc A La Hán, Chánh kiến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn, đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí, thế gian này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới gồm cả thế giới này với Sa Môn, Bà La Môn, Trời, Người lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ, Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh”***. (Trường Bộ Kinh tập 1, trang 425 kinh Tevija thuộc tạng kinh Việt Nam do Hòa Thượng Minh Châu dịch).

Khi được nghe đức Phật dạy đạo đức làm Người, làm Thánh sống không làm khổ mình,

khổ người tức là dạy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Nghe dạy đạo đức như vậy ai mà không muốn tu. Phải không các bạn?

Chỉ có từ bỏ được tâm tham là các bạn đã chấm dứt được sanh tử luân hồi, chứng quả vô lậu A La Hán, quá dễ dàng không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức. Vậy mà mọi người chịu ảnh hưởng của kinh sách tướng giải rồi nghĩ rằng quả A La Hán tu rất khó khăn.

Vậy các bạn hãy nghe tiếp lời đức Phật: ***“Người gia trưởng hay con vị gia trưởng hay một người sinh ở giai cấp hạ tiện nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp người ấy sinh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị ấy suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những phiền trước, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình”. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, từ bỏ bà***

con quyền thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc đắp áo cà sa và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không nhà cửa!”.

“Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh. Mạng sống trong sạch giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm, tỉnh giác và biết tri túc”.

Đoạn kinh trên đây là chỉ cho con đường Phạm hạnh mà những ai muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi đều phải đi con đường này, không thể còn có một con đường nào khác hơn được nữa. Nếu có con đường nào hơn khác nữa thì đó không phải là con đường của đạo Phật mà đó là con đường lừa đảo của tà giáo ngoại đạo lường gạt người. Xin các bạn nên lưu ý.

Các bạn hãy đọc kỹ lại đoạn kinh trên, vì trước khi tuyên bố con đường này đức Phật đã xác định cho chúng ta biết: *“Bất cứ một người nào muốn đưa ra một giáo lý chỉ dạy con đường tu tập giải thoát sinh tử luân hồi thì phải là người chứng đạt được 10 danh hiệu như đoạn kinh trên đã nói:*

- 1- *Bậc A La Hán*
- 2- *Bậc Chánh Biến Tri*
- 3- *Bậc Minh Hạnh Túc*
- 4- *Bậc Thiên Thệ*
- 5- *Bậc Thế Gian Giải*
- 6- *Bậc Vô Thượng Sĩ*
- 7- *Bậc Điều Ngự Trượng Phu*
- 8- *Bậc Thiên Nhân Sư*
- 9- *Bậc Phật*
- 10- *Bậc Thế Tôn”*

Người chúng đạt được 10 danh hiệu này mới dám đưa ra con đường duy nhất cứu cánh giải quyết mọi sự khổ đau của kiếp người. Trong khi thực hành tu tập thì pháp hành rất thực tế, cụ thể qua những hành động sống đều được gắn liền trong đời sống bình thường hằng ngày, vì nó là đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người. Cho nên, ngay trong cuộc sống bình thường hằng ngày mà tâm tham, sân, si đều đã được từ bỏ và đoạn diệt một cách tự nhiên. Bởi vậy, không còn có con đường nào khác hơn được nữa.

Xin các bạn lưu ý và đọc lại đoạn kinh trên để hiểu thấu suốt lời dạy của Phật, nó không phải là lời nói suông mà là một sự sống

của những bậc Thánh A La Hán. Cho nên, các bạn đừng xem thường những lời dạy này. Đó là những lời dạy tâm huyết của đức Phật gửi lại cho đời sau một thông điệp nói về sự sống giải thoát mọi sự khổ đau của kiếp người mà đức Phật đã chỉ rõ mục đích của nó là tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ, đó là tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Kính thưa các bạn! Con đường ấy là con đường Thánh thiện luôn luôn gắn liền với sự sống hằng ngày của mọi người rất chân thật, chứ không có mơ hồ, trừu tượng ảo giác chút nào, nó không giống như những con đường ảo tưởng của các tông phái các tôn giáo khác.

Đây các bạn hãy lắng nghe đức Phật chỉ dạy con đường giải thoát rất thực tế và cụ thể. Sự giải thoát ấy chính nơi trạng thái tâm của các bạn mà không ai không nhận ra được: ***“Này Vasettha, Người nói Tỳ kheo không có ái dục, Phạm thiên không có ái dục. Vậy giữa Tỳ kheo không có ái dục với Phạm thiên không có ái dục, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?***

- Thưa Tôn giả Gotama, có thể được.

Lành thay! Nay Vàsettha Tỳ kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy”.

Đọc đoạn kinh này ai cũng biết con người thường đau khổ là vì tâm ái dục. Nếu tâm dục ái hết thì con người giải thoát, không còn đau khổ nữa. Có phải vậy không các bạn? Đó là một sự chân thật cụ thể không mơ hồ, trừu tượng mà không còn ai dám cho rằng đây là không đúng.

Muốn từ bỏ tâm dục ái thì chỉ có con đường duy nhất của đạo Phật như đoạn kinh trên đã dạy, ngoài con đường ấy ra, thì không còn có con đường nào khác nữa. Cho nên, Bà La Môn bảo rằng: ***“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo. Mọi pháp môn đều dẫn đến nơi cứu cánh giải thoát”***, đó là lời nói suông. Lời nói suông là lời nói không chỉ rõ mục đích giải thoát rõ ràng, cụ thể.



CÁI THẤY, CÁI NGHE, CÁI CẢM THỌ, CÁI TƯỜNG, CÁI THỨC TRI KHÔNG PHẢI CỦA CON NGƯỜI

LỜI PHẬT DẠY

“Vây này Bàhiya, Người cần phải học tập như sau: “Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri”. Do vậy, này Bàhiya, Người không là chỗ ấy”.

(Tạng kinh Phật Tự Thuyết trang 298)

CHÚ GIẢI:

Trong kinh sách tưởng giải phát triển sau thời đức Phật thường cho rằng: cái biết, cái thấy, cái nghe là Phật tánh, còn ở kinh này đức Phật lại dạy khác: *“Cái biết, cái thấy, cái nghe không phải là Người, là của Người”*. Sau khi ngộ được lý này, Bàhiya là

một tu sĩ ngoại đạo đã giác ngộ được Niết Bàn và chứng quả A La Hán.

Câu chuyện xảy ra trong thời đức Phật như sau: ***“Bà La Môn Bàhiya được mọi người cung kính, tôn trọng, cúng dường... nên Ông nghĩ rằng: “Với ai là bậc A La Hán hay đang đi trên đường A La Hán, thì Ta là một trong những vị ấy”. Được biết những tư tưởng này, có một người thân của Bà La Môn Bàhiya nói: “Này Bàhiya, Người không phải là A La Hán và cũng không phải người đang đi trên con đường A La Hán. Người không có đạo lộ ấy. Người nên đến yết kiến Tôn Giả Gotama, bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác thì người sẽ rõ”.***

Sau khi đến gặp Tôn Giả Gotama ba lần hỏi đạo, trong khi đức Phật đang đi khát thực, nên không thể giảng nói dài dòng được. Vì thế đức Phật chỉ thẳng: ***“Cái biết, cái thấy, cái nghe không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta”.*** Khi được đức Phật trả lời như vậy thì Bàhiya đã hiểu rõ con đường dẫn đến giải thoát không có gì hơn là các pháp trên thế gian này không có vật gì là ta, là của ta, là bản

ngã của ta chỉ cần buông xuống biết là ngay đó
chúng quả A La Hán.

“Buông xuống đi! Buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì?

Thở ra chẳng lại còn chi nữa,

Vạn sự vô thường buông xuống đi !”.

Buông xuống hết tất cả các bạn còn có cái
gì, các bạn có biết không?

Buông xuống hết chỉ còn là một tâm
thanh thản, an lạc và vô sự các bạn ạ! nơi đó là
quả vị A La Hán.

Sau khi được Phật khai ngộ xong, thì hôm
ấy Bàhiya đã bị bò húc chết. Trong lúc bị bò
húc ông không bối rối sợ hãi chỉ bình tĩnh giữ
tâm thanh thản, an lạc và vô sự, vì lúc bấy giờ
thân tâm này không phải là ông, là của ông, là
bản ngã của ông, nên ông thanh thản, an lạc
và vô sự trong trạng thái ấy (Đại Bát Niết
Bàn).

Khi đám tang Ông xong nhiều người đến
hỏi Phật: *“Bà La Môn Bàhiya chết đi về đâu?”*.
Đức Phật xác định: Với thành tâm thưa hỏi
pháp, với lòng tin bất diệt của Bà La Môn
Bàhiya khi nhận ra tất cả các pháp không phải

là ta, là của ta, là bản ngã của ta thì ông chỉ còn nhận ra trạng thái tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Nhờ sống trong trạng thái tâm bất động ấy. Ông đã Nhập vào Đại Bát Niết Bàn và chấm dứt tái sinh luân hồi. Các bạn hãy đọc kỹ lưỡng lại đoạn kinh này: ***“Này các Tỳ kheo, Hiền trí là Bàhiya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễm Ta với những tranh luận về pháp. Này các Tỳ kheo, Bàhiya đã nhập Niết Bàn”***.

Tóm lại, người tu theo Phật giáo đâu phải tu tập khó khăn như người ta tưởng mà chỉ cần biết buông xả cho thật sạch dục và ác pháp, thì quả A La Hán ở tại đó.

Thường trong kinh điển Phật giáo có người nghe Phật thuyết pháp xong liền chứng đạo. Điều này có thật hay không? Điều này có thật. Vì có nhiều người đã tu chứng quả A La Hán mà không biết cứ nghĩ rằng quả A La Hán là cao siêu, là tu tập khó chứng lắm, nhưng không ngờ nó lại ở trong tầm tay của mọi người. Người tu hành chỉ cần biết buông xả từ bỏ tâm tham, sân, si thì ngay đó là Niết Bàn, là chứng quả A La Hán.

Trong Thanh Tịnh Đạo có một vị Thượng Tọa tu chứng quả A La Hán mà không biết, đến khi nhờ người thị giả đỡ ngồi dậy thì biết ngay đó là mình đã chứng quả A La Hán.

Các bạn hãy đọc một đoạn trong Luận Thanh Tịnh Đạo số 135 trang 74 nói về một vị trưởng lão bệnh đang nằm chờ chết. Tăng chúng và phật tử đến hỏi thăm Ngài tu hành có đắc địa vị siêu thế (A La Hán) không? Ngài bảo: ***“Ta không đắc địa vị siêu thế nào hết”***.

Khi ấy có một vị Tỳ kheo trẻ tuổi làm thị giả theo hầu Ngài và bảo: “Bạch Đại Đức mọi người vì tưởng Ngài đã đắc Niết Bàn nên mới đi hàng chục dặm đường để đến đây hỏi thăm Ngài, Ngài trả lời như vậy, họ sẽ vô cùng thất vọng. Tu hành như Ngài không lẽ chỉ chết như một phàm phu thường tình thì đau lòng lắm!

Vị trưởng lão trả lời: “Này Hiền giả vì muốn gặp đức Thế Tôn tương lai (Metteyya) nên ta không nỗ lực để đắc tuệ giác. Vậy bây giờ Hiền giả hãy đỡ ta ngồi dậy may ra có đắc chăng?

Vị Tỳ kheo liền đỡ Ngài dậy rồi đi ra. Khi vị Tỳ kheo ấy vừa ra khỏi, Trưởng Lão liền đắc quả A La Hán, và khảy móng tay ra hiệu Tăng chúng tụ lại bạch Ngài:

- Bạch Đại Đức, Ngài đã làm một việc rất khó, là hoàn thành Thánh quả vào lúc lâm chung.

- Chư Hiền việc ấy không khó. Nhưng Ta sẽ bảo cho chư Hiền biết là việc gì khó thật sự. Chư Hiền, từ khi xuất gia cho đến ngày nay, Ta không thấy có một hành vi nào Ta làm mà không ý thức, không có Chánh niệm kèm theo”.

Đọc đoạn luận trên đây chúng ta nhận xét câu: ***“Từ khi xuất gia cho đến ngày nay Ta không thấy có một hành vi nào, Ta làm mà không ý thức, không có chánh niệm kèm theo”.*** Đọc xong đoạn luận này chúng ta rất thấm thía cái khó của người tu hành theo đạo Phật không phải chỗ nhập Bốn Thánh Định, thực hiện Tam Minh chứng quả A La Hán mà ở chỗ ***Tĩnh Giác Chánh Niệm***. Có tỉnh giác chánh niệm ta mới buông xả sạch dục và ác pháp. Khi buông xả sạch dục và ác pháp là chứng quả A La Hán, chứ không phải còn tu

tập pháp môn nào cả. Đạo Phật thì chỉ có tu tập bấy nhiêu thôi.

Vị Trưởng lão này đã trình bày cho chúng ta thấy pháp hành và kết quả của chánh niệm tỉnh giác. Nhưng Ngài không biết đó là chứng quả A La Hán nên chờ đợi đức Thế Tôn tương lai để xác định chỗ tu của Ngài.

Trong khi Ngài bệnh đau đang nằm chờ chết, không ngồi dậy nổi, mới khởi ý nhờ vị Tỳ kheo trẻ tuổi đỡ dậy, trong khi mọi người đến thăm.

Khi khởi ý muốn ngồi dậy, đó là Ngài đang sử dụng “DỤC NHƯ Ý TỨC” nhưng Ngài không biết. Khi được ngồi dậy Ngài thấy mình không còn bệnh đau yếu đuối nữa. Ngài mới biết mình đã chứng quả A La Hán vô lậu. Vì vô lậu nên tác ý muốn ngồi dậy bệnh liền biến mất và Ngài tự tại ra đi.

Chính chỗ này là chỗ tâm thanh thản, an lạc và vô sự là quả A La Hán mà có ai ngờ đâu. Khi sử dụng năng lực của Tứ Thần Túc thì mới biết mình chứng quả A La Hán. Hoặc có người chỉ thẳng cho ta thì ta mới nhận ra trạng thái

tâm thanh thản, an lạc và vô sự là trạng thái chứng quả A La Hán.

Trong thời đức Phật còn tại thế có nhiều vị Bà La Môn đã tu tập được tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Nhưng không biết đó là quả A La Hán nên khi nghe đức Phật khai ngộ thì họ mới nhận ra. Khi đã nhận ra mới biết mình đã chứng quả A La Hán ngay liền, là vì họ tu tập rất lâu mới chứng đạt được chỗ tâm **Chánh Niệm Tỉnh Giác** như vị Trưởng lão trong Luận Thanh Tịnh Đạo đã nói: **“Việc chứng quả A La Hán không khó, nhưng Ta sẽ bảo cho chư Hiền biết là việc gì khó thật sự. Chư Hiền, từ khi Ta xuất gia cho tới ngày nay, Ta không thấy có một hành vi nào ta làm mà không ý thức, không có chánh niệm kèm theo”**.

Vị Trưởng lão tu như vậy, sống như vậy, làm sao không chứng quả A La Hán được. Phải không các bạn?

Cho nên, các bạn đừng hỏi chứng quả A La Hán. Mà hãy hỏi các bạn có Tỉnh Giác Chánh Niệm trong từng hành động của các bạn chưa?

Quả A La Hán không khó mà khó ở chỗ Chánh Niệm Tỉnh Giác xin các bạn hãy lưu ý điều này để sự tu tập của các bạn có kết quả tốt đẹp.



NHIẾP PHỤC THÂN TÂM

LỜI PHẬT DẠY

“Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn gần như muốn chết. Nhưng Thế Tôn giữ tâm Chánh Niệm Tỉnh Giác, chịu đựng cơn đau ấy. Không một chút ta thán. Thế Tôn tự nghĩ: “Thật không hợp lẽ nếu ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỳ kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống. Và Thế Tôn với sức tinh tấn nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn”.

Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi...”.

(Kinh Trường Bộ tập I trang 582,
kinh Đại Bát Niết Bàn).

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh này xác định về thân bệnh rất rõ ràng: Thân tứ đại là thân nhân quả. Thân nhân quả là thân vô thường, thân vô thường là phải có bệnh tật và khổ đau, dù người đó đã tu chứng đạo như đức Phật, nhưng thân nhân quả phải bệnh tật như những thân nhân quả khác, chứ không phải người chứng đạo là thân nhân quả không có bệnh tật. Đó là qui luật chung nhân quả của các pháp do duyên hợp thành, nên có thân phải có bệnh tật, nhưng đạo Phật làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc. Vì thế, đối với bệnh tật đức Phật chỉ dùng Chánh Niệm Tỉnh Giác và tinh tấn tác ý đẩy lui bệnh tật ra khỏi thân Tứ Đại.

Đọc đoạn kinh trên đây chúng ta thấy rất rõ ràng: ***“Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết”***. Đúng vậy, dù tu hành có chứng đạo nhưng thân tứ đại vẫn là thân tứ đại nên phải bệnh tật đau khổ cũng như mọi thân người khác. Nhưng người tu hành theo Phật giáo có pháp hành Định Niệm Hơi Thở, có pháp hành Tứ Niệm

Xứ. Tứ Niệm Xứ sung mãn thì có đủ năng lực Bảy Giác Chi, là có Tứ Thần Như Ý Túc. Nhờ đó nên nhiếp phục và đẩy lui tất cả bệnh tật không có khó khăn, không có mệt nhọc như trên đã nói. Cho nên, người tu theo Phật giáo không đi bác sĩ, không nằm bệnh viện. Còn những người tu hành không đúng chánh pháp như các Thầy Đại Thừa và Thiên Tông không làm chủ được bệnh tật nên phải đi bác sĩ, nằm bệnh viện uống thuốc và chích thuốc. Họ đã tu hành sai pháp, chứ pháp môn của Phật là pháp môn làm chủ sanh, già, bệnh, chết rất tuyệt vời, nó giúp cho người tu hành làm chủ sanh tử chấm dứt luân hồi.

Trên đây là một đoạn kinh dạy trị bệnh rất hay, cụ thể và rõ ràng. Đoạn kinh này chỉ có người tu chứng mới hiểu được nghĩa vì đó là kinh nghiệm bản thân, còn các nhà học giả, khi đọc đến đoạn kinh này họ đều giảng dạy lướt qua, chứ không thể nào hiểu được. Do không hiểu nên không nêu rõ ý nghĩa cách thức làm chủ bệnh. Đây các bạn hãy lắng nghe lời dạy này: ***“Nhưng Thế Tôn giữ tâm Chánh Niệm Tỉnh Giác chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán”***.

Đọc câu kinh này, các bạn có biết rõ Phật đang trị bệnh của mình, như thế nào không?

Câu kinh này lời dạy quá cô đọng, khiến cho người đọc đến đây không biết đức Phật dùng pháp môn nào để đối trị thân bệnh của mình gần như sắp chết.

Kính thưa các bạn! Nếu các bạn không hỏi ý nghĩa của đoạn kinh này thì các bạn chẳng bao giờ biết Phật dùng pháp môn nào để đẩy lui bệnh cả. Chúng tôi xin các bạn lưu ý những cụm từ **Chánh Niệm Tỉnh Giác**. Chánh Niệm Tỉnh Giác là tên một pháp môn trong 4 pháp môn mà đức Phật dạy cho chúng ta đầu tiên khi mới bước chân vào đạo tu tập, đó là pháp môn Tứ Chánh Cần. Trong pháp môn Tứ Chánh Cần gồm có:

- 1 - Chánh Niệm Tỉnh Giác Định
- 2 - Định Vô Lậu
- 3 - Định Sáng Suốt
- 4 - Định Niệm Hơi Thở

Bây giờ các bạn đã hiểu rõ Chánh Niệm Tỉnh Giác là một pháp môn đối trị bệnh tật mà ở đây đức Phật đã dùng nó để trị bệnh gần chết của mình. Nhưng Chánh Niệm Tỉnh Giác chỉ là để chịu đựng cơn đau cũng giống như

người ôm phao vượt biển. Như đoạn kinh trên đã dạy: ***“Giữ tâm Chánh Niệm Tỉnh Giác chịu đựng cơn đau không một chút ta thán”***. Cho nên, khi có những cơn đau như dao cắt ruột thì chỉ còn có cách giữ gìn tâm Chánh Niệm Tỉnh Giác trên Thân Hành Niệm Nội (hơi thở) hay Thân Hành Ngoại (hành động tay chân) nhờ giữ tâm tỉnh giác trên thân hành ta mới chịu đựng được những cơn đau như ai cắt ruột, bứt gan.

Đối với đạo Phật đây là phương pháp đầu tiên để chiến thắng giặc sanh tử, giặc bệnh tật và giặc luân hồi. Đối với những loại giặc này, nếu các bạn không chịu rèn luyện tu tập cho thuần thực, nhu nhuyễn những pháp môn này thì rất khó cho các bạn chiến thắng chúng.

Kính thưa các bạn! Ở đây đức Phật đã thực hiện các pháp môn này để trị ngay trên thân bệnh gần chết của mình, hành động ấy rất rõ ràng và cụ thể nhất trong đoạn kinh này. Nhờ đó lòng tin các bạn lại càng gia tăng lên bội phần; nhờ đó sự học tập và tu luyện lại càng siêng năng hơn. Lúc nào cũng lấy gương hạnh của Phật mà áp dụng vào cho mình; nhờ biết dùng những pháp môn này để đối trị những ác pháp đang tấn công ào ạt vào thân

tâm; nhờ có những pháp môn này mà tâm các bạn mới bất động hoàn toàn, mới ly dục ly ác pháp được trọn vẹn.

Kính thưa các bạn! Như các bạn đã biết Chánh Niệm Tỉnh Giác trên thân hành là pháp môn để vượt qua những cơn đau ghê gớm, khốc liệt như dao cắt, nhưng với hành giả Phật giáo nhờ Chánh Niệm Tỉnh Giác nên không một chút rên la kêu khóc. Đó là phương pháp vượt qua cơn đau, chứ không phải là phương pháp trị cơn đau. Xin các bạn lưu ý: Nó giống như người bị sóng gió ba đào giữa biển chỉ còn ôm phao vượt biển, nó giống như lỗ châu mai của người lính đánh trận, khi giặc bắn rát quá chỉ còn núp dưới lỗ châu mai để tránh đạn, chờ lúc nào thuận tiện nhào lên là đánh lại ngay liền. Với giặc sinh tử khôn ngoan vô cùng chúng đánh chúng ta nhiều mặt, nếu không kịp phát hiện ra là chúng ta bị thua trận ngay liền. Vậy đánh lại ngay liền là đánh bằng pháp môn nào?

Chúng ta hãy đọc đoạn kinh thứ hai để xem đức Phật dùng pháp môn gì để nhiếp phục cơn đau và duy trì mạng căn để tiếp tục sống.

Đây, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Thế Tôn tự nghĩ: “Thật không hợp lẽ***

nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỳ kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống”.

Kính thưa các bạn! Các bạn hãy lưu ý những cụm từ dưới đây, đó là những cụm từ cần phải hiểu nghĩa rõ ràng:

- 1- Hãy lấy sức tinh tấn.
- 2- Nhiếp phục cơn bệnh này.
- 3- Duy trì mạng căn và tiếp tục sống.

Cụm từ thứ nhất có nghĩa là hãy lấy sức tinh tấn, tức là phải siêng năng ôm pháp môn cho thật chặt, không được lơ lửng. Như người ôm phao vượt biển.

Ví dụ: Khi thân bị bệnh đau bất cứ chỗ nào, nặng nhẹ mặc kệ chúng ta hãy cố gắng dựng thân ngồi kiết già sừng sững đừng nên nằm, rồi nhiếp tâm thanh thân, an lạc và vô sự, khi tâm thanh thân, an lạc và vô sự thì tâm định trên hơi thở ra hơi thở vào một cách nhẹ nhàng rõ ràng và cụ thể. Khi biết tâm đã định trên hơi thở như vậy thì chúng ta tác ý nhắc: ***“Thọ là vô thường cái đau bệnh này phải đi khỏi nơi thân tâm ta”*** (Nhất là phải chỉ rõ

bệnh gì? Bệnh ở đâu?). Khi tác ý xong câu này thì tiếp tục tác ý câu thứ hai: **“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”**. Khi tác ý xong thì cứ bám cho chặt trong hơi thở vô, hơi thở ra, ý thức chỉ biết hơi thở vô ra đều đặn, đừng lưu ý đến bệnh đau, thỉnh thoảng lại tác ý: **“Thọ là vô thường cái thân bệnh này hãy đi! Đi! Đi cho khỏi thân ta”**. Trên đây là phần nhiếp phục cơn bệnh đau mà trong kinh chỉ nói vắn tắt, khiến cho mọi người khó hiểu vì lời dạy quá cô đọng: **“Ta hãy lấy sức tinh tấn nhiếp phục cơn bệnh này”**, đọc đến đây không ai biết pháp trị bệnh của đức Phật như thế nào? Nếu chúng tôi không giải thích thì các bạn không bao giờ hiểu rõ nghĩa lý của đoạn kinh này thì muôn đời đoạn kinh này vẫn khép kín mà các nhà học giả không bao giờ khám phá ra được. Phải không các bạn? Đó là pháp môn như lý tác ý và pháp môn Định Niệm Hơi Thở.

Cụm từ thứ ba là duy trì mạng căn và tiếp tục sống, lời dạy này cũng làm mọi người không thể hiểu.

Thưa các bạn! Khi duy trì mạng căn và tiếp tục sống thì chúng ta phải tu tập pháp môn gì đây? Đó là pháp môn Tứ Niệm Xứ các

bạn ạ! Pháp môn Tứ Niệm Xứ còn gọi là pháp môn quét tâm. Đây các bạn hãy lắng nghe pháp môn quét tâm:

“1- Trên thân quán thân để khắc phục tham úu.

2- Trên thọ quán thọ để khắc phục tham úu.

3- Trên tâm quán tâm để khắc phục tham úu.

4- Trên pháp quán pháp để khắc phục tham úu”.

Bốn pháp môn Tứ Niệm Xứ này chúng ta phải tu tập như thế nào?

Kính thưa các bạn! Muốn trả lời câu hỏi này, xin các bạn hãy trả lời câu hỏi của chúng tôi. Khi thân tâm các bạn không có chướng ngại pháp thì trạng thái ấy là gì? Các bạn không trả lời được chúng tôi xin trả lời thay. Đó là trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Các bạn có nhận ra trạng thái này chưa? Nếu chưa thì các bạn hãy ngồi yên lặng rồi quan sát thân, thọ, tâm, pháp thì chỉ trong phút giây các bạn sẽ nhận ngay liền. Nếu các bạn đã nhận ra thì đó là trạng thái của tâm Tứ Niệm Xứ. Khi có một niệm ác tác động vào

thân tâm của các bạn thì các bạn quan sát thấy ngay liền. Lúc bấy giờ các bạn dùng cây chổi thân pháp môn như lý tác ý mà quét niệm ác đó ra liền, như đoạn kinh trên đức Phật giữ tâm Chánh Niệm Tỉnh Giác, chịu đựng cơn đau ấy, không rên la một chút xiu nào cả. Từ bất động tâm ấy rồi siêng năng dùng pháp như lý tác ý quét bệnh ra như trên đã dạy. Cuối cùng đẩy lui được bệnh thì thân tâm trở về trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự.

Thưa các bạn! Trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự trong đó còn có tâm tham, sân, si hay những sự phiền muộn khổ đau nữa không? Nếu có khổ đau, có phiền não, còn tham, sân, si thì làm sao gọi là tâm thanh thản, an lạc và vô sự được. Phải không các bạn?

Người đời vì tâm còn tham, sân, si dễ sanh ra phiền muộn, khổ đau nên tuổi thọ giảm lần, vì thế nên không duy trì mạng căn được và không thể tiếp tục sống lâu được. Cho nên, đoạn kinh này dạy: **“Duy trì mạng căn tiếp tục sống”** tức là đức Phật đang giữ gìn tâm thanh thản, an lạc và vô sự, đó là phương pháp duy trì mạng căn và tiếp tục sống trường thọ.

Kính thưa các bạn! Phật pháp không đối người, chỉ có con người không chịu tu tập nên không làm chủ sự khổ đau của kiếp người mà thôi. Bài kinh Đại Bát Niết Bàn đã xác định rõ ràng. Pháp môn nào đẩy lui bệnh tật và pháp môn nào duy trì mạng căn sống lâu muôn tuổi như trên đã chú thích. Đây là những lời Phật dạy chứ không phải chúng tôi tự kiến giải theo kiểu Đại Thừa. Xin các bạn tư duy cho kỹ đừng vội bảo rằng chúng tôi đúng mà cũng đừng vội bảo rằng chúng tôi sai. Vì những lời dạy này sẽ được áp dụng vào đời sống của mọi người. Và những kết quả đối trị được những bệnh tật của cơ thể, thì đó sẽ là câu trả lời đúng, sai.

Đây là một bài kinh rất sống động, chính lấy thân Phật làm một thí điểm để áp dụng các pháp mà đức Phật đã dạy chúng ta. Như vậy rõ ràng đức Phật do từ các pháp môn này mà làm chủ sự sống chết, bệnh tật thì chúng ta cũng ngay từ trên các pháp môn này mà tu tập thì cũng làm chủ được sự sống chết, bệnh tật và kéo dài tuổi thọ, muốn sống muốn chết tự tại như Phật ngày xưa.

Một bài pháp có giá trị lợi ích rất lớn cho loài người. Xin các bạn hãy lưu ý và đặt trọn lòng tin nơi pháp bảo này để mang lại lợi ích

cho mình, cho người, nhờ đó Phật pháp sẽ sáng
chói huy hoàng mãi mãi muôn đời.



PHÁP MÔN TÁC Ý

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến 80 tuổi.

Này Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thắng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chông đỡ dây chằng.

Này Ananda, chỉ khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và trú vô tướng tâm định, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái”.

(Kinh Trường Bộ tập I trang 584,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Kính thưa các bạn! Đoạn kinh trên đây, chỗ chúng ta chú ý là pháp môn **“Tác Ý”**, nhờ có tác ý mà đức Phật diệt trừ được một số cảm thọ tức là bệnh đau, nhờ có tác ý mới chúng và an trú trong vô tướng tâm định, nên thân tâm Phật mới được thoải mái, an lạc, nhẹ nhàng.

Như vậy, đoạn kinh này dạy rất cụ thể, rõ ràng, khi đức Phật xác định thân tứ đại của mình già yếu lúc 80 tuổi: **“Này Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến 80 tuổi”**. Đúng vậy thời gian này đức Phật đã già yếu, thân tứ đại đã cần cỗi, suy mòn chỉ còn chờ bỏ xác thân này nữa mà thôi.

Kính thưa các bạn! Đối với đạo Phật có đôi mắt nhìn các pháp trên thế gian như thật, bởi vì tất cả pháp đều chịu chung một qui luật vô thường. Trên đời này không có một pháp gì (một vật gì) tồn tại mãi, dù cho đất, đá, núi, sông; dù cho trăng, sao, mặt trời, trái đất vẫn phải theo qui luật vô thường hoại diệt.

Người tu theo Phật giáo không bao giờ tham sống, sợ chết; không bao giờ ước mong cho thân này sống lâu, trường thọ muôn tuổi,

mà chỉ sống, sống có ích lợi cho loài người, cho thế gian này, còn sống không ích lợi thì họ sẽ ra đi chẳng hề thương tiếc một vật gì cả. Danh lợi đối với họ chẳng có nghĩa lý gì, như sương mai buổi sáng, như nước chảy qua cầu.

Kính thưa các bạn! Sự vô thường ấy của vạn vật, chính vì vạn vật do từ các duyên nhân quả tạo thành, nên phải theo định luật duyên hợp mà có thành, có hoại. Dù cho Tiên đạo, Yoga có cố gắng tu tập để thân tứ đại này bất tử. Nhưng không thể làm trái lại với qui luật vô thường của luật nhân quả được. Ngoại trừ tất cả các tôn giáo chỉ có Phật giáo mới làm chủ được nhân quả. Các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này Ananda, nay Như Lai đã tu Bốn Thân Túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu Như Lai muốn có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”***. Đấy các bạn có nghe thấy chẳng? Phật pháp có thể duy trì mạng sống, nhưng sống để làm gì? Sống phải có ý nghĩa với đời, có lợi ích cho mọi người, chứ sống không ý nghĩa, không ích lợi thì sống để làm gì? Khi đã tự tại trong sự sống chết mà sống

không ý nghĩa, không lợi ích cho đời, thì chết đi lại càng tốt hơn. Phải không các bạn?

Nhưng thưa các bạn! Một ảo vọng trường sinh bất tử, Tiên đạo đã lừa đảo vua Đường Minh Hoàng bỏ bao công sức đi tìm thuốc trường sinh bất tử, nào có được gì đâu? Cuối cùng Đường Minh Hoàng vẫn phải theo luật vô thường sinh diệt, không thể nào làm khác được (điều đáng thương cho Đường Minh Hoàng đã bị lừa đảo mà không biết). Thật đáng thương thay!

Ở đây, đạo Phật đã xác định rõ ràng về thân tứ đại vô thường: ***“Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến 80 tuổi. Nay Ananda như cỗ xe đã già mòn, sợ dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chớng đỡ dây chằng. Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái”***.

Thân tứ đại vô thường khi già yếu suy mòn thì biết bao nhiêu cảm thọ (bệnh tật) đổ

dồn ra, dù đức Phật đã tu hành chứng đạo, có đầy đủ Tứ Thần Túc nhưng qui luật nhân quả vô thường không tha thứ cho một ai, khi còn mang thân tứ đại nhân quả này thì còn bị qui luật nhân quả không ai thoát khỏi. Nếu đức Phật không có pháp môn như lý tác ý thì làm sao diệt trừ được một số các cảm thọ tức là bệnh đau? Làm sao giữ tâm bất động được. Phải không các bạn?

Đọc đến đoạn kinh này chúng ta rất thương xót tất cả chúng sanh, khi thân tứ đại của họ già yếu suy mòn, không một người nào tránh khỏi qui luật nhân quả này. Vì thế, mọi người đều phải có ngày già yếu. Già yếu thì nay đau bệnh này, mai đau bệnh khác, khi thời tiết thay đổi thì thân đau nhức khắp người, thật là khổ sở vô cùng, vô tận. Phải không các bạn?

Tóm lại, đoạn kinh trên, nếu ai tu tập nhiếp tâm và an trú tâm được trên thân hành nội hay thân hành ngoại là có thể đẩy lui được bệnh khổ trên thân làm chủ được bệnh tật. Do những lời dạy này mà Thầy đã thiện xảo biến đề mục thứ năm của Định Niệm Hơi Thở trở thành một pháp môn thân hành đưa tay ra đưa tay vô để nhiếp phục mọi bệnh khổ trên thân của các bạn bằng câu tác ý: “**An tịnh thân**”

hành tôi biết tôi đưa tay vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi đưa tay ra”. Các bạn có tin pháp này không? Nó là pháp môn Thân Hành Niệm đấy các bạn! Nếu tin thì các bạn tu tập sẽ đem lại lợi ích lớn cho các bạn, các bạn sẽ đẩy lui được bệnh khổ trên thân, chứ Thầy đâu có lợi ích gì. Phải không các bạn?

Tất cả những lời Phật dạy đều đem lại lợi ích cho mọi người, cho tất cả chúng sanh, Những lời dạy của đức Phật, không có lời dạy nào vô ích. Các bạn cứ xét xem lại trong bốn tập Những Lời Phật Dạy có lời nào dạy thừa dư không lợi ích chưa? Lời dạy nào cũng đều mang đến sự an vui và hạnh phúc cho mọi người; lời dạy nào cũng mang đến một tình thương yêu chân thật và tha thứ cho nhau những lỗi lầm.



LỜI DI CHỨC CUỐI CÙNG

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỳ kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi”.

(Trường Bộ Kinh tập I trang 585,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Trước khi nhập Đại Bát Niết Bàn đức Phật đã ân cần dạy bảo ông Ananda những điều cần thiết trên đây. Vậy chúng ta cứ theo lời dạy này mà tu tập, không nương vào một người nào cả.

Theo lời dạy trên đây, chúng ta tu hành theo Phật giáo thì không nên nương tựa vào bất cứ một vị Phật nào, một vị Tổ Sư nào, mà hãy nương tựa vào chính mình, lấy mình làm ngọn đèn soi sáng cho chính mình đi, không nương tựa vào một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương vào một pháp gì khác. Vậy Chánh pháp ở đây là pháp nào?

Đối với những lời dạy trong kinh sách Nguyên Thủy thì Chánh pháp của Phật là Tứ Niệm Xứ. Cho nên, chúng ta nhận xét những lời dạy trong kinh sách phát triển sau này đều không phải là Chánh pháp, vì những pháp của họ không phải là pháp môn Tứ Niệm Xứ. Không phải pháp môn Tứ Niệm Xứ là không phải Phật thuyết mà do các Tổ sau này biên soạn viết ra. Đó là một loại pháp môn cầu tha lực của ngoại đạo, được cải cách theo thời đại cho thích hợp với sự mê tín của những người dân còn lạc hậu, của những người dân trình độ kiến thức từ các bộ lạc xa xưa đến ngày nay. Khi biên soạn ra những bộ kinh sách này, các Tổ Sư khéo đặt cho giáo pháp của mình một cái tên thật là vĩ đại **PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA**, còn Thiên Tông lại đặt cho giáo pháp của mình một

cái tên thật là kinh khủng **PHẬT GIÁO TỐI THƯỢNG THỪA**. Tên pháp thì rất hay nhưng tu tập pháp thì chẳng có gì lợi ích thiết thực, cụ thể, chỉ toàn sống trong ảo tưởng, mơ mộng.

Đoạn kinh trên có một cụm từ khiến cho các bạn nên lưu ý. Đó là: **“dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp nào khác?”**.

Khi nói đến Chánh pháp thì Đại thừa cũng gọi pháp môn của mình là Chánh Pháp. Vậy chúng ta muốn biết Chánh pháp như thế nào đúng và như thế nào sai đây?

Kính thưa các bạn! Chánh pháp ở đây là một pháp duy nhất để đưa dắt con người đi đến cứu cánh hoàn toàn giải thoát, mà đức Phật khi còn sống Ngài đã xác định rõ ràng để các bạn không còn lầm lạc với tà pháp mà các nhà Đại Thừa khéo lồng vào giáo pháp của đức Phật. Giáo pháp của Đại Thừa gồm có: Nào là tụng niệm, cúng bái, cầu siêu, cầu an; nào là niệm Phật Di Đà cầu vãng sanh Cực Lạc; nào là niệm chú, bắt ấn hô phong hoán vũ; nào là ngồi thiền kiến tánh thành Phật; nào lay hồng danh sám hối để tiêu trừ tai ách; nào Sổ Tức Quán; nào là Lục Diệu Pháp Môn; nào là Tham

Công Án, Tham Thoại Đầu; nào là tu Nhĩ Căn Viên Thông; nào là biết vọng liền buông; nào là chẳng niệm thiện niệm ác, bản lai diện mục hiện tiền v.v.. Những pháp môn của Đại Thừa trên đây cũng làm chúng ta tối mắt, không biết chọn lựa pháp nào là Chánh pháp. Đứng trong rừng pháp môn của Đại Thừa chúng ta mù mịt, không biết đâu là pháp môn chân chánh, vì pháp môn nào Đại Thừa cũng gọi là đệ nhất pháp.

Bây giờ, các bạn hãy nghe Chánh pháp của đức Phật, Ngài đã dạy cho chúng ta trước giờ phút diệt độ tức là lời di chúc cuối cùng của Ngài: ***“Này Ananda, ở đời, vị Tỳ kheo đối với thân quán thân, tinh tấn tinh giác chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ...; đối với tâm...; đối với các pháp, quán pháp tinh tấn tinh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ananda, như vậy vị Tỳ kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác”***.

Kính thưa các bạn! Đọc đoạn kinh này chắc các bạn có biết đức Phật đã dạy cho các bạn tu tập pháp môn gì không?.

Trên đây là pháp môn Tứ Niệm Xứ đấy các bạn ạ! Nhưng các bạn nên lưu ý những từ mà đức Phật nhấn mạnh như:

1. Quan sát (thân, thọ, tâm, pháp).
2. Tinh tấn.
3. Tỉnh giác.
4. Chánh niệm.
5. Nhiếp phục mọi tham ái ưu bi trên đời.

Trên đây có năm nhóm từ, các bạn có hiểu nghĩa và cách thức thực hành tu tập của năm nhóm từ này chưa? Các bạn hãy lắng nghe chúng tôi sẽ giải thích và chỉ dẫn cho các bạn hiểu nghĩa để các bạn thực hành mà không sai lạc. Vậy quán sát thân, thọ, tâm, pháp là gì?

QUÁN SÁT có nghĩa là xem xét, tỉnh thức, không bị mờ mịt, mê mờ, thấy biết rõ ràng từng sự kiện xảy ra không bỏ sót một việc nhỏ nhặt nào trên thân, thọ, tâm và pháp.

THÂN là cơ thể của các bạn do đất, nước, gió, lửa hợp lại thành, gọi là thân tứ đại. Bản chất của thân tứ đại là vô thường, là khổ, vô

ngã, thường hoại diệt, mạng sống của thân chỉ có bảy, tám mươi năm hoặc 100 năm là cao.

THỌ là các cảm thọ về thân là đau nhức, mỏi; về tâm là buồn phiền, rầu lo thương ghét, giận hờn v.v..

Thọ gồm có ba:

- 1- Thọ lạc
- 2- Thọ khổ
- 3- Thọ bất lạc, bất khổ

TÂM là sự hiểu biết, sự tư duy, là niệm khởi, là vọng tưởng, là sự suy tâm, là tâm tứ.

PHÁP là âm thanh, sắc tướng, là mọi sự việc xảy ra, là thời tiết nắng mưa gió bão, là đất, đá, núi, sông đều là pháp, ngay cả thân ngũ uẩn cũng gọi là pháp, mỗi hành động tu tập cũng gọi là pháp, lời giảng dạy của Phật trong các kinh sách cũng đều là pháp. Như vậy các bạn đã hiểu nghĩa các cụm từ này Vậy quán thân, thọ, tâm, pháp nghĩa là gì?

I- Quán THÂN, THỌ, TÂM, PHÁP có nghĩa là các bạn nên xem xét rất kỹ lưỡng về toàn thân, về các cảm thọ, về toàn tâm và về các pháp. Nói cho đúng nghĩa là các bạn theo dõi thân, thọ, tâm, pháp của các bạn đang hoạt động theo nghiệp lực nhân quả. Nếu sự hoạt

động ấy bị tác động làm khổ các bạn và người khác thì các bạn ngăn và diệt, còn sự hoạt động ấy đem lại sự bình an cho các bạn và người khác thì các bạn hãy để nó hoạt động, chứ không phải ngăn diệt. Với việc làm này đức Phật gọi là tu tập Tứ Niệm Xứ. Tu tập Tứ Niệm Xứ là tu tập làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Vậy các bạn hãy học và tu tập về các phần trên thân, thọ, tâm và pháp.

Thứ nhất: Quán thân có nghĩa là luôn luôn tỉnh giác trên thân, biết rõ thân có xảy ra những cảm thọ gì, ở đâu, chỗ nào trên thân, nhờ tỉnh giác như vậy các bạn sử dụng đúng pháp để nhiếp phục những cảm thọ ấy không còn tác động vào thân các bạn được nữa.

Thứ hai: quán các cảm thọ có nghĩa là tỉnh giác trên thân biết rõ thân đau bệnh gì, nhức mỗi chỗ nào, nhờ đó các bạn mới đối trị và nhiếp phục đẩy lui chúng ra khỏi thân của các bạn bằng phương pháp như lý tác ý và an trú tâm trong thân hành nội hay thân hành ngoại. Đây là phương pháp làm chủ bệnh trong pháp môn Tứ Niệm Xứ chỉ có Phật giáo mới có mà thôi.

Thứ ba: quán tâm có nghĩa là xem rất kỹ về tâm, tâm đang động hay tâm đang tịnh, tâm

đang tịnh là tâm thanh thân, an lạc và vô sự. Còn khi nào tâm mất thanh thân, an lạc và vô sự là tâm rơi vào hai trạng thái một là bị hôn trầm, thù miên, vô ký, ngoan không; hai là tâm đang phóng dật, phóng niệm.

Khi tâm rơi vào hôn trầm, thù miên vô ký, ngoan không thì các bạn hãy nhớ giữ gìn giới luật cho nghiêm chỉnh đừng để vi phạm những lỗi nhỏ nhặt nào và tu tập pháp môn Thân Hành Niệm. Nếu các bạn tu tập đúng như vậy thì hôn trầm, thù miên, ngoan không sẽ không còn thăm các bạn nữa. Trong Định Niệm Hơi Thở có hai đề mục phá hôn trầm thù miên vô ký tuyệt vời, đó là ***“Quán tâm định tỉnh tôi biết tôi hít vô, quán tâm định tỉnh tôi biết tôi thở ra”***. Đề mục thứ hai: ***“Hít vô dài tôi biết tôi hít vô dài, thở ra dài tôi biết tôi thở ra dài”***. Khi vận dụng hơi thở dài tức là hơi thở chậm thì hôn trầm cũng không bén mảng đến thân tâm các bạn được.

Thứ tư: quán các pháp có nghĩa là xem xét rất kỹ về các pháp đang tác động vào thân tâm của các bạn, những pháp ấy làm cho thân tâm của các bạn bất an, thì các bạn dùng pháp phòng hộ các căn. Khi phòng hộ các căn thì các pháp sẽ không xâm chiếm vào thân tâm của

các bạn được. Trong định Niệm Hơi Thở có hai đề mục phòng hộ thân tâm của các bạn rất tuyệt vời, đó là: ***“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”*** và ***“An tịnh tâm hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh tâm hành tôi biết tôi thở ra”***. Hai đề mục trên đây muốn có kết quả tốt và hiệu nghiệm thì các bạn hãy siêng năng tu tập cho chúng đạt được sự an trú vào hơi thở.

Trên đây là cách thức tu tập quan sát bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp trong pháp môn Tứ Niệm Xứ.

Pháp môn Tứ Niệm Xứ khi tu tập các bạn nên nhớ: Quán Thân thì các bạn đừng nghĩ lầm là chỉ có quán thân mà thôi. Do đó, có một số trường thiền dạy tu Tứ Niệm Xứ lại cắt pháp môn Tứ Niệm Xứ ra bốn phần: Có trường thiền chuyên tu tập **QUÁN THÂN**; có trường thiền lại chuyên tu tập **QUÁN THỌ**; có trường thiền chuyên tu tập **QUÁN TÂM**, nhưng chưa có trường thiền chuyên tu tập **QUÁN PHÁP**. Đó là một sự sai lầm quá lớn. Trong kinh sách Nguyên Thủy chưa từng thấy Phật dạy tu tập Tứ Niệm Xứ phân chia thân, thọ, tâm, pháp kỳ lạ như vậy. Vì thế, các bạn nên hiểu: nói quán thân chứ kỳ thực là quán bốn chỗ thân, thọ,

tâm, pháp; cho nên, nói quán thọ chứ kỳ thực là quán bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp; nói quán tâm chứ kỳ thực là quán bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp; nói quán pháp chứ kỳ thực là quán bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp. Có tu tập như vậy mới gọi là tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ. Còn tu tập từng phần là tu tập sai pháp.

Các xứ Phật giáo Nguyên Thủy Nam Tông do các nhà học giả tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ một cách kỳ lạ, mà chưa từng thấy có một bài kinh nào Phật dạy như vậy. Xin các bạn lưu ý đừng vội tin họ. Muốn tin thì phải tin đúng lời Phật dạy, vì các bạn là những người đệ tử Phật, chứ không phải đệ tử của ngoại đạo. Nếu các bạn tu sai lời Phật dạy, tu theo kiến giải của các sư thầy học giả là các bạn đã rơi vào ngoại đạo.

2549 năm cách Phật thời gian quá xa, không người tu chứng, nên theo tưởng giải kiến thức của những nhà học giả rồi vẽ ra nhiều pháp tu tập mới mẻ, khiến cho mọi người theo Phật giáo không biết đường nào tu tập cho đúng.

Muốn tu tập đúng pháp không bị sai lầm, như đức Phật đã dạy: ***“Này các Tỳ kheo, ở đây, có kẻ phàm phu ít nghe, không được***

thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhân, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhân, không tu tập pháp các bậc Chơn nhân”. Do không gặp những bậc này nên tu hành sai pháp, như những kẻ vô văn phạm phu ít nghe, ít thấy những bậc Thánh, những bậc Chơn nhân nên cứ dựa theo miệng lưỡi của những ông thầy tu hành chưa chứng đạo. Vì vậy mà phí cả một đời người.

II- Tinh tấn có nghĩa là siêng năng, cần cù tu tập. Cụm từ tinh tấn này các bạn phải hiểu là, hằng giờ, hằng phút, hằng giây luôn luôn phải siêng năng quan sát 4 chỗ thân, thọ, tâm và pháp để xem xét sự động tịnh, sự thanh thản, an lạc và vô sự hay sự bất an, sự mất thanh thản, an lạc và vô sự. Nếu khi thân tâm mất thanh thản, an lạc và vô sự thì phải dùng pháp đẩy lui những chướng ngại pháp đang tác động vào thân tâm, tức là phải khắc phục những tham ái, ưu bi, sầu khổ nơi tâm hoặc những cảm thọ đau nhức bệnh tật nơi thân. Nhưng khi tất cả những cảm thọ và các ác pháp do tâm không có khởi ra, thì nên cảnh

giác những trạng thái si mê hôn trầm, thù miên sẽ tấn công.

III- Tỉnh giác có nghĩa là tỉnh táo, biết rõ ràng, không bị lơ mờ, không ở trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, hay trạng thái hôn trầm, thù miên, vô ký, ngoan không v.v.. Tỉnh giác có nghĩa là thân và tâm phải tỉnh thức hoàn toàn, thân không uể oải, lười biếng, tâm không mê mờ và không ở trạng thái lúc tỉnh lúc mê. Tỉnh giác là không có một chút xíu nào hôn trầm thù miên trong thân tâm thì mới được gọi là tỉnh giác. Có tỉnh giác mới quan sát kỹ lưỡng, do quan sát kỹ lưỡng mới thấy được từ tâm niệm của mình vừa khởi lên là thấy liền và ngay đó biết cả niệm đó là ác pháp hay niệm thiện pháp, nó muốn gì? Làm gì? Mỗi niệm khởi lên đều không lọt qua sự quan sát của các bạn và như vậy mới có thể gọi là tỉnh giác, nhờ có tỉnh giác như vậy mới nhiếp phục được mọi tham ái, mọi ưu bi, mọi khổ đau trên đời này.

IV- Chánh niệm là niệm vô lậu. Niệm vô lậu tức là niệm thiện, niệm không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai. Cho nên, Chánh niệm gồm có:

1- Thân hành niệm nội. Thân hành niệm nội là hơi thở.

2- Thân hành niệm ngoại. Thân hành niệm ngoại là sự hoạt động của thân như: đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, đưa tay, duỗi chân, cúi đầu, liếc mắt, ngó nhìn làm tất cả mọi công việc v.v..

3- Thân tâm ở trạng thái bất động tâm có nghĩa là tất cả các ác pháp không tác động vào thân được tức là tâm ở trong trạng thái vô tướng tâm định hay nói cách khác là tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Tâm lúc bấy giờ hoàn toàn không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Tâm không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu mới được gọi là tâm bất động; mới được gọi là tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Tất cả những niệm kể trên là niệm vô lậu. Niệm vô lậu chính là Chánh niệm. Trong kinh sách Nguyên thủy còn bảo Chánh Niệm là Tứ Niệm Xứ.

V- Nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời, cụm từ này có nghĩa là làm cho mọi sự ham muốn, sầu khổ và bệnh tật khổ đau trên cuộc đời này không còn nữa.

Như vậy các bạn biết rằng năm cùm từ này là để chỉ cho một phương pháp làm chủ những sự đau khổ của kiếp người tức là làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Năm cùm từ này chính là phương pháp đức Phật dạy tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ trên Tứ Niệm Xứ của các bạn đấy. Bởi vậy, pháp môn Tứ Niệm Xứ là một pháp môn tuyệt vời đệ nhất pháp làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách rõ ràng và cụ thể không còn có pháp môn nào hơn nữa. Cho nên, đức Phật đã xác định thời gian tu tập Tứ Niệm Xứ, cuối cùng là 7 năm.

Một người có quyết tâm tu tập để làm chủ sự sống chết thì phải siêng năng tinh cần tu tập, không thể lười biếng mà tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ của Phật được.

Vì lợi ích lớn như vậy, cho nên, đức Phật nhắc đi nhắc lại pháp môn này nhiều lần cho đến khi sắp chết Ngài cũng không quên nhắc chúng ta lần cuối cùng: ***“Này Ananda, ở đời vị Tỳ Kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, tinh***

tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ananda, như vậy vị Tỳ Kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác”. Nhớ lời dạy này chúng ta phải siêng năng, tinh cần tu tập Tứ Niệm Xứ không biết mỗi mạt, cho nên phải thường xuyên quan sát thân, thọ, tâm và các pháp. Phải nhớ luôn luôn lúc nào chúng ta cũng phải tỉnh giác Chánh niệm khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi đều luôn hộ trì và bảo vệ thân, tâm không cho một chương ngại pháp nào tác động vào được thân tâm của mình. Và hành động tu tập như vậy chính là chúng ta dùng Chánh pháp là ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa vững chắc cho mình. Tuy bài pháp ngắn ngủi nhưng rất đầy đủ ý nghĩa giải thoát của Phật giáo. Pháp hành rất cụ thể và rõ ràng. Hành tới đâu được lợi ích tới đó. Siêng năng hành nhiều giải thoát nhiều; hành ít giải thoát ít. Nếu thực hành trọn đủ 12 tiếng đồng hồ **NHẤT ĐẠ HIỂN**, thì ngay đó là chứng đạo, là thành

tự viên mãn con đường tu tập làm lợi ích cho mình, cho người.

Kính thưa các bạn! Pháp môn Tứ Niệm Xứ này tu tập có kết quả thiết thực cụ thể như vậy, nên đức Phật mới dám tuyên bố thời gian bảy ngày, bảy tháng, bảy năm, nếu mọi người ai cũng tu hành đúng phương cách như Phật đã chỉ dạy ở trên thì chắc chắn trăm người sẽ chứng đạt cả trăm người. Nhưng tiếc thay! Pháp thì thật là tuyệt vời mà con người không dám buông bỏ dục lạc thế gian; không dám buông bỏ những ác pháp. Vì thế, mà con người đành phải trôi lăn trong lục đạo, thọ biết bao nhiêu là đau khổ. Cho nên, nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước biển là vậy, nhưng vì mãi mê dục lạc không thấy các pháp là vô thường, là khổ đau, là vô ngã. Trên đời này không có một vật gì thường hằng vĩnh viễn. Thế mà mọi người không chịu buông bỏ, cứ mãi ôm ấp cho đến ngày ra đi trở về với lòng đất lạnh. Còn có những gì đâu? Còn mang theo được những gì đâu?

“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì?

Thở ra chẳng lại còn chi nữa,

Vạn sự vô thường buông xuống đi!

Xin các bạn nghe lời dạy của đức Phật:

“Các pháp vô thường

Là pháp sinh diệt

Sinh diệt diệt rồi

Tịch diệt là vui”

Bài kệ này có nghĩa là các bạn hãy buông xuống hết, buông xuống hết thì các bạn sẽ an vui tức là hết khổ đau. Hết khổ đau hạnh phúc lắm các bạn ạ!



BỐN THẦN TỨC

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, những ai đã tu Bốn Thần Túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện thiện xảo, này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”.

(Kinh Trường Bộ tập I trang 586,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Nói đến Bốn Thần Túc tức là nói đến Tứ Như Ý Túc. Nói đến Tứ Như Ý Túc là nói đến năng lực siêu việt, phi phạm. Lấy Tứ Như

Ý Túc đức Phật đã xác định sự kéo dài mạng căn của mình từ một kiếp hay một phần kiếp còn lại.

Thưa các bạn! Theo chúng tôi thiết nghĩ khả năng ấy phải lưu xuất từ tâm ly dục ly ác pháp; từ một tâm thanh tịnh hoàn toàn; từ một tâm bất động trước ác pháp và các cảm thọ. Ngay từ khi tâm bất động, thanh thản, an lạc và vô sự là đã kéo dài tuổi thọ, chứ không phải đợi tới lúc gần chết mới kéo dài mạng căn. Người biết sống thanh thản, an lạc và vô sự là người đã kéo dài tuổi thọ, chỉ khi nào họ muốn chết là họ đã sử dụng Tứ Thần Túc để tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thánh Định và xuất ra khỏi trạng thái Tứ Thánh Định vào Niết Bàn thì họ mới bỏ thân tứ đại này.

Sự sống chết của một người tu tập có Bốn Thần Túc thì đối với họ không còn khó khăn, khi muốn sống chết không có mệt nhọc, không có phí sức. Sự sống chết của một người tu tập có Bốn Thần Túc thì đối với họ như lấy đồ vật trong túi áo, như lật trở một bàn tay.

Người ta cho rằng: Bốn Thần Túc là thần thông của Phật giáo, lời nói này không sai, nhưng không đúng với tinh thần Phật giáo. Vì Phật giáo không có dạy tu tập thần thông mà

chỉ dạy cho mọi người tu tập ly dục ly ác pháp, diệt ngã xả tâm, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi. Cho nên, Phật giáo không dạy chúng ta tu tập để có thần thông như ngoại đạo (Mật Tông, Lão giáo, Tiên đạo, Thiên tông, Yoga, Khí công, Nhân điện v.v..).

Khi mới bắt đầu tu tập thì đạo Phật chỉ dạy chúng ta sống giới luật đức hạnh làm Người, làm Thánh tức là ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp, đó cũng chính là sống đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai. Cho nên, mục đích của đạo Phật là muốn đem lại sự sống bình an và an vui trên hành tinh này. Vì thế, đạo Phật là đạo đức của mọi người, nó không riêng cho giai cấp nào, tôn giáo nào, có tôn giáo hay không có tôn giáo không quan trọng, nếu là con người đều phải sống có đạo đức. Vì sống có đạo đức là sống cho mình, cho người. Còn Bốn Thần Túc chỉ là vấn đề phụ, vì tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ tức là tâm thanh tịnh hoàn toàn không còn có tham, sân, si thì Bốn Thần Túc xuất hiện một cách tự nhiên. Nói như vậy không có nghĩa là Phật giáo không có pháp môn tu tập có thần thông.

Kính thưa các bạn! Đạo Phật có một pháp môn tu tập có Tứ Thần Túc nhưng không cần niệm thần chú như Mật tông, không cần khổ công tập luyện như Yoga, đó là pháp môn Thân Hành Niệm.

Đạo Phật không tham sống, sợ chết, không mong cầu có thần thông pháp thuật và cũng không mong cầu sống trường sinh bất tử, vì đạo Phật có đôi mắt nhìn thấu suốt các pháp đều do duyên hợp, không có một pháp nào thường còn, bất di bất dịch, vĩnh viễn, chỉ là vô thường, thường mang lại sự khổ đau cho loài người. Vì thế, đoạn kinh trên đây nói đến năng lực kéo dài mạng căn, sống để làm lợi ích cho mọi người, nhưng khi đã làm xong đối với loài người thì tự tại ra đi chứ không luyến tiếc một vật gì trên thế gian này. Chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Này ác Ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào bốn giới đệ tử của Ta Tỳ kheo Tăng, Tỳ kheo Ni, cư sĩ nam và cư sĩ nữ, chưa trở thành những đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và***

giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thân diệu”.

Các bạn có nghe những lời dạy trên đây không? Đó là lời tuyên bố của đức Phật: khi nào các đệ tử của Ngài tu tập chứng đạo thì Ngài mới nhập Niết Bàn (diệt độ) còn nếu các đệ tử của Ngài tu tập chưa xong thì Ngài phải kéo dài tuổi thọ một phần kiếp còn lại hay một kiếp, chứ Ngài không bỏ các đệ tử của mình bơ vơ. Đó là tâm nguyện của một bậc vĩ nhân, lấy con người làm cuộc sống của mình, lấy sự sống của mình làm sự sống của mọi người thật là cao quý thay! Một vĩ nhân của loài người.

Tóm lại, một người tu theo Phật giáo có đầy đủ đức hạnh và thần lực mà không có một tôn giáo nào hơn được. Đạo đức của đạo Phật ***“Không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai”*** thì trên đời này không có đạo đức nào hơn được. Phải không các bạn? Còn về thần thông ***“TỨ THẦN TỨC”*** thì không có một tôn giáo sánh kịp. Có đúng như vậy không các bạn?

Các bạn nên biết thần thông của đạo Phật như vậy, nhưng đạo Phật xem thường, vị Tỳ kheo nào thị hiện thần thông không đúng cách

sẽ bị Phật quở trách và bắt buộc phải ẩn bóng. Chỉ có một điều mà đức Phật chú trọng nhất, đó là giới luật mà những đệ tử Phật phải nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, nếu vi phạm giới luật thì Ngài không chấp nhận. Đệ tử của ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên không giữ giới hạnh độc cư, làm ồn náo, Ngài ra lệnh đuổi 500 vị Tỳ kheo. Như vậy, các bạn đủ biết lấy đức hạnh làm cuộc sống của tu sĩ. Ai vi phạm thì bị đuổi.

Cho nên, thần thông đối với đạo Phật không quan trọng mà đạo Phật quan trọng ở chỗ tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ, tức là quan trọng ở chỗ tâm các bạn ly dục ly ác pháp; ở chỗ tâm hết tham, sân, si.

Muốn hết tham, sân, si thì pháp môn Tứ Niệm Xứ các bạn nên chuyên cần tu tập chỉ có 7 ngày, 7 tháng, 7 năm là các bạn viên mãn sự tu tập của mình. Hãy cố gắng lên các bạn ạ! Đức Phật đang chờ đợi các bạn đấy!



BỐN PHÁP CHỨNG ĐẠT LÀM CHỦ SANH TỬ LUÂN HỒI

LỜI PHẬT DẠY

“Này các Tỳ kheo! Chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn pháp mà Ta và các Người, lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn pháp?”

1- Này các Tỳ kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh giới mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

2- Này các Tỳ kheo chính vì không giác ngộ... Thánh định mà...

3- Này các Tỳ kheo chính vì không giác ngộ... Thánh tuệ mà...

4- Này các Tỳ kheo, chính vì không giác ngộ... Thánh giải thoát mà...

Này các Tỳ kheo Thánh giới được giác ngộ được chứng đạt... thời tham ái một đời sống tương lai được diệt trừ,

*những gì đưa đến một đời sống mới
được dứt sạch, nay không còn một đời
sống nào nữa.*

(Kinh Trường Bộ tập I trang 616,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Trong đoạn kinh này chúng ta xét thấy có bốn pháp môn, do chúng ta không giác ngộ, không chúng đạt bốn pháp môn này nên lâu đời phải chịu trôi lăn trong biển sanh tử.

Trong bốn pháp môn này chỉ cần chúng ta giác ngộ và chúng đạt một pháp cũng đủ cho chúng ta không còn trôi lăn trong biển sanh tử nữa.

Ví dụ: Chúng ta chỉ giác ngộ và chúng đạt Thánh giới luật, có nghĩa là hiểu biết và thông suốt giới luật là đức hạnh của người tu sĩ, là đạo đức nhân bản - nhân quả, thường đem lại lợi ích cho mình, cho người. Do hiểu biết rõ như vậy, nên chúng ta cố gắng giữ gìn nghiêm chỉnh giới luật không hề vi phạm một lỗi lầm nhỏ nhặt nào, tức là sống không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai. Tâm luôn luôn bất động

trước các ác pháp và các cảm thọ, đó là tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Khi sống được như vậy thì đó là chúng đạt Thánh giới luật.

Thánh giới luật mà không được nghiêm trì thì Thánh định, Thánh tuệ, và Thánh giải thoát không làm sao có được.

Trong bốn pháp này chỉ có Thánh giới luật là pháp môn cơ bản nhất và quan trọng nhất, nếu Thánh giới luật nghiêm chỉnh thì Thánh định, Thánh tuệ, Thánh giải thoát sẽ hiện tiền rõ ràng, thì sự tu tập không còn khó khăn, không còn mệt nhọc.

Trong đoạn kinh này đức Phật dạy rất rõ ràng phải giác ngộ, phải chúng đạt. Vậy nghĩa giác ngộ và chúng đạt như thế nào? Giác ngộ và chúng đạt gồm có hai phần:

1- Giác ngộ có nghĩa là thông hiểu và thấu suốt nghĩa lý của pháp môn đó rõ ràng như thật, không có chuyện còn hiểu mù mờ, mơ màng, ảo tưởng v.v.. Như các bạn đã biết Phật dạy: **“Những gì cần thông suốt phải thông suốt”**. Thông suốt tức là giác ngộ. Giác ngộ là thấy biết pháp đó như thật. Thấy biết pháp đó như thật mới hướng tâm đến pháp đó mà trong kinh sách gọi là hướng lưu, nhưng khi tu tập có những kết quả nhỏ nhỏ gọi là dự lưu.

2- Chúng đạt có nghĩa là nhập vào pháp đó, sống như pháp đó, nhưng trước khi chúng đạt chúng ta cần phải giác ngộ. Ở đây đức Phật nêu ra bốn pháp giải thoát. Đó là Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ, Thánh giải thoát. Bốn pháp nhưng tu tập pháp này thành tựu thì thành tựu luôn ba pháp kia, thành tựu ba pháp kia là thành tựu một pháp này. Cho nên, chúng đạt là nhập vào giáo pháp đó. Nhập vào giáo pháp đó gọi là nhập lưu, nhập lưu tức là nhập vào dòng Thánh, Nhập vào dòng Thánh tức là tâm phải ly dục ly ác pháp, còn tâm chưa ly dục ly ác pháp thì không làm sao nhập vào dòng Thánh được. Vậy bây giờ chúng tôi xin hỏi các bạn: **“Trong các bạn, ai là người giác ngộ Thánh giới luật?”**. Thánh giới luật của người cư sĩ gồm có:

Năm giới cấm cư sĩ, tám giới Bát Quan Trai và Thập Thiện. Những giới luật này mà đức Phật gọi là Thánh giới uẩn. Nếu các bạn là người giác ngộ Thánh Giới uẩn này thì các bạn phải thông suốt những đức hạnh của bậc Thánh trong những giới luật này rất rõ ràng và những sự lợi ích của những giới này đối với đời sống của các bạn như thế nào các bạn đều phải rõ như thật, không còn có một giới nào mà các

bạn không biết, có biết như vậy mới gọi các bạn giác ngộ Thánh giới uẩn.

Tỳ kheo Tăng và Tỳ kheo Ni không những thông suốt những Thánh giới uẩn của người cư sĩ mà còn phải thông suốt 10 giới Sa Di, 250 giới Tỳ kheo Tăng và 348 giới Tỳ kheo Ni, nhưng giới luật như vậy chưa đủ nói lên đức hạnh của Tăng, Ni, các bạn còn phải thông suốt toàn bộ đức hạnh của giới kinh như kinh Sa Môn Quả, kinh Sa Môn Hạnh, kinh Phạm Võng. Những giới này các bạn có giác ngộ đức giới, hạnh giới và giới hành của nó chưa? Nếu chưa thì không thể gọi là giác ngộ Thánh giới uẩn. Cho nên, toàn bộ giới kinh các bạn đều phải thông suốt đức, hạnh và pháp hành của nó thì mới gọi là giác ngộ Thánh giới uẩn, còn nếu chưa thì các bạn không được gọi là giác ngộ Thánh giới uẩn được.

Như trên đã nói giới uẩn là đức hạnh, là thiện pháp, vì thế giới uẩn là đức hạnh của con Người, của những bậc Thánh. Nếu không thông hiểu giới luật thì làm sao các bạn thông hiểu nền tảng đạo đức giải thoát của đạo Phật. Mà không giác ngộ Thánh giới uẩn thì làm sao chúng đạt được. Phải không các bạn?

Hiện nay các bạn chỉ biết có những bộ giới luật Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ biên soạn và gán cho Phật chế. Trong những bộ giới luật này, chỉ có những giới cấm, chứ trong đó không có dạy đức giới, hạnh giới và hành giới, do không có dạy đức hạnh và hành giới thì làm sao các bạn giác ngộ được Thánh giới uẩn được.

Giới uẩn là nền tảng căn bản đạo đức tâm vô lậu, để tu tập theo con đường giải thoát của đạo Phật. Thế mà những bộ giới luật của các Tổ thiếu khuyết như vậy làm sao nói lên đủ đức hạnh của một bậc Thánh Tăng, Thánh Ni và Thánh cư sĩ. Giới luật thiếu khuyết như vậy thì làm sao giúp cho bốn giới đệ tử Phật thông suốt.

“Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất”, đó là bản tuyên ngôn của Phật giáo đã xác định tinh thần đạo đức rất đúng, không còn ai dám thay đổi. Cho nên, hiện giờ muốn chấn chỉnh lại Phật giáo, là nên chấn chỉnh lại toàn bộ giới luật, nên triển khai toàn bộ giới luật đức hạnh, có nghĩa là phải dựng lại những Phạm hạnh mà ngày xưa chúng Tỳ kheo đã từng sống những Phạm hạnh như vậy dưới thời đức Phật.

Khi đã giác ngộ và chứng đạt Thánh giới thì nhất định không còn trôi lăn trong biển sanh tử nữa. Đó là đức Phật đã dạy như vậy, các bạn hãy lắng nghe: ***“Này các Tỳ kheo, chính vì không giác ngộ và chứng đạt Thánh giới mà Ta và các người lâu đời phải trôi lăn trong biển khổ sanh tử”***.

Đúng vậy, nếu chúng ta sống đúng giới luật không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai thì làm sao còn trôi lăn trong biển khổ sanh tử luân hồi được. Phải không các bạn?

Vì ngay trong cuộc sống mà sống đúng giới luật thì làm sao có làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai, nếu không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai thì còn đâu là biển sanh tử nữa. Biển sanh tử đã bị diệt mất khi chúng ta sống đúng Thánh giới. Cho nên, lời di chúc cuối cùng của đức Phật là để xác định cho các bạn thấy rằng chỉ có giới luật là pháp môn quan trọng nhất của Phật giáo mà thôi. Tám lớp học (Bát Chánh Đạo) mà hết bảy lớp tu học về giới luật, chỉ có một lớp tu định và ngay khi nhập định là triển khai trí tuệ Tam Minh trong lớp đó. Như vậy xét thấy Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát chỉ có một lớp học mà thôi.

Bởi vậy, trên Tứ Niệm Xứ các bạn giữ gìn giới luật nghiêm túc đừng để vi phạm một lỗi nhỏ nhất nào, thì ngay đó là các bạn đã được giải thoát tâm vô lậu, tuệ vô lậu.

Kính thưa các bạn! Vì giới luật lợi ích cho đời sống tu tập theo Phật giáo như vậy, nên chúng tôi cố gắng ngày đêm biên soạn bộ Thánh giới uẩn Thánh Tăng, Thánh Ni và Thánh cư sĩ, để các bạn tu hành không còn sai lạc vào pháp môn của ngoại đạo. Bộ giới uẩn này ra đời chậm trễ là do chúng tôi phải làm quá nhiều việc, nên xin các bạn vui lòng chờ đợi. Chúng tôi sẽ cho ra mắt các bạn bộ Giới uẩn này sớm chừng nào tốt chừng nấy.

Tóm lại, Thánh giới uẩn rất quan trọng trong việc tu hành theo Phật giáo để tìm cầu sự giải thoát ra khỏi mọi sự khổ đau của cuộc đời này duy chỉ có giới luật đức hạnh là trên hết. Nếu ai tu hành theo Phật giáo mà còn vi phạm giới luật thì xin các bạn hãy trở về đời sống thế tục đừng mặc chiếc áo tu sĩ mà làm hại Phật giáo rất tội nghiệp, mong tất cả mọi người suy xét con người làm hư Phật giáo, chứ Phật giáo là nền đạo đức nhân bản của con người, nó không phải là một tôn giáo của một nhóm người nào mà của chung nhân loại.

KINH SÁCH ĐẠI THỪA KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT

LỜI PHẬT DẠY

“Này các Tỳ kheo! Có thể có Tỳ kheo nói: “Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn, tự thân lãnh thọ như vậy là pháp, như vậy là luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo sư”. Này các Tỳ kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỳ kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với kinh, đối chiếu với luật. Khi đem so sánh với kinh đối chiếu với luật, nếu chúng không phù hợp với kinh, không tương ứng với luật thì các người có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn và Tỳ kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”.

Và này các Tỳ kheo, các người hãy từ bỏ chúng; khi đem so sánh với kinh, đem đối chiếu với luật và nếu chúng phù hợp với kinh, tương ứng với luật, thì các Người có thể kết luận: “Chắc chắn những lời dạy này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỳ kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh”. Này các Tỳ kheo như vậy là đại giáo pháp thứ nhất, các người hãy thọ trì”.

(Kinh Trường Bộ tập 1 trang 618,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Trước khi vào Niết Bàn đức Phật đã biết chắc người đời sau sẽ kiến giải, tưởng giải làm sai lệch giáo pháp của mình, nên Ngài đã di chúc lại những lời sau cùng này để chúng ta cẩn thận đối chiếu với kinh sách Nguyên Thủy và kinh sách Đại Thừa, Khi đối chiếu chúng ta mới nhận xét kinh sách Nguyên Thủy dạy đạo đức làm Người làm Thánh, đó là **“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”** hoặc **“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng thiện**

pháp”, còn kinh sách Đại Thừa dạy: **“Cúng bái cầu siêu, cầu an, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, ngồ thiên ức chế tâm, lay hồng danh sám hối cho tiêu tội v.v..”**. Như vậy kinh sách Đại Thừa dạy mê tín, sống trong thế giới ảo tưởng (Niết Bàn, Cực Lạc Tây Phương).

Đem giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ ra đối chiếu với giới kinh của Phật, thì chúng ta thấy giới bốn không phù hợp, không tương ứng với giới kinh một bên thì ngăn cấm như pháp luật, không đúng với tinh thần tự giác, tự nguyện của đạo Phật. Còn giới kinh dạy đạo đức làm Người làm Thánh để tâm hoàn toàn vô lậu và đúng theo tinh thần tự giác tự nguyện không có bắt buộc, không có khuyến dụ, không có mua chuộc. Cho nên, giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề và kinh sách Đại Thừa chắc chắn không phải Phật thuyết, do các Tổ chịu ảnh hưởng kinh Vệ Đà của Bà La Môn biên soạn ra, nên không phù hợp và không tương ứng với những lời Phật dạy. Đúng vậy khi đem ra so sánh chúng ta thấy rằng kinh sách Đại Thừa không phải Phật thuyết 100%. Cho nên, những lời di chúc cuối cùng của đức Phật đã dạy chúng ta phải cân nhắc kỹ lưỡng để không bị những

kiến giải, tướng giải của các Tổ lường gạt. Như vậy, rõ ràng đức Phật đã biết trước, sau này các Tổ sẽ làm sai lệch kinh sách Phật, cho nên Ngài đã chuẩn bị cho người đời sau còn có chỗ dựa vững chắc để loại trừ những tà pháp của ngoại đạo đang pha trộn trong giáo pháp Nguyên Thủy của Phật.

Đọc đoạn kinh này các bạn còn nghi ngờ chúng tôi nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông sai nữa không?

Những Giáo pháp phát triển sau thời đức Phật đều mang tính trừu tượng, mơ hồ, mê tín, ảo tưởng, không thực tế, nó được truyền thừa từ nước này sang nước khác, trong một thời gian khá dài trên 2000 năm. Cho nên, những kinh sách này được kết tập bởi những người tu hành chưa chứng đạo, thành một tạng kinh xô bồ không biết bài kinh nào tu trước, bài kinh nào tu sau. Trong khi giáo lý của Phật giáo được chia ra làm 8 lớp học và ba cấp rõ ràng, nó là một chương trình giáo dục đào tạo con người có đầy đủ đạo đức nhân bản - nhân quả, xây dựng lại cuộc sống của con người mà mọi người không còn làm khổ cho nhau nữa, biến thế gian này thành cảnh giới Thiên Đàng, Cực Lạc.

Kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc Trường Bộ Kinh. Bốn lần đức Phật đã nhắc nhở chúng ta phải căn cứ vào những “Lời Phật Dạy” (trong kinh Nguyên Thủy), phải đối chiếu với luật và nếu không phù hợp với kinh, không tương ứng với luật của Phật thì chắc chắn kinh sách này không phải của Phật thuyết và những Tỳ kheo ấy đã tu tập giáo pháp sai lầm.

Do sự so sánh này chúng ta có thể xác định được các tu sĩ qua Giới đức, Giới hạnh, Giới hành nơi tứ sự hàng ngày của họ: Ăn, mặc, ở, đau bệnh và chùa chiềng cúng tế... thì biết chắc chắn là họ đã tu đúng Phật pháp hay chưa!

Các Thầy xa xưa người trước tu sai, người sau sai và người ngày nay cũng đều tu tập sai hết. Tu sai mà không ai biết để chỉ chỗ mình đã sai, nên kéo dài sai nhiều thế hệ. Thật đáng xót xa! Vì ai đã vào đường tu rồi lại chẳng quyết xả thân để tìm sự giải thoát là thân tâm được thanh thản, an lạc, vô sự! Nhưng thật oái oăm thay: Sợ ở ngoài đời bị vật chất ngũ dục lôi kéo đắm nhiễm – rồi ren, bon chen, danh lợi. Nên tìm đến cửa chùa tu thời gian lên chức Trụ trì, Thượng tọa, được thiên hạ cung phụng cúng dường là liền bị chùa to Phật lớn, bốn đạo

đưa đón, thỉnh mời, cầu siêu, cầu an, trai đàn, chẩn tế, suốt tháng quanh năm – rồi rằm trăm bề..., thân tâm không có một phút giây thanh thản thì làm sao quý Thầy giải thoát được thân tâm có an lạc, vô sự!!!

Ngày nay, chúng tôi may mắn hơn đã tu tập từ con đường giới luật, xây dựng mình một nền đạo đức sống không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ cả hai. Nhờ thế chúng tôi ly dục ly ác pháp hoàn toàn và đã thành tựu con đường giải thoát của Phật giáo chân thật.

Sau khi tu hành xong, nhờ có kinh nghiệm trong tu hành. Chúng tôi căn cứ vào những lời của Phật dạy trong kinh nguyên thủy đem chú giải rõ đường lối tu hành đúng với Chánh pháp của đức Phật để đời sau không còn lầm lẫn những kinh sách tưởng giải của các nhà học giả đã biên soạn sau thời đức Phật nhập diệt, đưa vào tam tạng rồi mạo danh là kinh Phật thuyết để lừa đảo tín đồ Phật giáo. Do đó, các đời sau tu hành sai pháp và truyền thừa tu mãi cái sai, nên chẳng có Thầy Tổ nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Vì thế, khi tu hành chưa chứng đạo các Ngài kết tập kinh sách Phật không đủ khả

năng soạn thảo chương trình giáo dục theo tám lớp (Bát Chánh Đạo), ba cấp (Giới, Định, Tuệ) nên kết tập kinh sách xô bồ không thứ lớp. Bài kinh trước, bài kinh sau không rõ ràng và không triển khai nổi giới đức, giới hạnh, giới hành cùng ba mươi bảy pháp hành không cụ thể, thực tế và rõ ràng như trên đã nói.

Đến ngày nay chúng tôi quyết định chấn chỉnh lại bộ giới luật đức hạnh Thánh Tỳ kheo Tăng, Thánh Tỳ kheo Ni và Thánh Cư sĩ. Sau cùng, nếu có đủ thời gian chúng tôi biên soạn giáo trình tu tập cho tám lớp (Bát Chánh Đạo) để thành lập chương trình giáo dục đào tạo bậc A La Hán (vô lậu).

Nhờ những bài kinh Nguyên Thủy này chúng tôi chỉ thẳng cho các bạn biết những kinh sách nào sai, từ chỗ sai đó chúng tôi mới dựng lại những gì của Phật giáo đã bị các nhà học giả sau này (không người tu chứng để triển khai nổi pháp của Phật) ném bỏ; nhờ những bài kinh này chúng tôi quyết định vạch trần những kiến chấp sai lầm của các học giả, để may ra các bạn giác ngộ được những lời dạy chân thật của Phật và xả bỏ những kiến chấp sai lầm của mình; nhờ những bài kinh này giúp các bạn sáng suốt để thấy những tướng giải của

các nhà học giả không tu đã làm hư hoại biết bao nhiêu thế hệ con người tu theo Phật giáo hiện nay; nhờ những bài kinh này chúng tôi chú giải các bạn mới thấy những lời chúng tôi là chân thật không dối người, không phỉ báng các Tổ, mà chỉ nói lên một sự thật cách đây trên 2000 năm chưa bao giờ có một người nào dám nói thẳng nói thật. Phải không các bạn?

Đây cũng là một nhân duyên, là một phước báo lớn của chúng sanh, cho các thế hệ mai sau. Vì vậy, hôm nay mới có một cuộc chấn chỉnh giáo pháp của Phật giáo vĩ đại như thế này.

Vì Phật pháp là một lợi ích rất lớn cho chúng sanh, nên chúng tôi không ngại gian khổ, quyết tâm làm cho bằng được. Nhưng sự thành công ấy đều phải nhờ sự đoàn kết của Tăng, Ni và Cư sĩ bốn phương. ***“Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”***, chắc chắn cái đúng sẽ thắng cái sai, và cũng đến lúc cái sai phải được buông xuống. Phải không các bạn?

Tóm lại, cái đúng không ai diệt nó được, nó sẽ được trường tồn với loài người mãi mãi.



TẠI SAO ĐỨC PHẬT BIẾT NẤM ĐỘC MÀ LẠI ĂN

LỜI PHẬT DẠY

*“Này Cunda ăn mội nhĩ còn lại
Người hãy đem chôn vào một lỗ. Này
Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi
Trời cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm
thiên giới không một người nào trong
chúng Sa Môn và chúng Bà La Môn
giữa những Thiên Nhân, món ăn mội
nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ
Như Lai”.*

(Kinh Trường Bộ tập 1 trang 624,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta xét thấy có hai điều vô lý:

1- Người thợ rèn Cunda nấu món ăn mội nhĩ chưa bao giờ ăn mà lại dám đem dâng cúng

Phật và chúng Thánh Tăng. Đó là vô lý thứ nhất. Ai đã soạn câu này và viết vào kinh sách Nguyên Thủy để hủy báng Phật, Pháp, Tăng, để làm kinh sách Phật mất hết ý nghĩa chân thật của nó. Một sự giả dối không thể nào tha thứ được. Một món ăn chưa từng ăn mà dám cho người khác ăn, chỉ đó là món thuốc độc mà thôi.

2- Đạo Phật là đạo trí tuệ, chuyển nhân quả khi biết nắm độc mà ăn là không trí tuệ, nhất là đức Phật biết là nắm độc không cho chúng Tỳ kheo ăn mà mình lại ăn là điều vô lý thứ hai. Nhất là đức Phật là người đã thông suốt luật nhân quả. Luật nhân quả là một đạo luật được chuyển hóa bằng thiện pháp. Cuộc đời tu hành của Phật đã chứng đạo tức là Ngài đã sống toàn thiện. Người sống toàn thiện là người đã chuyển hoá được nhân quả. Cho nên, đối với thân nhân quả của đức Phật Ngài làm chủ hoàn toàn, muốn sống chết đều theo ý muốn của Ngài. Cho nên, Ngài dạy: ***“Này Ananda, những ai đã tu Bốn Thân Túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống một kiếp hay phân kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu Bốn Thân Túc, tu tập***

nhều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”. (Kinh Trường Bộ tập I trang 586 kinh Đại Bát Niết Bàn). Đức Phật có đủ khả năng làm chủ nhân quả như vậy mà lại ăn nắm độc để chịu bệnh kiết lỵ ra máu mà chết, thì thật là một điều vô lý hết sức. Làm chủ nhân quả mà để cho nhân quả làm chủ mình thì thật là vô lý. Đoạn kinh này là do người sau không biết luật nhân quả chuyển hóa; không thông năng lực của Tứ Thần Túc của Phật giáo, nên xen đoạn kinh này để che đậy sự tu hành không làm chủ sanh, già, bệnh, chết của mình đối với tín đồ **“Chẳng muội nhân quả”** chứ không làm chủ nhân quả được.

Theo chúng tôi biết chắc chắn đoạn kinh này là do các Tổ thêm vào để dựng lên thuyết nhân quả định mệnh, tức là nhân quả cố định không thay đổi được, đó là để chỉ rõ pháp môn Đại Thừa và Thiên Tông không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, nó là một loại thiên ức chế tâm, chứ không phải là thiên xả tâm, vì thế càng tu càng chạy theo danh lợi và dục lạc thế gian.

Nếu đúng nhân quả là định mệnh thì đạo Phật không bao giờ tuyên bố làm chủ sanh, già, bệnh, chết, và không dạy người tu tập ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện. Vì không chuyển hóa được nhân quả nên đạo Phật không ra đời, vì ra đời có làm lợi ích gì cho ai.

Nếu đúng nhân quả định mệnh thì đạo Phật không bao giờ có pháp môn Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định.

Đối với đạo Phật do vô minh mà có nhân quả, thiện ác, khổ đau; do vô minh mà con người mới chạy theo dục mới tạo ra muôn vàn sự khổ đau. Vì thế, đạo Phật ra đời dạy người giới luật và trí tuệ: ***“Giới luật ở đâu thì trí tuệ ở đó, trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó. Giới luật làm thanh tịnh trí tuệ, trí tuệ làm thanh tịnh giới luật”***. Đó là những đức hạnh bằng giới luật và trí kiến của con người làm chủ nhân quả theo đúng những pháp hành Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định. Các nhà học giả đã phỉ báng Phật trong đoạn kinh này và còn phỉ báng đệ tử của Ngài là ngài Mục Kiền Liên, một vị đệ tử đã tu chứng quả A La Hán có đầy đủ thần thông mà đức Phật thường ca ngợi ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông thế mà bị ngoại đạo đánh chết thì không còn chỗ nào phỉ báng Phật, Pháp, Tăng hơn là

kinh sách phát triển do các Tổ Bà La Môn khéo léo xen vào từng đoạn kinh Phật để xuyên tạc phá hoại chánh pháp của đức Phật.

Ở đây chúng tôi xin nhắc lại để thấy một sự vô lý hết sức: Người thợ rèn Cunda chưa bao giờ ăn nấm này, nếu đã ăn thì ông đã chết, vì là nấm độc như đức Phật đã nói: ***“Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa Môn và Bà La Môn giữa những Thiên Nhân, món ăn mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được”***.

Khi một món ăn chưa bao giờ mọi người ăn mà đức Phật dạy: ***“Này Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta, còn các món ăn khác đã soạn sẵn loại cứng loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỳ kheo”***.

Nếu người thợ rèn Cunda nghe lời dạy này thì phải nghi ngờ và tự hỏi: ***“Tại sao Phật không cho chúng Tỳ kheo ăn thứ mộc nhĩ này?”***. Khi đã có câu hỏi như vậy thì Cunda liền đem món đồ ăn này xem lại.

Khi nghe đức Phật nói như vậy, Ông ta lại dồn món ăn mộc nhĩ này chỉ có đức Phật ăn mà thôi, thì thật là vô lý. Đây là sự vô lý

không thể tha thứ được. Có đúng như vậy không các bạn?

Về phần đức Phật là một người tượng trưng cho trí tuệ, Ngài dựng lên nền đạo đức nhân bản - nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai mà lại ăn nấm độc để làm khổ mình và gây hoang mang dao động cho chúng Tỳ kheo, nhất là làm cho người thợ rèn Cunda sẽ ăn năn hối hận suốt đời, nếu biết đức Phật vì thợ thực nấm của ông cúng dường mà chết.

Trong khi đức Phật có đủ khả năng tự tại trong sanh tử, muốn chết hồi nào là chết được ngay liền, chết trong khi thân không có một chút bệnh khổ. Chính đức Phật là người chết không vì bệnh đau mới đúng nghĩa của đạo giải thoát. Cho nên ở đây, người đời sau đã thêm vào những đoạn kinh làm mất ý nghĩa giải thoát của Tứ Niệm Xứ.

Điều vô lý nhất là đức Phật biết nấm độc mà lại ăn vào chết trong đau bệnh kiết lỵ ra máu. Bệnh kiết lỵ ra máu trong tuổi già như Phật thì khổ sở biết là dường bao.

Cho nên, thật vô lý đạo Phật là đạo tự tại trong sanh tử, cơ sao đức Phật lại phải ăn nấm độc để bệnh rồi chết, chết một cách đau khổ

như vậy? Mục đích đạo Phật ra đời là giúp cho con người sống chết tự tại an vui, chết không phải vì bệnh. Vậy ai là người đã viết đoạn kinh này, người ấy phải chịu những tội lỗi rất lớn đối với Phật giáo.

Đạo Phật vốn không làm khổ mình, khổ người, sao Phật lại làm khổ Phật, làm khổ người như vậy? Thì nên đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người của Phật giáo đâu còn có nghĩa gì đối với người đời sau nữa. Đây là một đoạn kinh mà các Tổ dùng để diệt Phật giáo. Các bạn có biết không?

Điều vô lý thứ hai là đức Phật, một người có đại trí tuệ, đại giác ngộ. Đại trí tuệ, đại giác ngộ sao lại ăn nắm độc để bệnh mà chết, thì trí tuệ đó đâu còn là trí tuệ nữa, nó là vô minh. Phải không các bạn?

Các bạn bảo rằng đó là nghiệp nhân quả đời trước của đức Phật, ngày nay đức Phật phải trả. Các bạn đừng nói vậy, nói như vậy là các bạn không hiểu đạo Phật. Đạo Phật là đạo chuyển nhân quả như trên đã nói. Do chuyển nhân quả mới làm chủ được sanh, già, bệnh, chết,

Chuyển nhân quả nên đức Phật mới có đầy đủ trí tuệ thấy biết loại mọt nhĩ ăn vào sẽ

chết, cho nên, mới cản ngăn không cho chúng Tăng ăn.

Tại sao đức Phật không bảo Cunda bỏ những thực phẩm có nấm độc này đừng cho mọi người ăn trong đó có cả đức Phật. Chỉ cần bảo như vậy thì đức Phật mới là người trí tuệ và thể hiện đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Tu như Phật đã làm chủ được nhân quả, làm chủ được đau bệnh. Như đoạn kinh trên nói đức Phật đau gần như chết, thế mà đức Phật đẩy lui được bệnh khổ ra khỏi thân trong sức tỉnh giác chánh niệm của pháp môn Tứ Niệm Xứ. Làm chủ bệnh được như vậy, thế mà món thực phẩm nấu với loại nấm độc này không đổ bỏ đi được sao?

Người tu hành chưa chứng đạo đọc đến đoạn kinh này họ có nhiều nghi vấn nhưng không biết hỏi ai mà thôi. Nếu hỏi các Thầy Đại Thừa và các Thiên Sư Đông Độ thì họ bảo rằng: **“Chẳng muội nhân quả”** như Tổ Bách Trượng đã dạy: **“Trong câu chuyện Bách Trượng đã hổ”**.

Tóm lại, đoạn kinh này do các Tổ biên soạn viết ra để thêm vào trong kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc kinh sách Nguyên Thủy để nói

lên thuyết nhân quả định mệnh là của Phật giáo Đại Thừa. Nhưng thuyết nhân quả định mệnh này là của Bà La Môn Ấn Độ và của Thiền Tông Trung Hoa. Người tu hành dù có chứng đạo cũng không làm chủ nhân quả chỉ chẳng muội nhân quả mà thôi.

Do không hiểu luật nhân quả thiện pháp chuyển ác pháp nên tưởng ra thuyết định mệnh nhân quả, khiến cho biết bao nhiêu người hiểu sai lạc.

Vì hiểu như vậy nên các Tổ mới biên soạn viết đoạn kinh trên đây để thêm vào làm cho sáng tỏ thuyết định mệnh, nhưng không ngờ vô tình lại phỉ báng Phật.

Tóm lại, đoạn kinh trên đây không phải Phật thuyết mà do các Tổ thuyết. Cho nên, đoạn kinh này hoàn toàn mâu thuẫn với tinh thần giáo pháp của Phật. Xin các bạn lưu ý mà hãy cảnh giác những đoạn kinh như vậy thường xen vào kinh sách Nguyên Thủy để dìm Phật giáo.



MẮT CHÚ THIÊN

LỜI PHÁT DẠY

“Này Ananda, rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới, tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến 12 do tuần chung quanh. Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà thuộc giòng họ Mallà, không có một chỗ nào nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên Thần có uy lực tụ họp. Này Ananda, các vị Thiên Thần đang than phiền: “Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai, bậc A La Hán Chánh đẳng giác xuất hiện ở đời, và tới hôm nay trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỳ kheo có oai lực này lại đứng ngay trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng”. Này Ananda, các chư Thiên đang than phiền như vậy”.

(Kinh Trường Bộ tập 1 trang 642,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này lời văn và phong cách viết văn giống như trong kinh sách Đại Thừa. Đây là một đoạn do các học giả sau này viết ra rồi đưa vào kinh Đại Bát Niết Bàn. Cho nên, hiện giờ kinh sách sai rất nhiều, vì trải qua nhiều lần kết tập kinh sách mỗi lần kết tập đều có thêm hay bớt ra từ kiến giải và tưởng giải của các học giả xen vào rồi mạo danh Phật thuyết.

Cái sai thứ nhất ở đoạn kinh này là mắt chư thiên mà giống như mắt phàm phu bị ngăn che bởi không gian và thời gian. Mắt chư Thiên không còn bị không gian ngăn cách và trải dài. Thế mà ở đây đức Phật phải đuổi thị giả cũ của mình là đại đức Upanāra để cho chư Thiên chiêm ngưỡng Phật: ***“Lúc bấy giờ, Tôn giả Upanara đứng trước mặt Thế Tôn và quạt đầu. Thế Tôn liền quở trách Tôn giả Upanavara: “Này Tỳ kheo, hãy đứng một bên chớ có đứng trước mặt Ta”.***

Hành động đuổi Tỳ kheo Upanāva là đức Phật còn thiên vị chư Thiên mà xem rẻ đệ tử của mình. Trong khi đức Phật sắp nhập Niết

Bàn, một vĩ nhân của nhân loại thì loài người là những người ưu tiên được chiêm ngưỡng gần Phật nhất, cố sao Phật lại đuổi con người? Chính đạo Phật ra đời vì con người, chứ không phải vì chư Thiên. Cho nên, bốn chân lý của Phật giáo là bốn chân lý của loài người, điều này không thể ai chối cãi được. Đó là cái sai của Đại Thừa khéo tưởng tượng chư Thiên mà con mắt như phàm phu tục tử, bị ngăn cách và trải dài bởi không gian và thời gian.

Kính thưa các bạn! Các bạn nên lưu ý những lời của các Tổ khi thêm vào trong kinh sách Nguyên Thủy của Phật do tưởng giải của các Tổ, nên hiện giờ rõ nét thiếu chiều sâu đầy ảo tưởng, không thành thật, không cụ thể, rõ ràng. Thường là những lời dạy mơ hồ, trừu tượng không đúng như thật. Đây các bạn đọc đoạn kinh tưởng này của Đại Thừa đang xen lẫn trang kinh Nguyên Thủy ***“Này Ananda, các cây Sa la long thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa này rơi lên gieo khắp và tung rải trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandāvara từ trên hư không rơi xuống rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ***

trên hư không rơi xuống, rơi lên gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trời dậy để cúng dường Như Lai. Thiên la trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai”.

Các bạn lưu ý đoạn kinh này, đây là một đoạn kinh tưởng của Đại Thừa thêm vào, đây là sự tưởng tượng cúng dường. Trong kinh Pháp Môn Căn Bản, đức Phật đã xác định không có cõi Trời, cõi Trời chỉ là cõi tưởng chứ không có thật. Vậy mà ở đây lại có hoa Trời, nhạc Trời cúng dường thì trái với kinh sách quá lớn. Vậy sự cúng dường này có đúng không?

Trong giới luật Phật cấm ca, hát, nhạc, kịch. Vậy mà ở đây lại có nhạc Trời cúng dường. Trong khi đức Phật khuyên đệ tử của Ngài luôn tinh tấn nghiêm trì giới luật, ngày đêm tinh cần tu tập để kết thành năm thứ hương dâng lên cúng dường Phật là: **HƯƠNG GIỚI, HƯƠNG ĐỊNH, HƯƠNG HUỆ, HƯƠNG TRI KIẾN GIẢI THOÁT VÀ GIẢI THOÁT TRI KIẾN HƯƠNG**. Vậy mà ở đây lại cúng dường Như Lai bằng hương hoa Sa la song thọ, hương hoa Mandāvara và nhạc Trời tiếng ca hát của Thiên nữ cúng dường Như Lai. Đoạn kinh này có đúng không các bạn?

Các nhà Đại Thừa khéo tưởng tượng làm sai lệch giới luật đức hạnh của một bậc vĩ nhân nhân loại, nhất là một con người đã từng sống Phạm hạnh đi ngược lại với đời sống phàm phu của con người, thế mà khi chết lại ma chay giống như người thế tục thì còn nghĩa lý gì là đạo giải thoát, đạo trí tuệ, đạo đức hạnh, đạo thiếu dục tri túc.

Đến đây chúng tôi xin các bạn suy xét để phá dẹp đi những tư tưởng kiến chấp sai lầm mà từ xưa đến nay trên 2000 năm đã bị một sự truyền thừa mê tín sai lệch của Đại Thừa đã ăn sâu vào cốt tủy của con người. Vì thế không thể trong một ngày, hai ngày, một năm, hai năm mà gột rửa sạch những tư tưởng sai lầm này được. Các bạn nên ghi nhớ những lời dạy này.



BÁT THÁNH ĐẠO

LỜI PHÁT DẠY

“Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh Đạo, thời ở đấy không có đệ nhất Sa Môn, ở đấy không có đệ nhị Sa Môn, cũng không có đệ tam Sa Môn, cũng không có đệ tứ Sa Môn. Này subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh Đạo thời ở đấy có đệ nhất Sa Môn, đệ nhị Sa Môn, cũng có đệ tam Sa Môn, cũng có đệ tứ Sa Môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không Sa Môn. Này suhadda, nếu những vị Tỳ kheo này sống chân chánh, thời đại này không vắng những vị A La Hán”.

(Kinh Trường Bộ tập I trang 659,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Lời di chúc cuối cùng này đã xác định

Chánh pháp của đức Phật là Bát Chánh Đạo, ngoài Bát Chánh Đạo ra thì không có pháp môn được gọi là giáo pháp của đức Phật. Bởi vì Bát Chánh Đạo là một chân lý trong bốn chân lý của Phật giáo.

Như các bạn đã biết chúng tôi đã xác định Bát Chánh Đạo là tám lớp học của Phật giáo được chia theo ba cấp Giới, Định Tuệ. Như vậy Bát Chánh Đạo là chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả cho mỗi người để biến cuộc sống thế gian này thành cõi Cực Lạc, Thiên Đường. Cho nên, đức Phật dạy người đệ tử cuối cùng của mình trước giờ nhập Niết Bàn là bài pháp này.

Tất cả giáo pháp của ngoại đạo ngay cả kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông cũng không có Bát Chánh Đạo, thậm chí còn có Tâm Kinh Bát Nhã dạy: **KHÔNG CÓ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO** (Vô khổ, tập, diệt, đạo). Cho nên, hằng ngày trong các chùa thường tụng kinh **“Vô khổ, tập, diệt, đạo”**. Ngược lại, kinh sách Nguyên Thủy dạy: **“Nếu pháp luật nào không có Bát Chánh Đạo là không có Sa Môn đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và đệ tứ”**. Chỉ

một đoạn kinh cũng đủ xác định kinh sách Đại Thừa không phải là kinh sách của Phật giáo.

Kinh sách Nguyên Thủy phần đông trong những bài kinh như thế này đã xác định và phân biệt rõ ràng pháp nào của Phật và pháp nào của ngoại đạo, không thể lẫn lộn nhau được. Như đã nói ở trên giáo pháp của Phật là một chương trình giáo dục đào tạo những bậc A La Hán, chứ không phải là những ngôn thuyết suông như những kinh sách tưởng giải. Cho nên, người nào đã tu học theo đúng Chánh pháp của Phật giáo theo chương trình Bát Chánh Đạo, chỉ qua lớp Chánh Kiến thôi thì cũng cái nhìn chân chánh không bao giờ bị kinh sách ngoại đạo xen vào lừa đảo được.

Theo chúng tôi khuyên mọi người tu học theo Phật giáo thì nên dựa vào Bát Chánh Đạo và phải được sự hướng dẫn của một bậc Thầy đã tu chứng quả A La Hán, thì con đường tu tập sẽ được dễ dàng hơn, không còn khó khăn và không sợ lừa đảo tu sai lệch vào pháp môn của ngoại đạo.

Chúng tôi ước nguyện ngày mai sẽ có chương trình giảng dạy trong tám lớp học này thành lập và mở cửa đón nhận những người con thân thương của Phật giáo về tu học.

Chùng đó, Phật giáo mới được chấn chỉnh hoàn toàn, tà pháp không xen lẫn vào kinh sách của Phật được nữa. Đó là ước vọng của chúng tôi, nhưng ngày mai có thành tựu được hay không là do phước của chúng sanh, riêng chúng tôi sẽ cố gắng làm hết sức mình để đền đáp công ơn muôn một của đức Phật.

Bát Chánh Đạo là chân lý của loài người, là phương pháp triển khai cuộc sống trên thế gian trở thành cảnh giới Thiên Đàng, Cực Lạc v.v.. là chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả của con người để trở thành những bậc A La Hán (vô lậu) hoàn toàn.

Bởi vậy, Bát Chánh Đạo là báu vật vô giá nhất của loài người. Khi năm anh em Kiều Trần Như được nghe Phật thuyết bài pháp này lần đầu tiên. Khi nghe xong cả năm người đều trở thành những bậc pháp nhãn thanh tịnh, có nghĩa là các Ngài đã thấu rõ các pháp trên thế gian này như thật không còn một sự hiểu lầm lạc nào cả, không còn có một tôn giáo nào, một giáo pháp nào lừa đảo các Ngài được. Bao nhiêu kiến chấp những pháp môn của ngoại đạo từ xa xưa như kinh Vệ Đà các Ngài đều ném bỏ xuống hết. Vì thế, các Ngài mới được gọi là chứng pháp nhãn thanh tịnh.

Kính thưa các bạn! Chúng tôi đã vạch cái sai của của những kinh sách phát triển sau thời đức Phật. Có chứng cứ lời Phật dạy hẵn hoi, để dựng lại giáo pháp đúng của Phật. Đó là Bát Chánh Đạo. Một chương trình giáo dục đào tạo những bậc A La Hán. Thế mà các bạn chưa chịu nhận ra sao? Hôm nay, đoạn kinh này lời di chúc cuối cùng của đức Phật: **“Trong giáo pháp và giới luật nào không có Bát Chánh Đạo thì không có Sa Môn”**. Lời xác định này rõ ràng không còn ai chối cãi được. Lời dạy trên có nghĩa là trong giáo pháp và giới luật nào không có Bát Chánh Đạo là không có đệ tử của Ta.

Chữ Sa Môn có nghĩa là những người tu theo Phật giáo. Khác với Bà La Môn là những người tu theo ngoại đạo.

Trong đoạn kinh này Sa Môn chỉ cho những người đệ tử của Phật, chứ không phải Sa Môn giành riêng cho tu sĩ, các bạn đừng hiểu sai, nên hiểu chữ Sa Môn là chỉ chung trong giới đệ tử của Phật. Chúng đệ tử của Phật gồm có:

- 1- Cư sĩ nam Sa Môn thứ nhất.
- 2- Cư sĩ nữ Sa Môn thứ hai.

3- Tu sĩ nam Tăng Sa Môn thứ ba.

4- Tu sĩ nữ Ni Sa Môn thứ tư.

Từ xưa đến nay người ta hiểu hai chữ Sa Môn là những chữ dành riêng cho giới tu sĩ (Tăng, Ni). Nhưng trong đoạn kinh này đã xác định chương trình tu học Bát Chánh Đạo mới có Sa Môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư. Như vậy Sa Môn là chỉ cho những người đệ tử của Phật, do đó giáo pháp và giới luật nào có Bát Chánh Đạo thì mới có đệ tử của Phật, còn giáo pháp và giới luật nào không có Bát Chánh Đạo là không có đệ tử của Phật. Như vậy giáo pháp Mật tông, Tịnh Độ tông, Pháp Hoa tông, Thiên tông có Bát Chánh Đạo không?

Cho nên, giáo pháp và giới luật nào không nằm trong chương trình Bát Chánh Đạo thì làm sao gọi là giáo pháp của đức Phật được.

Tóm lại, bài kinh này đã xác định giáo pháp của Phật là giáo pháp Bát Chánh Đạo rất rõ ràng. Vậy mong các bạn hãy suy ngẫm đúng đắn, đừng để rơi vào tà kiến của các Tổ Sư, đừng ngoan cố sẽ dẫn mình đi vào con đường sai lầm. Ủng hộ cả một đời tu theo Phật giáo mà không nếm được mùi vị giải thoát của Phật giáo, Thật quá uổng!

TẨM LIỆM NĂM TRĂM LỚP VẢI

LỜI PHẬT DẠY

“Rồi những người Mallà ở Kusinara vấn tròn thân Thế Tôn với vải mới, sau khi vấn vải mới xong, lại vấn thêm với vải gai bện. Sau khi vấn với vải gai bện lại vấn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến 500 lớp cả hai loại vải”.

(Kinh Trường Bộ tập I trang 675,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rất vô lý, khi sống đức Phật giữ hạnh ba y một bát, thiếu dục tri túc, lượm vải bỏ làm y áo mặc, đến khi chết thì lại tiêu phí một cách ghê gớm. Một thân Phật như vậy làm sao quán 500 lớp vải. Năm trăm lớp vải là một đồng vải ghê gớm. Chúng tôi không thể nào tưởng tượng được một vị Phật thường tuyên bố, thân ngũ

uẩn này là bất tịnh, là vô thường, là khổ đau, là một vật không có giá trị, là một vật đồ bỏ, thế mà khi chết phải tẩm liệm như một nhà vua. Đời sống của Phật thì xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, đến khi chết thì xem thân quý trọng như thân của một hoàng đế (Chuyển Luân Thánh Vương). Những việc làm này có đúng mục đích xả phú cầu bần của đạo Phật không?

Xin thưa cùng các bạn! Các bạn hãy cùng chúng tôi vào Niết Bàn hỏi Phật. Đoạn kinh này có phải Phật dạy cách tẩm liệm Phật như vậy không? Hay đời sau bày vẽ rồi gán cho Phật. Một bài kinh mà viết như vậy có đúng là kinh sách của Phật không? Đạo Phật là đạo buông xả, buông xả sao mà dính mắc như vậy, chết phải làm đám tang như vậy. Cách thức an táng này không đúng tinh thần xả phú cầu bần của Phật giáo chút nào. Vậy đoạn kinh này ai đã thêm vào? Đoạn kinh này đã làm mất ý nghĩa giải thoát của đạo Phật. Xin các bạn lưu ý: *“Đừng có tin! Đừng có tin vào kinh sách...”*. Đó là lời dạy của đức Phật đã nhắc nhở chúng ta. Các bạn còn nhớ không?

Dem vãi vẩn thân Phật 500 lớp là một hành động phí phạm mồ hôi nước mắt của loài

người quá lớn. Đây là một hành động của vua chúa, chứ không phải là một hành động của một bậc Thánh A La Hán đã ra khỏi thế gian, đầy ô nhiễm và uế trước này.

Đạo Phật sống xả bỏ thân mạng này xem nó như là một ổ bệnh tật, như là một nghiệp khổ đau, như là một vật đáng ném bỏ như chiếc giày rách.

Thưa các bạn! Những người còn đầu óc phong kiến, tư tưởng giai cấp thống trị của vua chúa mới có sự chết tẩm liệm thi hài như vậy. Còn đức Phật là một nhà cách mạng tư tưởng ban bằng giai cấp thống trị xã hội thì không lý nào khi chết Ngài còn theo tục lệ của vua chúa tẩm liệm hay sao? Như chúng ta đều biết tư tưởng của đức Phật là tư tưởng vô giai cấp, sống bình đẳng. Mọi người đều có quyền sống tự do bình đẳng như nhau, không ai được quyền xem nhẹ người khác. Thế mà việc tẩm liệm thân đức Phật không còn bình đẳng nữa, Như vậy các bạn đọc đoạn kinh này có thấy đúng là lời Phật thuyết chăng?

Đọc đoạn kinh này chúng tôi thấy rằng: Đây là các Tổ viết ra rồi đưa vào để làm cho kinh sách Phật mất tư tưởng vô giai cấp, biến giáo pháp của Phật mất giá trị nhân bản -

nhân quả sống không còn bình đẳng, luôn luôn làm khổ mình, khổ người. Đoạn kinh này đã phỉ báng Phật giáo quá nặng, không còn có hành động nào phỉ báng hơn.

Thưa các bạn! Những điều chúng tôi ghi nhận ra đây mong các bạn lưu ý: Tất cả kinh sách Phật hiện giờ, số kinh sách phát triển Đại Thừa chúng tôi không nói đến vì kinh sách Đại Thừa hoàn toàn không phải Phật thuyết. Chúng tôi nói ở bài này là chỉ nói đến những kinh sách Nguyên Thủy. Vậy mà các Tổ còn dám thêm bớt rất nhiều làm sai lệch lời dạy của đức Phật, khiến cho người sau nghiên cứu đều phải nghi ngờ, nhưng không dám nói ra.

Điều chắc chắn là những giáo pháp của Phật hiện giờ, nếu không có người tu chứng chân lí thì không tài nào hiểu được những điều sai trái trong kinh sách phát triển! Rồi cứ dựa vào đó tu hành sai lạc thì làm sao đi đến kết quả làm chủ được sanh, lão, bệnh, tử – giải thoát luân hồi đau khổ.



PHÁP VÀ LUẬT LÀ VỊ ĐẠO SƯ

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, nếu trong các Người có người nghĩ rằng: “Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa, chúng ta không có Đạo sư. Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, pháp và giới luật Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ chính pháp và giới luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người”.

(Trường Bộ Kinh tập I trang 662,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Lời di chúc trên đây là một lời tâm huyết nhất của đức Phật đối với các đệ tử của mình. Lời di chúc này muôn đời muôn kiếp, bao nhiêu thế hệ về sau, nếu ai còn theo Phật giáo tu hành thì lời di chúc này phải mãi mãi được ghi khắc trong tâm **“GIỚI LUẬT VÀ GIÁO PHÁP**

LÀ THẦY CỦA CHÚNG TA". Cho nên, lúc nào chúng ta cũng có bậc Đạo Sư chỉ dạy tu hành không sợ sai đường lạc lối. Bậc Đạo Sư ấy không bao giờ có tướng giải, kiến giải làm sai lệch giáo pháp của Phật; bậc Đạo Sư ấy là Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo là kim chỉ Nam. Như đoạn kinh trên đức Phật đã dạy: ***“Giáo pháp và giới luật nào có Bát Chánh Đạo mới là giáo pháp và giới luật của Ta, còn ngoài ra là không phải”***.

Bởi vậy Bát Chánh Đạo là chương trình giáo dục đào tạo những bậc A La Hán, đó là bậc Đạo Sư của bao nhiêu thế hệ con người về sau.



XÁ LỢI CHỈ LÀ NHỮNG XƯƠNG Vụn

LỜI PHẬT DẠY

“Dân chúng Mạt la bảo nhau: Ngọn lửa cháy mạnh quá khó dập tắt, e cháy tiêu hết xá lợi! Chúng ta phải lấy nước ở đâu để tưới? Lúc đó có một vị thần Ta La hết lòng tin Phật đang hầu một bên, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa”.

(Kinh Trường A Hàm tập 1 trang 228-229, kinh Du Hành)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rõ ràng xá lợi chỉ là những mảnh xương vụn đốt cháy còn lại, chứ không phải do tu tập thiên định mà tủy trong thân đông lại thành xá lợi.

Khi thân tứ đại của Phật đốt cháy thì người ta phải tưới nước hoặc dùng thần lực làm cho tắt lửa để lấy được xá lợi, chia cho tám nước xây tháp thờ, như vậy rõ ràng là những

mảnh xương chưa cháy hết còn vụn nhờ tạt nước mới tắt lửa.

Như vậy xá lợi là những mảnh xương vụn chưa cháy hết thì đâu có gì quý báu như các Tổ đã tán dương xá lợi, nào là do tu thiền định mới có; nào là do tu chứng quả mới có. Như vậy đức Phật có chứng đạo không, mà phải tạt nước tắt lửa để lấy xá lợi. Chứng đạo như các Tổ thì cần gì phải tạt nước, xá lợi của các Tổ làm sao cháy được?

Kính thưa các bạn! Trong cuộc đời này, có nhiều người dựa lưng vào tôn giáo bày vẽ ra đủ điều để lừa đảo mọi người bằng cách tạo ra những hiện tượng siêu hình hoặc nói úp úp mở mở làm như vậy để mọi người biết đó là chân lý, đó là linh thiêng của Thần, Thánh, Tiên, Phật, quỷ, ma v.v..

Với mảnh xương vụn uestrợc bất tịnh đã trở thành những vật quý báu vô giá. Thật là buồn cười cho những ai có mắt như mù không thấy như thật.



KHÔNG TÁNH

LỜI PHẬT DẠY

“Thật vậy, này Ananda, điều ông đã nghe là nghe đúng, thọ trì đúng, thưở xưa và nay. Này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 292,
kinh Tiểu Không)

CHÚ GIẢI:

Kính thưa các bạn! Đọc đoạn kinh trên đây các bạn cần phải hiểu hai từ Không Tánh. Vậy Không Tánh nghĩa là gì?

Từ xưa đến nay chúng ta thường chịu ảnh hưởng nghĩa lý của Đại Thừa về tánh không. Tánh không của Đại Thừa có nghĩa Chân Không diệu hữu, Trí Tuệ Bát Nhã **“Sắc tức thị không, không tức thị sắc”**.

Cho nên, khi gặp không tánh của Nguyên Thủy thì mấy ai dám hiểu nghĩa khác. Do nhân duyên này chúng tôi sẽ giảng bài kinh Tiểu

Không để các bạn hiểu đúng nghĩa của Phật dạy, không còn bị ảnh hưởng tư tưởng, tưởng giải của các Tổ Đại Thừa nữa.

Khởi duyên của bài kinh này là do ông A Nan hỏi Phật: ***“Bạch Thế Tôn con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt Thế Tôn: “Này A Nan, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”, phải chăng bạch Thế Tôn điều con đã nghe là đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng”***.

Lúc bấy giờ đức Phật trả lời ông A Nan mà chúng ta giảng bài kinh này làm tiêu đề cho bài pháp hôm nay.

Chúng tôi xin nhắc lại đoạn kinh này một lần nữa để các bạn lưu ý. ***“Thật vậy, này A Nan, điều ông đã nghe là nghe đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng, thuở xưa và nay, này A Nan Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”***. Trong câu này chúng ta phải hiểu xưa kia trong lúc đang tu tập đức Phật cũng nhờ an trú trong không này, đến nay thành tựu được chánh pháp, tức là đức Phật đã chứng đạo, nhưng vẫn an trú thường xuyên rất nhiều trong không ấy.

Đây là ý nghĩa của đoạn kinh này. Nhưng cái khó hiểu là ở không tánh này. Vậy không tánh này là gì?

Trong kinh Tiểu Không đức Phật đã đưa ra nhiều ví dụ để mọi người dễ hiểu, nhưng trước khi giải thích những ví dụ này chúng tôi xin các bạn lưu ý và phải hiểu cho rõ ràng mục đích của đạo Phật. Vậy mục đích của đạo Phật là gì?

Theo trong kinh sách Nguyên Thủy thì chân lý thứ ba là mục đích của đạo Phật. Một mục đích mà người tu tập nào cũng cần phải đạt cho bằng được. Mục đích đó là **“Diệt Đê”**. Diệt đế là một trạng thái diệt hết nguyên nhân sinh ra mọi thứ khổ đau, cho nên khi nào chúng ta tu tập đoạn diệt hết tâm dục tức là diệt hết lòng ham muốn, diệt hết lòng tham muốn tức là tâm bất động. Tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ tức là vô tướng tâm định. Trong vô tướng tâm định không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Do ba lậu hoặc này không có nên gọi là vô tướng tâm định. Vô tướng tâm định tức là tâm không phóng dật. Cho nên, đức Phật dạy: **“Ta thành Chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”**. Tâm không phóng dật tức là tâm thanh thản, an lạc

và vô sự. Tâm thanh thản, an lạc và vô sự tức là tâm không động hay gọi **“không tánh”**. Không tánh tức là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, chứ không phải không tánh là **“Tánh không”**. Các bạn đừng hiểu lầm như các Tổ. Ở đây Phật không nói Tánh không như trong kinh Đại Bát Nhã của Đại Thừa. Trong đoạn kinh trên đây đức Phật đã dạy: **‘Thật vậy, này A Nan, điều ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng, thuở xưa và nay. Này A nan, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều’**. An trú **“KHÔNG”** của Phật giáo không có nghĩa là Tánh không, Chân không, Trí Tuệ Bát Nhã Ba La Mật. Chữ **KHÔNG** có nghĩa không chướng ngại pháp, tức là không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Dó đó, chữ **KHÔNG TÁNH** phải hiểu nghĩa đúng đắn theo Tứ Diệu Đế, chứ không thể hiểu nghĩa theo kiểu Đại Thừa và Thiên Tông. Không tánh là tánh không, là Phật tánh là sai.

Vậy các bạn hãy lắng nghe đức Phật định nghĩa chữ không tánh: **“Ví như lầu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không**

phải không, tức là sự nhất trí do duyên chúng Tỳ kheo; cũng vậy, này A Nan, Tỳ kheo không tác ý thôn tưởng, không tác ý nhân tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí, do duyên lâm tưởng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú hướng đến lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau: “cái ưu phiền do duyên thôn tưởng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng”. Vị ấy tuệ tri: “Loại tưởng này không có thôn tưởng”. Vị ấy tuệ tri: “Loại tưởng này không có nhân tưởng. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng”. Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có”. Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thật là hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”.

Độc đoạn kinh này các bạn có hiểu không? Chúng tôi xin trích ra từng đoạn ngắn, ở lâu dài Lộc Mẫu này không có voi, bò ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn ông

đàn bà tụ hội, ý đoạn kinh này đức Phật muốn nói gì? Đức Phật nói trong lầu đài Lộc Mẫu này nếu có voi bò ngựa cái, vàng bạc, đàn ông, đàn bà tụ hội thì không yên lặng, gây ra ồn náo và chướng ngại khiến tâm bất an, còn nếu không có những loài vật này thì cảnh xung quanh lầu Lộc Mẫu này sẽ yên lặng không gây ồn náo và chướng ngại khiến tâm được yên lặng và bất động, nên Phật dạy: **“chỉ có một cái không phải không”**, cái không phải không này là cái có mà không làm chướng ngại tâm, cho nên không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, vàng bạc, đàn ông đàn bà tụ hội thì trong lầu đài Lộc Mẫu này yên lặng bất động. Có đúng như vậy không các bạn? Như vậy không tánh là chỗ bất động tâm, chứ không phải là tánh không.

Các bạn hãy lắng nghe đoạn kinh tiếp: **“Này Ananda, Tỳ kheo không tác ý thân tưởng, không tác ý nhân tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên lâm tưởng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, an trú hướng đến lâm tưởng, vị ấy tuệ tri như sau: cái ưu phiền do duyên thân tưởng không có mặt ở đây; cái ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây, và chỉ có**

một ưu phiền này tức là sự nhất trí do duyên lâm tướng”.

Đoạn kinh này xác định không tánh theo từng đối tượng của lầu đài Lộc Mẫu, ở đây đức Phật nêu đối tượng thứ nhất không tánh của lầu đài Lộc Mẫu là không có voi, ngựa, ngựa cái, không có vàng bạc, không có đàn ông, đàn bà v.v.. mà đức Phật gọi chung danh từ này là thôn tướng, là nhân tướng. Thôn tướng có nghĩa là voi, bò ngựa cái, vàng bạc, còn nhân tướng là đàn bà, đàn ông v.v..

Nếu có những vật này ở trong lầu Lộc Mẫu thì làm sao gọi là không động được. Phải không các bạn? Nếu có vật này thì sẽ làm động tâm chúng ta vì chúng là chướng ngại của tâm. Cho nên, đức Phật bảo: *“Cái ưu phiền do duyên thôn tướng và nhân tướng không có mặt ở đây, và này Ananda cái này đối với vị ấy là thật có như vậy không điên đảo, sự thật hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”.*

Đến đây các bạn đã hiểu không tánh rồi chứ. Không tánh chỉ là tâm bất động, nhưng bất động đối với thôn tướng và nhân tướng chứ không phải bất động hết các pháp, vì thế chỉ còn có một ưu phiền này tức là sự nhất trí do duyên lâm tướng.

Vậy lâm tưởng nghĩa là gì?

Lâm tưởng là rừng cây chung quanh lâu đài Lộc Mẫu, vì có rừng cây nên còn có những chướng ngại trong tâm. Cho nên, đoạn kinh dạy: **“Chỉ còn có một ưu phiền này tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng”**.

Như vậy không tánh không có nghĩa là không có, mà cũng không có nghĩa là chân không, tánh không v.v.. như nghĩa của các nhà Đại Thừa.

Không tánh có nghĩa là không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứ không phải tánh không của trí tuệ Bát Nhã. Ở đây, nếu các bạn không hiểu rõ mục đích của đạo Phật là chỗ bất động tâm trước ác pháp và các cảm thọ, nếu các bạn hiểu khác nghĩa bất động này, là các bạn đã hiểu sai lệch bài kinh trên đây.

Đức Phật dạy: **“Thuở xưa và nay, này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều”**. Thuở xưa có nghĩa là lúc mới bắt đầu tu tập đức Phật cũng phải tu tập an trú chỗ bất động tâm này. Đến nay khi tu tập đã xong đức Phật cũng bảo: **“Nên nay an trú rất nhiều”**. An trú rất nhiều tức là luôn luôn đức Phật sống với tâm bất động khi đã tu chứng đạo.

Vậy chúng ta hãy nghe tiếp Phật dạy:
“Cũng vậy, này Ananda, Tỳ kheo không tác ý đối với tất cả những vật gì trên đất này, đất khô, vùng lầy, sông và vùng lầy, các cây có thân và có gai, núi và đất bằng, vị ấy tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan an trú, hướng đến địa tướng vị ấy tuệ tri như sau: “Các ưu phiền do duyên nhân tướng không có mặt ở đây, các ưu phiền do duyên lâm tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên địa tướng, vị ấy tuệ tri như sau: loại tướng này không có nhân tướng, vị ấy tuệ tri, loại tướng này không có lâm tướng và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên địa tướng” và cái gì không có mặt ở đây vị ấy xem cái ấy là không có, nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “cái kia có, cái này có”. Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thật hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”.

Đoạn kinh trên chỉ còn lâm tướng là chướng ngại làm cho tâm ưu phiền nhưng lại xả bỏ thân tướng, nhân tướng và lâm tướng nên

tâm bất động được các đối tượng này, nhưng lại bị chướng ngại địa tướng.

Trên đây là một pháp môn loại trừ các lậu hoặc, các chướng ngại pháp và làm cho tâm bất động.

Điều ở đây các bạn nên lưu ý đó là những loại tướng được loại trừ lần lượt:

- Đầu tiên loại trừ tướng trong ngôi lầu đài Lộc Mẫu này là thôn tướng và nhân tướng.

- Loại trừ lần thứ hai là lâm tướng.

- Loại trừ lần thứ ba là địa tướng.

- Loại trừ lần thứ tư là không vô biên xứ tướng.

- Loại trừ lần thứ năm là thức vô biên xứ tướng.

- Loại trừ lần thứ sáu là vô sở hữu tướng.

- Loại trừ lần thứ bảy là phi tướng phi phi tướng xứ tướng.

Như vậy, tất cả những loại tướng này đã được loại trừ. Khi loại trừ xong các loại tướng thì còn lại một cái đó là vô tướng tâm định.

“Này Ananda, vị Tỳ kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không tác ý Phi tướng phi

phi tướng xứ tướng, tác ý sự nhất trí do duyên vô tướng tâm định”.

Bây giờ các bạn đã hiểu rõ không tánh là vô tướng tâm định tức là tâm không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Tâm không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu là tâm bất động. Đó là mục đích của đạo Phật do ly dục ly ác pháp, chứ không phải Tánh Không, Chân Không Diệu Hữu, Trí Tuệ Bát Nhã. Kinh Tiểu Không ở đây không có những nghĩa đó xin các bạn chớ hiểu lầm, làm lệch ý nghĩa của Phật pháp.

Khi tâm bất động như trên đã nói thì không có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu thì tâm được giải thoát hoàn toàn, nên người ở trạng thái tâm bất động này liền hiểu rất rõ: ***“Sanh đã tận Phạm hạnh đã thành, những việc làm nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa”***. Vô tướng tâm định này thật hữu vi, do tâm tự tạo nên. ***Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt***”.

Đọc đến đoạn kinh này các bạn thấy đức Phật đã xác định rất rõ vô tướng tâm định vẫn là pháp hữu vi do tâm tự (ý thức) tạo nên cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt. Như vậy làm sao các bạn hiểu nó là Chân Không diệu hữu,

Trí Tuệ Bát Nhã, Tánh Không. Những từ này trong kinh sách Đại Thừa chỉ cho Phật tánh là một pháp vô vi thường hằng bất biến. Nhưng ở kinh Tiểu Không này dạy **không tánh** là pháp hữu vi vô thường chịu sự đoạn diệt. Cho nên, kinh sách các bạn phải hiểu đúng nghĩa, đừng hiểu sai, vì chính hiểu sai mà các Tổ mới kiến giải, tưởng giải sinh ra kinh Đại Bát Nhã, mới có Chân Không Diệu Hữu, Bát Nhã Tâm Kinh. Tất cả những điều này chỉ là một ảo tưởng của kinh sách Đại Thừa, còn kinh Tiểu Không thì không có nghĩa đó. Không có nghĩa đó rất rõ ràng vì vô tướng tâm định, không tánh là một pháp hữu vi vô thường, chịu sự đoạn diệt.

Xin các bạn lắng nghe đoạn kể của kinh Tiểu Không này: ***“Này Ananda, phàm có những Sa Môn hay Bà La Môn nào trong quá khứ sau khi chứng đạt, đã an trú cứu cánh vô tướng thanh tịnh không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều chỉ an trú cứu cánh vô tướng thanh tịnh không tánh này”***.

“Này Ananda, phàm có những Sa Môn hay Bà La Môn nào trong tương lai, sau khi chứng đạt sẽ an trú cứu cánh vô tướng thanh tịnh không tánh, tất cả các

vị ấy sau khi chứng đạt, sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này”.

“Này Ananda phàm có những Sa Môn hay Bà La Môn nào trong hiện tại sau khi chứng đạt và an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này, do vậy, này Ananda. Sau khi chứng đạt Ta sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh”.

Đoạn kinh trên đây đức Phật đã xác định rõ ràng và cụ thể. Người đang tu tập phải tu tập cho đạt được và an trú bất động tâm này. Người đã tu tập xong thì luôn luôn an trú bất động tâm này. Người sẽ tu tập là phải hướng đến an trú bất động tâm này. Và đức Phật đã tu tập xong, Ngài cũng đang an trú bất động tâm này.

Tóm lại, không tánh tức là tâm bất động. Tâm bất động là tâm ly dục ly ác pháp, đó là cứu cánh của Phật giáo, ngoài ra tất cả các pháp khác là tôn giáo ngoại đạo.



LÒNG TIN PHẢI CÓ CĂN CỨ

LỜI PHẬT DẠY

“Thưa tôn giả Gotama, câu chú thuật của các Tổ Bà La Môn, y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng Bà La Môn. Và ở đây các vị Bà La Môn chắc hẳn đi đến kết luận: “Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm”. Ở đây Gotama nói gì?

Nhưng này Bharadvaja, có một vị tôn sư nào giữa các Bà La Môn đã nói như sau: “Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”?

Thưa không, Tôn Giả Gotama!

Nhưng này Baharadvaja, có một tôn sư nào của các vị Bà La Môn, cho đến vị tôn sư của các vị tôn sư trở lui cho đến 7 đời. Các vị đại tôn sư đã nói như sau: “Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”?

Thưa không, Tôn Giả Gotama!

Như này Baharadvaja, có một tôn sư nào của các vị Bà La Môn, cho đến vị tôn sư của các vị tôn sư trở lui cho đến 7 đời. Các vị đại tôn sư đã nói như sau: “Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”?

Thưa không, Tôn Giả Gotama!

Nhưng này Baharadvaja thuở xưa những vị ẩn sĩ giữa các Bà La Môn, những các tác giả các chú thuật, những nhà tụng tụng của chú thuật, đã hát đã nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vasrttha, Vessamitta, Yamataggi, Angirase, Bharadvaja, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: “Chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”?

Thưa không, Tôn Giả Gotama.

Này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng lời nói của các Bà La Môn, cũng giống như một chuỗi người mù, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cũng không thấy. Này Bharadvaja, Người nghĩ thế nào? Sự

kiện là như vậy, có phải lòng tin của các vị Bà La Môn trở thành không căn cứ?”.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 724,
Kinh Canki)

CHÚ GIẢI:

Một thanh niên Bà La Môn tên là Kapathika hỏi đức Phật về một lòng tin vào Thánh tạng kinh điển chú thuật truyền thống từ xa xưa của Bà La Môn: ***“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”***. Và Tôn giả Gotama nói gì về vấn đề này?

Khi được hỏi câu này đức Phật trả lời bằng một câu hỏi khác ngay với những vị Bà La Môn hiện có mặt tại cuộc họp này.

Các vị có ai dám xác định rằng: ***“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”***.

Tất cả các vị Bà La Môn đều im lặng không ai dám trả lời, chỉ có Ba La Môn

Bharadvaja là người có uy tín nhất trong các vị Bà La Môn nên đại diện trả lời.

- ***“Thưa không, Tôn giả Gotama”.***

Ở đây các bạn nên hiểu câu hỏi của đức Phật rất quả quyết và mạnh mẽ về Thánh tạng Vệ Đà kinh của Bà La Môn đúng hoặc sai. Vì thế câu hỏi này có hai câu trả lời:

1- xác định

2- phủ định

Ở đây các bà La Môn không dám xác định mà trả lời phủ định vì trả lời phủ định là thành thật.

Nếu trả lời xác định: ***“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này”*** thì đức Phật sẽ hỏi: ***“biết việc này như thế nào?”***.

Về vấn đề kinh tạng Vệ Đà, đức Phật đã thấu suốt kinh tạng chú thuật này chỉ là thuyết ngôn ngữ suông, chưa có một vị nào chứng đắc chân lí ấy, nên làm sao biết đâu trả lời cho chính xác. Nếu trả lời biết thấy mà không chính xác rõ ràng thì đức Phật bác bỏ. Mục đích của kinh Vệ Đà là những lí luận mơ hồ, ảo tưởng không thực tế. Không cụ thể, nên làm sao lại dám bảo rằng: ***“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”***? Cho nên, câu hỏi

của đức Phật đơn giản nhưng trả lời rất khó khăn.

Ở đoạn kinh này chỉ có những người tu chứng đạo mới dám trả lời: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”**? Còn những người tu chưa chứng chân lí thì không bao giờ dám nói lời này.

Câu hỏi của đức Phật: **“Có tôn sư vị Bà La Môn nào, dù cho đến 7 đời tôn sư và những vị Bà La Môn Tổ sư sáng tạo ra kinh sách Vệ Đà và chú thuật đã chứng được chân lí đó chưa?”**.

Do thấu suốt toàn bộ Thánh kinh Vệ Đà là một loại kinh tưởng không thực tế. Mục đích mơ hồ, ảo tưởng. Một chân lí không rõ ràng như vậy thì làm gì có người tu chứng chân lí ấy? Do đó, đức Phật mới có câu hỏi: tôn sư bảy đời và những tôn sư sáng tạo ra kinh sách này có dám nói rằng: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này (tức là chứng đạo), chỉ đây là sự thật ngoài ra đều sai lầm?”**.

Người hỏi câu này là người đã chứng chân lí mới dám hỏi. Nếu chưa chứng chân lí thì không dám hỏi câu này. Tại sao vậy? Vì có

chúng chân lí mới biết chân lí. Biết chân lí mới dám hỏi người khác.

Nghiệm xét qua đoạn kinh trên các bạn nhận xét về Thầy Thông Lạc. Tại sao Thầy Thông Lạc dám nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ sai? Nếu Thầy Thông Lạc tu hành chưa chứng được chân lí giải thoát của đạo Phật thì Thầy có dám nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông sai không? Nếu Thầy tu chưa chứng thì chỉ có thuyết giảng như các Thầy Đại Thừa mà thôi.

Vì thế, người tu chứng chân lí mới dám xác nhận pháp nào sai, pháp nào đúng. Ngày xưa đức Phật dám nói thẳng điều này, ngày nay Thầy Thông Lạc cũng vậy, khi tu chứng mới thấy được cái sai cái đúng

Trên hành tinh này loài người chỉ có bốn chân lí, bốn chân lí ấy phải chân thật, thực tế, cụ thể rõ ràng như chân lí của Phật giáo **KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO** mới thật là chân lí, dù mọi người tu chưa chứng đạo nhưng vẫn nhận thấy biết rõ ràng cụ thể, không có mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng.

Bởi vậy, kinh sách Đại Thừa sai là vì chân lí của Đại Thừa mơ hồ, ảo tưởng, trừu tượng cũng giống như kinh sách Vệ Đà của Bà La

Môn. Lấy câu hỏi của Phật trong kinh Canki thuộc kinh Trung Bộ tập II mà hỏi các vị Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni tu theo kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông đã có ai chứng được chân lí giải thoát làm chủ 4 sự khổ đau; sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi chưa? Hay chỉ là chứng những chân lí ảo tưởng **“Phật tánh, Bản lai, Cực Lạc Tây Phương”** do chứng những chân lí ảo tưởng nên chẳng biết phương pháp nào chuyển bệnh, làm chủ sự sống chết rõ ràng, cụ thể v.v..

Phần đông đứng trước bệnh tật sống chết các Ngài chỉ khéo lí luận **“Chẳng muội nhân quả”** để che đậy và lừa đảo Phật tử. Càng tu hành thì càng phải trả nghiệp, dồn nghiệp v.v.. Chân lí của Phật là chân lí chuyển nghiệp, chứ đâu phải trả nghiệp, dồn nghiệp, nếu trả nghiệp, dồn nghiệp thì còn đâu là chân lí. Phải không các bạn?

Người chứng được chân lí của Phật giáo Nguyên Thủy đều thấy biết cái sai của Đại Thừa rất rõ ràng, nhờ có tu chứng như vậy mới dám nói: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm”**.

Đức Phật đã chứng đạt chân lí giải thoát thật sự. Vì thế, mới có bài kinh Canki lưu lại cho đến ngày nay, Ngài chỉ cho mọi người thấy chân lí của loài người chỉ có Tứ Diệu Đế. Tứ Diệu Đế gồm có: khổ, tập, diệt, đạo, ngoài ra không còn có chân lí nào khác nữa.

Một lần nữa đức Phật đã xác định trong kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc kinh Trường Bộ tập I, trang 659: **“Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Chánh Đạo thời ở đây không có Sa Môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư”**. Câu nói này có nghĩa là trong giáo pháp nào không có Bát Chánh Đạo thời giáo pháp ấy không có tu chứng giải thoát sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi như đã nói trên, còn giáo pháp nào có Bát Chánh Đạo thì giáo pháp ấy có tu chứng.

Cho nên, những vị Tổ Sư Tăng, Ni biên soạn và viết ra kinh sách Đại Thừa, không có vị Tổ Sư nào dám bảo rằng: Ta chứng được chân lí như đức Phật? Họ chỉ khéo lí luận bằng câu **“Người nào còn thấy mình tu chứng là chưa chứng”**. Thường các Tổ hay dùng câu: **“Vô sở đắc”**. Đó là lối che đậy lừa đảo tín đồ dễ nhất.

Không có vị Tổ sư nào dám nói: ***“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”***.

Đọc hết kinh sách Đại Thừa các bạn không bao giờ thấy có lời dạy như trong kinh sách Nguyên Thủy. Ở đây trong kinh sách Nguyên Thủy các bạn thường thấy đức Phật và các vị đệ tử của Phật khi tu chứng thường tuyên bố: ***“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa”***.

Kính thưa các bạn! Khi các bạn đọc kinh sách Đại Thừa có thấy vị Tổ sư nào dám to tiếng tuyên bố: ***“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”*** như trong kinh Nguyên Thủy này không?

Trong kinh sách Nguyên Thủy thường nhắc đến các vị chứng đạt chân lí tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ đều tuyên bố như Phật đã tuyên bố: ***“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa”***. Khi đã tuyên bố như vậy là biết mình đã tu xong. Người đã tu xong mới dám nói câu

này: ***“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”***. Người nói như vậy mới thật sự là đệ tử của Phật. Khi tu chưa chứng thì thấy lỗi mình không thấy lỗi người, nhưng khi đã tu chứng thì không hèn nhát, không sợ hãi, dám nói thẳng nói thật như đức Phật ngày xưa. Đúng là nói đúng, sai là nói sai; không tư vị, không xu nịnh ai cả, cũng chỉ vì một mục đích duy nhất là bảo tồn Chánh pháp của Phật.

Hầu hết đệ tử của đức Phật trong kinh Nguyên Thủy, khi tu chứng đạt chân lý đều nói những lời trên đây. Vị đệ tử cuối cùng của đức Phật, lúc Phật sắp nhập Niết Bàn, khi nghe thuyết giảng xong liền buông xả sạch các pháp thế gian, chứng đạt chân lý, Ông đồng dạy tuyên bố trước mọi người và đức Phật: ***“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời khác nữa”***.

Kính thưa các bạn! Từ khi có kinh sách Đại Thừa cho đến nay, các bạn chưa từng nghe các bậc tôn túc Tổ sư, từ người khởi sự biên soạn kinh sách Đại Thừa cho đến hiện nay các vị tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni đều đã học và tu tập giáo pháp kiến

giải chưa có vị nào dám tuyên bố. **“Tôi đã tu chứng đạo, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt luân hồi”**. Chính vì con đường của Đại Thừa không thể tu chứng được, cho nên họ đâu dám nói: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”**.

Mục đích giải thoát của Đại Thừa mù mờ, ảo tưởng không rõ ràng, không cụ thể. Vì thế, các Thầy Đại Thừa giống như những người mù, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy và người cuối cũng không thấy. Cho nên đâu dám bảo: **“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời khác nữa”**. Riêng Phật giáo Nguyên Thủy khi chứng đạt đều nói câu này mà còn dám nói: **“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”**. Không thấy mục đích giải thoát cho nên lòng tin của các Thầy Đại Thừa trở thành không có căn cứ. Nhưng lại muốn che đậy những điều sai lầm này nên các Tổ sư Đại Thừa bảo như trên đã nói: **“Ai thấy mình tu chứng đắc là chưa chứng đắc (vô sở đắc), chứng đắc không thấy mình đắc mới là**

chứng đắc”. Lời dạy này là một lối lý luận khéo léo gian xảo. Từ đó về sau các Thầy Đại Thừa thường dùng những từ này **“vô sở đắc”**. Khi nghe ai nói chứng đắc. Cho nên, người Phật tử khó phân biệt người tu sĩ của Phật giáo tu chứng hay chưa tu chứng, còn xét về giới luật thì các Ngài lý luận: **“Hạnh trực thì đâu cần giữ giới”**. Cho nên **“Tự tại vô ngại đói ăn, khát uống, mệt ngủ”**. Do lý luận này nên mới có Nam Tuyên sát miêu, Lâm Tế chém rấn, Thượng Sĩ Tuệ Trung ăn thịt uống rượu và Tế Diên Hòa Thượng ăn thịt chó uống rượu li bì.

Giáo pháp tu hành phải đặt trọn lòng tin có căn cứ rõ ràng, cụ thể, thực tế, chứ không thể chỉ có lòng tin suông được. Nếu chỉ có lòng tin suông là lòng tin mù quáng. Từ lâu quý Phật tử đã đặt trọn lòng tin vào kinh sách Đại Thừa không căn cứ vững chắc. Kinh Đại Thừa là một loại kinh sách có một mục đích giải thoát mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, không thực tế, không cụ thể. Cho nên, đức Phật dạy: **“Lời nói của các Bà La Môn cũng giống như chuỗi người mù, người trước không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Nay Bharadvaja, Người**

ngĩ thế nào? Có phải lòng tin của các Bà La Môn trở thành không có căn cứ?”.

Xưa đức Phật chỉ vạch giáo pháp của Bà La Môn sai như vậy. Hiện giờ chúng tôi cũng vậy, vạch trần bộ mặt thật của Đại Thừa, từ bao lâu thế kỷ nay biết bao nhiêu thế hệ trẻ đã bị lừa, chẳng có ai tu hành ra gì. Chỉ toàn là tu danh, tu lợi, tu chùa to, Phật lớn, tu ăn tu ngủ. Thật là đau lòng. Phải không các bạn?

May ra chúng ta còn có những bài kinh Nguyên Thủy để so sánh, xác chứng kinh sách Đại Thừa là kinh sách của ngoại đạo lồng vào giáo pháp của đức Phật để lừa gạt tín đồ Phật giáo, biến tín đồ Phật giáo thành tín đồ ngoại đạo mê tín, lạc hậu, chỉ có tin một cách mù quáng, để làm tay sai cho những người đầu cơ tôn giáo làm giàu trên mồ hôi nước mắt của hàng ngàn tín đồ. Và thiêu hủy biết bao nhiêu tiền của do lòng mê tín của đồng bào cả nước cúng kính.



HỘ TRÌ CHÂN LÍ

LỜI PHẬT DẠY

“Thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lí? Cho đến mức độ nào chân lí hộ trì? chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lí”.

(Kinh Trung Bộ tập II Trang 227,
Kinh Canki)

CHÚ GIẢI:

Kính thưa các bạn! Bất cứ một tôn giáo nào, khi các bạn muốn đến với tôn giáo ấy thì lòng tin của các bạn là trước tiên, khi có lòng tin thì các bạn mới siêng năng thực hành giáo pháp của tôn giáo đó. Thực hành giáo pháp đó gọi là hộ trì chân lí, nhưng khi hộ trì chân lí mà các bạn chưa giác ngộ và chưa chứng đạt chân lí đó thì các bạn không nên vội kết luận một chiều: **“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”**. Bởi vì các bạn là những người đang

tu tập giáo pháp đó chứ chưa phải là người tu chứng đạo.

Cho nên, đoạn kinh trên đây do một vị Bà La Môn hỏi Phật: **“Cho đến mức độ nào người tín đồ hộ trì chân lí hay nói cách khác chân lí được hộ trì”**. Ở đây các bạn nên lưu ý: **“Cho đến mức độ nào người tín đồ hộ trì chân lí”**. Lời dạy này có nghĩa là các bạn phải hiểu biết về chân lí ở mức độ phải thông suốt như thật. Nếu sự hiểu biết của các bạn chưa thông suốt chân lí như thật mà vội tu tập là các bạn tu tập không đúng pháp, lòng tin của các bạn là tin mù quáng, Tin mù quáng mà các bạn tu tập thì cũng chỉ hoài công vô ích mà thôi. Khi các bạn đã ngộ được chân lí, thì sự tu tập của các bạn là do lòng tin không mù quáng, lòng tin chân thật. Từ lòng tin chân thật mà tu tập, đó là các bạn hộ trì chân lí hay nói cách khác là chân lí được hộ trì. Chân lí còn đang hộ trì thì sự tu hành của các bạn chưa chứng đạt chân lí, chưa chứng đạt chân lí thì các bạn không được quyền kết luận: **“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm”**.

Câu này dạy rất rõ người tu chưa chứng đạo thì không có quyền nói pháp mình đúng nói pháp người khác sai. Các bạn có hiểu chưa?

Ví dụ: Đức Phật là người đã tu tập giác ngộ và chứng đạt chân lí, nên Người có quyền kết luận: ***“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra điều là sai lầm”***. Thầy Thông Lạc cũng vậy, là người đã làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chứng ngộ được chân lí. Người có quyền nói: *“Đây là giáo pháp Nguyên Thủy của Phật là đúng, là sự thật; còn giáo pháp Đại Thừa và Thiên Đông Độ là sai lầm, không đúng chánh pháp, là giáo pháp của ngoại đạo lừa đảo mọi người”*.

Chúng ta hãy đọc kỹ đoạn kinh này, đức Phật đã dạy: ***“Này Bharadvaja, nếu người nào có lòng tin và nói: “đây là lòng tin của tôi”, người ấy là người hộ trì chân lí, nhưng người ấy không được kết luận một chiều: “Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”***.

Đoạn kinh trên đức Phật đã xác định rõ ràng: chỉ mới có lòng tin tu tập giáo pháp thì các bạn không được quyền nói đúng, nói sai giáo pháp của ai cả. Vì nói đúng, nói sai là các bạn sai. Trên đây là người mới có lòng tin và chưa chắc lòng tin đó đã đúng. Người mới có lòng tin thì sự tu tập chỉ ở giai đoạn hộ trì

chân lí bằng lòng tin của mình mà thôi, chưa có sâu xa.

Khi các bạn đến chùa nghe thuyết giảng, các bạn phải suy tư cân nhắc mọi lý lẽ để tìm hiểu chân lí mà các bạn cần phải hiểu. Khi tìm hiểu chân lí ấy có đồng một quan điểm với các bạn không? Nếu thấy chân lí đó đồng một quan điểm với các bạn thì các bạn nói: ***“Tôi chấp nhận chân lí này, vì nó có đồng một quan điểm với tôi, tôi sẽ hộ trì chân lí này”***. Khi các bạn tìm hiểu và chấp nhận tu theo chân lí này đồng một quan điểm thì các bạn không được kết luận một chiều như trong kinh đã dạy: ***“Chỉ đây là sự thật ngoài ra là sai lầm”***.

Trên đây là giai đoạn 2 hộ trì chân lí bằng nghe thuyết giảng, tuy vẫn cùng một quan điểm. Nhưng ở đây chưa phải là giác ngộ chân lí.

Những điều chúng tôi chú giải trên đây là đức Phật đã dạy: ***“Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy hỉ...; nếu có người có lòng tùy vãn...; nếu có người có sự cân nhắc..., suy tư các lý do...; nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: “Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi”, người ấy***

hộ trì chân lí nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: “đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”. Cho đến như vậy này Bharadvaja, là hộ trì chân lí chúng tôi chủ trương hộ trì chân lí nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lí...”

Tóm lại hộ trì chân lí có 5 điều cần phải thông hiểu:

- 1- Tín (lòng tin).
- 2- Tùy hỉ hợp ý.
- 3- Tùy văn (nghe thuyết giảng).
- 4- Cân nhắc suy tư các lý do.
- 5- Chấp nhận cùng quan điểm.

Người mới tu tập còn nằm trong năm điều này tức là đang hộ trì chân lí, chứ không phải giác ngộ chân lí mà cũng chưa chứng đạt chân lí. Chưa chứng đạt chân lí thì không được kết luận vội vàng cho pháp môn của mình đang tu tập là đúng mà các pháp môn khác là sai. Chừng nào chứng đạt được chân lí thì mới cho rằng: ***“Chỉ có đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”***.



GIÁC NGỘ CHÂN LÍ

LỜI PHẬT DẠY

“Thưa Tôn giả Gotama. Cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lí? chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lí”.

(Kinh Trung Bộ tập II,
kinh Canki trang 728)

CHÚ GIẢI:

G giác ngộ chân lí tức là hiểu rõ chân lí.

Vậy chân lí ở đây là gì?

Đoạn kinh trên đây do Bà La Môn Bharadvaja hỏi đức Phật muốn giác ngộ chân lí phải làm sao?

Theo Phật giáo Nguyên Thủy thì chân lí không phải ở đâu xa mà ở tại nơi tâm con người. Nếu một người còn tâm tham, sân, si mà không biết mình còn tâm tham, sân, si là người ấy chưa ngộ chân lí. Người giác ngộ chân lí là người biết rõ tâm có tham biết tâm có tham,

tâm có sân biết tâm có sân, tâm có si biết tâm có si. Người biết như vậy là người đã giác ngộ chân lí.

Người giác ngộ chân lí là người ngay trên bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp mà nhiếp phục các ác pháp và ly các dục. Nhờ có ly dục ly ác pháp trên bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp là họ chứng đạt được chân lí.

Người chưa giác ngộ chân lí, nên nghe ai nói gì hợp với quan điểm của mình là tin ngay liền. Tin một cách mù quáng, vì thế, bỏ hết cả cuộc đời đi theo tôn giáo mà chẳng có lợi ích gì và sự tu hành cũng chẳng đến đâu cả. Các bạn có thấy mọi người tin ngưỡng tôn giáo với lòng tin mù quáng không?

Các Thầy Đại Thừa tin mù quáng theo kinh sách Đại thừa, cả cuộc đời của quý Thầy chỉ chạy theo danh và lợi để rồi chết trong đau khổ và bệnh tật, chẳng có ném được mùi vị giải thoát.

Đây, các bạn hãy nghe đức Phật dạy mà suy ngẫm lại các Thầy Đại Thừa: ***“Này Bharadvaja, Tỳ kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai của một gia chủ đi đến vị ấy và tìm hiểu vị***

ấy trong ba pháp, tức là tham pháp, sân pháp và si pháp. Người này nghĩ rằng: “Không hiểu vị Tôn giả ấy có còn tham ái hay không? Do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối dầu không biết vẫn nói: “Tôi biết”, dầu không thấy vẫn nói: “Tôi thấy” hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài”. Đoạn kinh này đã xác định rõ ràng. Nếu xét thấy vị Tỳ kheo nào còn bị tham pháp, sân pháp, si pháp thì người ấy chưa chứng đạt chân lí. Người chưa chứng đạt chân lí chỉ là người mới hộ trì chân lí. Người mới hộ trì chân lí mà nói người này sai, người kia đúng là người mù mắt mà nói màu sắc.

Cho nên, vấn đề tu tập theo Phật giáo hành giả phải giác ngộ chân lí. Nhưng giác ngộ chân lí cũng chưa được quyền nói: ***“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”.***

Người chưa giác ngộ chân lí giống như các Thầy Đại thừa không biết, không thấy vẫn nói thấy biết để lừa đảo dạy người khác tu tập khiến cho người khác phí công sức, tốn tiền bạc mà chẳng được sự an vui lợi ích gì: ***“Do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối dầu***

không biết vẫn nói: “Tôi biết”, dầu không thấy vẫn nói: “Tôi thấy” hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc”. Bài kinh này dạy rất đúng tâm lý của các thầy Đại Thừa. Phải không các bạn?

Tu hành chưa đến đâu, chỉ ở trên kinh sách thuyết giảng chữ nghĩa, tâm còn tham, sân, si mà nói “tôi thấy, tôi biết”, thật là lừa đảo người khác, toàn là nói vọng ngữ. Cho nên, bảo sao khi các vị chết phải chịu bệnh tật khổ đau vô cùng.

Những bài kinh trên đây là đức Phật cảnh cáo các Thầy giảng pháp khi tu hành chưa chứng đạt chân lí mà dạy người khác tu thì chẳng đem lại lợi ích cho ai cả. Mong các bạn hiểu cho.



TÂM CÒN THAM, SÂN, SI LÀ THUYẾT PHÁP KHÔNG ĐÚNG PHÁP

LỜI PHÁT DẠY

“Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu khó thấy, khó chứng tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lí sông, tế nhị được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng tham, lòng sân, lòng si khéo thuyết giảng được? Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham, sân, si pháp, người này sinh lòng tin đối với vị ấy. Với lòng tin sanh, người này đến gần, khi đến gần, thân cận giao thiệp, do thân cận giao thiệp, nên lắng nghe, người ấy nghe pháp, liền thọ trì pháp, rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì, trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỉ chấp nhận. Khi các pháp được hoan hỉ chấp nhận, ước muốn sinh khi ước muốn sinh. Liên cố gắng, sau khi cố

gắng liền cân nhắc, sau khi cân nhắc người ấy tinh cần”. Trong khi tinh cần người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lí, và khi thể nhập chân lí ấy với trí tuệ, người ấy thấy.

“Trong khi tinh cần người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lí, và khi thể nhập chân lí ấy với trí tuệ, người ấy thấy. Cho đến mức độ này là sự giác ngộ chân lí, cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương sự giác ngộ chân lí, nhưng như vậy chưa phải là chứng đạt chân lí”.

(Kinh Trung Bộ tập II – trang 731, kinh Canki)

CHÚ GIẢI:

Xính thưa các bạn! Khi chúng ta muốn nghe một vị thầy thuyết pháp thì phải tìm hiểu vị Thầy đó tâm còn tham, sân, si hay không? Nếu một vị Thầy đó tâm còn tham, sân, si mà thuyết pháp thì phần nhiều họ là những người

nhai lại bã mía của người khác, hoặc của người xưa, họ không thể giảng những pháp thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng vượt ngoài luận lí suông, tế nhị thực tế, cụ thể không trừu tượng, không ảo giác v.v..

Khi xem xét một vị Thầy như vậy thì chúng ta không đủ lòng tin với họ, họ chưa đủ trình độ dạy người khác tu tập, chưa xứng đáng làm thầy của chúng ta.

Kính thưa các bạn! Hiện giờ các bạn xét qua các Thầy Đại Thừa, các vị Thiền Sư Đông Độ, các bạn có thấy họ hết tham, sân, si chưa? Chính họ cũng không biết pháp nào tu tập hết tâm tham, sân, si; chính họ cũng không giác ngộ được chân lí ly tham, sân, si; chính họ cũng không nhận ra được chân lí tham, sân, si, thì làm sao họ hộ trì chân lí và biết lấy giáo pháp gì mà hộ trì.

Nếu các bạn bảo rằng: chân lí là Trí Tuệ Bát Nhã, Phật tánh, Chân không, Tánh không, Bản lai diện mục, Cực lạc, Tây Phương v.v.. thì chúng tôi e rằng đó là chân lí ảo.

Xin thưa cùng các bạn! Các bạn có biết chân lí của đạo Phật là gì không? Các bạn hãy nghiên cứu Tứ Diệu Đế mà xem thì biết ngay liền. Chân lí đầu tiên của đạo Phật các bạn có

biết không? Đó là tâm tham, sân, si của các bạn. Các bạn có biết không? Nếu các bạn biết tâm có tham là biết tâm có tham, tâm không tham là biết tâm không tham đó là các bạn ngộ chân lí. Tâm có tham các bạn không biết tâm có tham là các bạn chưa ngộ chân lí. Ngộ chân lí không phải khó. Phải không các bạn? Chân lí là một sự thật của con người. Cho nên, tâm tham, sân, si là chân lí không ai có thể phủ nhận được. Ngoài tâm tham, sân, si đi tìm chân lí thì không có các bạn ạ!

Cho nên, một vị Thầy tâm còn tham, sân, si mà thuyết giảng dạy đạo cho người khác tu tập thì làm sao người ta tu tập được. Thuyết giảng theo kiểu nghĩa lý suông, không có một chút kinh nghiệm trong tu tập, thì làm sao người khác biết đâu mà tu tập cho hết tham sân, si?

Bởi vậy trong đoạn kinh này dạy rất rõ ràng: ***“Người kia lại xem xét thêm vị ấy về các pháp tham, sân, si do những tham, sân, si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói “Tôi biết”, dầu không thấy vẫn nói “Tôi thấy”, hay xui khiến người khác có những hành động***

tu hành, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài”.

Đây các bạn thấy chưa? Một người tâm còn tham, sân, si mà dạy người tu hành thì đức Phật không chấp nhận, cho đó là những người lừa đảo.

Còn xét thấy người ấy tâm hết tham, sân, si mà thuyết giảng thì những bài thuyết giảng của họ thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài lí luận suông, tế nhị, thực tế, cụ thể, rõ ràng. Khi được nghe người ấy thuyết giảng thì sinh lòng tin pháp, tin một cách tuyệt đối.

Ở đây, chúng ta thấy rõ ràng đức Phật dạy phải tìm một vị Thầy tâm không còn tham pháp, sân pháp, si pháp, phải gần gũi vị Thầy đó thưa hỏi và thọ trì những pháp mà vị Thầy đó đã tu tập tâm không còn tham pháp, sân pháp và si pháp. Đó là sự giác ngộ chân lí và như vậy là chân lí được giác ngộ, cho nên ở đây mới giác ngộ đúng chân lí, ngoài tham pháp, sân pháp, si pháp mà giác ngộ chân lí thì không bao giờ có chân lí mà giác ngộ.

Do thấu hiểu bài kinh này nên chúng ta biết rất rõ là kinh sách Đại Thừa không đúng lời Phật dạy, vì chân lí của kinh sách Đại Thừa

không phải là chân lí của con người mà là chân lí ảo tưởng. Chân lí ảo tưởng là không phải chân lí. Cho nên, kinh sách Đại thừa không có chân lí. Muốn giác ngộ chân lí không phải khó, vì chân lí không ở đâu xa mà ở ngay trong mỗi người. Như bài kinh trên đã dạy chỉ cần thân cận với một vị thầy chứng đạt chân lí, thì chúng ta sẽ giác ngộ chân lí dễ dàng. Khi giác ngộ được chân lí thì không bao giờ bị ngoại đạo lừa đảo bằng câu: ***“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”***.

Cho nên, người giác ngộ chân lí thì không bao giờ còn thối chuyển trên đường tu tập, chỉ còn chứng đạt chân lí nữa mà thôi.

Tóm lại, muốn giác ngộ chân lí thì chỉ cần thân cận với một vị Thầy tâm không còn tham, sân, si. Vị ấy sẽ chỉ dạy cho các bạn giác ngộ chân lí và hướng dẫn cho các bạn biết cách hộ trì và chứng đạt chân lí một cách dễ dàng không có khó khăn, không sợ lạc vào tà pháp.



CHỨNG ĐẠT CHÂN LÍ

LỜI PHẬT DẠY

“Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama là chứng đạt chân lí, cho đến như vậy chân lí được chứng đạt, và cho đến như vậy, chúng con thấy chứng đạt chân lí. Nhưng trong sự chứng đạt chân lí. Thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lí, pháp nào được hành trì nhiều?”.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 732,
kinh Canki)

CHÚ GIẢI:

Muốn chứng đạt chân lí tức là muốn tâm thanh tịnh không còn một chút tham pháp, sân pháp, si pháp thì phải theo lời Phật dạy trong kinh Canki này mà thực hành thì mới có kết quả như ý nguyện.

Sau khi được đức Phật giảng trạch cho chúng ta biết: Cho đến như thế nào là hộ trì chân lí; cho đến như thế nào chân lí được hộ trì; cho đến như thế nào giác ngộ được chân lí; cho đến như thế nào chân lí được giác ngộ. Khi thông suốt những lời dạy này Bà La Môn Bharadvaja mới hỏi Phật: cho đến như thế nào chúng đạt được chân lí, cho đến như thế nào chân lí được chúng đạt. Muốn chúng đạt chân lí pháp nào hành trì nhiều.

Đọc bài kinh Canki này ta thấy một giá trị thực hành rất cao. Đức Phật dạy rất rõ ràng và tỉ mỉ, khi đọc bài pháp này chúng ta sẽ không lầm lạc tà pháp của ngoại đạo Đại Thừa nữa.

Bởi vì loài người chỉ có một chân lí chứ không bao giờ có hai ba chân lí. Một chân lí chia làm 4 nhánh gọi là Tứ Diệu Đế.

Tứ Diệu Đế là 4 nhánh chân lí của đạo Phật để xác định một kiếp người.

Nhánh chân lí thứ nhất là **“KHỔ ĐẾ”**. Khổ đế tức là tâm tham, sân, si.

Nhánh chân lí thứ hai là **“TẬP ĐẾ”**. Tập đế tức là tâm tham ái.

Nhánh chân lí thứ ba là **“DIỆT ĐẾ”**. Diệt đế là trong tâm hết tham ái.

Nhánh chân lí thứ tư là **“ĐẠO ĐẾ”**. Muốn hết tham ái (tham, sân, si,) thì phải có một chương trình đào tạo giáo dục đó là **“ĐẠO ĐẾ”**. Đạo đế còn gọi là Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo tức là 8 lớp học được chia ra trong 3 cấp **GIỚI, ĐỊNH, TUỆ**:

Người nào giác ngộ chân lí là phải giác ngộ **“TỨ DIỆU ĐẾ”**. Giác ngộ Tứ Diệu Đế mới được gọi là giác ngộ chân lí.

Còn chưa giác ngộ chân lí, mới hộ trì chân lí, và chân lí được hộ trì thì coi chừng phải cẩn thận để không rơi vào tà giáo của ngoại đạo, như trong kinh Canki đức Phật đã dạy: Người hộ trì chân lí và chân lí được hộ hộ trì là người mới đặt lòng tin nhưng lòng tin ấy dễ bị mù quáng vì họ chưa giác ngộ được chân lí. Chưa giác ngộ được chân lí mà bảo đây là chân pháp, còn tất cả đều là sai pháp thì quá nông nổi.

Người giác ngộ được chân lí là để tu tập cho mình, chứ không phải giác ngộ được chân lí rồi đem ra bài bác giáo pháp của người khác: **“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”**. Tu tập chừng nào chứng đạt được chân lí, khi

chúng đạt được chân lí mới dám bảo: **“Đây là chân pháp, còn tất cả đều là sai lầm”**. Đó là lời khuyên của đức Phật, cho nên người mới giác ngộ chân lí cũng không được nói: **“Đây là chánh pháp, còn tất cả đều sai lầm”** như trên đã dạy.

Tại sao chúng tôi nhắc nhở câu này rất nhiều? Vì ở đời có nhiều người tu hành chẳng ra tới đâu, lợi dụng kiến thức học hỏi, cấp bằng, chỉ dùng ba tác lười chê người này, mạ nhục, mạ sát người khác. Nhưng không nhìn lại mình là con số không?

Đọc kinh sách Nguyên Thủy, đức Phật dạy chúng ta rất cẩn thận và kỹ lưỡng, từng li, từng chút, thế mà chúng ta không lưu ý, không chịu hiểu cho rõ ràng những lời Phật dạy, vội cho rằng Phật dạy: **“Không được nói tôn giáo mình đúng, tôn giáo khác sai, pháp môn mình đúng pháp môn người khác sai”**.

Trong kinh sách Phật thường dạy người mới tu: **“thấy lỗi mình không được thấy lỗi người”**. Còn người tu chứng đạt chân lí thấy cái sai của các tôn giáo khác, đang lừa đảo lường gạt mọi người mà không dám nói là người hèn nhất, là xu nịnh v.v..

Cho nên, muốn nói một điều gì tốt thì mình hãy xem mình có làm điều tốt được chưa? Nếu mình làm chưa tốt được mà nói ra, đó là mình làm trò cười cho mọi người. Mình như đóng rác bẩn mà nói kẻ khác bẩn là tự mình đưa mình xuống vực thẳm. Thường người nói xấu để hạ kẻ khác là có ý tỏ ra nâng cao mình là người tốt. Nhưng không ngờ mình nói xấu kẻ khác, người hiểu biết, có đạo đức nhân bản sẽ đánh giá ngược lại kẻ nói xấu người khác là người xấu.

Vì thế, đức Phật thường dạy: **“Thấy lỗi mình đừng thấy lỗi người”**, kẻ nói xấu người khác là kẻ xấu ác. Người xấu ác là người không tốt, chúng ta không nên tin tưởng, thân cận và gần gũi những người nói xấu người khác.

Khi đọc kinh sách Phật, các bạn đừng đọc một bài kinh mà hãy đọc toàn bộ tạng kinh thì các bạn mới hiểu được ý Phật, nếu chỉ đọc một hai bài kinh hay một đoạn kinh thì chắc chắn các bạn không hiểu ý Phật. Nhất là các bạn chưa tu chứng đạo thì sự hiểu biết kinh sách của Phật hoàn toàn không đúng nghĩa. Đối với kinh sách Phật, người tu chứng đạo mới giảng giải nổi nghĩa lý thâm sâu của nó như Phật đã dạy: **“Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy**

thâm sâu khó thấy, khó chứng tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lí suông, tế nhị được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng tham, lòng sân, lòng si khéo thuyết giảng được?” Như trong bài kinh này dạy: Nếu tâm tham, sân, si còn đủ thì làm sao các bạn hiểu được kinh sách Phật. Không hiểu mà cắt nghĩa một đoạn kinh đưa ra vôi vàng lên án người khác sai bằng những lời Phật dạy như thế này, như thế khác, để mạ lị mạt sát người khác khi mình còn cả một trời tham, sân, si. Những hành động như vậy các bạn có biết không? Đó chính là các bạn đã phỉ báng Phật pháp. Hiểu thì phải hiểu cho tận nguồn gốc, còn không hiểu thì thôi, chứ đừng đọc ba bốn bài kinh mà xem mình là hiểu kinh sách Phật thì các bạn quá nông nổi.

Khi đọc kinh sách Phật phải đọc toàn bộ những lời Phật dạy như trên đã nói, đừng đọc một hai bài kinh mà vôi cho Phật dạy như thế này, như thế khác, và như vậy chúng tỏ các bạn không bao giờ hiểu kinh sách. Cho nên, các nhà học giả không tu chứng chân lí mà thuyết giảng kinh sách Phật thì sự thuyết giảng ấy sai lệch nghĩa lí cách xa ngàn dặm khiến cho Phật giáo suy đồi, chánh pháp của

Phật bị dim mất, chính là những nhà học giả không tu hành, chưa chứng đạo, nên Phật giáo mới ra nông nổi như ngày hôm nay. Từ khi có kinh sách Phật giáo Đại Thừa thì chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả đã bị đánh mất, Bát Chánh Đạo không còn là 8 lớp học của Phật giáo nữa mà đã biến tám lớp học của Phật giáo (Bát Chánh Đạo) thành một bài pháp Bát Chánh Đạo. Thật là sai lầm! Xét qua những kiến giải của các Thầy Tổ Đại Thừa, họ đều là những người dò dẫm theo lối mòn tưởng giải của nhau, giống như một chuỗi người mù, người đầu không thấy, người giữa cũng không thấy và người cuối cũng không thấy mà cứ bảo nhau: ***“Đây là chánh pháp, còn tất cả đều sai lầm”***. Rồi xúm nhau hộ trì và bảo vệ những chân lí ảo tưởng ấy. Thật là tội nghiệp, nhưng hễ ai đụng chạm đến kinh sách Đại Thừa thì sân hận dữ tợn, dùng mọi phương tiện thủ đoạn để hạ kẻ đó cho bằng được.

Theo như lời đức Phật dạy: muốn chứng đạt chân lí thì phải siêng năng tu tập, không siêng năng tu tập thì không thể chứng đạt chân lí. Đó là một điều chắc chắn, giác ngộ chân lí chỉ là mới hiểu rõ chân lí, chứ chưa thâm nhập vào chân lí. Chưa thâm nhập vào

chân lí thì cũng giống như một người đứng nhìn cái bánh, chứ chưa ăn thì làm sao biết được bánh ngon, dở, ngọt, bùi, mặn, lạt, cay, đắng v.v..

Vậy chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Trong sự chứng đạt chân lí, này Bharaduja, tinh cần được hành trì nhiều. Nếu không tinh cần chân lí thì không thể chứng đạt chân lí. Do vậy trong sự chứng đạt chân lí, tinh cần được hành trì nhiều”***.

Kính thưa các bạn! Khi chúng ta giác ngộ được chân lí mà không siêng tu tập thì cũng như con chim học nói tiếng người chẳng có ích lợi gì các bạn ạ?

Phần đông người ta chưa giác ngộ chân lí. Chỉ nghe người khác nói chân lí một cách mơ hồ, không rõ ràng, không cụ thể, chỉ lí luận suông: ***“Đây là chân lí còn tất cả cái khác đều sai lầm”***. Rồi cứ theo đó mà hộ trì chân lí, bảo vệ chân lí, nhưng không ngờ lòng tin ấy thiếu căn cứ vững chắc nên trở thành lòng tin mù quáng và sự siêng năng tu tập trở thành phí công vô ích.

Bởi vậy, loài người chỉ có bốn chân lí, ngoài ra không còn có một chân lý nào khác

nữa. Bốn chân lí ấy gọi là “**TỨ DIỆU ĐẾ**” Chúng tôi xin nhắc lại để các bạn nhớ: Bốn chân lí này do một con người như bao nhiêu con người đã tu hành làm chủ sanh tử luân hồi. Lần đầu tiên, Người đã dạy cho loài người biết rõ bốn chân lí này. Đó là đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

1- KHỔ ĐẾ là chân lí thứ nhất, tức là tâm tham, sân, si. Tâm tham, sân, si là con người ai mà không có. Do tâm tham, sân, si mà con người đau khổ. Người giác ngộ được tâm tham, sân, si là khổ đau, đó là người giác ngộ được chân lí thứ nhất.

2- TẬP ĐẾ là chân lí thứ hai tức là nguyên nhân sinh ra tâm tham, sân, si, đó là **ÁI DỤC**, ái dục tức là lòng ham muốn. Làm con người ai mà không có lòng ham muốn. Do tâm tham muốn mà sinh ra tâm tham, sân, si nên phải chịu nhiều khổ đau. Người giác ngộ được lòng ham muốn là khổ đau, là người giác ngộ chân lí thứ hai.

3- DIỆT ĐẾ là chân lí thứ ba. Chân lí thứ ba là một trạng thái tâm không còn tham, sân, si, tức là trạng thái bất động tâm trước các ác pháp và các cảm thọ. Chính là tâm thanh tịnh, an lạc và vô sự. Người giác ngộ được trạng thái tâm này là người giác ngộ chân lí thứ ba.

4- ĐẠO ĐẾ là chân lí thứ tư. Chân lí thứ tư là chương trình giáo dục đào tạo những bậc tâm vô lậu (A La Hán), có tám lớp học và ba cấp. Người giác ngộ được chương trình giáo dục đào tạo những bậc tâm vô lậu (A La Hán), có tám lớp học và ba cấp là người giác ngộ được chân lí thứ tư.

Khi giác ngộ được bốn chân lí thì phải siêng năng tu tập, muốn siêng năng tu tập thì phải cân nhắc kỹ lưỡng những lời đức Phật đã dạy: ***“Trong sự tinh cần, này Bharadvaya sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần chân lí. Nếu có cân nhắc sẽ có tinh cần, do vậy trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều”.***

Danh từ cân nhắc còn có nghĩa là xem xét cẩn thận, kỹ lưỡng từng tâm niệm của mình. Cho nên, khi siêng năng tu tập thì phải tu tập kỹ lưỡng, tu cho có chất lượng, chứ không phải tu chơi. Luôn luôn phải để ý xem kết quả trong sự tu tập có đạt được chất lượng tốt hay không? Càng tu tập kỹ lưỡng tức là càng cân nhắc từ hành động tỉnh giác tu tập để ngăn và diệt ác pháp và các dục, thì cần phải phân biệt thấy rõ Chánh niệm hay Tà niệm sinh khởi. Cho nên

kinh dạy: trong sự siêng năng tu tập thì cần nhắc được hành trì nhiều, có nghĩa là cùng siêng năng tu tập thì sự tu tập kỹ lưỡng phải kỹ lưỡng nhiều hơn. Càng tu tập kỹ lưỡng nhiều là siêng năng nhiều. Đến đây các bạn đã hiểu câu này rồi chứ? Tu tập kỹ lưỡng là siêng năng, nhưng siêng năng hộ trì không đúng chân lý, là phí công, tổn sức và như vậy là lòng tin mù quáng. Lòng tin mù quáng mà tu tập thì không được gọi là chân lý được hộ trì.

Con người ngày nay đang bị những tôn giáo lừa gạt, tin một cách mù quáng không biết đó có thật hay không thật, cứ cúi đầu đánh lễ tôn trọng cung kính một đấng thần Thánh siêu hình mà không căn cứ vào sự thật cụ thể rõ ràng, có khi còn dám hy sinh cả thân mạng vì tôn giáo của mình, tức là hộ trì chân lý một cách vô lý. Lời đức Phật dạy muốn siêng năng tu tập một pháp môn nào thì phải cần nhắc kỹ lưỡng về chân lý của mình đang theo, xem có đúng như thật hay không, hay nó chỉ là một chân lý ảo tưởng. Nếu chân lý đúng như thật là **KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO**, ngoài Khổ, Tập, Diệt, Đạo ra thì không được gọi là chân lý.

Vậy chúng ta hãy nghe đức Phật dạy tiếp:
“Trong sự cần nhắc, thưa Tôn giả Gotama

pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc pháp môn nào được hành trì nhiều?”.

“ – Trong sự cân nhắc, này Bharadvaya cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không có cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc, do vậy trong sự cân nhắc thì cố gắng được hành trì nhiều”.

Các bạn có nghe đức Phật dạy không? ***“Trong sự cân nhắc thì sự cố gắng được hành trì nhiều”.*** Nếu tu tập kỹ lưỡng mà không cố gắng thì làm sao tu tập kỹ lưỡng được, phải không các bạn?

Bây giờ, chúng tôi xin nhắc lại các bạn một lần nữa và các bạn cũng nên lưu ý kỹ. Nếu không giác ngộ chân lí mà tu tập là tu mù, tu theo kiểu Đại Thừa và Thiên Tông.

Cho nên, trước khi tu tập là phải giác ngộ chân lí của loài người. Muốn giác ngộ chân lí của loài người là phải tìm một vị Thầy tâm không còn tham pháp, sân pháp, si pháp để thân cận. Khi thân cận gần vị Thầy ấy ta mới giác ngộ được chân lí khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Khi giác ngộ được bốn chân lí các bạn

phải siêng năng tu tập, nhưng siêng năng phải đúng cách (Chánh tinh tấn) còn siêng năng không đúng cách (Tà tinh tấn) là tu tập lấy có, tu tập không kỹ lưỡng, tu tập không cân nhắc từng hành động, từng hơi thở, từng tâm niệm, từng ác pháp, từng hoàn cảnh v.v.. Tu tập như vậy thì không bao giờ có kết quả; tu tập như vậy rất phí công, uổng sức. Xin các bạn hiểu cho.

Nếu cân nhắc kỹ lưỡng từng hành động thân, miệng và ý của mình mà không có cố gắng thì làm sao cân nhắc kỹ lưỡng được. Phải không các bạn? Cho nên, Phật dạy: ***“Do vậy trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều”***.

Trong sự tu tập các bạn nên theo từng thứ tự phương pháp và từng mỗi hành động mà đức Phật đã dạy ở đây, thì sự tu tập của các bạn mới không uổng công, mới có kết quả tốt đẹp.

Bấy giờ chúng ta nghe tiếp Phật dạy: ***“Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều?”***

“ – Trong sự cố gắng, này Bharadvaja, ước muốn được hành trì nhiều, nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì

không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên cố gắng; do vậy trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều”.

Như vậy, khi chúng ta giác ngộ được chân lí, biết rõ đời sống của con người chỉ là một chuỗi dài khổ đau, vì thế sự ước muốn thoát ra khỏi mọi sự khổ đau của kiếp làm người, càng nung nấu trong lòng càng lớn, càng nhiều thì sự cố gắng càng nhiệt tâm, nhiệt tình hơn, càng cố gắng hơn nhiều thì sự tu tập lại càng nhắc kỹ lưỡng nhiều hơn. Nhờ đó mà kết quả càng ngày lại thấy rõ ràng hơn. Tham pháp, sân pháp, si pháp bị muội lược một cách cụ thể.

Cho nên, ước muốn ra khỏi nhà sanh tử, làm chủ bốn sự đau khổ của kiếp người là một ước muốn chân chánh, chứ không phải ước muốn chạy theo dục lạc thế gian ăn ngủ phi thời, sống theo thế tục chùa to Phật lớn. Vì muốn giải thoát nên sự ước muốn buông xả các ác pháp và các dục, đó là sự ước muốn chân chánh.

Ước muốn chấm dứt luân hồi, làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà không vui mừng hoan hỉ sao? Mà không chấp nhận pháp tu hành đó sao? Đó là những ước muốn chân chánh, nhờ có những ước muốn này mà chúng ta mới siêng

năng tu tập và cân nhắc kỹ lưỡng được. Các bạn thấy có đúng như vậy không?

Trong cuộc đời tu hành của chúng ta không ai mà không có ước muốn mong cầu ra khỏi nhà sanh tử, làm chủ mọi sự đau khổ của kiếp người. Đi từ tôn giáo này, đến tôn giáo khác, tu từ pháp môn này đến pháp môn khác, mà kết quả trong mơ hồ, ảo tưởng, không có chút nào thực tế, do đó nỗi đau đớn của người quyết tâm tu hành tìm cầu sự giải thoát thì đau khổ biết dường nào. Nhưng khi nhận ra được pháp tu tập trực tiếp làm chủ sanh, già, bệnh, chết, và chấm dứt luân hồi thì nỗi vui mừng không sao kể hết được. Cho nên ở đây Phật dạy: ***“Trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều”***.

Trong cuộc đời tu hành, chúng ta chấp nhận xả bỏ của cải, tài sản, vật chất, nhà cửa, vợ con, anh em, chị em, cha mẹ và tất cả những người thân quyến thuộc v.v.. chỉ còn lại một đời sống không nhà cửa, không gia đình, ngày đi xin ăn với ba y, một bát. Do ước muốn tinh cần buông xả như vậy, nên cuộc sống giải thoát càng thấy rõ rệt. Bấy giờ sức làm chủ thân tâm càng lúc càng hiệu quả hơn.

Bấy giờ chúng ta nghe tiếp đức Phật dạy:
“Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama trong sự ước muốn pháp nào được hành trì nhiều?”

“ – Nay Bharadvaja, trong sự ước muốn hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận pháp nên ước muốn khởi lên, do vậy trong ước muốn hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều”.

Ước muốn ra khỏi nhà sanh tử, nên phải chịu khó ôm pháp tu hành với tâm thích thú hoan hỷ. Do thích thú hoan hỷ mới chấp nhận pháp từ đó mới chịu khó tu tập, cố gắng xả từng niệm ác, từng chướng ngại trong thân tâm của mình. Xả các ác pháp và những chướng ngại trong thân tâm của mình đâu phải là một việc dễ làm. Nói được còn việc buông xả không phải một ngày một bữa mà thành tựu được.

Những điều Phật đã dạy trên đây là cả một kinh nghiệm tu hành của đức Phật trong suốt đời sống tu hành của Ngài rất thực tế và cụ thể. Khi đọc đến những đoạn kinh này, người nào có thực hành mới thấy đây là những lời tâm huyết của đức Phật đang trải dài trên

những trang giấy bằng máu và nước mắt tu hành của mình để thành Chánh giác.

Trong ước muốn nếu không có lòng hoan hỉ chấp nhận pháp thì làm sao có ước muốn được. Phải không các bạn? Lòng vui mừng chấp nhận pháp là vì phải hiểu rõ giá trị pháp thì sự ước muốn mới càng mãnh liệt hơn.

Bấy giờ chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỉ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều?”***

“ – Nay Bharadvaja, trong sự hoan hỉ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỉ chấp nhận pháp, và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự chấp nhận pháp, do vậy trong sự hoan hỉ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều”.

Người muốn tu theo Phật giáo không được tin mù quáng như tín đồ các tôn giáo khác, chỉ tin vào giáo điều mặc khải của một đấng thiêng liêng vô hình, truyền qua như kẻ lên đồng nhập xác hoặc là cơ bút tin theo những lối truyền dạy như vậy là mù quáng, tin mà không

căn cứ vào chỗ nào vững chắc, không thực tế, không rõ ràng, lòng tin như vậy dễ bị những người khác lợi dụng tôn giáo lừa đảo làm tiền, làm danh và còn lợi dụng sắc dục nữa.

Đối với đức Phật, Ngài dạy rất kỹ lưỡng, trước khi chấp nhận tin vào một pháp nào thì phải tìm hiểu ý nghĩa của pháp môn đó. Khi tìm hiểu ý nghĩa của pháp đó xong, thì chúng ta mới thông suốt chân lí của pháp đó. Thông suốt chân lí của pháp đó tức là chúng ta giác ngộ chân lí như trong kinh Canki đã dạy: ***“Vậy trong những hoan hỉ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều”***.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều”***.

“ – Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bharadvaja, thọ trì pháp được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không tìm hiểu ý nghĩa và vì có thọ trì pháp, nên có tìm hiểu ý nghĩa, do vậy trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều”.

Kính thưa các bạn! Thọ trì pháp nghĩa là gì? Thọ trì pháp nghĩa là tu tập thực hành theo đúng pháp đã dạy; bởi vì muốn tu tập thực hành pháp mà không có tìm hiểu ý nghĩa của pháp thì làm sao thực hành pháp được. Phải không các bạn?

Vì thế, ở đây đức Phật đã dạy tìm hiểu ý nghĩa của pháp là phải song hành với sự tu tập hành trì, nhờ có tu tập hành trì thì sự tìm hiểu ý nghĩa mới thâm sâu, mới cụ thể, rõ ràng. Người chỉ tìm hiểu ý nghĩa pháp mà không có hành trì tu tập thì sự tìm hiểu ấy cạn cợt giống như các nhà học giả, nhiều khi lọt vào tướng giải, khiến cho sự hiểu biết lệch lạc sai lầm. Do sự hiểu biết sai lầm mà biên soạn viết ra những kinh sách để lại cho đời, giết bao nhiêu thế hệ và những kinh sách ấy đã chìm mất chánh pháp của đức Phật.

Phần nhiều kinh sách Đại Thừa do thiếu sự hành trì nên tướng giải chỗ bất động tâm **KHÔNG TÁN H** mà lại hiểu là **TÁN H KHÔNG, CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU, PHẬT TÁN H**, thật là tìm hiểu nghĩa lý một cách sai lầm quá lớn. Chính kinh sách Đại Thừa không hiểu chân lý của Phật giáo tức là không giác ngộ chân lý của Phật giáo **“KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO”** mà lại giác

ngộ **PHẬT TÁNH, CHÂN KHÔNG, TRÍ TUỆ BÁT NHÃ** hoặc **CÔI CỰC LẠC TÂY PHƯƠNG v.v..** Thật là một điều giác ngộ sai lầm, vì thế các Thầy Đại Thừa tu tập sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, tu tập nhiều loại định tưởng. Cho nên, chết trên giường bệnh, chết trong đau khổ, chỉ khéo dùng từ lừa đảo thu thần nhập diệt hoặc thị hiện một vài thần thông tưởng hoặc biết ngày giờ chết hoặc một vài hành động ảo tưởng khiến cho những người nhẹ dạ non lòng không hiểu biết về thiền tưởng nên khen rằng các Sư Thầy đã tu chứng đạo.

Bấy giờ các bạn nghe tiếp đức Phật dạy: ***“Trong sự thọ trì pháp, chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama pháp nào được hành trì nhiều?”***

“ – Nay Bharadvaja, trong sự hành trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp, và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp. Do vậy, trong sự hành trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều”.

Những lời dạy trên đây các bạn có lưu ý không? Chỉ thực hành pháp mà không chịu thưa hỏi cặn kẽ thì các bạn sẽ gặp nhiều khó khăn xảy ra trong khi đang tu tập. Lúc bấy giờ

các bạn sẽ đến một vị Thầy đã chứng đạo, vị ấy sẽ chỉ dạy cách thức vượt qua những chướng ngại khó khăn đó.

Vì thế, muốn hành trì tu tập thì phải nghe nhiều như trong kinh đã dạy, nếu không thưa hỏi và nghe nhiều thì sự tu tập sẽ không tiến bộ. Cho nên, trong sự hành trì pháp nghe nhiều là một điều lợi ích lớn cho bước đường tu tập. Vì có nghe nhiều tu tập mới không sai pháp. Vì thế, khi bắt đầu hành trì các bạn phải thưa hỏi một vị thầy đã tu tập xong, các bạn sẽ được nghe rất nhiều kinh nghiệm bổ ích trong sự tu tập của vị Thầy ấy. Vì thế đức Phật dạy: ***“Trong sự thọ trì pháp, nghe nhiều được hành trì nhiều”***.

Bấy giờ chúng ta lắng nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều?”***.

“ – Nay Bharadvaja, trong sự nghe pháp, lắng tai được hành trì nhiều”.

Lời dạy này chắc chắn ai cũng hiểu, cũng biết, vì nghe pháp thì phải lắng tai nghe, nếu không lắng tai nghe thì làm sao hiểu được. Mà không hiểu được pháp thì làm sao thọ trì, cho

nên lắng tai nghe có nghĩa là nghe rất kỹ, nghe không bỏ sót một nghĩa nào, một kinh nghiệm nào, nghe chăm chú.

Trước khi hành trì pháp thì phải lắng nghe rất kỹ những pháp hành, những hành động tu tập nhờ có lắng nghe kỹ nên mới không tu tập sai pháp.

Trên đây là những bước tu tập để chúng đạt chân lí, mà mọi người tu hành phải lần lượt hành trì đúng theo qui trình này. Bây giờ chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lắng tai nghe pháp thì pháp nào được hành trì nhiều?”***

“ – Nay Baharadvaja, trong sự lắng tai nghe pháp, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lắng tai nghe pháp. Vì có thân cận giao thiệp nên có lắng tai nghe. Do vậy, trong sự lắng tai nghe, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều”.

Muốn lắng tai nghe pháp hành mà không thân cận giao thiệp thưa hỏi thì làm sao lắng tai nghe pháp được. Phải không các bạn?

Cho nên, sự thân cận giao thiệp với thiện hữu tri thức là điều cần thiết cho bước đường tu tập hành trì để đạt đến mục đích chân lí cứu cánh là một điều cần thiết.

Kính thưa các bạn! Trong đời tu hành của các bạn mà không có thiện hữu tri thức thân cận thì các bạn đã chịu thiệt thòi rất nhiều trên đường tu tập. Các bạn đừng nghĩ rằng cứ dựa vào kinh sách là các bạn biết cách thức tu tập. Hầu hết những danh từ trong kinh sách mà các bạn tự hiểu thì kiến giải ấy sẽ đưa các bạn vào chỗ chết, chỗ bệnh tật, điên khùng, loạn thần kinh v.v.. Nếu không chết, không bệnh tật thì các bạn tu hành chẳng tới đâu, chỉ sống trong tưởng mà thôi. Rồi đây, các bạn cũng chạy theo danh lợi giống như người thế tục nhưng với chiếc áo tôn giáo.

Cho nên, thiện hữu tri thức là người đã tu tập xong. Còn những học giả dù họ có cấp bằng tiến sĩ Phật học mà tu hành chưa đến nơi đến chốn, họ vẫn là ác tri thức, sẽ hướng dẫn các bạn vào con đường phí công phí sức, uổng phí một đời người, chỉ còn mượn sắc áo tôn giáo làm cuộc sống danh lợi, ngồi mát ăn bát vàng thì có nghĩa lý gì, là một tu sĩ Phật giáo, có đức, có hạnh, có giới luật tinh nghiêm.

Trong cuộc đời tu hành gặp được một bậc thiện hữu tri thức là khó, gặp được chánh pháp cao minh chỉ rõ chân lí của loài người cũng không phải dễ. Cho nên, kinh Pháp Cú dạy:

“Hạnh phúc thay đức Phật ra đời!”

“Hạnh phúc thay giáo pháp cao minh!”

Sanh đồng thời với một người tu chứng chân lí đâu phải dễ và gặp được họ là một hạnh phúc vô cùng to lớn. Phải không các bạn? Do vậy đức Phật dạy: ***“Trong sự lắng tai nghe, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều”***.

Bấy giờ chúng ta hãy nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều?”***.

“ – Nay Bharadvaja, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có sự đi đến gần nên có thân cận giao thiệp”. Cũng như quý Phật tử ở tận miền Bắc xa xôi hay có người còn ở xa hơn nữa, ở tận bên Mỹ, bên Úc, bên Đức, bên Pháp, ... vậy mà họ phải về Việt Nam lên

tận tĩnh Tây Ninh để tìm Thầy thưa hỏi pháp tu hành. Đó là sự đi đến gần.

Kính thưa các bạn! Lời đức Phật dạy không sai: ***“Trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều”***.

Bởi vậy những lời Phật dạy rất cụ thể, thiết thực, không có bày vẽ những điều mơ hồ trừu tượng như kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông. Chính đức Phật là người đã dạy cho con người bốn chân lí lần đầu tiên trên thế gian này, chưa bao giờ có một tôn giáo nào có bốn chân lí này. Bài kinh ấy khéo nhắc nhở chúng ta phải đặt trọn lòng tin nơi chân lí của loài người, ngoài chân lí này ra thì không còn có một chân lí nào khác nữa. Nhưng nếu nói được lời này, thì phải chứng đạt chân lí này. Khi chứng đạt được những chân lí này thì mới dám tuyên bố: ***“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm”***.

Chúng ta hãy nghe tiếp đức Phật dạy: ***“Chúng con xin hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi gần, pháp nào được hành trì nhiều?”***.

“ – Nay Bharadvaja, trong sự đi gần lòng tin được hành trì nhiều. Nếu lòng tin

không sinh thì không đi đến gân. Và vì lòng tin sinh nên có đi đến gân; do vậy trong sự đi đến gân, lòng tin được hành trì nhiều”.

Đọc đến lời dạy cuối cùng này, chúng ta thấy lời dạy của đức Phật rất cân nhắc kỹ lưỡng tuyệt vời, chứ không phải như quý Phật tử thời nay, cứ nghe ai nói gì thì tin ngay liền, chỉ cần gắn nhãn hiệu Phật thuyết là tin, nhưng ngoài nhãn hiệu Phật thuyết trong ấy toàn là thứ đồ giả mạo.

Kính thưa các bạn! Lòng tin như thế nào là tin đúng (chánh tín)? Lòng tin như thế nào là tin sai (tà tín)?

Ở đây chúng ta nghe đức Phật đã dạy rõ ràng: Phải tìm một vị Thầy, tâm không còn tham pháp, sân pháp, si pháp, tức là giới luật phải nghiêm chỉnh, tâm phải bất động trước các pháp và các cảm thọ. Đời sống phải ba y một bát, thiếu dục tri túc, sống không nhà cửa, không gia đình v.v..

Những lời dạy trong kinh này đem ra làm tiêu chuẩn xét duyệt lại các tu sĩ Phật giáo hiện nay thì họ chưa đủ tiêu chuẩn cho quý Phật tử tin tưởng là vị thiện hữu tri thức của

mình. Họ không phải là người hướng dẫn các bạn đi trên con đường tu tập giải thoát; họ chỉ được lời nói trên ngôn ngữ, còn sự sống hằng ngày và hành động đạo đức đâu có khác gì người thế tục, cũng chùa to, Phật lớn, cũng ăn uống ngủ nghỉ phi thời v.v.. Những hành động sống này cũng đủ tố cáo họ, tâm còn đầy rẫy tham pháp, sân pháp và si pháp, nghi pháp, mạn pháp.

Đối với những vị Thầy tâm còn như vậy làm sao quý Phật tử có lòng tin nơi họ được. Nếu quý Phật tử có lòng tin nơi họ như vậy thì quý Phật tử là những người tin mù quáng không theo lời Phật dạy.

Tại sao đức Phật đã dạy rõ như vậy, mà quý Phật tử vội tin những người Thầy như vậy, họ chỉ là những học giả, giỏi chấp vá nhiều tư tưởng Đông Tây triết học, đạo học, y học và khoa học, vật lý học v.v.. còn tu hành chẳng ra gì. Lối sống của họ có gì hơn quý Phật tử ở chỗ nào? Hay họ chỉ hơn quý Phật tử là chỗ học tập, nghiên cứu kinh tạng. Do chỗ học tập, nghiên cứu kinh tạng họ chỉ nói được chứ thực hành đúng như pháp thì họ chưa làm được. Chưa làm được có xứng đáng gì cho quý Phật tử tôn kính là thầy.

Bài kinh này đã xác định cho các bạn thấy lòng tin mù quáng của các vị Bà La Môn ngày xưa, ngu si hộ trì một chân lí ảo tưởng. Vì lòng tin mù quáng hộ trì chân lí không căn cứ vào chỗ nào vững chắc, chỉ tin là tin theo những người tu tập chưa đạt được những gì giải thoát. Tin chỉ biết tin theo lời Thầy Tổ nói từ người trước đến người sau đều tu hành chưa chứng đạt chân lí chỉ hô hào lường gạt người khác: **“Chỉ đây là sự thật, còn ngoài ra là sai lầm”**.

Hiện giờ, kinh sách Đại Thừa cũng chủ trương như vậy, cho những lời Phật dạy là Tiểu thừa, là ngoại đạo, cấm tín đồ không được đọc và không được tu theo (giới cấm Bồ Tát). Có một số Phật tử không hiểu rõ ý Phật dạy, nên dựa vào bài kinh Canki này cho Thầy Thông Lạc chê kinh Đại Thừa sai là Thầy Thông Lạc sai. Có lẽ quý Phật tử không đọc hết bài kinh hoặc đã đọc hết mà không hiểu nghĩa, nên vội vàng chỉ trích Thầy Thông Lạc bằng câu: **“Chỉ có Thầy Thông Lạc là đúng, còn ngoài ra là sai lầm”**. Nếu Thầy Thông Lạc tu hành chứng đạt chân lí mà nói câu này là đúng, còn Thầy Thông Lạc tu hành chưa chứng đạt chân lí mà nói câu này là sai lầm.

Kính thưa các bạn! Trong kinh sách Nguyên Thủy Phật thường dạy cho người mới tu: **“Thấy lỗi mình đừng thấy lỗi người”**, nhưng khi đã tu chứng đạt chân lí mà thấy cái sai của người khác không dám nói là người hèn nhất, là người xu nịnh v.v.. như trên đã nói.

Trong bài kinh này, đức Phật cũng dạy khi chúng ta là người mới hộ trì chân lí và chân lí được chúng ta hộ trì thì đừng nên nói: **“Chỉ có đây là sự thật, còn ngoài ra đều là sai lầm”**. Câu này ám chỉ nói về những vị Bà La Môn tin mù quáng. Còn ở đây đức Phật dạy chúng ta muốn có lòng tin thì phải xét duyệt một vị Thầy dạy đạo, giới Luật có nghiêm chỉnh không? Tức là sống có li dục li ác pháp không? Có chứng đạt được chân lí chưa? Nếu một vị Thầy sống không li dục li ác pháp, tâm chưa hết tham, sân, si thì chúng ta không nên tin lời dạy của họ. Họ là người nói láo, dù họ giảng kinh nào chúng ta cũng không nên nghe. Trừ ra họ được một vị Thầy đã chứng đạt được chân lí, hướng dẫn họ thuyết giảng theo kết quả trong khuôn khổ tu tập và được dạy những gì được nghe vị Thầy đã chứng đạt chân lí dạy.

Để tóm lại bài kinh này chúng ta lắng nghe đức Phật dạy: **“Chúng con đã hỏi Tôn**

giả Gotama về hộ trì chân lí. Tôn giả Gotama đã trả lời về hộ trì chân lí, chúng con tùy hỉ và chấp nhận, và do vậy chúng con hoan hỉ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lí. Tôn giả Gotama đã trả lời về giác ngộ chân lí, chúng con đã tùy hỉ và chấp nhận. Do vậy chúng con hoan hỉ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về chứng đạt chân lí. Tôn giả Gotama đã trả lời về chứng đạt chân lí, chúng con tùy hỉ và chấp nhận do vậy chúng con hoan hỉ. Trong sự chứng đạt chân lí, chúng con hỏi Tôn giả Gotama về pháp nào được hành trì nhiều. Trong sự chứng đạt chân lí Tôn giả Gotama đã trả lời pháp nào được hành trì nhiều chúng con tùy hỉ và chấp nhận, do vậy chúng con hoan hỉ. Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về bất cứ một điều gì. Tôn giả Gotama đã trả lời các điều ấy, chúng con tùy hỉ và chấp nhận, do vậy chúng con hoan hỉ.

Thưa Tôn giả Gotama, xưa kia chúng con biết (sự phân biệt) như sau: “Và ai là những Sa Môn trọc đầu tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên? Và ai là

những người hiểu biết Chánh pháp. Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi lòng con ái kính Sa Môn đối với Sa Môn, lòng tin kính Sa Môn đối với Sa Môn. Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama! ...”.

Đoạn kinh trên đây tóm lược với ý nghĩa rất đầy đủ để chọn cho mình một vị Thầy xứng đáng là một bậc thiện hữu tri thức hướng dẫn trên đường tu tập giải thoát quá tuyệt vời. Là người Phật tử phải biết chọn cho mình một vị Thầy xứng đáng đừng đụng đầu tôn kính đó là không đúng. Cho nên, ở đây đức Phật đã chỉ thẳng và vạch trần bộ mặt thật của những người tu sai pháp dùng tôn giáo lừa đảo người.

Lời kết luận của cư sĩ Bà La Môn Bharadvaja đã nói lên được ý nghĩa sâu sắc về một vị Thầy đáng ái kính, đáng tin kính: ***“Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi lòng con ái kính Sa Môn đối với Sa Môn, lòng tin kính Sa Môn đối với Sa Môn. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! ...”.*** Còn ngược lại với những vị Thầy nào không được ái kính và tin kính như trong đoạn kinh này đã dạy: ***“Và ai là những Sa Môn trọc đầu, tiện nô,***

hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên?”. Đoạn kinh này đức Phật dùng những danh từ rất nặng, để chỉ cho những người tu chưa chứng chân lí mà vội ra làm Thầy dạy người tu tập: ***“Sa Môn Trọc Đầu, tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên”***. Các Thầy Đại Thừa hiện giờ không thể còn che giấu ai được sự lừa đảo và giả dối của các Ngài về giới luật và tu tập. Nếu Phật tử nào đã đọc bài kinh này thì sẽ phát hiện rõ ràng: đâu mới là pháp chân chánh, và đâu mới là pháp sai lầm; đâu là thiện hữu và đâu không phải là thiện hữu. Đó chính là lời xác định của đức Phật, của những người đã tu chứng đạt chân lí, còn ngoài ra những người tu chưa chứng đạt chân lí thì không được nói câu này.



THÍCH HỘI HỢP

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, nếu Tỳ kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỉ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỉ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, sự kiện như vậy không xảy ra”.

(Kinh Trung Bộ tập III trang 302-303,
kinh Đại không)

CHÚ GIẢI:

Kính thưa các bạn! Các bạn có đọc và nghe lời Phật dạy trong đoạn kinh này không? Tỳ kheo nào ưa thích hội họp, ưa thích nói

chuyện trong nhóm của mình, trong nhóm của người khác, thì Tỳ kheo ấy tu hành không có kết quả, chỉ tu chơi ưởng phí một đời tu hành.

Kính thưa các bạn! Tu chơi thì đi tu để làm gì. Phải không các bạn? Tu thì phải thật tình tu, tu thì phải hết sức mình để mang lại sự lợi ích lớn cho mình, cho người.

Cho nên, những tu sĩ Phật phải lấy hạnh độc cư làm cuộc sống của mình; phải lấy hạnh độc cư làm ngọn đuốc soi đường cho mình đi; phải lấy hạnh độc cư phòng hộ sáu căn giúp cho thân tâm bất động thanh tịnh; phải lấy hạnh độc cư làm căn cứ địa để chiến đấu với giặc sanh tử luân hồi; phải lấy hạnh độc cư biến mình thành con tê ngư một sừng sống không hề sợ hãi, khiếp đảm bất cứ một trở ngại nào.

Người tu sĩ đạo Phật có thành tựu được đạo giải thoát là nhờ hạnh độc cư. Hạnh độc cư bị phá vỡ thì con đường tu của các bạn sẽ là con đường cùng và đời sống của các bạn đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo.

Kính thưa các bạn! Các bạn đừng làm lạc độc cư của đạo Phật với độc cư của ngoại đạo. Độc cư của đạo Phật là giới luật, là đức hạnh. Cho nên ***“Im lặng như Thánh”*** là giới hạnh

trầm lặng của bậc Thánh Hiền biết sống im lặng như Thánh để lắng nghe các ác pháp và các cảm thọ; để lắng nghe tâm bất động trước mọi hoàn cảnh, mọi sự việc đang diễn biến không ngừng theo qui luật nhân quả. Cho nên, im lặng như Thánh là để lắng nghe bốn chỗ thân, thọ, tâm và các pháp của các bạn đang thanh thản, an lạc và vô sự hay đang bị chướng ngại. Nếu thân, thọ, tâm và các pháp đang bị chướng ngại pháp thì các bạn phải sử dụng ngay liền Chánh Niệm Tỉnh Giác hay Định Niệm Hơi Thở để nhiếp phục tức là đẩy lui chúng ra khỏi thân, thọ, tâm, pháp để đem lại sự bình an cho nó. Như vậy, im lặng như Thánh chính là đang tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ. Người đang tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ thì đâu còn thời gian rảnh rỗi mà đi nói chuyện, mà thích hội họp. Người không biết tu tập Tứ Niệm Xứ mới đi nói chuyện, mới phá hạnh độc cư. Cho nên, độc cư là giới hạnh, giới đức để tu tập Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ và hạnh độc cư hai pháp có liên quan mật thiết như cánh tay mặt và cánh tay trái. Hai pháp này rất quan trọng trong sự nghiệp tu tập tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Như vậy, độc cư có tầm quan trọng sự nghiệp tu hành của các bạn, các bạn cần nên lưu ý!

Kính thưa các bạn! có người bảo rằng: chúng tôi không chấp nhận hạnh độc cư, tu là phải có đối tượng để xả tâm, tu mà không có đối tượng là tu tập ức chế tâm. Với ý kiến này có đúng không các bạn?

Với ý kiến này chỉ là người mới bắt đầu tu tập những đức hạnh nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng để tập sống đạo đức nhân bản - nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai. Đây là giai đoạn tu tập của người cư sĩ còn sống trong gia đình, còn tiếp duyên với xã hội, còn giao thiệp với mọi người; còn lao tác mọi việc vì cuộc sống của mình, của những người trong gia đình thì không thể tu tập như người tu sĩ được.

Chừng nào bước vào giai đoạn tu tập thứ hai, vì giai đoạn tu tập thứ hai này thì không giống như ở giai đoạn thứ nhất các bạn ạ!

Khi bước qua giai đoạn thứ II thì nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng đã nhuần nhuyễn, nên đối với pháp này chỉ còn là một phản ứng rất tự nhiên, vì thế nhẫn nhục mà không nhẫn nhục, tùy thuận mà không tùy thuận tức là không có chỗ còn ức chế chịu đựng của tâm nữa. Vì thế, bằng lòng không còn là bằng lòng gượng ép làm vui lòng người trước

ngịch cảnh của các ác pháp. Ngịch cảnh của các ác pháp không tác động được thân, tâm người đã tu tập nhuần nhuyễn những đức hạnh nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn lập đức lập hạnh của những bậc Thánh Tăng, Thánh Ni và Thánh cư sĩ. Đó là sống với những đức hạnh ăn, ngủ, độc cư. Ăn, ngủ, không phi thời có nghĩa tu hành lập đức Thánh hạnh này tức là làm chủ được ăn và ngủ, khi ăn, ngủ không phi thời thì mới sống Thánh hạnh độc cư. Chính nhờ Thánh hạnh độc cư mà tâm họ không phóng dật.

Có người cho rằng nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là không phải giới luật. Họ đã hiểu sai. Nhẫn nhục, tùy thuận bằng lòng là giới đức, giới hạnh và giới hành của một tu sĩ Phật giáo.

Có bao giờ các bạn nghe và đọc kinh sách nói đến đức nhẫn nhục, đức tùy thuận, đức bằng lòng chưa? Đó là những đức hạnh của những bậc Thánh, chứ không phải người phạm phu mà sống được.

Khi các bạn quyết tâm tu hành để tìm cầu sự giải thoát mà các bạn thích hội họp nói chuyện là các bạn không lập đức hạnh độc cư,

dù các bạn có tu pháp nào, cũng chẳng có lợi ích gì cho các bạn cả, và có thể tâm trí của các bạn còn tệ hại hơn nữa.

Trong bài kinh này tuy lời cảnh giác đơn giản nhưng rất thấm thía: ***“Này Ananda, nếu Tỳ kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, của người, hân hoan trong hội chúng của mình, của người, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không có khó khăn, chứng đắc không có mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, sự kiện như vậy không xảy ra”***.

Tóm lại, đoạn kinh này người không sống đúng hạnh độc cư, không phòng hộ sáu căn, thường để tâm phóng dật thì sự tu hành chẳng có kết quả gì, chỉ uống công mà thôi. Tâm tham, sân, si bị ức chế nên đầy đầy sự ham muốn dục lạc thế gian. Do đó, càng tu tập thì chùa càng to, Phật càng lớn; càng tu tập vật chất càng nhiều, hạnh ba y một bát đâu còn nữa? Cũng từ nơi sống không phòng hộ sáu căn, sống không giữ gìn hạnh độc cư, sống ăn

ngủ phi thời, sống không đúng Phạm hạnh, không thiếu dục tri túc, không ba y một bát, sống trụ thế tăng, không du tăng khát sĩ. Vì thế, Thánh hạnh giải thoát của tu sĩ đã đảo lộn, biến tu sĩ Phật giáo thành tu sĩ Bà La Môn thật là đáng thương. Tu theo Phật giáo, trở thành tu sĩ ngoại đạo mà không biết chỉ có mang danh từ **“Phật giáo Đại Thừa”**.

Các bạn hãy lắng nghe đoạn kinh này mà suy ngẫm con đường tu tập của mình, ở giai đoạn thứ nhất: **“*Này Ananda, như sự an trú này đã được Như Lai toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và an trú nội không, và nếu này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này nếu có những Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thân ngoại đạo, đệ tử của ngoại đạo đến yết kiến. Trong khi ấy này Ananda, Như Lai với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng về viễn ly, sống độc cư hoan hỉ trong dục lạc làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc, an trú nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ*”**.

Rút ra từ kinh nghiệm tu hành của đoạn kinh này các bạn thấy khi an trú trong giới hạnh độc cư, phòng hộ sáu căn thì không được nói chuyện tiếp duyên với bất cứ một ai, không tác ý một tướng nào cả thì mới được gọi là an trú bất động tâm (nội không) đoạn kinh dạy rất rõ: ***“Khi Như Lai an trú trong an trú này nếu có Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo đệ tử của ngoại đạo đến yết kiến. Trong khi ấy Như Lai với tâm hướng đến viễn ly... làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc”***.

Có sống với hạnh độc cư như vậy các bạn mới an trú được tâm bất động (nội không), mới đạt được chỗ ly dục ly ác pháp hoàn toàn, mới viễn ly trọn vẹn các ác pháp đang tác động trong giai đoạn tu tập thứ nhất, thứ nhì và mới sung mãn được Tứ Niệm Xứ.

Các bạn nên nhớ những lời Phật dạy ở trên để viễn ly tất cả các ác pháp và các dục. Muốn viễn ly tất cả các ác pháp và các dục mà không nhờ hạnh độc cư thì các bạn rất khó mà viễn ly nổi.



HÀNH PHÁP TỬ NIỆM XỨ

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, nếu Tỳ kheo an trú trong an trú này (bất động tâm), tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành và nghĩ rằng: “Trong khi ta đang đi kinh hành, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không chảy vào”. Ở đây vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ananda, nếu Tỳ kheo an trú trong an trú này. Tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại và nghĩ rằng: “Trong khi ta đang đứng lại thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào. Ở đây vị ấy ý thức rõ ràng như vậy?”.

(Kinh Trung Bộ tập III trang 306,
kinh Đại Không)

CHÚ GIẢI:

Muốn rõ nghĩa của đoạn kinh này có những từ các bạn cần phải hiểu nghĩa cho rõ ràng như: an trú trong an trú. Vậy an trú trong an trú này có nghĩa là gì?

An trú trong an trú có nghĩa là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, nó còn có nghĩa là không tánh. Không tánh là tâm thanh thản an lạc và vô sự, là đạo đức nhân bản - nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người.

Cho nên, khi ở trong trạng thái này đang đi kinh hành biết mình đang đi kinh hành thì không thấy có niệm nào khởi lên, nếu có niệm nào khởi lên thì sự an trú ấy không còn là an trú trong an trú nữa, đó là niệm ác, còn niệm thiện khởi thành một dòng suy tư ly tham đoạn diệt ác pháp, dòng suy tư ấy khiến cho các bạn đang an trú lại an trú nhiều hơn. Vì thế dòng suy tư ấy các bạn không được tác ý diệt nó, vì diệt nó khiến cho tri kiến giải thoát của bạn bị diệt mất. Tri kiến giải thoát của bạn bị diệt mất là một điều bất lợi cho đường tu tập của các bạn, vì tu tập như vậy các bạn đang ức chế tâm để tâm rơi vào an trú trong không tưởng. Không tưởng tức là tâm không vọng tưởng.

Tâm không vọng tưởng là tâm không niệm thiện niệm ác. Đó là các bạn đã tu sai pháp lạc vào thiên Đại Thừa, thiên Đông Độ và thiên Minh Sát Tuệ, không còn tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ được nữa.

Các bạn an trú trong an trú (bất động tâm) thì những dòng suy tâm ác phải đoạn dứt bằng pháp như lý tác ý, còn những dòng suy tâm thiện thì không được diệt mà hãy tăng trưởng như trong pháp môn Tứ Chánh Cần đã dạy: **“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp”**. Cho nên, an trú trong an trú tức là trong tâm thanh thản an lạc và vô sự, các bạn nên phân biệt rõ ràng những niệm khởi trong tâm của các bạn không phải toàn bộ là vọng tưởng hết. Nhất khi tâm các bạn hướng đến đứng lại thì các bạn đứng lại, trong khi đứng lại các bạn cũng phải biết rõ ràng khi đứng lại không có một niệm nào tham, sân, si khởi lên trong khi đứng lại. Đó là các bạn đang an trú trong an trú.

Như vậy, các bạn biết đức Phật đã nhắc nhở và chỉ dạy rõ ràng khi đi biết rõ mình đi nhưng phải an trú trong tâm thanh thản, an lạc và vô sự, khi ở trong trạng thái an trú ấy ý

thức phải biết rõ không có một niệm nào khởi vào và như vậy mới thật là an trú trong an trú.

Khi đang an trú như vậy tâm các bạn hướng đến đứng thì liền đứng lại, chứ không phải khi tâm hướng đến đứng lại mà không đứng lại vẫn tiếp tục đi kinh hành là các bạn đã tu sai pháp môn Tứ Niệm Xứ như kinh đã dạy ở trên, vì tâm hướng đến đứng thì các bạn nên đứng lại chứ không phải hướng đứng lại mà các bạn cho đó là niệm vọng tưởng, cho đó là niệm vọng tưởng là các bạn tu sai đấy! Hướng tâm không phải là vọng tưởng xin các bạn lưu ý. Đây là lời Phật dạy, các bạn hãy đọc đoạn kinh này thì rõ: ***“Trong khi Ta đang đi kinh hành thời tham ưu và các bất thiện pháp không chảy vào, ở đây vị ấy ý thức rõ như vậy. Nay Ananda nếu Tỳ kheo an trú trong an trú này tâm vị ấy hướng đến đứng lại vị ấy đứng lại và nghĩ rằng: trong khi ta đang đứng lại thời tham ưu và các pháp bất thiện không chảy vào”***. Các bạn có nghe rõ lời dạy này chăng?

Khi các bạn đang đứng lại ý thức các bạn biết rất rõ là các bạn đang đứng lại và đứng lại với tâm an trú thanh thản, an lạc và vô sự (an trú trong an trú) thì tâm các bạn hướng đến

ngồi, các bạn liền ngồi xuống nhưng ý thức của các bạn biết rất rõ ràng hành động ngồi mà không có một niệm tham ưu hay các ác pháp nào xen vào trong khi các bạn đang ngồi. Ngồi mà vẫn thấy tâm thanh thản, an lạc và vô sự: **“Này Ananda, nếu trong khi tỳ kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngồi, vị ấy ngồi và nghĩ rằng: “Trong khi ta đang ngồi, tham ưu và các bất thiện pháp không có chảy vào”.**

Đây các bạn có nghe rõ đức Phật dạy cách thức tu tập Tứ Niệm Xứ này không? Hay các bạn cho rằng hướng tâm là vọng tưởng như kinh sách Đại thừa và Thiên Đông Độ. Vọng tưởng là niệm gì? Các bạn có biết không?

Các bạn đừng lầm tưởng tất cả niệm khởi ra trong tâm bạn là vọng tưởng hết. Không phải đâu các bạn ạ! Các bạn đã cho những niệm là vọng tưởng là các bạn đã lầm lớn. Các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy: **“Trong khi Ta đang ngồi tham, ưu và các bất thiện pháp không có chảy vào”**, các bạn có hiểu câu này không?

Tham có nghĩa là tâm tham muốn của các bạn tự khởi lên.

Ưu là sự phiền não, đau khổ tự khởi lên tức là các bất thiện pháp, nó là những ác pháp làm cho thân tâm của các bạn bất an, như thân đau nhức, mỗi mệt, nóng rát, tâm lo lắng, sợ hãi, buồn rầu và thương nhớ v.v..

Chảy vào còn nghĩa là tự khởi lên, những pháp này gọi là vọng tưởng. Còn khi các bạn hướng tâm tác ý thì không phải vọng tưởng. Các bạn nhớ kỹ những điều này nhé! Đây là Phật dạy: ***“Này Ananda, nếu trong khi Tỳ kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngôi, vị ấy ngôi và nghĩ rằng: “Trong khi ta đang ngôi, tham và ưu các bất thiện pháp không có chảy vào. Ở đây vị ấy ý thức rõ ràng như vậy”.***

Khi các bạn đang ngôi tu tập an trú trong sự an trú này, tức là các bạn giữ gìn tâm thanh thản, an lạc và vô sự, lúc bấy giờ tâm các bạn muốn nằm thì các bạn liền đi nằm và nghĩ rằng: *“Tâm các bạn rất tỉnh giác trong trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự, không có một sự ưu phiền nào hay một ác pháp nào tác động thân tâm các bạn”.* Và lúc bấy giờ các bạn cũng xem xét thấy rằng tâm các bạn không có hôn trầm, thù miên và vô ký. Cho nên, các bạn nằm xuống với tâm tỉnh giác an lạc, thanh

thần và vô sự tức là các bạn tu tập đúng pháp, dù đang nằm nhưng vẫn an trú trong sự an trú.

Trong khi đang tu tập an trú trong sự an trú của tâm thanh thần an lạc và vô sự trong tư thế đang nằm các bạn ý thức rất rõ ràng như vậy, tâm của các bạn hướng đến độc thoại: “*Nói chuyện đời, chuyện thiên hạ, chuyện bạn bè, chuyện tình tứ trai gái, chuyện vua quan, chuyện trộm cướp, chuyện giàu sang, danh lợi, chuyện tôn giáo này tôn giáo khác, chuyện bùa chú, chuyện bệnh tật v.v..*”, những độc thoại như vậy khởi ra trong tâm của các bạn thì các bạn tác ý đình chỉ nó ngay liền. Vì tâm độc thoại như vậy là các bạn tu tập không đúng pháp môn Tứ Niệm Xứ. Những độc thoại này được xem nó là vọng tưởng.

Trong khi an trú trong sự an trú, tâm hướng đến độc thoại tào lao, không có tính cách li tham, đoạn ác pháp thì phải tác ý chấm dứt đuổi đi liền. Còn ngược lại tâm hướng đến độc thoại li tham, đoạn ác pháp, xa lìa, viễn li, từ bỏ tâm tham, sân, si, và các ác pháp khác như: thất kiết sử, ngũ triền cái, thân ngũ uẩn, thập nhị nhân duyên v.v.. Khi tâm các bạn độc thoại như vậy thì các bạn hãy tiếp tục đừng có dừng, vì nó không phải là vọng tưởng mà nó

đang triển khai tri kiến giải thoát li tham, đoạn ác pháp.

Các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Này Ananda, nếu trong khi Tỳ kheo ấy nằm, an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến độc thoại, vị ấy suy nghĩ như sau: “Ta sẽ không độc thoại những chuyện hạ liệt, đê tiện thuộc phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm li, không li dục, không đoạn diệt, không an tịnh, không thắng trí, không giác ngộ, không Niết Bàn như: quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thân luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm thực luận, y phục luận, ngoạ cụ luận, hoang mang luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thân luận, thị trấn luận, đô thị luận, hạng trung luận, thủy hình xứ luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, chiến binh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyền luận, hữu vô hữu luận. Ở đây vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng, này Ananda, đối với những lời nói nào khắc khổ, khai tâm đưa đến nhất hướng yếm ly, ly tham, đoạn diệt an tịnh, thắng trí giác ngộ, Niết Bàn,*

thiếu dục luận, tri túc luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghi: “Ta sẽ nói các luận như vậy. Ở đây vị ấy ý thức rõ như vậy”.

Đoạn kinh trên đây đức Phật đã dạy chúng ta rất rõ ràng. Trong khi chúng ta an trú tâm bất động thanh thản, an lạc và vô sự trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, đều sống trong một tâm ấy, nhưng tâm hướng đến đi chúng ta đi, tâm hướng đến đứng chúng ta đứng, tâm hướng đến ngồi chúng ta ngồi, tâm hướng đến nằm chúng ta nằm, nhưng chúng ta đều ý thức rất rõ đi, đứng, nằm, ngồi đều an trú trong sự an trú thanh thản, an lạc và vô sự. Nếu trong đó niệm tham ưu và các bất thiện pháp thì phải diệt ngay liền, còn tất cả niệm khác thì không nên diệt.

Còn đang ở trong trạng thái an trú trong sự an trú ấy tâm hướng đến độc thoại: có nghĩa người tu tập Tứ Niệm Xứ an trú trong sự an trú, cũng giống như người sống bình thường cũng đi, đứng, nằm, ngồi đều theo sự hướng tâm chủ động điều khiển rất tỉnh giác. Cho nên, tâm hướng đến độc thoại thì không được nói chuyện ngoài vấn đề để ly tham đoạn ác

pháp, hay vấn đề viễn ly, trừ bỏ đoạn diệt tâm tham, sân, si, chứ không phải độc thoại là đi nói chuyện với người khác. Độc thoại có nghĩa là mình nói chuyện với mình. Các bạn đừng hiểu lầm độc thoại là sự suy tầm, tức là tư duy, suy nghĩ.

Ở đây đức Phật dạy khi chúng ta an trú trong sự an trú không nên suy tầm về tham pháp, sân pháp, si pháp.

Suy tầm tức là tư duy suy nghĩ. Trong khi tu tập Tứ Niệm Xứ các bạn nên phân biệt rõ ràng lúc nào là tâm hướng đến độc thoại, lúc nào là tâm hướng đến suy tầm.

Lúc tâm suy tầm, cũng như lúc tâm độc thoại không nên suy tầm và độc thoại những tham pháp, sân pháp, si pháp. Tóm lại là khi độc thoại hay suy tầm đều nên độc thoại và suy tầm về Thánh hạnh, có khả năng cầu tiến, có khả năng hướng thượng, đưa đến sự hoàn toàn diệt khổ đau, ly tham, sân, si.

Trong khi tu Tứ Niệm Xứ các bạn nên đọc kỹ lại đoạn kinh này: ***“Này Ananda, nếu Tỷ kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, tâm hướng đến suy tầm, vị ấy suy nghĩ: “Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện,***

phàm phu, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, li tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn như là dục tâm, sân tâm, hại tâm ta sẽ không suy nghĩ các loại tâm ấy? Ở đây vị ấy ý thức rõ ràng như vậy". Các bạn có nghe đoạn kinh này dạy không?

Đoạn kinh này đã xác định rất rõ khi tu tập Tứ Niệm Xứ giữ tâm bất động, thanh thản, an lạc và vô sự khi có một sự suy nghĩ nào khởi ra thì phải phân biệt sự suy nghĩ thuộc loại nào, nếu thuộc loại tham, sân, si thì chấm dứt không suy nghĩ. Còn suy nghĩ thuộc loại nào đưa đến li tham, ly sân, li si thì tiếp tục suy nghĩ. Các bạn nên đọc đoạn kinh kể thì sẽ rõ lời Phật dạy: *"Nhưng này Ananda, đối với những suy tâm này, thuộc bậc Thánh có khả năng cầu tiến, hướng dẫn đến sự đoạn trừ hoàn toàn đau khổ, như là ly dục tâm, vô sân tâm, bất hại tâm, vị ấy nghĩ rằng: ta sẽ suy tư các loại suy tâm này*". Ở đây vị ấy ý thức rõ ràng như vậy".

Ở đây chúng tôi xin giải thích cho các bạn hiểu: suy tư và suy tầm; suy tư là sự suy nghĩ, nghĩ ngợi một điều gì, còn suy tầm là một dòng

tư tưởng suy tư, có thể gọi suy tầm một điều gì đang suy nghĩ.

Nếu các bạn đã hiểu rõ nghĩa suy tư và suy tầm như vậy thì mỗi suy tầm hiện ra trong tâm, các bạn đều biết rất rõ ràng. Nhờ biết rõ ràng suy tầm nào cần phải đoạn diệt và suy tầm nào cần phải tăng trưởng (tiếp tục suy tư). Nếu suy tầm nào thuộc về yếm ly, ly tham đoạn diệt sân tầm, si tầm, hại tầm thì các bạn suy nghĩ về suy tầm đó; còn suy tầm nào làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai, không ly dục tầm, sân tầm, hại tầm thì các bạn chấm dứt ngay liền không suy nghĩ các suy tầm đó.

Trong khi các bạn tu tập Tứ Niệm Xứ giữ gìn tâm thanh tịnh, an lạc và vô sự (an trú trong sự an trú) thì các bạn nên lưu ý khi có niệm khởi trong tâm bạn, nó thuộc loại niệm gì? Nếu nó thuộc về năm dục trưởng dưỡng hay thuộc về Thất kiết sử v.v.. Vậy năm dục trưởng dưỡng là gì? Năm dục trưởng dưỡng gồm có:

- 1- Mắt các bạn thấy sắc.
- 2- Tai các bạn nghe âm thanh.
- 3- Mũi các bạn ngửi mùi thơm hay thối.
- 4- Lưỡi các bạn nếm mùi vị.

5- Thân các bạn cảm xúc mát lạnh, nóng đau, nhức, êm ái, mềm mại v.v..

Nếu trong khi an trú trong sự an trú như vậy mà có năm dục trưởng dưỡng khởi lên thì các bạn biết rằng dục ái của các bạn chưa chấm dứt, chưa đoạn diệt. Như vậy, các bạn hãy cố gắng tu tập Tứ Niệm Xứ nhiều hơn để phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý cụ thể rõ ràng hơn tức là các bạn phải sống độc cư cho trọn vẹn hơn, để trau dồi và rèn luyện tu tập Tứ Niệm Xứ cho đến khi Tứ Niệm Xứ được sung mãn. Đối với người tu tập Tứ Niệm Xứ, năm dục trưởng dưỡng rất quan trọng, nếu các bạn không lưu ý thì tâm thanh thản, an lạc và vô sự của các bạn không bao giờ kéo dài **“Nhất Dạ Hiền”** được. Các bạn hãy nghe lời Phật dạy: **“Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. Từ đây Tỳ kheo phải thường quan sát tự tâm như sau: “Trong tâm ta có khởi lên tâm hành gì với xứ này trong xứ khác của năm dục trưởng dưỡng”.**

Đọc đến đoạn kinh này chúng tôi xin lưu ý các bạn ghi nhớ lời nhắc nhở thấm thía của đức Phật: **“Từ đây Tỳ kheo phải thường quan sát tự tâm có khởi năm dục trưởng dưỡng không?”.**

Như vậy năm dục trưởng dưỡng rất quan trọng đấy các bạn ạ!

Cho nên, trong khi tu tập Tứ Niệm Xứ khi tâm thanh thản, an lạc và vô sự thì các bạn phải thường quan sát tâm các bạn có khởi năm dục trưởng dưỡng không? Nếu năm dục trưởng dưỡng còn khởi là dục ái của các bạn chưa đoạn diệt. Nếu dục ái đoạn diệt thì năm dục trưởng dưỡng không còn khởi. Các bạn hãy nghe tiếp lời Phật dạy để hiểu biết cho rõ ràng hơn. Nhờ có sự hiểu biết rõ ràng, các bạn sẽ không lầm lạc những phương pháp dạy tu thiền của Đại Thừa và Thiên Tông, mỗi niệm khởi trong đầu của chúng ta Đại Thừa và Thiên Tông đều cho là vọng tưởng (chẳng niệm thiện niệm ác). Đối với Phật giáo Nguyên Thủy thường dạy người tu tập là lấy giới đức, giới hạnh làm đầu, để lập đức lập hạnh cho người tu sĩ, vì thế Tứ Niệm Xứ là pháp xây dựng con người trong Chánh Niệm nên thường diệt Tà Niệm. Muốn giữ gìn bảo vệ Chánh niệm thì phải hiểu cho rõ ràng niệm nào là Chánh niệm, niệm nào là Tà niệm. Do đó, đức Phật dạy chúng ta phân biệt từng niệm rất rõ ràng. Niệm nào là độc thoại đúng; niệm nào độc thoại sai; niệm nào là suy tầm đúng, niệm nào là suy tầm sai; niệm nào là

vọng tưởng; niệm nào không phải là vọng tưởng; niệm nào là năm dục trưởng dưỡng; niệm nào là không phải năm dục trưởng dưỡng. Các bạn nên nhớ còn năm dục trưởng dưỡng là còn **“dục ái”** đoạn diệt năm dục trưởng dưỡng là đoạn diệt dục ái. Dục ái hết là Tứ Niệm Xứ sung mãn.

Vì sống được trong Chánh niệm nên con người mới làm chủ được thân, tâm của mình, nhờ sống trong Chánh niệm mà con người mới có đầy đủ đạo đức làm người sống không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Nhờ sống trong Chánh niệm mà con người mới thoát ra mọi sự đau khổ của kiếp làm người, chứ không phải tu tập ức chế tâm như Thiên Đông Độ và Đại Thừa diệt toàn bộ ý thức (chẳng niệm thiện niệm ác) biến con người trở thành cây đá (vô phận biệt), biến con người sống trong ảo tưởng (Phật tánh) tánh thấy, tánh nghe, tánh biết, thật là điên đảo.

Xin các bạn đọc tiếp đoạn kinh này: ***“Này Ananda nếu Tỳ kheo trong khi quan sát như vậy tuệ tri rằng: “Trong tâm ta có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng...”, sự kiện là như vậy, Tỳ kheo tuệ tri như sau: “Dục ái***

này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với Ta chưa đoạn diệt được”. Ở đây vị ấy ý thức rõ như vậy”.

Ở đoạn kinh này những từ các bạn cần phải hiểu như: tâm hành xứ này, xứ khác và dục ái:

Tâm hành có nghĩa là sự hoạt động của tâm.

Xứ này xứ khác có nghĩa niệm này niệm khác.

Dục ái có nghĩa là lòng yêu thương, trong dục ái có sự yêu thương của nam nữ.

Toàn nghĩa của đoạn kinh này là: *“Khi các bạn ở trong trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự thì quan sát thân, thọ, tâm pháp của bạn thấy có niệm này hay niệm khác của năm dục trưởng dưỡng khởi lên thì biết rằng tâm ái dục của các bạn chưa đoạn diệt”.* Khi biết rõ như vậy thì các bạn hãy tác ý đẩy lùi những niệm ấy ra khỏi tâm, nếu các niệm ấy còn tới lui nhiều lần thì các bạn dùng chánh tri kiến tư duy năm dục trưởng dưỡng theo pháp mà đức Phật đã dạy: ***“Các sắc do mắt nhận thức khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả hỷ khả ý liên hệ đến dục hấp dẫn”*** thì phải diệt ngay tâm

ái dục các bạn ạ! Các bạn không được để trong tâm một phút giây nào khác, phải đoạn diệt tâm ái dục đó đi. Một người tu theo Phật giáo mà còn tâm dục ái thì không thể nào gọi là tâm bất động được. ***“Này Ananda, nếu Tỳ kheo trong khi quan sát như vậy, tuệ tri rằng: “Trong tâm ta không có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng...”. Sự kiện là như vậy, Tỳ kheo tuệ tri như sau: “Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta đã được đoạn diệt”. Ở đây vị ấy ý thức rõ ràng như vậy”.***

Khi dục ái còn là năm dục trưởng dưỡng còn, năm dục trưởng dưỡng diệt thì tâm dục ái diệt. Tâm dục ái còn là do sự phòng hộ sáu căn không chặt. Chính là không giữ độc cư trọn vẹn nên năm dục trưởng dưỡng tăng thịnh, vì thế an trú trong an trú không trọn vẹn, nên sự hộ trì chân lí không trọn vẹn, thành ra sự tu hành Tứ Niệm Xứ không có kết quả tốt tức là không sung mãn Tứ Niệm Xứ.



HỦY BỎ NHỮNG HỌC GIỚI NHỎ NHẶT

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, nếu chúng Tăng muốn sau khi ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết”.

(Trường Bộ Kinh tập I trang 663,
kinh Đại Bát Niết Bàn)

CHÚ GIẢI:

Nếu một người tu sĩ chạy theo dục lạc thế gian gặp đoạn kinh này như mèo gặp mỡ, như chuột sa hũ gạo, mặc sức tung hoành phá giới, bẻ vụn giới. Vì thế sau khi Phật nhập diệt một thời gian, ở bản xứ Ấn Độ cũng đã chia ra 2 lối tu tập, một bên phòng hộ tự lực để ly dục, một bên phóng dật tha cầu. Nên có quan điểm bất đồng rồi chia thành 2 bộ phái:

Thượng Tọa Bộ gồm những bậc Trưởng Thượng y chỉ nguyên gốc Giới Kinh, Giới hạnh, Giới hành Phật dạy để tự lực tu tập và phát

triển rất chậm về phương nam lan truyền qua hướng Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam-Bu-Chia và phía nam Việt Nam mà các học giả thường gọi là Phật Giáo Nguyên Thủy (hay phái Tiểu thừa Nam tông). Kinh sách lấy Đại Tạng Nikaya làm gốc, trong chùa chỉ thờ duy nhất một đức Phật Thích Ca, có nơi thêm vài đệ tử của Phật Như Ngài Ca Diếp, Ngài xá lợi Phát.

Còn Đại Chúng Bộ phần lớn gồm những bậc Tân Tăng học giả Tượng giả Tha lục, họ theo khuynh hướng tư tưởng phục hưng Vệ Đà (bà La Môn) phát triển rộng về phương bắc hơn 10 hệ phái qua các nước Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam dưới nhiều dạng phật giáo khác nhau được gọi là Phật giáo Đại thừa (hay Phật Giáo Bắc Tông), bao gồm hơn 10 tông phái như: Thiên Tông, Mật tông, Tịnh Độ tông, Luật tông, Duy Thức tông, Pháp Hoa tông, Hoa Nghiêm tông, Liên Tông (ở Nhật) v.v.. Riêng Thiên Tông Trung Hoa cũng đã phát triển thành nhiều Tông môn nữa.

Đại thừa Bắc tông đi đến xứ nào thì thích nghi với phong tục tập quán của xứ đó, nên giáo lý thì như một chiếc áo bả nạp đủ thứ tín

ngưỡng, họ đi đến xứ nào thì kinh sách phát triển để thích nghi với tín ngưỡng ở bản địa xứ đó, cứ đặt thêm một bộ kinh là tưởng thêm một vị Phật nữa ra đời hoặc một vị Bồ Tát nữa để đưa vào chùa thờ! Vì thế, nghi thức thờ phượng trong chùa thì cũng trăm thứ như: Tượng Di Đà, Dược Sư, Di Lặc, Quan Âm, Thế Chí, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Thánh, Thập Điện Diêm Vương, Tề Thiên Đại Thánh, Hộ Pháp Già Lam, Thần thiện, Thần ác, Lê Sơn Thánh Mẫu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Chúa Ba, Chúa Xứ v.v... Có nơi đưa cả những con vật như Cọp, Ngựa vào chùa thờ nữa. Nói chung là họ thờ Đa Thần Giáo, họ đi đến địa phương nào là liền thích nghi lấy lòng vị Thần bản xứ và người dân nơi đó tín ngưỡng liền đưa vào chùa để thờ. Họ biên soạn ra những Kinh sách tưởng giải nương vào tha lực (mang nặng tư tưởng đa thần của 62 trường phái Bà La Môn mà thời đức Phật đã dẹp bỏ, nay có cơ hội phục sinh) lồng vào kinh sách Phật để phá giới và diệt giới luật Phật. Cho nên, tu sĩ thời nay lợi dụng câu kinh họ lồng vào như thế này: **“Nếu chúng Tăng muốn sau khi ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết”**, do đó họ xem thường giới luật Phật. Toàn bộ các sư Thầy theo Phật giáo phát triển đều

phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, xem thường giới luật như trong đời tu hành của họ chẳng bao giờ có giới luật. Họ chỉ dùng những lời nói mang đầy tính dục lạc thế gian **“Ăn được, ngủ được là Tiên”** hoặc dùng những câu nói của các Thiền Sư đầy sự xảo trá, lừa đảo: **“Tự tại vô ngại, đói ăn, khát uống, mệt đi ngủ”**. Đối với Phật giáo Nguyên Thủy những hành động sống như vậy gọi là phi Phạm hạnh. Một người tu sĩ mà sống phi Phạm hạnh là không còn giá trị của người tu sĩ. Người tu sĩ như vậy không đủ đức hạnh làm thiện hữu tri thức cho người khác, không đủ khả năng làm Thầy Trời, Người.

Các bạn hãy đọc kinh Ước Nguyện trong kinh Trung Bộ tập I (Văn Hoá Phật Giáo Truyền Thống Tập 2, NXB Tôn Giáo ấn hành) có 17 điều lợi ích rất lớn của giới Luật. Và lại giới luật là đức hạnh của con người, đức hạnh sao lại có đức hạnh lớn, đức hạnh nhỏ. Đức hạnh là thiện pháp, đức hạnh sẽ mang lại cho con người một cuộc sống an vui và hạnh phúc. Vậy làm sao lại có đức hạnh lớn, đức hạnh nhỏ xin các bạn xét duyệt lại lời dạy trên đây có phải Phật thuyết hay không?

Khi một người nào muốn theo Phật xuất gia tu hành đều phải sống biệt trú 4 tháng để thử thách đời sống giới luật, nếu thấy sống được thì Phật chấp nhận cho xuất gia, còn thấy sống không được thì trở về đời bình thường. Giới luật tinh nghiêm như vậy, tại sao lại có chuyện bỏ các giới nhỏ nhặt? Ai chủ mưu bỏ những giới nhỏ nhặt này?

Vả lại trong kinh đức Phật từng nhắc nhở chúng ta: ***“Này các Tỳ kheo hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới”***.

(Kinh Trung Bộ tập I trang 79, kinh Ước Nguyện).

Kính thưa các bạn! Trong kinh Trung Bộ dạy: ***“Thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt”***, còn kinh Trường Bộ dạy: ***“Có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt”***. Hai câu kinh này chúng ta tin kinh nào? Xin các bạn chỉ cho.

Đức Phật dạy: ***“GIỚI, ĐỊNH, TUỆ”***, có nghĩa là tu tập từ giới đến định, từ định đến

tuệ. Vậy thì giới luật chưa tu học mà đòi bỏ những giới nhỏ nhặt thì như vậy có đúng không?

Chúng ta xét lại hai câu kinh trên. Như vậy lời dạy của đức Phật có mâu thuẫn nhau. Phải không các bạn?

Theo chúng tôi biết chắc đức Phật không nói hai lưỡi, không bao giờ dạy mâu thuẫn như vậy, mà chính những vị học giả tưởng giải phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới mới soạn viết ra câu này khi kết tập xen vào gán cho Phật thuyết để lừa đảo người sau. Chúng ta hãy giữ gìn giới bổn Ba La Mộc Xa Đề và giới kinh như: Kinh Phạm Võng, kinh Sa Môn Quả và những kinh Giáo Giới La Hầu La, Giáo Giới Ananda, Giáo Giới Ca Chiên Diên v.v..

Nói chung tất cả kinh Phật đều là giới Luật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng đều là giới luật cả.

Giới luật là thiện pháp, cho nên khi chúng ta mới bước chân vào Phật giáo thì chúng ta được tu tập Tứ Chánh Cần. Đó là pháp ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp. Thưa các bạn! Pháp dạy tu tập như vậy không phải là giới luật sao?

Giới luật là đức hạnh nên đạo Phật xây dựng mình trên nền đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Cho nên Phật dạy: ***“Này các Tỷ kheo hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt chớ chánh lãnh thọ và tu tập các học giới”***.

Những câu kinh dạy: ***“Hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt”*** là sai không đúng lời Phật dạy, đó là những thủ đoạn gian xảo lừa đảo của các học giả tưởng giải mang hình sắc tu sĩ Phật giáo.

Thưa các bạn! Trong kinh sách Nguyên Thủy có rất nhiều những đoạn kinh do các Tổ Bà La Môn viết xen vào để đánh lạc hướng những người tín đồ Phật giáo, khiến cho họ khó truy tìm giáo pháp chân chánh của đức Phật.

Do hủy bỏ các giới nhỏ nhặt mà tu sĩ Phật giáo ngày nay sống theo danh lợi thế gian nên sự tu hành của các Sư Thầy hiện giờ có ra gì. Chỉ là tu danh, tu lợi, tu chùa to Phật lớn, tu tiền tu bạc.

Tóm lại bài giảng này, các bạn nên lưu ý: đừng lấy câu kinh này làm bức màn để che chắn rồi mặc tình phá giới mà không còn sợ ai dám chê nói một lời nào. Các bạn lầm, tu hành là đem lại lợi ích cho các bạn, chứ không lợi ích cho Phật, cho người khác, các bạn hiểu chưa? Tu hành mà đối trá thì tu hành để làm gì, thà ở ngoài đời đối trá còn tốt hơn mang hình lột tôn giáo.

Kính thưa các bạn! Khi các bạn đã bỏ hết cuộc đời vào chùa tu hành mà các bạn còn tiếc gì phải thích nghi để sống theo danh lợi, đục lạt thế gian, qua hình thức tôn giáo, để rồi khi chết các bạn cũng có mang theo một vật gì đâu, chỉ còn nắm tro tàn hôi tanh.

Giới luật là đức hạnh của các bạn. Nếu các bạn tu hành nghiêm chỉnh giới luật thì nó sẽ mang đến nhiều điều lợi lạc cho các bạn. Đến khi chết các bạn cũng được an vui hạnh phúc. Và tiếp tục vào Niết Bàn không còn tái sinh nữa.



LÀM TRỤ TRÌ NÊN CẢNH GIÁC

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư? Ở đây, này Ananda, có Đạo sư lựa một trụ xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy. Các Bà La Môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của vị Đạo sư. Vì sự phiền lụy của đạo sư các ác bất thiện pháp tạp nhiễm, dẫn đến tái sinh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, bệnh, chết trong tương lai, các pháp tán công vị ấy. Như vậy này Ananda, là sự phiền lụy của vị Đạo sư”.

(Kinh Trung Bộ tập III trang 311,
kinh Đại Không)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh trên đây các bạn nên lưu ý: Một vị thầy dùng nên ham thích làm trụ trì, lãnh chúng. Vì làm trụ trì, lãnh chúng là làm đầu trăm họ, khó lắm các bạn ạ! Làm trụ trì lãnh chúng, khi tu hành chưa tới nơi tới chốn, dễ bị ô nhiễm, tâm dễ rơi vào dục vọng thường khởi lên nhiều tham ái, do đó mà người làm trụ trì dễ bị phá hết giới luật, sống trở lui lại đời sống sung túc dục lạc. Phạm hạnh không còn, các ác bất thiện pháp tấn công, tạp nhiễm dẫn đến tái sanh. Đáng sợ hãi nhất là đưa đến quả khổ, dẫn đến sinh, già, bệnh, chết.

Xét qua lời dạy này các bạn có thấy các Thầy trụ trì ở các chùa không? Phật tử đông, Chùa to, Phật lớn là sự phiền lụy của các vị Thầy trụ trì đó. Họ đâu còn thì giờ đâu tu hành, chỉ còn chạy theo dục lạc ăn ngủ phi thời. Có phải vậy không các bạn?

Họ không còn có thời giờ tu tập để đi đến chỗ rốt ráo được. Khi mà bận chuyện phục vụ cho Phật tử. Thật là uổng phí cho một đời tu hành.

Khi đi tu để tìm cầu sự làm chủ sinh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi, thì

các bạn nên lưu ý đọc kỹ lại bài kinh này, đức Phật đã biết rõ sự đắm nhiễm danh và lợi, nên Ngài tuyên bố những lời dạy này, là vì lòng thương tưởng đến những người sau. Cho nên, hiện giờ khi các bạn có danh, có lợi là các bạn nên ẩn bóng. Ẩn bóng để lập đức, lập hạnh và tu hành cho trọn vẹn hơn. Muốn được vậy thì các bạn nên tránh xa danh lợi. Danh lợi không đâu xa, đó là chùa to Phật lớn. Chùa to Phật lớn, Phật tử đông là một tai họa rất lớn cho sự nghiệp tu hành của các bạn đấy. Chùa To Phật lớn là rắn độc, nó sẽ giết chết các bạn trên đường tu tập mà các bạn cần phải cảnh giác, đừng tham đắm nó các bạn ạ! Các bạn có thấy các Thầy Đại thừa không? Họ là hiện thân chạy theo dục lạc trong Phật giáo các bạn có biết không? Đời tu hành của họ để tìm cầu sự giải thoát đến đây là chấm dứt.

Cho nên, người tu hành phải lập hạnh, lập đức cho rõ ràng như lời Phật dạy: ***“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không nhà cửa, sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống một mình, thiếu dục tri túc, ba y một bát, chấp nhận đời sống du tăng, xin ăn ngày một bữa để sống để tu hành”***. Nếu con đường tu

tập theo Phật giáo mà các bạn bỏ hạnh tu tập này thì các bạn không còn xứng đáng là đệ tử của Phật, mà là đệ tử của ngoại đạo, của Bà La Môn. Các bạn có biết không? Hiện giờ nhìn lối sống của các tu sĩ là chúng ta đã biết ngay họ là những tu sĩ của Bà La Môn, chứ không phải là tu sĩ của Phật giáo. Vì thế, tu sĩ thời nay tu tập mà làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì không bao giờ có được.

Nhìn vào giới luật đức hạnh của họ thì biết họ là người chân tu hay giả tu.

Bài kinh trên đây là sự cảnh giác cho quý vị làm trụ trì. Quý vị vì giải thoát cho kiếp đời tu hành của mình hay vì danh lợi tôn giáo chùa to Phật lớn Phật tử đông. Xin các vị hiểu thấu rõ cho những điều này. Vì lợi ích mà chúng tôi đem bài kinh này ra chú giải là có mục đích kêu gọi các bạn hãy xem lại mình, đừng bỏ lỡ một đời người mang tiếng tu hành theo Phật giáo mà cuối cùng chỉ còn hai bàn tay không mà mang đầy tội lỗi cao như núi như non.



PHẠM HẠNH CỦA ĐỨC PHẬT

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc Alahán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng hay ngoài trời, đóng rom. Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà La Môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, được bao vây xung quanh như vậy Ngài không khởi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc”.

(Kinh Trung Bộ tập III trang 313,
kinh Đại Không)

CHÚ GIẢI:

Đây là gương hạnh của đức Phật, chúng ta hãy theo gương Ngài mà giữ gìn Phạm hạnh cho trọn vẹn, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc.

Các bạn hãy lưu ý câu: **“Không trở lui lại đời sống sung túc”**. Lời dạy này thấm thía lắm các bạn ạ! Các Thầy Đại Thừa và Thiên Tông hiện giờ có trở lui lại đời sống sung túc không? Thưa các bạn!

Khi mới vào chùa tu thì một đồng cũng không có mà chẳng có ai biết đến mình cả. Lúc bấy giờ tu hành rất tốt, tối ngày chỉ có tu tập là tu tập. Nếu tu tập đúng pháp thì lúc bấy giờ dễ thành công, dễ đạt đến sự giải thoát. Nhưng khi đi ra lãnh chùa làm trụ trì thì các bạn nên lưu ý theo gương hạnh của đức Phật mà cố gắng giữ gìn Phạm hạnh cho tốt, đừng để tâm rơi vào dục vọng, đừng để tâm khởi lên tham ái, đừng để tâm trở lui lại đời sống sung túc. Trong đoạn kinh dạy: **“Các Bà La Môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được bao vây xung quanh như vậy, Ngài không khởi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái,**

không trở lui lại đời sống sung túc". Mặc dù được mọi người vây quanh, được cung kính, được cúng dường rất đầy đủ, nhưng đức Phật không nhiễm, không tham danh đắm lợi, nên nhất quyết không trở lui lại đời sống sung túc. Đó là điều nhắc nhở chúng ta rất lớn. Vậy trên đường tu tập để tìm cầu sự giải thoát mong các bạn ghi khắc lời dạy này trong tâm đừng quên.

Nếu các bạn không giữ gìn trọn vẹn Phạm hạnh trở lại thọ hưởng đời sống sung túc như các Thầy Đại Thừa và Thiên Tông thì sự phiền lụy sẽ đưa đến các bạn và từ đó các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, dẫn đến quả khổ, đưa đến sanh, già, bệnh, chết trong tương lai, các ác pháp ấy sẽ tấn công các bạn đấy.

Các bạn có thấy chẳng? Nhìn gương xấu của các Thầy Đại Thừa và Thiên Tông họ đang bị danh lợi và các ác pháp như sanh, già, bệnh, chết đang tấn công họ. Tiền tài, danh lợi, vật chất, chùa to Phật lớn đang nhận chìm họ xuống biển khổ. Họ đâu còn một phút giây giải thoát đâu, họ đang đi dần về phía đắm nhiễm dục và ác pháp một cách không thể dừng được. Cho nên, các vị tu sĩ Đại Thừa đã bỏ giới luật, không sống như Phật, không noi theo gương

hạnh Phật, do đó giặc sanh tử sẽ đón các vị ấy vào cảnh khổ mà không bao giờ thoát khỏi.

Các bạn hãy nghe tiếp lời đức Phật dạy: *“Nhưng này Ananda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chú tâm theo hạnh viễn ly của bậc Đạo sư, bắt chước dựa vào một trụ xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời, trên đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà La Môn, gia chủ cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của các đệ tử của Ta, vì sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh, vì sự phiền lụy của Phạm hạnh các ác bất thiện pháp, tạp pháp dẫn đến tái sanh đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, bệnh, chết trong tương lai. Các pháp ấy tán công vị ấy. Như vậy này Ananda là sự phiền của các vị tu Phạm hạnh”.*

Đoạn kinh này đức Phật cảnh giác cho những người tu hành chưa tới nơi tới chốn vội

đi ra làm Phật sự, làm trụ trì. Tu hành như vậy chỉ uống công, uống phí cho một đời người mang tiếng là tu sĩ, chứ sự thật họ chỉ là một ông từ, hay là một bà từ giữ chùa để phục vụ cho một số tín đồ mê tín còn lạc hậu.



ÁI NGŨ

LỜI PHẬT DẠY

“Này Arittha, có phải chẳng, ông khởi lên ác tà kiến như sau: “Theo tôi hiểu thật sự không có chương ngại gì?”.

Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn theo như con biết. Thật sự không có chương ngại gì?

“ - Kẻ ngu si kia! Sao ông lại hiểu pháp ta thuyết như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng...”.

(Kinh Trung Bộ tập I trang 300,
kinh Dụ Con Rắn)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này các bạn có thấy chẳng? Đức Phật đã dùng ngôn ngữ chỉ thẳng sự ngu si của người đệ tử của mình: **“Kẻ ngu si**

kia! Sao ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy?”.

Kính thưa các bạn! Người ta bảo rằng người tu chứng đạo luôn luôn dùng ái ngữ, không bao giờ dùng ác ngữ. Vậy đức Phật có phải là người tu chứng đạo không? Không ai có thể phủ nhận sự chứng đạo của đức Phật được, nhưng đức Phật chứng đạo sao lại dùng những ác ngữ như vậy?

Trên đây là lời khiển trách răn dạy của đức Phật với người đệ tử. Lời nói tuy mạnh mẽ chỉ thẳng không tư vị ai cả, ngu là nói ngu, dốt là nói dốt.

Nếu các sư Thầy Đại Thừa cho lời nói của Phật là lời nói không ái ngữ với học trò, thì đó là quan niệm sai lầm. Họ ảo tưởng người tu chứng đạo lúc nào cũng như cục bột, không dám nói lời thẳng mạnh, chính xác. Còn theo chúng tôi nghĩ đây là lời nói rất ái ngữ, vì có thương mới nói lời nặng như vậy để răn dạy những đứa học trò cứng đầu, ương ngạnh, khó dạy, nếu dùng lời nói nhẹ nhàng, êm dịu thì những người cứng đầu ngang bướng này không bao giờ nhiếp phục họ được.

Kính thưa các bạn! Các bạn đừng lầm, những lời nói mạnh, nói thẳng là ác ngữ. Nói

mạnh, nói thẳng, nói to tiếng là lời nói yêu thương của người cha, của người Thầy, của người bạn tốt, còn nếu không thương thì ai mặc ai, chứ nói ra làm gì cho người ta ghét. Phải không các bạn? Kinh Dụ Con Rắn đức Phật nói thẳng vào mặt Tỳ kheo Arittha: **“Ông là kẻ ngu si! Lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy sao?”**.

Gặp những lời chỉ dạy thẳng như vậy, các nhà Đại Thừa cho rằng đức Phật sân dữ lắm và như vậy là đức Phật tu chưa chứng.

Kính thưa các bạn! Nếu Phật tu chưa chứng sao lại biết được 4 chân lý của loài người mà bài pháp đầu tiên đức Phật thuyết giảng cho năm anh em Kiều Trần Như. Nếu tu hành chưa chứng làm sao giữ gìn trọn vẹn Phạm hạnh cho đến khi chết dưới gốc cây song thọ, nếu tu chưa chứng làm sao làm chủ được sống chết bệnh đau. Nếu tu chưa chứng làm sao biết rõ được thế giới siêu hình không có thật, chỉ là một ảo ảnh của rừng đêm dày đặc.

Đây, một đoạn kinh khác nữa đức Phật đã nói thẳng vào mặt một vị ngoại đạo Bà La Môn: **“Này Ambattha, hình như người đến đây ý định gì? Người hãy khéo tác ý với mục đích đã đưa người đến đây. Thanh**

niên Ambattha này thật vô giáo dục. Như vậy là vô giáo dục có gì khác nữa". (Đoạn kinh này trong Trường Bộ Kinh tập I trang 165 kinh Ambattha).

Kính thưa các bạn! Kinh sách Đại Thừa sai thì Thầy Thông Lạc nói sai. Kinh sách Nguyên Thủy đúng thì nói đúng. Thầy Thông Lạc không nhút nhát như các bạn tưởng. Thầy Thông Lạc dám nói thẳng giống như đức Phật nói thẳng với những Bà La Môn ngu thì nói ngu, vô giáo dục thì nói vô giáo dục. Dùng lời nói thẳng ngu, sai hay vô giáo dục đều là ái ngữ. Vì lời nói thẳng mới giúp người ta nhìn lại mới thấy được cái sai của mình. Đó không phải là lời nói ái ngữ sao? Chỉ có các nhà Đại Thừa không hiểu chữ ái ngữ, nên cho rằng lời nói ngu si và vô giáo dục là không ái ngữ, là lời nói ác ngữ.

Các nhà Đại Thừa hiểu sai ý nghĩa của lời nói. Lời nói mạnh thẳng là giúp cho người ta tỉnh ngộ, trở về với sự chân chánh, chứ đâu phải chửi mắng họ: tại họ ngu si phải nói họ ngu si, tại họ vô giáo dục phải nói họ vô giáo dục để họ thấy một sự thật họ là như vậy.

Kính thưa các bạn! đọc hai đoạn kinh trên đây, các bạn thấy rõ ngôn ngữ của người tu

chúng không khác của người tu chưa chứng chỉ có áp dụng đúng hay sai trong mọi hoàn cảnh và các đối tượng. Trong lúc áp dụng những ngôn ngữ ấy, người tu chưa chứng do sân tức giận mà mắng chửi người khác cho đã cơn giận dữ, ngược lại người đã tu chứng đạo khi dùng ngôn ngữ ấy không phải do sân giận dữ mà vì lòng thương kẻ vô minh muốn để nhiếp phục kẻ vô minh ấy, người tu chứng liền **KHAI GIỚI ÁI NGŨ**, sử dụng ngôn ngữ và lời nói thẳng, mạnh áp đảo để bẻ gãy những tư tưởng sai lầm, những tư tưởng không chân chánh.

Cho nên, các bạn bảo rằng người tu chứng không dám nói thẳng sao? Chỉ có lời nói nhỏ nhẹ, êm dịu, ôn tồn v.v.. các bạn hiểu như vậy là hiểu sai lầm, hiểu không đúng các bạn ạ!

Gương hạnh của đức Phật còn đó, sao các bạn phủ nhận những lời nói của đức Phật ngày xưa được.

Các bạn đừng nghĩ tưởng theo kiến giải của mình mà cho người khác sai. Hãy dựa vào kinh sách Nguyên Thủy mà nghiên cứu cho thật kỹ. Kinh sách Nguyên Thủy là một bằng chứng rất sống động mà không ai dám phủ nhận được.

KINH PHẬT MÀ HIỂU SAI NGHĨA LÀ MỘT TAI HẠI LỚN

LỜI PHẬT DẠY

“Chư Tỳ kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp như kinh Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm ứng ngữ, Như thị ngữ, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương Quảng. Sau khi học các pháp này, họ không quán xét ý nghĩa những pháp ấy, vì ý không được trí tuệ quan sát, nên không trở thành rõ ràng.

Họ học pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn cho khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Nay các Tỳ kheo, vì nắm giữ sai lệch các pháp. Cho nên Tỳ kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước. Người đó

thấy một con rắn nước lớn và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi, con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác nữa của cơ thể và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như muốn chết. Vì sao vậy? Chư Tỳ kheo, vì nắm bắt con rắn sai lệch. Cũng vậy này các Tỳ kheo, ở đây một số người ngu si học pháp... Chư Tỳ kheo vì sự chấp thủ các pháp sai lạc”.

(Kinh Trung Bộ tập I trang 303,
kinh Dụ Con Rắn)

CHÚ GIẢI:

Kinh sách Phật thuyết chỉ có những người tu chứng mới hiểu nghĩa lý cụ thể rõ ràng. Tại sao vậy?

Phật là người tu chứng đạo, Ngài thuyết pháp là nói pháp chứng đạo, cho nên người có chứng đạo mới hiểu nghĩa, còn những người tu chưa chứng thì không bao giờ hiểu được, do đó có một số người chưa có kinh nghiệm tu chứng đạo, cứ ở trên chữ nghĩa kinh sách của Phật

mà thuyết giảng khiến cho mọi người hiểu biết sai lạc rất lớn. Do sự hiểu sai lạc rất lớn này mới tưởng giải thành những bộ kinh phát triển Đại Thừa Phật giáo. Cho nên, kinh sách phát triển Đại Thừa Phật giáo là những kinh sách tưởng do các Thầy Tổ tu hành chưa tới đâu, do sự tham danh, đấm lợi biên soạn và viết ra những kinh sách này làm sai lạc ý nghĩa của Phật giáo.

Cho nên, bài kinh Ví Dụ Con Rắn để mọi người cảnh giác về kinh sách Đại Thừa. Nó là một loại kinh không phải Phật thuyết, do các Tổ hiểu chữ nghĩa sai lạc biên soạn viết ra. Khi tu hành những pháp này giống như người bắt rắn mà không biết cách thức bắt rắn nên nắm lưng và đuôi rắn, chắc chắn sẽ bị rắn cắn chết. Giáo pháp Đại Thừa tu tập cũng vậy. Cũng giống như người bắt rắn. Cho nên, các Thầy tu tập theo Đại Thừa tuy có quyết tâm tu tập, nhưng không thấy thầy nào tránh khỏi bệnh, làm chủ bệnh, có người tu tập bị loạn thần kinh, điên khùng, mất trí nhớ, rất là tội nghiệp. Như trong kinh dạy: ***“Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc, nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài”***.

Còn một số tu sĩ theo Phật giáo tu học nhưng không cầu giải thoát mà chỉ cầu danh, cầu lợi. Vì thế, họ không có tu hành gì, chỉ lo nghiên cứu kinh sách để lấy đó chỉ trích người khác, thích biện luận hơn thua. Các bạn có thấy các Thầy Đại Thừa thường sống như vậy không?

Đây các bạn hãy nghe đức Phật dạy: ***“Họ học pháp chỉ vì lợi ích muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích khoái khẩu biện luận”***. Các bạn có thấy không? Lời dạy trên đây của Phật rất đúng, người ta tu học theo Phật giáo là để khoái khẩu biện luận và chỉ trích người này, người khác.

Kính thưa các bạn! Khi tu học chúng ta chọn lấy những pháp môn nào mà đã có người tu chứng thật sự, làm chủ được sự sống chết thì các bạn mới theo tu học, còn những pháp nào chỉ lý thuyết suông mà chưa có người nào tu chứng thì nên cảnh giác những loại pháp đó, nó là pháp như con rắn độc, nó sẽ cắn các bạn đấy!

Các bạn hãy nghe đức Phật dạy: ***“Vì sao vậy? Chư Tỳ kheo vì nắm bắt con rắn sai lạc, nên bị nó cắn. Cũng vậy, này các Tỳ kheo. Ở đây một số người ngu si học pháp...***

Chư Tỳ kheo vì bị chấp thủ các pháp sai lạc, nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài”.

Tu hành đã không giải thoát mà còn bệnh tật khổ đau.

Bài kinh Dụ Con Rắn là một bài kinh cảnh giác các bạn, khi muốn tu tập một pháp nào thì các bạn phải nghiên cứu cho kỹ, đừng vội vàng tin theo lời nói của các nhà học giả mà phí một cuộc đời mình khi đau ốm mình chịu đau không ai chịu đau thay cho mình. Cho nên, nghiên cứu kinh Phật mà hiểu sai nghĩa, là một tai hại rất lớn cho con đường tu hành của các bạn. Các bạn cần phải cảnh giác những thầy học giả.



CÓ PHẢI TOÀN BỘ GIÁO PHÁP CỦA ĐẠO PHẬT LÀ CHIẾC BÈ SANG SÔNG KHÔNG?

LỜI PHẬT DẠY

“Chư Tỳ kheo ta sẽ giảng pháp cho các Ông ví như chiếc bè là để vượt đũa qua không phải để nắm giữ lấy. Hãy nghe và khéo tác ý Ta sẽ giảng”.

(Tinh Trung Bộ tập I trang 305,
kinh Ví Dụ Con Rắn)

CHÚ GIẢI:

Kinh sách Đại Thừa thường cho giáo pháp của Phật như chiếc bè sang sông, như ngón tay chỉ mặt trăng. Nhưng sự hiểu biết giáo pháp tu hành của đạo Phật như vậy là hiểu biết không đúng, quá sai lệch.

Trong kinh Trung Bộ tập I trang 305 kinh Ví Dụ Con Rắn đức Phật có dạy: *“Chư Tỳ kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các ông ví như*

chiếc bè để vượt đũa qua, không phải để nắm giữ lấy. Hãy nghe và khéo tác ý Ta sẽ giảng”.

Với những lời dạy này chúng ta phải hiểu cho đúng nghĩa, nếu không hiểu đúng nghĩa chúng ta dựa vào lời dạy này là chúng ta đã tự phỉ báng giáo lý của Phật. Từ xưa tới nay các vị Tổ Sư Đại Thừa tu hành chưa tới nơi tới chốn, cứ dựa vào những lời dạy này mà bảo rằng: ***“Giáo pháp của đức Phật như chiếc bè qua sông, như ngón tay chỉ mặt trăng”*** hoặc dùng câu: ***“Chánh pháp còn phải bỏ huống là phi pháp”***.

Các bạn đừng dựa vào những lời dạy này khi chưa hiểu nghĩa rõ ràng, chưa biết ý Phật muốn nói gì, mà vội sử dụng những lời dạy đó cho là toàn bộ giáo pháp của Phật là chiếc bè sang sông, là các bạn đã để lộ sự vô minh, ngu dốt của mình đối với giáo pháp của Phật. Các bạn chỉ là con chim học nói tiếng người. Khi nào các bạn tu chứng đạo, các bạn mới đủ trí hiểu biết những lời dạy của Phật, còn bây giờ xin các bạn hãy dựa cột mà nghe.

Kính thưa các bạn! Giáo lý của Phật là chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ

người thì không thể nào gọi là chiếc bè sang sông hay ngón tay chỉ mặt trăng được.

Ví dụ: Các bạn là một người chưa biết chữ, các bạn không đọc sách báo được. Bắt đầu các bạn vào học lớp một được thầy và cô giáo chỉ dạy từng chữ cái phụ âm, nguyên âm, rồi ráp lại thành vần, đọc lại thành chữ. Sau một năm học chữ như vậy, bấy giờ các bạn đã đọc được sách báo. Đọc được sách báo các bạn bảo rằng những chữ các bạn đã học được, đó là chiếc bè sang sông, nên các bạn ném bỏ, không dùng những chữ đó nữa. Như vậy các bạn sẽ không đọc sách báo và trở về đời sống mù chữ như trước. Vậy giáo pháp của Phật có lợi ích gì cho các bạn, tu tập làm gì cho mất công rốt cuộc rồi cũng ném bỏ. Cho nên những câu: **“Giáo pháp của đức Phật như chiếc bè qua sông”**, là **“Ngón tay chỉ mặt trăng”**, là **“Chánh pháp còn phải bỏ huống là phi pháp”**, chưa chứng đạo mà hiểu nghĩa những lời này thì các bạn chẳng hiểu gì cả.

Những chữ vần đó sau thời gian học tập đã thấm nhuần trong các bạn, do thấm nhuần trong các bạn, nên các bạn mới đọc và viết lưu loát. Các bạn có biết chưa?

Các bạn mới bước chân vào đạo Phật thì giới luật là giáo pháp đầu tiên mà các bạn cần phải tu học. Phật giáo lấy giới luật làm đức hạnh cho Tăng, Ni và nam, nữ cư sĩ Phật tử. Phật giáo có ba cấp học rất rõ ràng: **“GIỚI, ĐỊNH, TUỆ”**. Như vậy các bạn đã biết giới luật là Phạm hạnh, là thiện pháp, là đức hạnh của con người.

Ví dụ: Giới luật dạy các bạn đừng trộm cướp, tham lam, đừng tà dâm, đừng vọng ngữ, đừng uống rượu v.v.. Các bạn cho những giới luật là chiếc bè, là ngón tay chỉ mặt trăng, cho nên khi đang tu hành, ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, bái sám v.v.. thì các bạn giữ gìn giới luật nghiêm ngặt. Khi hết giờ tu hành, ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, bái sám thì các bạn bỏ giới luật, do bỏ giới thì các bạn phạm giới. Người tu sĩ hay người cư sĩ phạm giới thì sống không có đạo đức và như vậy cung cách sống của các bạn không còn ai kính mến.

Nhưng các bạn cho những giới luật này là chiếc bè sang sông, khi các bạn tu chứng đạo thì các bạn không cần giữ giới luật nữa, từ đó bỏ nó như ném bỏ chiếc bè.

Khi ném bỏ giới luật thì các bạn sẽ trở thành những người đầu trộm, đuôi cướp, những

người nói láo, những người không chung thủy, những người ác giết hại chúng sanh gây án mạng giết người, những người rượu chè say sưa nằm đường ngủ bụi, ăn uống phi thời.

Thưa các bạn! Những người tu chúng đạo mà còn sống phi đạo đức như vậy thì họ có khác gì những kẻ phạm phu tục tử, phải không các bạn? Các bạn có nhớ không: một Tế Công Hoà Thượng (Trung Hoa); một thượng sĩ Tuệ Trung (Việt Nam) đều là những người được gọi là tu chúng đạo, nhưng sống phi giới luật, chỉ lừa bịp người một vài thần thông tưởng mà được mọi người cho là chúng đạo, thì thật là đau xót cho Phật giáo. Phật giáo không có những loại người chúng đạo như vậy xin các bạn lưu ý cảnh giác những hạng người lừa đảo này.

Giới luật là đạo đức, là thiện pháp, ***vì thế người tu sĩ và cư sĩ phải thâm nhập giới luật, giới luật là mình, mình là giới luật***, có như vậy mới được gọi là ly dục ly ác pháp; mới được gọi là ngăn ác diệt ác pháp; mới được gọi là sinh thiện tăng trưởng thiện pháp; mới được gọi là các pháp ác không nên làm, nên làm các pháp thiện.

Khi thâm nhập như vậy mới được gọi là nhập lưu. Nếu các bạn xem giới luật là chiếc bè sang sông thì các bạn sẽ ném bỏ giới luật và ném bỏ như vậy tâm các bạn sẽ không bao giờ bất động. Nếu tâm không bất động thì làm sao các bạn gọi là nhập lưu được. ***Nhập lưu tức là các bạn nhập vào giới luật đấy các bạn ạ!*** Giới luật là các bạn, các bạn là giới luật, chừng đó các bạn mới được gọi là vào dòng Thánh. Cho nên, giới luật của Phật được xem là chiếc bè, ngón tay chỉ mặt trăng là các bạn đã hiểu sai lầm. Các bạn hãy ném bỏ những tư tưởng này mà từ lâu đã chịu ảnh hưởng tư tưởng Đại Thừa một cách tai hại.

Kính thưa các bạn! Những giáo pháp nào của Phật được gọi là chiếc bè sang sông? Kinh Ví Dụ Con Rắn đã dạy: ***“Này các Tỳ kheo, có sáu xứ. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỳ kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không tuân thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn Nhơn, không tuân thực pháp các bậc Chơn Nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn Nhơn, xem SẮC PHÁP: “Cái này là của tôi, cái này là tôi,***

***cái này là tự ngã của tôi”, xem THỌ...
TUỞNG... HÀNH... THỨC...”.*** (Kinh Trung Bộ tập
1 trang 307 kinh Ví Dụ Con Rắn)

Bài kinh dạy trên đây thuộc về pháp gì các bạn có biết không? Đó là Định Vô Lậu. Định Vô Lậu là một pháp môn trong những pháp môn mà đức Phật cho là chiếc bè sang sông, gồm có như: Định Vô Lậu, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Niệm Hơi Thở, Thân Hành Niệm.

Ví dụ: khi thân các bạn đau nhức ở đầu hay ở chân, lúc bấy giờ các bạn muốn cho đầu hay chân đừng đau nhức thì các bạn dùng đề mục thứ năm của ***Định Niệm Hơi Thở*** mà tác ý: ***“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”***. Khi an trú hơi thở như vậy thì cảm thọ nơi chân và đầu của các bạn đang đau nhức khổ sở bỗng hết đau vì tâm các bạn đã an trú được trong hơi thở. Lúc bấy giờ đầu và chân của các bạn không còn đau nhức nữa, thì các bạn xả hơi thở ra và không tác ý an tịnh nữa. Khi xả pháp Hơi Thở ra mà đầu và chân của các bạn không còn đau nhức, lúc bấy giờ các bạn sống thanh thản, an lạc và vô sự đó là các bạn đã sang

sông và các bạn đã bỏ luôn chiếc bè. Như vậy pháp môn Định Niệm Hơi Thở là chiếc bè.

Còn pháp môn ở bài kinh trên đây là Định Vô Lậu, thuộc đề tài quán vô lậu “**QUÁN THÂN NGŨ UẨN VÔ NGÃ**”. Khi tư duy quán xét tâm vô lậu không còn chấp ngã thì các bạn không còn tư duy nữa. Khi tâm các bạn không còn chấp ngã: “**là ta, là của ta, là bản ngã của ta...**” thì pháp môn vô lậu không còn dùng nữa. Không còn dùng nữa, cho nên đức Phật cho nó là chiếc bè sang sông.

Các pháp môn từ **ĐỊNH NIỆM HƠI THỞ...** đến **TỨ THÂN TỨC** v.v.. đều là những pháp môn thuộc về chiếc bè sang sông, còn những pháp không phải chiếc bè sang sông, đó là **TỨ VÔ LƯỢNG TÂM, TỨ BÁT HOẠI TỊNH, TỨ NIỆM XỨ, ĐỊNH VÔ LẬU SÁNG SUỐT, ĐỊNH CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC** và **GIỚI LUẬT**.

Kính thưa các bạn! Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe, chứ đừng bắt chước các Tổ Sư Đại Thừa và Thiền Tông tu chưa chứng đạt chân lí, không thông hiểu mà cho tất cả giáo pháp của Phật là chiếc bè sang sông, là ngón tay chỉ mặt trăng thì thật là nông nổi, nếu có người tu chứng đạt chân lí thì họ sẽ biết rõ các Tổ sư tu hành chưa tới đâu và

những kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông sẽ không còn giá trị đối với tín đồ Phật giáo.

Kính thưa các bạn! Kinh sách Phật giáo Nguyên Thủy muốn hiểu thấu suốt nghĩa lý của nó, chỉ có những người tu chứng đạt chân lý như đã nói ở trên. Còn những người tu chưa chứng đạt mà nghiên cứu kinh sách Phật để hiểu biết, thì sự hiểu biết đó sẽ trở thành sự hiểu biết của tà pháp ngoại đạo.

Cho nên, kinh sách phát triển của Đại Thừa là kinh sách của những người tu chưa chứng đạt chân lý biên soạn viết ra thành ra kinh sách. Tuy gốc nó từ kinh sách Nguyên Thủy của Phật giáo, nhưng khi kiến giải tương giải thành nhánh lá, nhưng lại nhánh lá của ngoại đạo. Chính giáo lý những nhánh lá này đã diệt mất nền đạo đức nhân bản - nhân quả của loài người. Vì thế, đạo Phật có tên mà đạo đức thì không còn nữa. Thật đáng tiếc thay! Thật đáng tiếc thay!!!



TÁNH BIẾT

LỜI PHẬT DẠY

“Này Vaccha, những ai nói như sau: “Sa Môn Gotama là bậc nhất thiết trí, là bậc nhất thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: “Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngồi và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, lên tục”. Thì đây là nói về Ta không đúng với điều đã nói, họ đã vu khống Ta với điều không thực hư ngy”.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 309,
kinh Ba Minh Vacchagota)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy đức Phật đã xác định rất rõ ràng, Ngài phủ nhận kinh sách Đại Thừa nói những điều không đúng sự thật, nói trong ảo tưởng. Kinh sách Đại Thừa đều cho Phật là bậc nhất thiết trí, là bậc nhất thiết kiến và nhất là tánh biết, tánh

thấy, tánh nghe thường hằng bất biến, (tri kiến luôn luôn tồn tại). Ở đây đức Phật cho rằng người nào nói Phật như vậy là nói không đúng, là vu khống Phật với điều không thực, hư ngụy.

Đối với đạo Phật mà nói Phật tánh, tánh thấy, tánh biết, tánh nghe là nói những điều không thực, hư ngụy, là nói không đúng chân lí, là nói chuyện trong mơ mộng không cụ thể, rõ ràng. Cho nên, hiện giờ mọi người vô minh bị lừa đảo bằng những danh từ rất kêu, Chân Không, Tánh không, Bản Lai Diện Mục Hiện Tiền, Ứng Vô Sở Trụ Nhi Sanh Kỳ Tâm, Trí Tuệ Bát Nhã Ba La Mật, Phật tánh, Tánh Thấy, Tánh Biết, Tánh Nghe v.v..

Đọc đoạn kinh Vacchagota này chúng ta xác định kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Đại Bát Nhã, kinh Lăng Già Tâm Ấn, kinh Pháp Hoa v.v.. Toàn là những loại kinh tưởng của các Tổ biên soạn viết ra, chứ không phải Phật thuyết. Những kinh sách này chịu ảnh hưởng tư tưởng của giáo pháp Vệ Đà kinh. Kinh này do tưởng giải của các tổ sư Bà La Môn biên soạn viết. Vì thế, mà kinh Nguyên Thủy vạch ra những cái sai để chỉ cho chúng ta biết rõ sự lừa đảo của kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Làm gì trong mỗi chúng sanh lại có Phật tánh. Chúng sanh được sanh ra là do các duyên hợp thành theo qui luật của nhân quả nghiệp lực thiện ác. Cho nên, đủ duyên hợp là có, mà hết duyên thì tan rã không còn có một vật gì thì làm sao có Phật tánh trong đó được. Vì vô minh mọi người sống trong ảo tưởng, sống trong ác pháp thọ nhiều đau khổ quá sợ hãi, nên nuôi hy vọng sống trong tưởng và tưởng rằng: **“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”**. Muốn cho mọi người tin theo nên dựng ra Tánh thấy, Tánh nghe, Tánh biết.

Danh từ Phật tánh đã khiến cho bao nhiêu thế hệ về sau đều sống trong ảo tưởng, ai cũng cho mình có Phật tánh. Nhưng có ai biết chúng sanh được sinh ra từ nhân quả, do các duyên hợp lại như trên đã nói thì làm sao có Phật tánh được. Phải không các bạn? Được sinh ra từ nhân quả là do vô minh. Vô minh làm sao gọi là tánh giác được? Thật ra các Tổ sư Đại Thừa tu tập sai pháp, ức chế tâm, không niệm khởi rơi vào các các định tưởng, mười tám loại tưởng xuất hiện, trong đó có pháp tưởng. Từ đó, mà tưởng ra Phật tánh còn cho Phật tánh là tánh giác. Cho nên, biên soạn ra kinh sách như: Kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Pháp

Hoa, Kinh Kim Cang Bát Nhã, Kinh Lăng Già v.v.. Trong những kinh ấy dựng lên Phật tánh rồi gán cho Phật thuyết. Đoạn kinh Ba Minh Vacchagota này đã xác định sự mạo nhận Phật thuyết kinh Thủ Lăng Nghiêm, để lừa đảo Phật tử.

Cho nên, Phật dạy: Đừng có tin! Đừng có tin!!! Vậy mà mọi người vẫn cứ tin, tin một cách mù quáng, thật là sai lầm. Phật thường nhắc nhở chúng ta hãy tin những gì là có lợi ích cho mình, cho người, và không làm khổ mình, khổ người thì mới tin.

Đức Phật cũng thường nhắc nhở pháp môn nào có Bát Chánh Đạo mới là pháp môn chân chánh. Vậy Phật tánh, tánh thấy, tánh nghe, tánh biết làm sao là chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người được?

Kính thưa các bạn! Từ bao thế kỷ nay các Tổ đã lừa đảo với người tu chưa chứng đạo, chứ người tu chứng thì làm sao lừa đảo họ được. Bởi vì người tu chứng là người đã có Tứ Thần Túc và đầy đủ Tam Minh, cho nên thời gian nào họ cũng đều thông suốt, chuyện gì xảy ra trong tương lai và quá khứ không còn che giấu họ được, cho nên Phật dạy: **“Ông phải giải**

thích: “Sa Môn Gotama là bậc có ba minh” thì này Vaccha, Ông mới là người nói về Thế Tôn với điều đã được nói, mới không vu khống Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy có để quở trách. Này Vaccha, khi nào Ta muốn, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Vaccha, nếu Ta muốn, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân Ta thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ. Này Vaccha, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta ngay trong hiện tại, tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Và với sự giải thích: “Sa môn Gotama là bậc có ba minh: này Vaccha, người ấy mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu khống Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một vị đồng hành pháp nào nói lời

đúng pháp có thể lấy có để quả trách”.
(Kinh Trung Bộ tập II trang 310 kinh Ba Minh Vaccha).

Đoạn kinh trên đây đã xác định rõ ràng: nói đúng Phật là phải giải thích Tam Minh mới gọi Phật có Tam minh (Sa Môn Gotama là bậc có Tam Minh), chứ không được nói Phật là tánh thấy, tánh biết, tánh nghe, hay là Phật tánh, tánh giác bậc nhất thiết trí, bậc nhất thiết kiến và tri kiến luôn luôn tồn tại liên tục.

Kính thưa các bạn! Bây giờ các bạn đã hiểu Phật giáo cái gì đúng và cái gì sai, cái gì của Phật, cái gì không phải của Phật. Tùy các bạn chọn lấy cho mình một lối đi cho thích hợp, còn riêng chúng tôi khi nói Đại Thừa sai là chúng tôi đều có căn cứ vào lời Phật dạy, chứ không phải tự bịa ra nói Đại Thừa sai, xin các bạn hiểu cho.

Bởi vì trong kinh đã xác định rõ ràng: **“Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngồi và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục”.** Thì đây là nói về Ta không đúng với điều đã nói, họ đã vu khống Ta với điều không thực, hư ngụy”.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 309 kinh Ba Minh Vacchagota).

Tóm lại, đoạn kinh này không đủ để chứng minh kinh sách Đại thừa sai sao? Từ đây về sau kinh sách Đại Thừa không còn giá trị như xưa kia nữa. Khi những bài kinh Nguyên Thủy này làm sáng tỏ thì kinh sách Đại thừa và Thiên Tông mất giá trị không còn ai tin nó là kinh sách của Phật nữa.



TỰ TẠI SANH TỬ

LỜI PHÁT DẠY

“Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo có đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy nghĩ: “Mong rằng với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát vô lậu!””

Vị ấy với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu. Này các Tỳ kheo, các Tỳ kheo này không sinh ra một nơi nào, không sinh ra một chỗ nào”.

(Kinh Trung Bộ tập III trang 289,
kinh Đại Hành Sanh)

CHÚ GIẢI:

Kinh Đại Hành Sanh là một bài kinh mà đức Phật đã xác định vị trí thế đứng vững chắc giáo pháp của mình là sự an trú trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải vô lậu. Mục đích giải thoát là phải tu tập đến chỗ tâm vô lậu này thì không còn tái sanh, dù bất cứ nơi đâu. Cho nên, đường lối của đạo Phật đã xác định rõ ràng khi đạt đến mục đích này không sanh nơi nào, không có chỗ nào để tái sanh. Bài kinh này xác định rõ đạo Phật không có cảnh giới nào để sinh: **“Tỳ kheo này không sinh một nơi nào, không sinh ra một chỗ nào”**. Như vậy cảnh giới Niết Bàn, Cực Lạc, Phật tánh không phải là chỗ của Phật đến.

Trong kinh Đại Hành Sanh đức Phật đã đưa ra từ cõi người làm vua chúa cho đến 33 cõi Trời, không có cõi nào là chỗ đức Phật đến. Chỗ đức Phật đến chỉ là nơi tâm vô lậu. Chỗ tâm vô lậu là chỗ bất sanh, bất diệt: **“Mong rằng với sự đoạn tận các lậu hoặc”**. Như vậy, rõ ràng những gì kinh sách Đại Thừa xây dựng lên mọi cảnh giới đều không đúng nơi đức Phật đến.

Nếu người có trí một chút đọc đoạn kinh này là biết rõ mình tu đến đâu, còn tái sanh

hay đã hết tái sinh. Và còn tái sinh về đâu, nơi đâu, đều biết rõ ràng.

Tâm nguyện của người tu sĩ Phật giáo không cầu về cõi Cực Lạc Tây Phương, Niết Bàn, hay kiến tánh thành Phật, hoặc trở về với bản thể Chân Như. Mục đích của người tu sĩ Phật giáo là phải chứng đạt được tâm vô lậu. Vậy tâm vô lậu là gì?

Tâm vô lậu là tâm không còn khổ đau phiền não, lo lắng, sợ hãi, tức giận, than khóc v.v.. Tâm vô lậu là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Là tâm không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai, là tâm không còn dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Vì thế, sự tu tập của đạo Phật rất rõ ràng là nhắm vào chỗ đoạn diệt tất cả các lậu hoặc, đem lại sự thanh thản, an lạc và vô sự cho một thân tâm giải thoát.

Đối tượng sự tu tập giải thoát của Phật giáo là tâm lậu hoặc, tâm lậu hoặc sạch là các bạn đã tu tập xong, chứ không phải đợi kiến tánh thành Phật hoặc chứng quả vị này quả vị khác hoặc sinh về cõi này, cõi kia hoặc nhập vào bản thể vạn hữu.

Kính thưa các bạn! Tất cả những quả vị từ xưa đến nay trong các kinh sách Đại Thừa đã

xây dựng, đó là những cảnh giới không thực tế, mơ hồ, trừu tượng, ảo giác để lừa đảo mọi người.

Còn mục đích của đạo Phật xác định rất rõ ràng và cụ thể. Hôm nay chúng tôi xin xác quyết rõ ràng để các bạn tu tập cho cụ thể không còn hiểu biết một cách mơ hồ, và không còn sống trong những cảm giác ảo tưởng cõi này, cõi kia nữa.

Kính thưa các bạn! Các bạn có biết tâm vô lậu là gì không? Khi nào người ta chê bạn, nói xấu, mạ lỵ, mạ sát, chửi mắng bạn, mà tâm bạn vẫn thản nhiên không buồn giận hờn, không oán ghét v.v.. đó là tâm vô lậu.

Khi nào bạn không thương, không ghét một người nào, không sợ hãi, lo lắng sống luôn luôn thanh thản, an ổn và không có một chướng ngại gì trong tâm các bạn, đó là tâm vô lậu. Khi nào tâm các bạn không còn tham muốn một vật gì, dù đó là một món ăn rất ngon, rất thích khẩu của các bạn, nhưng các bạn cũng thản nhiên không thèm, không ham thích muốn ăn. Có thì ăn, không có ăn thì thôi, đó là tâm vô lậu.

Khi nào các bạn thấy sự lười biếng, hôn trầm, thù miên không còn tấn công các bạn

khi các bạn muốn thức dù bất cứ giờ nào, các bạn cũng đều tỉnh thức, đó là tâm vô lậu của các bạn.

Khi nào tất cả mọi cảm thọ đến với bạn mà tâm bạn không lo, không sợ hãi thì đó là tâm vô lậu.

Khi nào tất cả mọi pháp làm động khiến tâm các bạn bất an, nhưng các bạn vẫn thản nhiên, với tâm thanh thản, an lạc và vô sự thì đó là tâm vô lậu.

Khi nào các bạn nhận xét thấy rõ ràng tâm mình được như vậy là các bạn đã tu xong, tức là các bạn đã chứng đạt chân lí, nếu còn chưa được như vậy thì các bạn phải tác ý để tâm các bạn bất động, tức là các bạn còn đang hộ trì chân lí, đó là các bạn còn tu tập. Như vậy chỗ tu tập còn hay đã xong là các bạn đều biết rất rõ ràng.

Tâm vô lậu bất động là chỗ các bạn an trú trong khi các bạn còn sống cũng như lúc các bạn đã chết. Tâm hữu lậu chưa bất động là không phải chỗ các bạn an trú. Mà nếu các bạn an trú nơi đó thì các bạn phải chịu nhiều đau khổ. Muốn không an trú chỗ tâm hữu lậu thì các bạn phải tu tập nhiều nữa.

Như vậy chỗ tu tập để chúng đạt chân lí của Phật giáo không phải khó khăn, chỉ có tu tập đúng pháp thì tâm lậu hoặc sẽ được diệt sạch. Tâm diệt sạch lậu hoặc là chỗ an trú của Phật. Xin các bạn lưu ý những lời dạy này.



THĂNG TRÍ ĐOẠN TRỪ SẮC, THÂN TỬ ĐẠI LÀ VÀO CỨU CẢNH

LỜI PHÁT DẠY

“Nhưng này Aggivessana, thân này có sắc, do 4 đại thành, do cha mẹ sinh ra, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, cần phải được quan sát, là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bứu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Khi vị ấy quán sát thân này là vô thường, là khổ, như bệnh, như cục bứu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã; thời thân: thân dục, thân ái, thân phục tùng được đoạn trừ, đoạn diệt”.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 350,
kinh Trường Trảo)

CHÚ GIẢI:

Theo chúng tôi nghĩ: Tu theo Phật giáo không phải khó, cũng không phải tu tập cái gì nhiều, nhưng cũng không dễ đấy các bạn ạ! Nếu các bạn không siêng năng chịu khó tu tập thì tu tập chẳng có kết quả gì.

Kính thưa các bạn! Chỉ cần các bạn chịu khó một chút tư duy suy nghĩ cho thấu suốt lý chân thật của các pháp là chúng ta đã giải thoát ngay liền.

Như trong kinh Trường Trảo dạy: Quán sát thân tứ đại để thấu suốt lý vô thường, vô ngã của nó; để thấu suốt lý khổ đau nhân quả của nó. Vậy dựa vào bài kinh này chúng ta có thể quán xét thân nhân quả: Thân này được sinh do vô minh của cha mẹ đắm chìm trong sắc dục nên mới giao hợp tạo duyên cho 4 đại: đất nước gió lửa kết hợp lại cùng với các từ trường của nghiệp nhân quả tạo thành thân ngũ uẩn. Trong thân ngũ uẩn có phần thân tứ đại. Thân tứ đại này khi sinh ra được mẹ nuôi dưỡng bằng sữa của mẹ, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, lớn dần thay đổi nên gọi là vô thường, biến hoại phân toái và cuối cùng đoạn tuyệt,

hoại diệt. Vì thân tứ đại vô thường nên thường khổ đau, như bệnh tật, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Khi quán xét rõ thấu lý như thật của thân tứ đại, không có gì là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Thì thân muốn gì ta không làm theo, thân gặp chướng ngại gì ta không sợ hãi, do đó dục và ác pháp đều bị đoạn diệt. Dục và ác pháp đã bị đoạn diệt là ta đã biết rõ: ***“sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc làm đã làm xong, chỉ còn một đời này nữa mà thôi”***.

Kính thưa các bạn! Nếu các bạn chỉ cần quán sâu hiểu biết rõ thân tứ đại như vậy và thấu hiểu nhiều lý vô thường, khổ, vô ngã của nó như thật thì dục và ác pháp không còn tác động vào thân tâm các bạn được. Chỉ chừng đó tu tập thôi thì các bạn cũng đã giải thoát sinh tử luân hồi cần gì phải tu tập nữa. Phải không các bạn?

Bài kinh trên đây tuy ngắn, gọn, nhưng rất đầy đủ ý nghĩa tu hành giải thoát và chấm dứt luân hồi.

Thấy sự lợi ích rất lớn và mang lại một nền đạo đức nhân bản - nhân quả cho loài

người, chúng tôi không ngại khó khăn, không sợ gian lao, không lo nguy hiểm nên chú giải những đoạn kinh này để làm sáng tỏ con đường tu hành của Phật giáo và dựng lại nền đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai. Nhờ đó, con cháu của chúng ta sau này không còn có một tôn giáo nào lừa đảo lường gạt được. Đến đây, chúng tôi ước nguyện những kinh sách này được phổ biến rộng rãi khắp nơi để mọi người sống có đạo đức, biết đoàn kết, biết thương yêu nhau, biết tha thứ cho nhau để đem lại sự an vui và hạnh phúc cho nhau.



THĂNG TRÍ ĐOẠN TRỪ BA CẢM THỌ ĐI VÀO CỨU CẢNH

LỜI PHÁT DẠY

“Này Aggivessana, có ba thọ này: thọ lạc, thọ khổ, thọ bất lạc bất khổ. Này Aggivessana, trong khi cảm giác lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác khổ thọ, không cảm giác bất lạc, bất khổ thọ, chỉ cảm giác lạc thọ mà thôi. Này Aggivessana, trong khi cảm giác khổ thọ thì không có hai cảm giác kia, này Aggivessana, trong khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chính khi ấy không có hai cảm giác kia. Này Aggivessana, lạc thọ là vô thường, là hữu vi do duyên sanh, là đoạn diệt bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Này Aggivessana, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại bị suy tàn, bị tiêu diệt. Như vậy này Aggivessana, vị đa văn Thánh đệ tử

yếm ly lạc thọ, yếm ly khổ thọ và yếm ly bất khổ bất lạc thọ. Do yếm ly vị ấy không có tham dục. Do không tham dục. Vị ấy được giải thoát”.

“Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát” vị ấy biết: “Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau thời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa”.

Này Aggivessana, Tỳ kheo không nói thuận theo một ai, không tranh luận với một ai, chỉ nói theo từ ngữ đã được dùng ở đời không có chấp thủ”.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 351,
kinh Trường Trảo)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này các bạn thấy rất rõ ràng đạo Phật dạy chúng ta tu tập ngay trên các đối tượng của nó tức là trên các cảm thọ. Như vậy các bạn đã biết rõ có 3 cảm thọ:

1- Thọ lạc.

2- Thọ khổ.

3- Thọ bất lạc bất khổ.

Ba cảm thọ này cần phải quán xét kỹ lưỡng để thấu rõ chúng là các pháp hữu vi do duyên sanh mà có, nên bản chất vô thường, bị đoạn diệt, bị tiêu diệt. Khi hiểu rõ lạc thọ như thật thì các bạn không còn sợ hãi và lo lắng khi chúng đến thăm các bạn. Nhưng muốn giữ tâm bất động với chúng không phải dễ đâu. Dù các bạn đã hiểu biết chúng như thật, nhưng khi chúng đến viếng thăm các bạn thì thọ lạc sẽ cám dỗ khiến các bạn khó dừng lại được tâm tham đắm. Nên đức Phật dạy: ***“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ kheo xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như sắc người đàn bà”***. Bởi vì, dục lạc người đàn ông và người đàn bà tạo ra thọ lạc, làm cho họ không bỏ được, không quên được, đó là thọ lạc. Còn thọ khổ thì sao?

Kính thưa các bạn! Thọ lạc thì ai cũng thích, nhưng đến thọ khổ thì mọi người ai cũng sợ. Khi một cơn đau như dao cắt ruột thì ai cũng rên la, kêu khóc. Muốn bất động tâm được các cảm thọ khổ này thì các bạn phải nhiếp tâm và an trú cho được trạng thái thân tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Do

nhiếp tâm và an trú như vậy các bạn mới có được tâm bất động.

Đây, các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Thật vậy, này Aggivessana, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly lạc thọ, yểm ly khổ thọ, yểm ly bất lạc bất thọ khổ, do yểm ly vị ấy không có tham dục. Do không tham dục vị ấy được giải thoát”***.

Kính thưa các bạn! Đoạn kinh này rất khó hiểu là hai danh từ yểm ly. Vậy yểm ly nghĩa là gì?

Chữ yểm ở đây có nghĩa là ếm hay ém, làm cho không góc đầu dậy. Như yểm bùa, yểm chú, ếm tà, ếm ma v.v..

Yểm ly các cảm thọ nghĩa là làm không cho các cảm thọ tác động vào thân tâm được. Vậy làm cho các thọ không còn tác động vào thân tâm được, là phải làm sao?

Muốn yểm ly các thọ, các bạn nhiếp tâm và an trú tâm vào thân hành nội hay thân hành ngoại.

Khi nói đến hai chữ yểm ly thì các bạn nhớ đến Định Niệm Hơi Thở: ***“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, An tịnh thân hành***

tôi biết tôi thở ra”. Đó là phương pháp yếm ly các cảm thọ tuyệt vời.

Khi các bạn yếm ly được các cảm thọ tức là các bạn làm chủ được các cảm thọ. Khi làm chủ được các cảm thọ thì tham dục bị diệt trừ, do tham dục được diệt trừ thì các bạn đã được giải thoát.

Chúng tôi xin nhắc lại để các bạn rõ người ngộ được 12 nhân duyên là bậc duyên giác, người này tu tập ngay trên các cảm thọ. Theo kinh Thập Nhị Nhân duyên thì thọ sinh ra ái dục. Do muốn bẻ gãy ái dục thì nên yếm ly ba thọ. Muốn yếm ly ba thọ thì Định Niệm Hơi Thở phải tu tập nhiếp phục và an trú tâm cho được nhuần nhuyễn trong hơi thở.

Như vậy, bài kinh này dạy các bạn chỉ cần tu có một pháp để diệt trừ tâm tham dục. Một pháp để diệt trừ tâm tham dục, đó là pháp môn yếm ly ba thọ. Khi yếm ly ba thọ được thì tham dục đoạn diệt. Tham dục đoạn diệt là tự thân đã giải thoát và giải thoát hoàn toàn nên đức phật dạy: ***“Do yếm ly các thọ, vị ấy không có tham dục, do không có tham dục vị ấy được giải thoát. Đối với tự thân đã được giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát!”, vị ấy biết “Sanh đã***

diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”.

Kính thưa các bạn! người tu theo Phật giáo đến đây là tu xong, không còn tu tập gì nữa cả.

Đọc đoạn kinh này các bạn thấy sự tu tập của Phật giáo rất đơn giản. Chỉ cần có sự quyết tâm muốn tìm đường ra khỏi cuộc đời đầy ô trược và ác pháp; đầy khổ đau và phiền toái, thì nỗ lực tu tập cho đạt được chân lí, nhiếp tâm và an trú tâm cho được trong thân hành niệm nội hay ngoại. Đó là những pháp yếm ly các thọ. Vậy các bạn hãy cố gắng, con đường tu tập không có khó khăn, nó đang chờ đợi sự quyết định và nhiệt tâm của các bạn.

Phật pháp là một sự thật, sự thật trong đời sống của các bạn. Nó giúp cho các bạn vượt qua bao nhiêu sự khổ đau của cuộc đời mình; nó giúp cho các bạn trở thành một con người toàn thiện, sống đầy đủ đạo đức làm người làm Thánh.

Rất mong thay! Các bạn hãy tìm về nơi đạo đức nhân bản - nhân quả, nơi ấy là ngôi nhà an trú vĩnh viễn của các bạn.

Vì yểm ly các thọ là một hành động đạo đức tự thân tâm của các bạn. Nó sẽ làm hết khổ cho các bạn và những người khác. Biến cuộc sống của mọi người trên hành tinh này trở thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng. Vậy chúc các bạn thành công!



NHỮNG NGƯỜI MÙ

LỜI PHẬT DẠY

“Này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết Bàn nhưng nói lên câu kệ:

Không bệnh lợi tối thắng

Niết Bàn lạc tối thắng”.

(Kinh Trung Bộ tập II trang 369,
kinh Magandiya)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh trên đây các bạn so sánh và xét qua những kinh sách của các nhà học giả tưởng giải giống như những người mù, có mắt mà không thấy, không biết Niết Bàn như thế nào mà dám bảo:

“Không bệnh lợi tối thắng

Niết Bàn lạc tối thắng”.

Không biết làm chủ bệnh, mà nói không bệnh là lợi tối thắng, không biết Niết Bàn như thế nào mà nói Niết Bàn lạc tối thắng, thật ra là con chim học nói tiếng người. Thậm chí họ còn xác quyết: **“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, còn ngoài ra là sai lầm”**. Kinh sách ảo tưởng thường tự ca ngợi những loại kinh đó là một kinh đệ nhất pháp. Nhưng xét cho cùng mục đích cứu cánh và những phương pháp tu hành của nó đều mơ hồ ảo tưởng chỉ khéo lý luận trườn uốn như con lươn, phần đông là để lừa đảo những người tu chưa chứng. Pháp hành thường là pháp ức chế tâm, nên tâm tham, sân, si không bao giờ hết, thường rơi vào các tướng định nên tâm ngã mạn kiêu căng tự đắc: **“Vô sở đắc”, còn có chứng đắc là chưa chứng đắc**. Kiến chấp này muôn đời khó bỏ, nó là một mảnh khoe lừa đảo người tu chưa chứng chân lí, chứ người đã tu chứng thì không thể lừa được.

Cho nên, đức Phật nêu ví dụ: **“Này Magandiya, ví như người sinh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng,**

không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời, người ấy nghe một người có mắt nói như sau: “thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh”. Nay Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Kể sinh ra đã mù kia do biết, do thấy, lấy tấm vải thô, dính dầu và đất, để rồi sau khi lấy đắp lên mình. Người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: “Thật tốt đẹp thay, tấm vải trắng xinh đẹp không cấu uế, thanh tịnh hay là do lòng tin người có mắt?”.

Đoạn kinh trên đây đã xác định rõ rằng Phật tử chúng ta trên đường tu tập nếu không có bậc Đạo sư tu chứng khai thị hướng dẫn thì cũng giống như người mù chỉ tin vào những học giả mù khác tưởng giải rồi cho là Phật thuyết. Vì thế, sự tu tập của Phật tử chẳng đi đến đâu. Càng tu tập bệnh đau càng nhiều, phải đi bác sĩ, chích thuốc, uống thuốc, phải nằm bệnh viện, thật là khổ đau vô cùng. Rồi tự an ủi bằng những lý luận: **“Đôn nghiệp, trả nghiệp”**.

Trong kinh Nguyên Thủy Phật dạy rất cụ thể, hễ nhân tu lý dục thì có kết quả an lạc ngay liền, tu ít kết quả ít tu nhiều kết quả nhiều.

Kính thưa các bạn! Nếu các bạn xem xét kỹ lại cho tận cùng thì bài kinh Nguyên thủy này sẽ giúp các bạn nhận xét những kinh sách phát triển sau thời đức Phật nhập diệt là loại kinh sách đã bị Bà La Môn hóa mang nặng tính ảo tưởng thế giới siêu hình đa thần giáo từ các bộ ảo thư Vệ Đà tưởng giải biên soạn rồi mạo danh kinh Phật! Để biến Phật giáo thành Thần giáo. Thần giáo là một tôn giáo mê tín, thường lường gạt người, để làm giàu trên mồ hôi nước mắt của người khác.

Muốn tu hành cho có kết quả giải thoát thật sự thì xin các bạn hãy nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy, nhưng đều phải dựa vào bậc tu chứng đạt chân lí. Vậy các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Vậy này, Magandiya, hãy thân cận các vị chơn nhân. Thời này Magandiya. Ông sẽ được nghe diệu pháp, này Magandiya, do người được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng chánh pháp và tùy pháp. Này Magandiya, do ông sống đúng chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, ông sẽ tự mình biết, sẽ tự mình thấy: đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh***

chương, những cục bấu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở Ta, nên hữu diệt, do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt già chết, sâu bi, khổ ưu, nào được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này”.

Trong đoạn kinh này đức Phật dạy chúng ta nên gần gũi thân cận một người tu chứng đạo. Vậy hiện giờ tất cả các Thầy tu theo Phật giáo có người nào tu chứng đạo chưa? Có người nào giữ giới nghiêm chỉnh chưa?

Nếu chưa có người tu chứng đạo mà các bạn theo họ tu tập như vậy thì các bạn sẽ bị lừa đảo, chỉ uống công sức tu tập và một đời của các bạn tu tập chẳng ra gì, uống công, phí sức.

Ở đây, kinh dạy chỉ có người tu chứng mới dạy các bạn đúng chánh pháp, còn những người tu chưa chứng mà dạy các bạn tu hành thì chánh pháp cũng thành tà pháp. Vì họ đâu có kinh nghiệm tu hành nên giảng dạy sai pháp, hiểu nghĩa không đúng chánh pháp. Do hiểu nghĩa không đúng chánh pháp nên mới sản xuất ra kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Tóm lại, một người muốn tu hành cầu giải thoát thì nên tìm một vị Thầy tu chứng đạt chân lí và giới luật phải tinh nghiêm. Vị Thầy ấy sẽ là chỗ nương tựa vững chắc trên bước đường tu tập của các bạn để đi đến nơi đến chốn.

Các bạn đừng nghe những gì các nhà học giả thuyết giảng, họ dạy không có thực hành được đâu. Chính bản thân họ giới luật chưa nghiêm chỉnh. Giới luật chưa nghiêm chỉnh, tu hành chưa chứng đạo, họ nói bằng miệng lưỡi, chứ sự sống của họ chẳng có giải thoát gì, họ sống chùa to Phật lớn, là một điều sai; ăn uống, ngủ nghỉ phi thời, đau bệnh đi bác sĩ, nằm bệnh viện, chích thuốc, uống thuốc, không ngày nào không dùng thuốc trị bệnh. Sự sống của họ như vậy chẳng khác gì người phạm phu, xin các bạn đừng nghe theo những cấp bằng của họ mà phí hết một cuộc đời, thật uổng thay! Thật uổng thay!!!

Khi chọn được một vị thầy tu chứng đạt chân lí, thì hãy hết sức đặt trọn lòng tin nơi họ, thì các bạn sẽ được chỉ dạy tận tình, nhờ đó các bạn mới giác ngộ được chân lí, nhờ giác ngộ được chân lí, lòng tin các bạn tăng trưởng, nhờ

lòng tin tăng trưởng các bạn mới đầy đủ sức tinh tấn tu tập.

Nếu các bạn muốn tu tập để được chứng ngộ, chứng đạt chân lí trong Phạm hạnh của giới luật Phật. Thì các bạn hãy xin vị Thầy chúng đạo cho ở gần thân cận bốn tháng biệt trú để giữ gìn giới hạnh. Nếu các bạn sống trong bốn tháng giữ gìn giới hạnh tinh nghiêm thì các bạn mới xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, quyết tâm đi tới như con đại tượng đi tới không bao giờ ngó lui. Có như vậy, các bạn mới thấy sự lợi ích lớn cho đời sống ly gia cắt ái.

“Này Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia theo Phật, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này thì phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành Tỷ kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau”.

Đoạn kinh trên đây xác định rõ ràng, đạo Phật không khuyến dụ, không bắt buộc, không lôi cuốn ai theo đạo mình. Người tu theo Phật giáo là phải tự nguyện, tự giác, thích sống đời sống Phạm hạnh thì mới xuất gia tu hành theo

Phật, còn không sống đúng thì thôi... Cho nên, kẻ nào lợi dụng chiếc áo tu sĩ Phật giáo sống trong chùa to Phật lớn, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới. Đó không phải là tu sĩ Phật giáo, họ không phải là Thầy của các bạn, họ là những người đang phá hoại Phật giáo. Các bạn hãy đề cao cảnh giác những hạng thầy này. Ngày xưa đức Phật ví những vị thầy này là những loại trùng trong lòng sư tử! Vậy các bạn nên lưu ý và cẩn thận đừng nghe theo họ mà phí uổng một đời người.



XÁ LỢI

LỜI PHẬT DẠY

*“Dân chúng Mạt La bảo nhau:
“Ngọn lửa cháy mạnh quá, khó dập tắt
e cháy tiêu hết xá lợi! Chúng ta hãy lấy
nước ở đâu để tưới?”*

(Kinh Trường A Hàm tập I trang 228,
kinh Du Hành)

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh này đã xác định xá lợi của Phật chỉ là những mảnh xương vụn, cháy chưa hết, chứ không phải do tu tập thiền định mới có xá lợi.

Kính thưa các bạn! Trong cuộc đời ác trước này, người tu sĩ khi chết mà còn lừa đảo thiên hạ thì không bằng người thế tục sống lương thiện không lường gạt lừa đảo ai hết. Lợi dụng sự không biết của tín đồ, bịa đặt ra: do tu thiền tinh tủy kết tinh lại thành xá lợi lửa đốt không cháy. Người Phật tử nghe đâu tin đó chứ không

xem xét kỹ nên sự tin như vậy là tin mù quáng. Từ lòng tin này Phật tử người ít kẻ nhiều góp nhau xây tháp to lớn đồ sộ để thờ xá lợi.

Chỉ có xá lợi mà đã lường gạt biết bao nhiêu người trên thế gian này. Họ bảo rằng: Do tu thiên định mới có xá lợi. Trong khi mọi người chưa có ai biết thiên định và nhập như thế nào? Vậy mà dám bảo do tu thiên định mới có xá lợi.

Kính thưa các bạn! Các bạn cứ hỏi các vị Sư, Thầy: *“Thiên định như thế nào? Tu thiên định là tu như thế nào?”*.

Họ sẽ trả lời các bạn: *“Tu thiên định là phải điều thân, điều tâm, điều tức, Sổ tức quán, Lục diệu pháp môn, chặn trâu, giữ ông chủ, biết vọng liền buông, phòng xep v.v.. Đó là tu thiên”*.

Người mà đã chứng đạt chân lí, có đủ Tứ Thần Túc, họ đã nhập định và biết rõ thiên định như thế nào? Vì thế, khi nghe quý vị trình bày những pháp môn tu thiên định như vậy, thì họ biết ngay là quý vị chưa bao giờ biết thiên định, chưa bao giờ nhập định. Những pháp tu tập trên đây làm sao nhập định được. Định mà quý vị tu tập là những pháp môn ức chế tâm, định này mà nhập là các bạn đã bị rơi

vào định tướng, chứ không phải nhập thiên định như vậy. Vì lối tu tập của quý vị là lối tu tập ức chế ý thức cho hết niệm khởi, chứ không phải thiên định gì cả, đó là một loại thiên tướng.

Xin các bạn hãy đọc lại đoạn kinh Nguyên Thủy này thì sẽ rõ: “*Thưa Ni Sư thế nào là định? Thế nào là định tướng? Thế nào là định tư cụ? Thế nào là định tu tập?*”

“ – *Này Hiền giả Visaka, nhất tâm là định, bốn niệm xứ là định tướng, bốn tinh cần là định tư cụ, sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.*”

Muốn thấu rõ thiên định thì phải hiểu rõ những cụm từ này:

1. định
2. định tướng
3. định tư cụ
4. định tu tập

Như trong đoạn kinh Nguyên Thủy này Ni Sư Dhammadinna đã trả lời ngắn gọn, nhưng rất đầy đủ cho những ai muốn tìm hiểu thiên

định của Phật giáo. Vậy nghĩa lý của những cụm từ trên đây là gì?

1- Định là nhất tâm. Vậy nhất tâm là gì? Từ xưa đến nay nhiều người chưa biết thiên định nên họ đều nghĩ nhất tâm là tâm không có vọng tưởng hay nói cách khác là tâm không có niệm khởi, **“Chẳng niệm thiện niệm ác”** hoặc **“Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật”**. Định nghĩa nhất tâm như vậy là các bạn đều nhai lại bã mía của Đại Thừa và các giáo phái Bà La Môn.

Chữ nhất tâm của Ni Sư Dhammadinna quá ngắn gọn làm cho người ta không hiểu rõ. Định là nhất tâm. Thì họ lại càng điên đầu suy diễn theo định kiến của mỗi kiến giải, càng suy diễn theo tưởng giải khiến cho người ta lại không hiểu định là gì nữa.

Thậm chí các nhà khoa học đem máy móc ra đo để tìm hiểu những người nhập định, thấy bộ óc có sự rung động thay đổi hoặc ngưng một vài bộ phận nào trên não là vội kết luận cho những người này nhập định.

Kính thưa các bạn! Các bạn nên biết: Định mà các Sư Thầy đã nhập đó là một loại thiên định tưởng như đã nói ở trên, do ức chế ý

thức để tưởng thức hoạt động. Cho nên, máy móc các nhà khoa học đo đạc cho biết trên bộ óc có phần bị ức chế, có phần hưng phấn. Nhưng những loại định này là thiên định của ngoại đạo, chứ không phải là thiên định của Phật giáo. Muốn định nghĩa chữ “định” theo nghĩa của ngoại đạo chứ nghĩa của Phật giáo thì định là chỗ tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ. Định của Phật còn có tên là bất động tâm, còn có tên là vô tướng tâm tức không có ba tướng làm tâm động, đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Cho nên, chữ nhất tâm của Ni Sư Dhammadinna có nghĩa là bất động tâm, chứ không phải chỗ tâm không niệm khởi, chỗ tâm không vọng tưởng.

Các bạn có bao giờ nghe Phật dạy: “**giới sinh định**” chưa? Giới là pháp môn ly dục ly ác pháp, vì thế khi tâm ly dục ly ác pháp thì tâm nhập Bất Động Tâm Định. Bất Động Tâm Định không phải chỉ biết hít vô thở ra không có vọng tưởng. Các bạn hiểu như vậy là các bạn hiểu sai lạc.

Chỗ ly dục ly ác pháp là chỗ tâm bất động, chứ không phải chỗ hơi thở ra vào.

Khi tâm bất động, tâm định trên thân hành tức là thân động dụng chỗ nào là tâm

biết ngay chỗ ấy như hơi thở ra vô, chứ không phải như người tu theo pháp Hơi Thở dùng hơi thở để tập trung tâm, chế ngự tâm, ức chế tâm, nhiếp phục tâm, làm cho tâm không khởi niệm. Đó là một sự hiểu sai lầm. Do sự hiểu sai lầm thành ra tu sai lầm. Cho nên, định là do sống không làm khổ mình, khổ người có nghĩa là sống mà không tham sân si, mạn, nghi là định. Người sống giới luật nghiêm chỉnh không hề vi phạm những lỗi nhỏ nhặt nào, thì người ấy nhập định. Do đó mà Ni Sư Dhammadinna xác định, định tương là Tứ Niệm Xứ.

Kính thưa các bạn! Tứ Niệm Xứ là một trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự đó là tướng của định bất động tâm như Ni Sư nói: **“Bốn Niệm Xứ là định tương”**. Như vậy kinh sách Nguyên Thủy đã xác định rõ ràng về thiền định. Vậy ai nói sai hoặc kinh sách nào nói không đúng định tương của Phật là kinh sách và người nói ấy đã nói về thiền định của ngoại đạo, chứ không phải nói về thiền của Phật giáo.

Ông Visakha hỏi: **“Tu thiền định là pháp môn nào?”**.

Ni sư Dhammadinna đáp: **“Bốn chánh căn là định tư cụ”**.

Tứ chánh cần là định tư cụ tức là phương pháp dùng để tu tập thiền định. Như vậy rõ ràng tu tập thiền định là ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp chứ không phải tu thiền định là ngồi kiết già, lưng thẳng, hít vô thở ra, tập trung tâm ở tại mũi, ở trán, ở bụng phình xẹp, hay ở đan điền v.v.. Người tu tập phải hết sức cố gắng tập trung tâm như vậy, làm cho vọng tưởng không sanh khởi. Vọng tưởng không sanh khởi, họ cho đó là tu thiền, nhập định. Tu thiền, nhập định như vậy là sai không đúng thiền của Phật giáo như Ni sư Dhammadinna dạy: **“Bốn chánh cần là định tư cụ”**.

Ở đây chúng tôi xin nói với các bạn: Nếu cứ tập trung hít thở thì **“Đó là loại thiền định tưởng của ngoại đạo, tu như vậy chẳng có ích lợi gì. Tâm tham, sân, si của các bạn vẫn còn nguyên, cho nên các bạn không làm chủ bốn sự đau khổ: sanh, già, bệnh, chết và không chấm dứt tái sinh luân hồi”**.

Kính thưa các bạn! các bạn có biết phương pháp tu tập Tứ Chánh Cần chưa? Đó là phương pháp ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp mà các bạn phải tu tập

trong bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi, để xả tâm ly dục ly ác pháp và từ bỏ từ niệm tham, sân, si, mạn, nghi chứ không phải ngồi kiết già cho hết niệm khởi. Cho nên, khi nào tâm các bạn hết tham, sân, si, là các bạn nhập định. Các bạn có biết chưa?

Như vậy các bạn đã hiểu định là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Cho nên, Ni Sư Dhammadinna dạy: **“Định tướng là Tứ Niệm Xứ”**, tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Còn pháp tu tập thiền định thì hằng ngày thì Ni Sư Dhammadinna dạy: **“Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy”**. Các bạn có nghe lời dạy này không? Hằng ngày luyện tập, tu tập, tái tu tập ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp là các bạn đã tu tập thiền định của Phật giáo, chứ không phải ngồi kiết già lưng thẳng, hít thở hoặc giữ tâm không vọng tưởng v.v..

Xét qua trong kinh sách Nguyên Thủy, các bạn mới thấy kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ dạy tu thiền không giống như Phật dạy. Có đúng như vậy không các bạn?

Vậy mà các Tổ Sư Đại Thừa bảo rằng: kinh sách Đại Thừa do Phật thuyết, thật là oan

cho đức Phật. Đức Phật không dạy mà các Tổ gán cho Phật dạy những pháp thiên định tu tập điên hùng khiến cho những người có nhiệt tâm tu hành thành bệnh thần kinh; khiến cho những người có lòng tin Phật pháp trở thành những người mê tín dị đoan; khiến cho những người có lòng tin Phật pháp trở thành những người tin mù quáng. Thật đáng thương! Họ còn cho rằng: “Người tu thiên khi chết để lại xá lợi rất nhiều. Đó là mảnh khoé lừa đảo người tu hành, khiến cho người ta nghĩ sai về Phật giáo.

Với thân tứ đại duyên hợp bất tịnh này là vô thường, có gì quan trọng, khi chết sẽ thành cát bụi, còn có gì quý báu nữa đâu, thế mà lừa đảo để làm tiền thiên hạ thật là một hành động đáng chê trách.

Tóm lại, khi tin theo một tôn giáo nào thì các bạn phải xem xét cho thật kỹ, tôn giáo ấy có phải là một chân lí không?

Kính thưa các bạn! Chân lí là một sự thật mà mọi người ai cũng phải nhận ra được. Nếu một tôn giáo không phải là sự thật mà là một ảo tưởng thì xin các bạn hãy tránh xa, nếu các bạn tin thì đó là các bạn tin mù quáng, các bạn sẽ trở thành những người mê tín, lạc hậu v.v.. Vì đó là một tôn giáo lừa đảo, chẳng có lợi ích

gì cho các bạn về trí tuệ nhân quả, hay về sự giải thoát bốn nỗi khổ: sanh, già, bệnh chết.

Trên đời này các tôn giáo thường hay lừa đảo con người bằng Thánh Khải, cơ bút giáng v.v.. hoặc tạo ra những thần thông tưởng, nói chuyện quá khứ vị lai, trị bệnh bùa chú, từ trường tưởng v.v.. Các bạn đừng vội tin vì tất cả những hiện tượng đó, nó không phải là chân lí, nó lưu xuất từ tưởng uẩn của các bạn.



DANH VÀ LỢI

LỜI PHẬT DẠY

“Này Tỳ kheo, Trên đường tu học khi có danh, có lợi thì nên ẩn bóng”.

CHÚ GIẢI:

Lời dạy trên đây là đức Phật khuyên răn chúng ta tu học khi có danh có lợi thì nên ẩn bóng, có nghĩa là khi có Phật tử cung kính tôn trọng và cúng dường thì tâm dễ sanh đắm nhiễm thì nên ẩn bóng, có nghĩa nên tránh xa danh lợi, vì danh lợi dễ làm cho chúng ta ô nhiễm. Các bạn hãy lắng nghe đời sống viễn ly của đức Phật, tránh xa danh và lợi: **“Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà La Môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được bao vây xung quanh như vậy. Ngài không khởi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc”.** Đây, các bạn có nghe chăng? Có danh, có

lợi như đức Phật, thế mà Ngài không đắm nhiễm, không trở lui lại đời sống sung túc, luôn luôn giữ hạnh ba y một bát, ngày ăn một bữa, sống không nhà cửa, không chùa to Phật lớn. Còn các Thầy Đại Thừa và Thiền Tông thì sao? Trở lui lại đời sống sung túc, ăn uống, ngủ nghỉ phi thời. Có đúng như vậy không các bạn?

Theo gương hạnh của Phật khi tu hành được đôi chút chúng ta có danh, có lợi thì nên tránh xa danh lợi tìm cách từ chối hoặc bằng cách ẩn bóng hoặc không nêu lên tên tuổi của mình, đừng để cho mọi người biết.

Trong các trường lớp tu hành chúng tôi đã thấy rất rõ ràng, người ta tu hành thời nay thường để tạo danh tạo lợi bằng cách làm quen với Phật tử, nhất là Phật tử giàu có, chứ không phải lo tu tập giải thoát.



NGƯỜI TU SĨ CẦN PHẢI GHI NHỚ

LỜI PHẬT DẠY

- 1- *Thân thường thể hiện hạnh từ bi.*
- 2- *Miệng thường nói lời nhân từ.*
- 3- *Ý thường tâm niệm thương xót, không ôm lòng thù hận thêm bớt.*
- 4- *Chỉ nhận sự cúng dường vừa đủ.*
- 5- *Giữ gìn giới của Thánh hiền không tổn khuyết.*
- 6- *Nhận đạo Thánh hiền quyết dứt hết gốc khổ.*

CHÚ GIẢI:

Đức Phật dạy: *“Thân thường thể hiện hạnh từ bi”*. Lời dạy này đức Phật thường nhắc nhở chúng ta mỗi hành động nơi thân đều thể hiện lòng yêu thương sự sống của muôn loài. Vì thế, người đệ tử của Phật dù cư sĩ hay tu sĩ đều phải sống giữ gìn từng mỗi hành động

của thân mình, làm bất cứ một việc gì đều phải cẩn thận, ý tứ, tỉnh thức để tránh những hành động vô tình hay hữu ý làm tổn thương đau khổ tất cả những loài vật đang sống quanh chúng ta. Vạn vật và chúng ta đang sống trên hành tinh này đều sinh ra từ một môi trường sống, cùng lớn lên trong môi trường ấy, nên chúng ta phải yêu thương nhau như anh em trong một nhà cùng cha cùng mẹ. Muốn được lòng yêu thương ấy đối với tất cả mọi người mọi loài trên hành tinh này thì chúng ta thường tác ý nhắc tâm: *“Thân thường thể hiện hạnh từ bi, thân không được làm điều ác luôn luôn phải thực hiện điều thiện, phải chánh niệm tỉnh giác trong từng hành động, tránh làm đau khổ mình, đau khổ người và đau khổ các loài vật khác”*. Khi nhắc tâm như vậy chúng ta thấm nhuần hạnh từ bi và tâm rất tỉnh thức. Nhờ đó cuộc sống của chúng ta lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự.

Nếu chúng ta quyết tâm thân thường thể hiện hạnh từ bi thì phải suy tư cho cặn kẽ về sự sống của muôn loài thì chúng ta hiểu rằng: *“Tất cả những loài vật đang sống trên hành tinh này đều là anh em, chị em cùng cha, cùng mẹ chung trong một nhà nhân quả”* như đã nói

ở trên, chứ đâu phải vạn vật trên hành tinh này là xa lạ. Nhưng khi sinh ra, tùy theo duyên hợp mà có sự sai khác hình hài, tính tình. Do đó, chúng ta lầm chấp, phân chia ra nhiều loài khác nhau, rồi lại ăn thịt lẫn nhau, “con vật lớn giết con vật nhỏ, người mạnh ăn hiếp người yếu”. Vì thế, đức Phật thường nhắc chúng ta: **“Thân thường thể hiện hạnh từ bi”**. Thân thường thể hiện hạnh từ bi, tức là thân thường hành động không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sinh. Nhất là không bao giờ ăn thịt lẫn nhau thì mới gọi là thân thường thể hiện hạnh từ bi.

Theo đúng như lời Phật đã dạy: **“Thân thường thể hiện hạnh từ bi”** tức là mỗi hành động phải thực hiện lòng yêu thương sự sống của muôn loài trên hành tinh này thì cuộc đời này sẽ hạnh phúc biết bao! Thế gian này là thiên đàng, cực lạc. Có đúng như vậy không quý vị?

Đức Phật dạy: **“Miệng thường nói lời nhân từ”**. Vậy nói lời nhân từ như thế nào?

Muốn hiểu rõ câu này thì nên hiểu hai chữ NHÂN TỪ. Vậy nhân từ là gì?

Nhân là con người; từ là lòng yêu thương. Cho nên: **“Miệng thường nói lời nhân từ”**, tức là nói lời yêu thương đến với mọi người và với mọi loài chúng sanh. Lời nói yêu thương là lời ái ngữ. Lời nói ái ngữ là lời nói ôn tồn, nhã nhặn, êm dịu, thanh lịch, lịch sự có văn hóa nhẹ nhàng, an ủi mọi người, mọi loài vật khi gặp tai nạn, bệnh tật khổ đau hoặc những điều làm cho khiếp đảm, sợ hãi.

Sống trong cuộc đời này người người đối xử với nhau đều dùng lời nói nhân từ thì hạnh phúc biết bao; thì làm sao có thù hận, có tị hiềm, ganh ghét v.v..

Lời nói dối là lời nói không thật, nói không đúng sự thật là lời nói không nhân từ, lời nói không có ái ngữ, lời nói làm mất lòng tin của mọi người.

Lời nói li gián là lời nói khiến cho mọi người sống không hòa hợp, không đoàn kết, khiến cho mọi người thù hận ganh ghét nhau, đó là lời nói không nhân từ, lời nói hung ác, lời nói gây chia rẽ, gây đau khổ cho người khác.

Lời nói thù dật là lời nói trau chuốt, là lời nói lừa đảo người khác, lời nói như vậy là lời nói không nhân từ, lời nói không ái ngữ, lời nói mà mọi người đều chê trách, lời nói ác

khẩu, lời nói hung ác mà người có đạo đức không bao giờ chấp nhận.

Lời nói hung dữ là lời nói chưởi mắng, mạ lị, mạt sát, hăm dọa, dọa nạt người, làm cho người khác khiếp đảm sợ hãi. Đó là những lời nói không nhân từ, không ái ngữ. Làm người, chúng ta nên tránh xa và từ bỏ nói những lời hung ác, kém văn hóa, không đạo đức v.v.. luôn luôn thực hiện lời nói nhân từ, lời nói ái ngữ.

Đức Phật dạy: **“Ý thường tâm niệm thương xót, không ôm lòng thù hận thêm bớt”**. Trong cuộc đời này vì lòng tham lam vô độ nên con người sanh tâm ganh đua hơn thiệt, thấy ai hơn mình thì sanh tâm ganh ghét, tị hiềm thường thêm bớt nói xấu người, nói lời li gián gây chia rẽ người này với người kia. Cho nên, ý thường tâm niệm thương xót người khác tức là lòng “BI”. Lòng bi là lòng thương xót chúng sanh, khi thấy chúng sanh trong cơn hoạn nạn hay bệnh tật khổ đau hoặc đứng trước cái chết sắp đến, chúng ta không thể làm ngơ được.

Cho nên, chúng ta luôn nhớ lời Phật dạy: **“Ý thường tâm niệm thương xót, không ôm lòng thù hận thêm bớt”**. Đó là một tâm niệm thiện, tâm niệm giải thoát, tâm niệm khiến

mình và tất cả chúng sanh được an vui giải thoát, tâm niệm không làm khổ đau mình, người, cả hai và tất cả chúng sanh; tâm niệm không hận thù; tâm niệm buông xả tất cả các ác pháp; tâm niệm của người có lòng từ, bi, hỷ, xả. Đó là một tâm niệm cao thượng, một tâm niệm của những bậc Thánh Hiền.

“Ý thường tâm niệm thương xót, không ôm lòng thù hận thêm bớt”. Lời dạy này chúng con xin hằng ngày ghi nhớ để sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh; để đền đáp ơn chư Phật; ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha. Đó là một tâm niệm đẹp đẽ và cao thượng tuyệt vời mà làm người ai ai cũng cần phải tu học.

Đức Phật dạy: ***“Chỉ nhận sự cúng dường vừa đủ”***. Đây là lời khuyên của đức Phật đối với những đệ tử xuất gia. Khi đi khất thực thì nhận sự cúng dường vừa đủ, không nên tham nhiều, không nên đòi hỏi món này, món kia, ai cho gì mình ăn nấy, dở ngon không cần, chỉ ăn để sống, sống để tu hành, chứ không phải sống để ăn. Sống để ăn tức là chạy theo dục lạc về ăn uống. Vì thế, ăn không phải cần ngon; ăn không để mập, để béo, để hưởng thụ tất cả dục lạc trên cõi đời này. Ăn như vậy thì

giống như người thế gian. Ăn uống mà giống như người thế gian thì còn nghĩa lý gì là người tu sĩ Phật giáo. Phải không quý Phật tử?

Người tu sĩ Phật giáo ăn để sống như uống một thứ thuốc đắng để trị bệnh đói.

Vì thế, người tu sĩ Phật giáo **“Chỉ nhận sự cúng dường vừa đủ”**. Đó là lời khuyên của Phật đối với những người đệ tử của Ngài, để những tu sĩ này đều sống ly dục ly ác pháp; để những tu sĩ này luôn luôn sống trong hạnh thiếu dục tri túc; để những tu sĩ này luôn luôn sống đúng phạm hạnh. Nhất là để những tu sĩ đang tu tập tại tu viện Chơn Như hãy lấy câu này làm lời răn nhắc cho mình khi ăn uống cũng như khi đi khát thực **“Chỉ nhận sự cúng dường vừa đủ”**. Phật dạy như vậy xin tất cả tu sĩ Phật giáo dù ở các hệ phái Bắc tông như: Đại thừa, Thiên tông, Mật tông, Tịnh độ tông v.v.. Các hệ phái Nguyên thủy như: Nam tông, Khất sĩ v.v.. phải lấy câu này làm phương châm, làm các câu tác ý tự kỷ ám thị hằng ngày để nhắc nhở tâm mình ít muốn biết đủ (thiếu dục tri túc). Nhờ đó giới luật mới nghiêm chỉnh không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào; nhờ đó tâm mới ly dục ly ác pháp; nhờ đó tâm mới thanh thản, an lạc và vô sự; nhờ đó con đường tu

hành của Phật giáo ngày một thêm sáng lạng; nhờ đó mới chúng đạt chân lí.

Đức Phật dạy: **“Giữ gìn giới của Thánh hiền không tổn khuyết”**. Muốn hiểu lời dạy này, trước tiên chúng ta nên hiểu giới của Thánh Hiền là gì? Không tổn khuyết là gì?

Giới của Thánh Hiền gồm có: Ngũ giới cư sĩ, Bát quan trai giới cư sĩ, Thập thiện giới cư sĩ, Thập giới Sa Di tăng ni, 250 giới tỳ kheo tăng, 348 giới tỳ kheo ni, kinh Phạm Võng, kinh Sa Môn Quả, kinh Giáo Giới La Hầu La v.v..

Không tổn khuyết là không súc mẽ; là không bẻ vụn giới; là không phạm những giới nhỏ nhặt.

Nghĩa của toàn bộ câu **“Giữ gìn giới của Thánh hiền không tổn khuyết”** là giữ gìn giới luật nghiêm ngặt không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào.

Tại sao lại phải giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh như vậy? Vì giới luật là pháp môn ly dục ly ác pháp; vì giới luật là đức hạnh nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai; vì giới luật là pháp môn đầu tiên để tu tập thiền định. Nhờ giới luật Thánh Hiền

mà chúng ta tu tập mới có đủ Tứ Thần Túc; nhờ có Tứ Thần Túc mới nhập Bốn thiên và thực hiện Tam minh; nhờ thế chúng ta mới làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Giới luật Thánh Hiền lợi ích lớn như vậy, thế mà người tu sĩ thời nay tu theo Phật giáo mà phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, xem thường giới, vì thế mà phí bỏ một đời tu tập chẳng đạt được gì, uổng thay! uổng thay!!!

Đức Phật dạy: **“Nhận đạo Thánh hiền quyết dứt hết gốc khổ”**. Muốn hiểu lời dạy này chúng ta phải hiểu các từ Thánh Hiền, gốc khổ. Vậy Thánh Hiền gốc khổ nghĩa là gì?

Như chúng ta đã biết đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai. Vì thế, Thánh ở đây có nghĩa là người đã sống trọn vẹn đức hạnh nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người; còn Hiền ở đây có nghĩa là người đang tập sống đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Cho nên, lời dạy: **“Nhận đạo Thánh hiền quyết dứt hết gốc khổ”** tức là chấp

nhận học tập và rèn luyện đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì tất cả khổ của loài người trên hành tinh này đều dứt hết. Lời dạy này rất đúng, nhưng có những người còn nghi ngờ nên tự hỏi. Tại sao vậy?

Vì không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì còn đâu nỗi khổ nữa. Phải không thưa quý vị?

Lời dạy tuy ngắn gọn, nhưng rất đầy đủ ý nghĩa của đạo giải thoát. Nếu ai hiểu mà không làm đúng theo nghĩa này thì lời dạy chỉ là lời nói suông. Vì thế, lời nói của đức Phật chỉ có những người muốn thoát ra bốn nỗi khổ của kiếp làm người và những người chứng đạt chân lý thì mới hiểu được nghĩa lý giải thoát này.



CÓ BẢY PHÁP HẰNG NGÀY CÂN TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

- 1- Quán thân bất tịnh.
- 2- Quán thức ăn bất tịnh.
- 3- Không say đắm thế gian.
- 4- Thường nghĩ đến sự chết.
- 5- Luôn nghĩ đến vô thường.
- 6- Nghĩ đến đời sống là khổ và vô thường.
- 7- Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã.

CHÚ GIẢI:

Câu thứ nhất Phật dạy: “*Quán thân bất tịnh*”. Quán thân bất tịnh là một pháp môn triển khai tri kiến như thật về cơ thể con người. Cơ thể con người ứ trước, bất tịnh, hôi thối mà con người thường lầm tưởng cơ thể con người là thanh tịnh, là trong sạch. Vì thế, mọi

người đều lao vào tâm sắc dục, tưởng nơi đó trong sạch lắm, nhưng không ngờ nơi đó là nơi bất tịnh và khổ đau nhất, là con đường tái sanh luân hồi cũng tại nơi đó. Cho nên, đức Phật muốn vạch trần một sự thật để mọi người đừng lầm lạc, đừng say mê sắc dục. Vì thế, mục đích quán thân bất tịnh là đối trị tâm sắc dục của con người. Bệnh tâm sắc dục thì trên đời này không ai tránh khỏi. Muốn thoát khỏi bệnh này thì đức Phật dạy chúng ta phương thuốc đối trị, đó là quán thân người nam cũng như người nữ đều bất tịnh, hôi thối, bản thủ, uế trước, gồm nhớp v.v.. Nhờ quán như vậy tâm mới không đắm nhiễm; mới nhàm chán; mới ghê tởm sắc dục; mới xa lìa từ bỏ; mới không còn ham thích giữa nam nữ gần nhau; mới thấu rõ tâm sắc dục mang đến mọi sự khổ đau bất tận. Vì có hiểu như vậy mới đoạn tận tâm sắc dục.

Nếu người nào siêng năng chuyên cần quán tưởng thân bất tịnh đến thấu suốt sự bất tịnh như thật thì chắc chắn tâm sắc dục sẽ bị đoạn tuyệt. Tâm sắc dục đoạn tuyệt thì con đường sanh tử luân hồi mới chấm dứt và không còn tái sinh nữa. Tâm sắc dục đoạn diệt thì người tu mới có đủ đạo lực làm chủ sanh, già,

bệnh, chết. Nếu tâm sắc dục còn dù như đất trong tay ta thì không bao giờ có Tứ Thần Túc và Tam Minh.

Con đường tu theo Phật giáo để đạt được bốn thần lục giải thoát; để chứng đạt chân lí thì tâm sắc dục phải được đoạn trừ tận gốc. Nếu tâm sắc dục chỉ còn một chút như trên đã nói thì con đường giải thoát ấy không bao giờ dẫn đến mục đích tối hậu, cứu kính hoàn toàn.

Cho nên, sự tu tập để diệt trừ tâm sắc dục là một điều cần thiết cho con đường tu hành giải thoát của Phật giáo.

Câu thứ hai Phật dạy: “**Quán thức ăn bất tịnh**”. Quán thức ăn bất tịnh là một phương pháp triển khai tri kiến hiểu biết về thực phẩm bất tịnh như thật. Đúng vậy thực phẩm bất tịnh là một sự thật, không ai còn chối cãi được. Nếu quán thực phẩm bất tịnh biết rõ như thật thì sẽ đối trị được tâm ưa thích ăn uống, ưa thích chạy theo dục lạc về ăn uống. Thường người ở đời không nhận rõ thực phẩm bất tịnh, thiếu sự sáng suốt nhận định thực phẩm bất tịnh, vì thế họ còn cho thực phẩm là những chất ngon béo, bổ dưỡng cơ thể nên luôn luôn ăn uống để nuôi dưỡng cơ thể cho mập. Họ đâu biết rằng cơ thể này không là họ,

là của họ nên họ sai lầm kiến chấp thân này là của họ, là họ, vì thế nên đem hết sức lực của mình ra làm việc để phục vụ cho ăn, ngủ, v.v.. phục vụ như vậy chẳng có ý nghĩa gì cao đẹp cho cuộc sống của mình cả.

Muốn đối trị tâm tham ăn thì phải quán thực phẩm bất tịnh như trên đã nói. Quán thực phẩm bất tịnh như thế nào để nhàm chán, nếu quán thực phẩm bất tịnh sơ sơ không thấu triệt, không thấy thực phẩm bất tịnh như thật thì làm sao tâm chúng ta sanh ra nhàm chán thực phẩm cho được mà không nhàm chán thực phẩm thì làm sao ly tham dục về ăn uống được. Phải không quý vị?

Nhờ quán thực phẩm bất tịnh thâm sâu và thấu triệt sự bất tịnh của thực phẩm như thật thì tâm chúng ta sinh ra nhàm chán thực phẩm. Nhờ đó chúng ta ăn ngày một bữa rất là tự tại an nhiên, không thấy đói khát, không còn thèm ăn uống gì nữa.

Người không quán thực phẩm bất tịnh, khi gặp thực phẩm thì cũng giống như con mèo gặp chuột, tâm sinh ra ham thích ăn thịt, muốn chộp bắt ngay liền, còn người quán thực phẩm bất tịnh sanh ra tâm nhàm chán thực phẩm, khi thấy thực phẩm giống như thấy chất

bản của người bài tiết, nhờ đó tâm tham ăn bị diệt. Cho nên đức Phật dạy: **“người mới tu thì phải quán thực phẩm bất tịnh”**, để giữ gìn giới đức ly tham về ăn uống, không bị phạm giới ăn uống phi thời. Quán thực phẩm bất tịnh là một phương pháp tuyệt vời trong Phật giáo. Nhờ đó chúng ta sẽ xa lìa tâm tham đắm ăn uống của mình. Vì thế, người tu sĩ Phật giáo hằng ngày chỉ nên ăn một bữa mà thôi. Sáng chiều thanh thoi không còn bận tâm lo ăn uống gì cả. Thật là một đời sống nhàn nhã, an vui, thanh thản, yên ổn mà người thế tục không bao giờ có được. Có đúng như vậy không quý vị?

Câu thứ ba Phật dạy: **“Không say đắm thế gian”**. Thế gian là một trường danh lợi, tiền tài, vật chất và sắc đẹp cám dỗ mọi người. Vì thế đức Phật khuyên dạy: **“Không say đắm thế gian”**. Bởi vì trong thế gian có nhiều sự cám dỗ như trên đã nói, sự cám dỗ này dẫn chúng ta vào chỗ khổ đau và khổ đau mãi mãi không biết đường nào ra, nhất là tiếp tục tái sanh luân hồi không bao giờ dứt. Người mới tu tập phải cảnh giác tâm mình, tránh xa những pháp cám dỗ của thế gian, đừng say mê nó, hãy lìa xa nó, hãy từ bỏ nó, hãy đoạn trừ nó v.v..

Nó là ác pháp thường dẫn mọi người đi vào chỗ tối tăm, tội lỗi.

Thế gian là một trường tranh đấu vì danh lợi, vì tiền của tài sản vật chất, vì sắc đẹp phụ nữ cho nên cuộc tranh đấu ấy triền miên bất tận. Mục đích tranh đấu của người thế gian là tranh đấu để sống vì ích kỷ cá nhân, để bảo vệ sự sống của riêng mình, vì thế họ chà đạp lên sự sống của người khác, loài vật khác; tranh đấu để đạt danh lợi hơn mọi người, tức là đạt được quyền uy thế lực; đạt được giàu sang tột cùng, nhà cao cửa rộng, của cải, tiền bạc, châu báu, vàng vòng nhiều; đạt được sắc đẹp; đạt được ăn ngon mặc đẹp, cao lương mỹ vị, hàng lụa đắt tiền, ngủ nghỉ giường cao rộng lớn niệm êm. Đó là sự cám dỗ ngũ dục lạc thế gian mà người đời thường hay dính mắc, vì thế đức Phật dạy: **“Không say đắm thế gian”**. Người tu sĩ Phật giáo nên lưu ý lời dạy này và thường nhắc tâm: **“Không nên say đắm các pháp thế gian”**. Nhờ có tác ý như vậy tâm mới luôn luôn thanh thản, an lạc và vô sự. Cho nên, tâm còn say đắm thì không bao giờ có sự giải thoát chân thật.

Câu thứ tư Phật dạy: **“Thường nghĩ đến sự chết”**. Muốn cho sự tinh tấn siêng năng

không biếng trễ trên đường tu tập thì thường quán niệm chết. Thường quán niệm chết cho chúng ta biết rằng: **“Ngày nay chúng ta còn sống nhưng ngày mai sẽ chết”**. Điều đó chắc chắn trong tất cả chúng ta ai cũng biết, nhưng trong chúng ta nào ai biết được ngày mai phải rời bỏ thế gian này vào lúc nào? Chắc không ai biết. Phải không quý vị?

Vì các pháp vô thường, thân chúng ta cũng vậy, sự vô thường không chờ đợi một ai, một khi nó đã đến thì không từ bỏ một người nào cả. Cho nên, thường quán niệm chết khiến cho chúng ta tinh cần siêng năng tu tập lại càng tinh tấn siêng năng tu tập hơn. Nếu chúng ta không chịu tu tập quán tưởng niệm chết thì sự siêng năng tinh cần mất đi, chỉ để lại cho chúng ta một sự lười biếng, một sự dễ dãi biếng nhác, tu tập cầm chừng lấy có thì sự tu tập chẳng tới đâu cả.

Vả lại, nếu chúng ta không tu tập khi chết rồi còn biết có được thân người nữa hay không? Bởi vậy quán niệm chết rất cần thiết cho người tu theo Phật giáo. Nếu không quán niệm chết thì chúng ta dễ sanh ra tâm dễ dãi, lười biếng thì con đường tu sẽ không bao giờ đạt tới đích giải thoát của Phật giáo.

Cuộc đời tu hành của chúng ta theo Phật giáo nếu không quán niệm chết là chúng ta sẽ sinh tâm lười biếng như trên đã nói, tu cầm chừng, tu lấy có thì một đời tu hành chỉ có hình tướng mà thôi, còn sự giải thoát thì không bao giờ có, đó là một sự thiệt thòi rất lớn.

Câu thứ năm Phật dạy: **“Luôn nghĩ đến vô thường”**. Trong thế gian này không có một vật gì là thường hằng bất biến, luôn luôn biến đổi từng phút từng giây, vì vậy sinh, già, bệnh, chết là lẽ đương nhiên của một con người sinh ra trong thế gian này. Nếu chúng ta không thấy các pháp vô thường thì tâm chúng ta dễ sanh ra dính mắc và chấp đắm các pháp, do dính mắc và chấp đắm các pháp nên làm sao tâm chúng ta ly dục ly ác pháp được, không ly dục ly ác pháp được thì làm sao có được sự giải thoát. Không có được sự giải thoát thì chúng ta sống sẽ làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Phải không quý vị?

Vì thế, đức Phật dạy: **“Luôn nghĩ đến vô thường”**. Luôn nghĩ đến các pháp vô thường thì tâm chúng ta buông xả sạch. Tâm buông xả sạch thì ngay đó là chân lý của đạo Phật; thì ngay đó là một thân tâm thanh thản, an lạc và

vô sự; thì ngay đó là cực lạc, thiên đàng tại thế gian này.

Trong cuộc đời tu hành của chúng ta theo Phật giáo, chỉ cần quán xét hiểu biết và thấu rõ các pháp thật sự là vô thường, là khổ đau. Do các pháp vô thường nên không có pháp nào là ta, không có pháp nào là của ta, không có pháp nào là bản ngã của ta. Nhờ hiểu thấu như vậy chúng ta mới hoàn toàn giải thoát, tuy còn sống trong thế gian, còn sống trong qui luật nhân quả, nhưng đã ra ngoài qui luật nhân quả, tức là ra ngoài vũ trụ, đứng ở một góc trời thênh thang, chẳng còn bị bất cứ một qui luật nào chi phối thân tâm được.

Bởi vậy, **“Luôn nghĩ đến vô thường”** là lợi ích rất lớn cho kiếp làm người, vì nghĩ đến các pháp vô thường nên tâm chẳng còn dính mắc, chẳng còn sợ hãi buồn rầu thương nhớ v.v.. Đạo Phật chỉ tu tập có bấy nhiêu pháp quán như vậy mà cứu kính giải thoát rõ ràng và cụ thể.

Câu thứ sáu Phật dạy: **“Nghĩ đến đời sống là khổ và vô thường”**. Đời người là vô thường, là khổ đau. Đó là một sự thật mà không thể có ai phủ nhận được. Vì thế chúng ta thường quán xét thì tâm chúng ta sẽ sanh ra

nhàm chán. Và khi nhàm chán thế gian thì chúng ta mới có tinh tấn tu hành. Nếu không thấy đời là vô thường là khổ đau thì chúng ta khó mà lìa nó được, mà không lìa các pháp thế gian thì tu hành chẳng đến nơi đến chốn.

Đời sống con người là khổ, là vô thường, đó là một sự thật, nhưng trên đời này có mấy ai hiểu được như vậy. Vì không hiểu được như vậy nên mọi người đều cho đời sống là hằng còn, là hạnh phúc. Cho nên, mọi người lầm tưởng các pháp là thật rồi đua nhau chạy theo ngũ dục lạc: lợi, danh, sắc, thực, thù, mong đạt cho được nó, nhưng nào ngờ các pháp vô thường, vì các pháp vô thường nên càng chạy theo chúng thì càng gặp nhiều khổ đau. Sống trong đau khổ mà không biết, do đó sống trong tâm điên đảo, tưởng điên đảo, tình điên đảo mà không hay, cứ loanh quanh bám mãi trong tham vọng, chạy theo ngũ dục lạc mà muốn tìm chân hạnh phúc thì làm sao có được. Phải không quý vị? Ngũ dục lạc là ảo ảnh hạnh phúc, là bóng dáng của tâm tham, sân, si. Cho nên, chỉ có những người không thấu rõ đời sống con người là khổ đau, các pháp là vô thường nên mới còn say mê và đắm đuối ham thích chạy theo nó.

Đức Phật xác định: **“Con người vì vô minh không thấy các pháp vô thường như thật nên sinh tâm chấp đắm, dính mắc, do chấp đắm, dính mắc nên tâm tham, sân, si lẫn lộn khó ngăn và khó diệt”**. Từ tâm tham, sân, si đó mà con người sống trong ác pháp luôn làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Chính vì người ta không thấu rõ như thật đời sống con người là khổ đau và thường thay đổi như mây giữa trời, như sương buổi sáng vì thế mà khổ đau lại chồng chất lên khổ đau của kiếp làm người.

Chỉ có những người nào luôn quán chiếu **“Nghĩ đến đời sống là khổ và vô thường”** và thấy biết rõ như thật thì người ấy thoát mọi khổ đau. Vậy chúng ta luôn luôn ghi khắc lời dạy này của Phật thì cuộc đời này mới tìm ra chân hạnh phúc.

Câu thứ bảy đức Phật dạy: **“Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã”**. Hằng ngày chúng ta luôn nghĩ đến sự khổ đau của kiếp làm người và sự vô ngã của thân tâm và các pháp. Vì thân tâm con người và các pháp không có vật gì tồn tại mãi, tất cả có sinh thì phải có diệt, do đó chúng ta đừng để tâm dính mắc chấp đắm thân tâm và các pháp thì mới có sự giải thoát, mới

có sự ra khỏi biển đời đầy khổ đau, chừng đó chúng ta mới hiểu ra đời người chẳng có gì cả, chỉ là một trò ảo ảnh của nhân quả dựng lên, hết tuồng này đến tuồng nọ.

Lời đức Phật dạy: **“Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã”**. Chúng ta nên ghi nhớ mãi đừng quên lời dạy này. Phải không quý vị? Vì có ghi nhớ lời dạy này chúng ta mới cố gắng buông xả sạch thế gian chỉ còn lại một tâm thanh thản, an lạc và vô sự mà không có một ác pháp nào động được tâm ta. Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã thì chúng ta buông xuống và sạch tất cả lòng dục và các ác pháp.

“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì?

Thở ra chẳng lại còn chi nữa,

Vạn pháp vô thường buông xuống đi!”



CÓ SÁU OAI NGHI NGƯỜI TU SĨ CẦN PHẢI GIỮ GÌN VÀ TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

“Người tu sĩ mới vào phải tu tập:

1/ Khi đi biết mình đi.

2/ Khi đứng biết mình đứng.

3/ Khi liếc ngó hai bên.

4/ Khi co duỗi cúi ngược.

5/ Khi đắp y, mang bát.

6/ Khi ăn uống thuốc men đều phải nhẹ nhàng phù hợp với oai nghi, phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ấm cái, cho đến đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các thầy Tỳ Kheo cần phải giữ gìn đầy đủ”.

CHÚ GIẢI:

Oai nghi tế hạnh của một người tu sĩ Phật giáo rất cần thiết cho đời sống phạm hạnh và chính những oai nghi tế hạnh ấy đã giúp cho người tu sĩ tỉnh thức hơn để ly dục ly ác pháp, để ngăn và diệt tất cả tham ưu trên thân, thọ, tâm và pháp. Do tu tập oai nghi tế hạnh để ly dục ly ác pháp, tâm mới được hoàn toàn thanh tịnh, vì thế nó mới được gọi là tu tập thiền xả tâm. Muốn tu tập thiền xả tâm thì phải nương vào những oai nghi mà đức Phật đã dạy như dưới đây:

Oai nghi thứ nhất đức Phật dạy: **“*Khi đi biết mình đi*”**. Vậy oai nghi thứ nhất đi biết mình đi như thế nào?

Đi phải biết mình đi, nhưng nếu biết mình đi suông thì không có ý nghĩa gì của sự giải thoát mà đi trong chánh niệm, đi trong chánh niệm, tức là đi trong thiện pháp. Vậy đi trong thiện pháp là đi như thế nào?

Đi trong thiện pháp là đi không dậm đạp lên chúng sanh, là đi trong tâm ly dục ly ác pháp. Đi như vậy mới gọi là đi biết mình đi.

Đi biết mình đi là biết từng bước đi của mình, biết rõ ràng khi đỡ chân lên cũng như lúc để chân xuống, tâm tỉnh thức theo dõi từng

hành động của chân bước. Bước đi phải nhẹ nhàng thoải mái không chậm lằm, nhưng cũng không nhanh, đi vừa kịp tâm chú ý bước chân đi, đi khoan thai như người vô sự, đi như người đi nhàn du nhưng đều biết rất rõ bước đi.

Người đệ tử Phật dù tu sĩ hay cư sĩ khi đi đều phải tỉnh thức trên bước đi. Đi biết mình đi rất rõ ràng. Đó là phương pháp tu tập tỉnh thức để tâm được tỉnh thức. Tâm được tỉnh thức là có lợi ích rất lớn. Nhờ tu tập tỉnh thức đi mình biết mình đi, đó là hành động đi nhưng tỉnh thức trên hành động đi được thì sẽ tỉnh thức từng tâm niệm được. Tỉnh thức từng tâm niệm được thì xả bỏ tất cả ác pháp và tâm tham, sân, si dễ dàng.

Tỉnh thức là pháp tu tập đầu tiên của đạo Phật: **“Khi đi biết mình đi”**. Đó là Chánh niệm tỉnh giác định, một loại định tâm trên bước đi; một loại định phá hôn trầm, thù miên, vô ký rất tuyệt vời, nếu người nào chịu khó siêng năng tu tập hằng ngày thì sức tỉnh thức càng ngày càng gia tăng, sự tu tập càng ngày càng tiến bộ, sự ly dục ly ác pháp càng ngày càng xả ly rất nhiều. Nhờ đó, tâm thanh thản, an lạc và vô sự càng lúc càng chứng đạt,

trạng thái ấy càng chiếm nhiều thời gian dài hơn.

Muốn tu tập chứng đạt giải thoát thì không gì hơn là lo tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác như đức Phật đã dạy: **“Khi đi biết mình đi”**.

Oai nghi thứ hai đức Phật dạy: **“Khi đứng biết mình đứng”**. Vậy đứng biết mình đứng như thế nào?

Đứng biết mình đứng, tức là đứng ngay thẳng biết mình đứng ngay thẳng, đứng cong vòng biết mình đứng cong vòng, đứng một chân biết mình đứng một chân hay đứng nghiêng biết mình đứng nghiêng, hoặc đứng ẹo biết mình đứng ẹo v.v.. Đứng ở vị trí nào biết vị trí ấy.

Ví dụ: Đứng trước cổng nhà người biết đứng trước cổng nhà người hay đứng trước gian hàng người ta buôn bán thì biết đứng trước gian hàng người ta buôn bán, hay đứng ở chỗ có người khác phái, đứng chỗ người điên, người hung dữ, chó dữ, bò dữ v.v.. đều biết rất rõ ràng.

Cho nên, khi đứng biết mình đứng, đứng đúng chỗ, đứng nơi, đứng lúc v.v.. Khi đứng yên

biết thân mình đứng yên, biết thân mình đứng ngay thẳng, mắt nhìn xuống cách chỗ đứng 2m50, biết thân mình rung động theo từng nhịp hơi thở ra vào rõ ràng.

Khi đứng yên mắt không nhìn qua, nhìn lại, không liếc dọc, liếc ngang chỉ nhìn về phía trước, chỉ đứng biết mình đứng, đứng trong sự thân rung động của hơi thở. Người tu sĩ hay người cư sĩ Phật giáo mà đứng được như vậy thì mới gọi đứng biết mình đứng.

Oai nghi thứ ba đức Phật dạy: **“*Khi liếc ngó hai bên biết mình liếc ngó hai bên*”**. Như quý vị đã biết oai nghi thứ nhất đức Phật dạy về thân hành hai chân của quý vị là đi và đứng mà quý vị đã được học xong. Còn oai nghi thứ ba đức Phật dạy thân hành mắt của quý vị. Khi quý vị nhìn hay liếc ngó hai bên thì phải biết mình liếc ngó hai bên. Như vậy nhìn liếc ngó hai bên biết mình nhìn liếc ngó hai bên để làm gì?

Nhìn liếc ngó hai bên biết mình nhìn liếc ngó hai bên tức là tỉnh thức trong từng hành động của mắt, mắt nhìn mắt liếc đều biết rất rõ mắt nhìn, mắt liếc trong chánh niệm, tức là nhìn liếc ngó một cách ngay thẳng chánh trực, không nhìn chăm chăm vào mặt người khác

làm cho họ ngại ngùng, không liếc xéo liếc ngang người làm cho người khác khó chịu. Cho nên, một người tu theo Phật giáo bao giờ cũng giữ mắt trong chánh niệm, liếc ngó nhìn vật khác người khác đều mang lại một ánh mắt hiền dịu với một lòng yêu thương và tha thứ những lỗi lầm của người khác.

Muốn được tỉnh thức trong từng cái nhìn, cái ngó, cái liếc thì chúng ta phải tu tập tỉnh thức với đôi mắt. Mắt làm điều gì chúng ta nên biết mắt đang làm điều đó. Đó là chúng ta đang tu tập tỉnh thức của mắt. Tập tỉnh thức của mắt tức là tu tập tỉnh giác. Nhờ tu tập tỉnh giác như vậy nên khi nhìn mọi vật chúng ta không bị dính mắc chấp đắm, không bị lôi cuốn vào ác pháp và lòng ham muốn; nhờ tu tập tỉnh thức như vậy nên tâm chúng ta luôn luôn được thanh thản, an lạc và vô sự. Vì thế, chúng ta nhớ ghi lời dạy này để áp dụng vào đời sống của chúng ta hằng ngày: **“*Khi liếc ngó hai bên biết mình liếc ngó hai bên*”**.

Oai nghi thứ tư đức Phật dạy: **“*Khi co, duỗi, cúi, ngược*”**. Vậy khi co, duỗi, cúi, ngược là những hành động gì của thân?

Ở đây đức Phật dạy về thân hành: co là co tay, co chân; duỗi là duỗi tay, duỗi chân; cúi là cúi đầu, cúi cổ; ngược là ngược đầu, ngược cổ.

Ở đây đức Phật dạy tỉnh thức trong mỗi thân hành từ cái co tay cũng phải biết co tay; từ cái co chân cũng phải biết co chân, biết rất rõ ràng và cụ thể từng hành động của thân không được bỏ sót, không được quên hành động nào. Khi duỗi tay duỗi chân cũng đều biết rất rõ ràng. Đây là phần hoạt động của tay chân còn về phần đầu cổ thì đức Phật dạy cũng không bỏ sót một hành động nào, khi cúi đầu cúi cổ cũng như khi ngược đầu ngược cổ đều phải tỉnh thức không được quên, phải luôn luôn nhớ từng hành động cúi ngược. Bởi co, duỗi, cúi, ngược là những hành động của thân nên đức Phật gọi là pháp Thân Hành Niệm tức là lấy hành động của thân làm niệm để tu tập tỉnh thức, để tu tập định tỉnh, để tu tập Tứ Thần Túc.

Các pháp môn tu hành theo Phật giáo phần nhiều là lấy thân hành làm pháp tu tập cho nên, co duỗi cúi ngược đều là pháp môn tu hành của Phật giáo. Vì vậy, người nào quyết tu để làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi ngoài niệm Thân Hành thì chẳng có

pháp nào niệm hơn được. Cho nên hành động cúi, ngược, co, duỗi là pháp môn tu hành của quý vị. Quý vị hãy nhớ kỹ đừng quên pháp môn này, nó là chiếc phao đưa quý vị qua bờ bên kia. Vì thân hành lúc nào cũng có, nên sự tu tập của quý vị sẽ được liên tục không có gián đoạn, nhờ thế sức tỉnh của quý vị rất cao. Sức tỉnh giác rất cao giúp quý vị xả tâm ly dục ly ác pháp dễ dàng. Tâm ly dục ly ác pháp sạch thì quý vị chứng đạt chân lí. Cho nên, Thân Hành Niệm là pháp giúp quý vị từ bắt đầu vào đạo cho đến khi chứng đạo.

Oai nghi thứ năm đức Phật dạy: **“*Khi đắp y, mang bát*”**. Đắp y, mang bát nghĩa là gì?

Đắp y tức là mặc áo cà sa, áo vấn theo người Ấn Độ mặc; mang bát tức là mang một cái thố có nắp đậy dùng để đựng cơm và thực phẩm. Cái thố này được đặt trong một cái túi bằng vải nên khi có đi đâu thì mang đi. Nghĩa của câu này là khi mặc áo phải biết rõ từng hành động đang mặc áo; khi mang bát đi xin cơm cũng vậy đều phải biết rõ ràng từng hành động mang bát từ bắt đầu đi khát thực cho đến khi ngồi lại ăn cơm không được quên, không được nhớ chuyện khác chỉ nhớ rõ từ hành động

của thân mang bát đi khất thực cho đến lúc về ăn cơm như trên đã nói.

Đây là một phương pháp tu tập tỉnh thức trên thân hành niệm của quý vị. Quý vị phải siêng năng tập ngay trên thân hành mặc y mang bát, có nghĩa là quý vị đừng quên những hành động nhỏ nhặt nào trên thân của quý vị. Quý vị đều phải tu tập trên đó. Nhờ tu tập trên thân hành đó sức tỉnh thức của quý vị càng lúc càng tăng. Sức tỉnh thức của quý vị càng tăng thì xả tâm càng rốt ráo. Xả tâm càng rốt ráo thì con đường tu tập của quý vị sẽ đến nơi đến chốn.

Như vậy tu theo Phật giáo chỉ có tu theo thân hành niệm của mình mà thôi, nhờ có thân hành niệm mà thân hành niệm lúc nào cũng có trong thân nên sự tu tập tỉnh thức rất dễ dàng không có khó khăn không có mệt nhọc. Sức tỉnh thức đạt được thì tâm định tỉnh đâu còn khó khăn. Tâm định tỉnh đạt được thì thiền định có khó gì mà không nhập được.

Oai nghi thứ sáu đức Phật dạy: ***Khi ăn, uống thuốc men đều phải nhẹ nhàng, phù hợp với oai nghi, phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ấm cái, cho đến đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đều***

phải nhiếp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các thầy tỳ kheo cần phải giữ gìn đầy đủ. Lời dạy thứ sáu này rất rõ ràng trong tất cả thân hành của mình, luôn luôn phải tỉnh thức từng hành động trong sinh hoạt hằng ngày của sự sống.

Cho nên, phải lưu ý từ hành động ăn uống hằng ngày đến uống thuốc thang trị bệnh đều phải nhẹ nhàng vén khéo, ăn không chậm lăm mà cũng không nhanh lăm, ăn như thế nào để vừa đủ quan sát từng hành động nhai nuốt một cách cụ thể rõ ràng mà không bỏ sót hành động nhai nuốt nào cả. Đó là ăn uống trong oai nghi tế hạnh của người tu sĩ, tức là ăn uống trong phạm hạnh. Ăn uống trong phạm hạnh tức là ăn uống luôn luôn loại trừ năm ấm cái không để năm ấm cái chi phối tâm mình.

Ví dụ: Ăn uống còn lo cho thân được đủ chất bổ dưỡng, được đầy đủ dưỡng chất vitamin A, B, C, D, E... đó là ăn uống bị năm ấm cái chi phối. Vì thế đức Phật dạy: ***“ăn uống phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ấm cái”***. Trong vấn đề ăn uống chúng ta quên lời Phật dạy nên ăn uống đều lo bảo dưỡng thân ngũ ấm cho mập cho khỏe là sai. Trên bước đường tu hành chúng ta rất tâm đắc lời dạy này: ***“Khi***

ăn, uống thuốc men đều phải nhẹ nhàng, phù hợp với oai nghi, phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ấm cái". Không phải vì cái thân bổ khỏe; không phải uống thuốc vì cái thân hết bệnh. Ăn uống và thuốc thang là để giúp cho thân bình an, nhờ có cái thân bình an mới tu tập đúng chánh pháp của Phật, nhờ tu tập đúng chánh pháp của Phật mới thoát khỏi kiếp sanh tử luân hồi đầy muôn vàn sự khổ đau. Cho nên, lời dạy này quý vị hãy gắng ghi vào trong lòng đừng quên.

Đức Phật nhắc tiếp những hành động oai nghi về thân hành trong sự tu tập hằng ngày: **"Cho đến đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn"**. Quý vị có nghe lời dạy này không?

Khi đứng biết mình đứng, đứng đúng vị trí đứng rất tỉnh thức, biết rất rõ. Ngồi biết rất rõ tư thế mình đang ngồi, ngồi trên ghế hay ngồi xếp bằng, ngồi bán già hay kiết già, ngồi thẳng chân dưới đất hay ngồi trên giường, ngồi dựa lưng trong vách hay ngồi không dựa lưng trong vách đều biết rất rõ, ngồi có thoải mái hay không thoải mái v.v.. Nằm cũng vậy, nằm ngửa, nằm nghiêng, nằm sấp, nằm kiết tường

gối tay mặt hay gối tay trái đều biết rất rõ cách thức nằm. Người tu sĩ Phật giáo chỉ chọn cách nằm kiết tường là tốt nhất, vì xưa kia đức Phật gọi nằm kiết tường là nằm dáng con sư tử. Người nằm biết mình nằm, biết rõ mình nằm với tư thế nào, đó là tỉnh thức trên sự nằm, còn quên không biết là thiếu tỉnh thức.

Khi thức phải biết mình thức, thức đang nghĩ ngợi những điều gì hay không nghĩ ngợi, đều phải biết rất rõ ràng, đó mới gọi là thức. Thức mà không biết tâm mình đang nghĩ một điều gì thì người ấy chưa phải là người đang thức mà người đang mê hay nói cách khác là người ấy đang chạy theo dục lạc, danh, lợi, sắc, thực, thù của thế gian. Cho nên, thức phải tỉnh thức hoàn toàn biết từng tâm niệm, từng cảm thọ khi xảy ra đều biết ngay liền.

Ngủ phải biết mình đang ngủ, hầu hết mọi người khi ngủ không biết mình đang ngủ, chỉ khi thức dậy mới biết mình đang ngủ, đó là mê, vì vậy tu tập như thế nào ngủ mà biết mình đang ngủ thì đó mới là hết mê. Có đúng như vậy không quý vị?

Ngủ mà biết mình đang ngủ là một điều khó, người không tu tập theo Phật giáo thì không làm được điều này. Không làm được điều

này là người chưa đủ sức tỉnh thức. Cho nên, người tu tập theo Phật giáo thường tác ý câu: **“Thân ngủ tâm phải tỉnh thức”**, nhờ có tác ý câu này nên thân nằm yên ngủ mà tâm vẫn tỉnh thức biết rõ thân đang ngủ.

Khi nói năng mình phải biết mình đang nói năng điều gì. Nói thiện hay nói ác, nói lời ôn tồn, nhã nhặn, êm dịu hay nói lời hung dữ chửi mắng, mạt sát, mạ lị người. Biết rất rõ từng lời nói khi mình phát ngôn, nên khi phát ngôn không có phát ngôn bừa bãi. Luôn luôn sử dụng lời nói ái ngữ đến với mọi người. Sống được với ngôn ngữ như vậy mới gọi nói năng biết mình nói năng.

Khi im lặng biết mình im lặng nghĩa là phải tỉnh thức hoàn toàn lúc nào cần im lặng thì im lặng và lúc nào cần nói thì nói, không thì im lặng, đáng nói thì nói, không đáng nói thì im lặng. Đó là sự tỉnh thức trong sự im lặng mà đức Phật đã dạy: **“Nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các thầy tỳ kheo cần phải giữ gìn đầy đủ”**. Đúng vậy, người đệ tử của Phật phải tu tập tỉnh thức trong các oai nghi như: đi, đứng, nằm, ngồi, liếc, ngó, co, duỗi, mặc y, mang bát, ăn uống,

nói nín, im lặng v.v.. đều phải trong chánh niệm, có tỉnh giác như vậy mới gọi là đầy đủ oai nghi tế hạnh của một vị đệ tử Phật.



Ý NGHĨA VỀ BỘ SÁCH NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY

Kính thưa các bậc tôn túc Tăng, Ni và quý Phật tử bốn phương!

Kính thưa quý vị! Sau khi đọc xong bộ sách Những Lời Phật Dạy quý vị đã nghĩ gì về những lời Phật dạy trong bộ sách này?

Trước tiên chúng tôi xin quý vị hãy bình tâm, tĩnh trí tư duy và lắng nghe những lời dạy trong kinh sách nguyên thủy do Phật thuyết trong bộ sách này và những lời dạy trong kinh sách phát triển do các Tổ biên soạn.

Như quý vị đã biết đức Phật dạy chúng ta một phương pháp sống đạo đức làm người để đem lại cho chúng ta có một đời sống an vui hạnh phúc, làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người: sinh, già, bệnh, chết. Nhất là sự giao tiếp với mọi người bằng một đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai (Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành hoặc ngăn ác diệt ác, sinh thiện tăng trưởng thiện). Một phương pháp sống mang đến những lợi ích

thiết thực cho loài người, nếu ai sống đúng pháp như lời đức Phật đã dạy thì có lợi ích ngay liền, sống được đến đâu là có lợi ích đến đó. Hiện tại trong đời này đã có người sống đúng đạo đức và làm chủ được bốn sự đau khổ: sanh, già, bệnh, chết, đã chứng minh một cách cụ thể rõ ràng; còn ngược lại giáo pháp trong kinh sách phát triển do các Tổ biên soạn thì chắc quý vị đều biết rõ và chứng minh ngay cả bản thân của quý vị, gần suốt một đời người từng tu tập trong giáo pháp ấy mà bốn sự đau khổ luôn luôn làm cho quý vị chẳng an. Có đúng như vậy không quý vị?

Suốt một thời gian dài 2550 năm sau khi đức Phật thị tịch, giáo pháp của Người đã bị pha trộn và thay đổi khiến cho những thế hệ sau và mãi mãi về sau không còn ai biết phương pháp nào để sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai, để làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người.

Hôm nay, chúng tôi ghi lại những dòng chữ này là để cùng với quý vị tâm sự và chia sẻ những nỗi mất mát to lớn cho đời sống tu sĩ của mình và cho các thế hệ tu sĩ con cháu của chúng ta sau này.

Kính thưa quý vị! Chúng ta là những người con Phật đứng trước cảnh này chúng ta phải làm gì? Làm những gì cho con cháu của chúng ta sau này. Chúng ta hãy sáng suốt và bình tĩnh, đừng kiến chấp mà phải nhìn thẳng một sự thật “*GIÁO PHÁP NÀO LỢI ÍCH CHO LOÀI NGƯỜI VÀ GIÁO PHÁP NÀO CÓ HẠI CHO CON NGƯỜI*”. Vì sự sống bình an và hạnh phúc của loài người chúng ta mạnh dạn thẳng thắn dưng cái đúng, dẹp bỏ cái sai để làm lợi ích cho muôn người, cho sự sống trên hành tinh này.

Kính thưa các bậc tôn túc, Tăng Ni và quý Phật tử bốn phương! Vì lợi ích cho nhiều thế hệ con cháu của chúng ta về sau đã, đang và sẽ tu theo Phật giáo. Trách nhiệm bốn phận của những người đi trước, chúng ta thấy biết sự thật sai trái trong giáo lý của Phật giáo hiện giờ quá rõ ràng, không đúng lời Phật dạy. Thế mà chúng ta im lặng, không dám nói, lại còn chấp nhận cái sai, vô tình làm ngơ để cho con cháu của chúng ta lầm đường, lạc lối, đã bỏ cuộc đời, bao công sức và tiền của để được những gì trong những giáo lý này.

Chúng ta biết rất rõ tình trạng giáo lý Phật giáo hiện nay sẽ đưa Phật giáo đi về đâu? Vậy mà chúng ta không dám nói ra những sự

thật để giúp đỡ cho những người sau tu theo Phật giáo không còn lậm lạc thì thật là tội nghiệp cho họ vô cùng.

Tuy không nói ra chúng ta đã biết khoa học ngày càng phát triển mạnh mẽ và chứng minh những sự thật trên hành tinh sống này có hay không có thể giới siêu hình thì liệu chừng những giáo lý trừu tượng ấy còn có tồn tại được hay không?

Kính thưa các bậc tôn túc và quý Phật tử khắp nơi trên toàn cầu! Muốn đem lại những sự lợi ích thiết thực của Phật giáo cho con cháu nhiều thế hệ của chúng ta sau này, chúng tôi xin các bậc tôn túc và quý Phật tử khắp nơi cùng với chúng tôi hãy siết chặt tay nhau, đừng phân chia hệ phái này, hệ phái khác; mà phải xem nhau như con một nhà từ đức Phật Thích Ca Mâu Ni sinh ra; phải bình tĩnh sáng suốt nhận xét rõ nền đạo đức nhân bản của Phật giáo. Một nền đạo đức nhân bản của Phật giáo sống không làm khổ mình, khổ người đem lại hạnh phúc an vui cho loài người rất tuyệt vời mà trên hành tinh sống này không có một tôn giáo nào có được nền đạo đức lợi ích lớn như vậy.

Ngày mai, nếu trên hành tinh này còn có một tôn giáo tồn tại được và được mọi người kính trọng thì tôn giáo ấy là nền đạo đức nhân bản của loài người. Còn tất cả những giáo lý mê tín, trù tượng, thần quyền, ảo giác... sẽ bị khoa học làm sáng tỏ thì những giáo lý ấy rơi rụng như lá vàng mùa thu và những tôn giáo ấy sẽ không còn đất đứng trên hành tinh này. Nếu chúng ta không sáng suốt cứ theo lối mòn của kinh sách phát triển thì chúng tôi quyết chắc rằng Phật giáo cũng không tồn tại. Phật giáo không tồn tại trên hành tinh này là một điều thiệt thòi rất lớn cho loài người.

Kính thưa các bậc tôn túc và quý Phật tử khắp nơi trên toàn cầu! Nếu ngay từ bây giờ quý vị không chuẩn bị dựng lại nền đạo đức nhân bản của Phật giáo mà còn duy trì giáo pháp phát triển thì chúng tôi e rằng sẽ không còn thời gian kịp nữa.

Phật giáo đã có sẵn nền đạo đức ấy. Vậy chúng ta là tín đồ của Phật giáo, chúng ta hãy buông xuống những kiến chấp lầm lạc trong giáo lý Phật giáo hiện nay, để cùng nhau chung lưng đấu cật, tay nắm lấy bàn tay cùng xây dựng lại nền đạo đức ấy giúp cho loài người có

một cuộc sống bình an, biến cảnh thế gian thành cảnh Thiên đàng, Cực lạc.

Kính thưa các bậc tôn túc và quý Phật tử khắp nơi trên toàn cầu! Bộ sách Những Lời Phật Dạy chúng tôi đã dùng những lời lẽ quá mạnh bạo khiến cho các bậc tôn túc và quý Phật tử bắt buộc phải chú ý những sự sai trái của kinh sách phát triển và những lời dạy của đức Phật trong kinh sách nguyên thủy để các bậc tôn túc và quý Phật tử cùng với chúng tôi cảm thông nhau, cùng chung nhau gánh vác một việc lớn là làm sáng tỏ những gì của Phật giáo đang bị chìm mất.

Ước nguyện của chúng tôi mong sao các bậc tôn túc và quý Phật tử cùng với chúng tôi hợp tác soạn thảo giáo trình tu học tám lớp “BÁT CHÁNH ĐẠO”. Từ lớp Chánh kiến, Chánh tư duy cho đến lớp Chánh định để hoàn thành chương trình giáo dục đào tạo những bậc chứng đạt chân lí như thời đức Phật ngày xưa. Nhất là dựng lại nền đạo đức nhân bản nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai để loài người bớt những nỗi khổ đau.

Những lời nói mạnh bạo, thẳng thắn trong bộ sách Những Lời Phật Dạy này như roi quất

vào lưng; như tiếng sét vang rền làm thức tỉnh mọi kiến chấp như bị đổ nhào. Cho nên, trong những lời nói này có những điều chi sơ sót không bằng lòng thì xin các bậc tôn túc và quý Phật tử hãy vui lòng lượng thứ cho. Vì nếu không nói thẳng nói mạnh như vậy thì ai hiểu kinh sách phát triển là sai.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời thăm và chúc quý vị dồi dào sức khỏe. Sau cùng chúng tôi xin thành thật biết ơn các bậc tôn túc và quý Phật tử khắp nơi trên toàn cầu đã hiểu được lòng chúng tôi.

Kính ghi
Trưởng lão Thích Thông Lạc



HẾT

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| Lời nói đầu..... | 5 |
| Chánh đạo, tà đạo..... | 15 |
| Từ bỏ tâm tham..... | 57 |
| Cái thấy, cái nghe, cái cảm thọ,... | 67 |
| Nhiếp phục thân tâm..... | 76 |
| Pháp môn tác ý..... | 88 |
| Lời di chúc cuối cùng..... | 94 |
| Bốn thần túc..... | 111 |
| Bốn pháp chứng đạt làm chủ sanh tử..... | 117 |
| Kinh sách Đại thừa không phải... .. | 125 |
| Tại sao đức Phật biết nắm độc mà ăn..... | 133 |
| Mất chư Thiên..... | 142 |
| Bát chánh đạo..... | 147 |
| Tầm liệm năm trăm lớp vải..... | 153 |
| Pháp và luật là vị đạo sư..... | 157 |
| Xá lợi chỉ là mảnh xương vụn..... | 159 |
| Không tánh..... | 161 |
| Lòng tin phải có căn cứ..... | 174 |
| Hộ trì chân lý..... | 187 |
| Giác ngộ chân lý..... | 192 |
| Tâm còn tham, sân si là thuyết pháp... .. | 196 |

| | |
|--|-----|
| Chúng đạt chân lý | 202 |
| Thích hội họp | 234 |
| Pháp hành Tứ niệm xứ | 242 |
| Hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt..... | 259 |
| Làm trụ trì nên cảnh giác | 267 |
| Phạm hạnh của đức Phật..... | 271 |
| Ái ngữ | 276 |
| Kinh Phật mà hiểu sai nghĩa là một... .. | 281 |
| Có phải toàn bộ giáo pháp của Phật là... .. | 286 |
| Tánh biết..... | 295 |
| Tự tại sanh tử | 302 |
| Thắng trí đoạn trừ sắc, thân tứ đại là... .. | 308 |
| Thắng trí đoạn trừ ba cảm thọ vào... .. | 312 |
| Những người mù | 319 |
| Xá lợi | 327 |
| Danh và lợi | 337 |
| Người tu sĩ cần phải ghi nhớ..... | 339 |
| Có bảy pháp hằng ngày cần tu tập..... | 349 |
| Có sáu oai nghi người tu sĩ cần phải... .. | 361 |
| Ý nghĩa về bộ sách Những lời Phật dạy..... | 375 |

GIỚI THIỆU SÁCH

1. Đường về xứ Phật (Mười tập, bộ mới).
2. Những lời gốc Phật dạy (4 tập, bộ mới - 2011).
3. Văn hóa Phật giáo truyền thống (2 tập, bộ mới - 2011).
4. Đạo đức làm người (Tập I, II...).
5. Cẩm nang tu Phật (Hai tập).
6. Thiên căn bản.
7. Hành thập thiện & Tứ vô lượng tâm.
8. Những chặng đường tu học của người cư sĩ.
9. Thời khóa tu tập trong thời Đức Phật.
10. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Hiếu Sinh (Tập I, II, III).
11. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Ly Tham (Tập I...).
12. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đạo Đức Gia Đình (Tập I...).
13. Mười Đức Thánh Sa Di (Tập I, II).
14. Giới đức Thánh Tăng, Thánh Ni.
15. Định niệm hơi thở.
16. Phật giáo có đường lối riêng biệt.
17. Pháp môn niệm Phật tứ bất hoại tịnh
18. Nghi thức thọ trai.

19. Những lời tâm huyết...
20. Mười hai cửa vào đạo (2009).
21. Tạo duyên giáo hóa chúng sinh (mới 2009).
22. Lòng yêu thương (2009).
23. Linh hồn không có (2010 quý I).
24. Muốn chứng đạo phải tu pháp môn nào? (2010)
25. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (2010).
26. Giới đức làm người – 2 tập (bộ mới - 2010).
27. Lịch sử chùa Am (bộ mới - 2010).
28. Linh hồn không có – tái bản lần I (2010 quý IV).
29. Sống một mình như con Tê Ngưu (2010)
30. Thanh qui Tu viện Chơn Như (2010)
31. Lòng yêu thương – tập 2 (2011 quý I)

Trang mạng toàn cầu của các phật tử có
đăng tải sách của Trưởng Lão Thích Thông
Lạc:

<http://www.chonnhu.net>

<http://www.chonlac.org>

Ước mong mọi người sẽ cùng nhau sống
không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng
sinh.

PHẬT TỬ XIN ẤN TỔNG KINH
“NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY-TẬP IV”

GIA ĐÌNH
THÍCH NỮ LIÊN PHƯỚC

NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY-TẬP IV

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa – Q.Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: **Trần Xuân Lý**

Bìa & Trình bày: **Ngọc Phúc**

Sửa bản in: **Ngọc Phúc**

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: 066.3892911 - 0988094445

Email: chonnhu.info@gmail.com

Số lượng in: 2.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm
In tại **CTY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**
(Tp.HCM. ĐT: 38164415)

Số xuất bản: 1171-2010/CXB/110-248/TG

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2011

